

**Dự án quản lý tài nguyên thiên nhiên  
bền vững  
được thực hiện tại nước Cộng Hòa Xã  
Hội Chủ Nghĩa Việt Nam**

**Báo cáo hoàn thành**

**Tháng 1 năm 2021**

**Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)  
Kokusai Kogyo Co., Ltd.  
Nippon Koei Co., Ltd.  
Hiệp hội Công nghệ Lâm nghiệp Nhật Bản**

GE
JR
21-007

## Nội dung

Từ viết tắt.....	i
Ảnh hoạt động .....	iii
Khu vực thực hiện dự án .....	x
<b>I Thông tin cơ bản về dự án .....</b>	<b>1</b>
1. Quốc gia.....	1
2. Tên dự án .....	1
3. Thời gian thực hiện dự án .....	1
4. Thông tin chung .....	1
5. Mục tiêu tổng thể và mục đích dự án.....	2
6. Cơ quan thực hiện.....	2
<b>II Các kết quả của Dự án.....</b>	<b>3</b>
<b>1. Đầu vào của Dự án .....</b>	<b>3</b>
<b>1-1 Nhân sự từ phía Nhật Bản.....</b>	<b>3</b>
1-1-1 Chuyên gia Nhật Bản .....	3
1-1-2 Đào tạo phát triển năng lực .....	5
1-1-2-1 Đào tạo trong nước ở Việt Nam.....	5
1-1-2-2 Tập huấn tại Nhật Bản .....	13
1-1-2-3 Đào tạo ở nước thứ ba.....	18
1-1-3 Chi phí Hoạt động .....	18
1-1-4 Trang thiết bị .....	20
<b>1-2 Nhân sự từ phía Việt Nam.....</b>	<b>25</b>
1-2-1 Bộ nhiệm nhân sự đối tác .....	25
1-2-2 Văn phòng dự án .....	25
1-2-3 Chi phí hoạt động của các đối tác.....	25
<b>1-3 Hoạt động.....</b>	<b>27</b>
1-3-1 Hợp phần 1 .....	27
1-3-2 Hợp phần 2 .....	30
1-3-3 Hợp phần 3 .....	36
1-3-4 Hợp phần 4 .....	40
<b>2. Thành quả thực hiện dự án .....</b>	<b>41</b>
<b>2-1 Đầu ra và chỉ số (kế hoạch và thực tế thực hiện vào thời điểm kết thúc) .....</b>	<b>41</b>
(1) Hợp phần 1 .....	41
(2) Hợp phần 2 .....	52
(3) Hợp phần 3 .....	82
(4) Hợp phần 4 .....	116
<b>2-2 Mục đích và Chỉ số Dự án (Giá trị mục tiêu và giá trị thực tế đạt được khi hoàn thành)118</b>	
<b>3. Những lần điều chỉnh Ma trận thiết kế dự án .....</b>	<b>121</b>
<b>4. Hoạt động khác.....</b>	<b>130</b>
<b>4-1 Kết quả về môi trường và xã hội (nếu có).....</b>	<b>130</b>
<b>4-2 Kết quả về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói-giảm nghèo (nếu có).....</b>	<b>130</b>

## Danh sách các bảng và hình

Bảng 1: Nhân sự gồm các chuyên gia ngắn hạn tại Việt Nam tính đến cuối tháng 10 năm 2020 .....	3
Bảng 2: Nhân sự gồm các chuyên gia ngắn hạn tại Việt Nam tính đến cuối tháng 10 năm 2020 .....	5
Bảng 3: Đào tạo tại Việt Nam (Chính sách Lâm nghiệp) .....	6
Bảng 4: Đào tạo trong nước tại Việt Nam (Các hoạt động thí điểm REDD+: Giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế).....	6
Bảng 5: Đào tạo tại Việt Nam (Chính sách Lâm nghiệp) .....	8
Bảng 6: Đào tạo tại Việt Nam (Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang)*.....	9

Bảng 7: Tập huấn tại Việt Nam (Hệ thống cơ sở dữ liệu đang dạng sinh học quốc gia).....	12
Bảng 8: Tập huấn tại Nhật Bản.....	13
Bảng 9: Danh sách người tham gia tập huấn tại Nhật Bản.....	13
Bảng 10: Tập huấn ở nước thứ ba.....	18
Bảng 11: Chi phí hoạt động của phía Nhật Bản.....	18
Bảng 12: Thiết bị và vật dụng được mua sắm cho đối tác.....	20
Bảng 13: Thiết bị cho phía Nhật Bản.....	22
Bảng 14: Chi phí hoạt động của các đối tác.....	26
Bảng 15: Tiến độ triển khai vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng MTB ở từng tỉnh.....	46
Bảng 16: Số lượng máy tính bảng đã mua sắm bởi Dự án SNRM và các Dự án khác.....	47
Bảng 17: Bảng so sánh Ma trận thiết kế dự án và các bước xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.....	54
Bảng 18: Các hành động chi tiết liên quan đến điều chỉnh KHHĐ REDD+ tỉnh Điện Biên.....	55
Bảng 19: Phạm vi giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.....	57
Bảng 20: Quy trình và kết quả giám sát PRAP tại Điện Biên.....	58
Bảng 21: Thành phần tham dự các cuộc họp lập kế hoạch tại tỉnh Điện Biên.....	60
Bảng 22: Kết quả hoạt động quản lý rừng ở tỉnh Điện Biên.....	61
Bảng 23: Kết quả hoạt động phát triển sinh kế ở tỉnh Điện Biên.....	61
Bảng 24: Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và Ban chỉ đạo BVPTR cấp tỉnh.....	68
Bảng 25: Các hành động chi tiết để chỉnh sửa KHHĐ REDD+ của tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La và tỉnh Lai Châu.....	69
Bảng 26: Quy trình và kết quả giám sát KHHĐ REDD+ của tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La và tỉnh Lai Châu.....	70
Bảng 27: Thành phần tham dự các cuộc họp lập kế hoạch tại tỉnh Hòa Bình.....	72
Bảng 28: Thành phần tham dự các cuộc họp lập kế hoạch tại tỉnh Sơn La.....	73
Bảng 29: Thành phần tham dự các cuộc họp lập kế hoạch tại tỉnh Tỉnh Lai Châu.....	73
Bảng 30: Kết quả hoạt động quản lý rừng ở tỉnh Hòa Bình.....	73
Bảng 31: Kết quả hoạt động quản lý rừng ở tỉnh Sơn La.....	74
Bảng 32: Kết quả hoạt động quản lý rừng ở tỉnh Tỉnh Lai Châu.....	74
Bảng 33: Kết quả hoạt động phát triển sinh kế ở tỉnh Hòa Bình.....	75
Bảng 34: Kết quả hoạt động phát triển sinh kế ở tỉnh Sơn La.....	75
Bảng 35: Kết quả hoạt động phát triển sinh kế ở tỉnh tỉnh Lai Châu.....	76
Bảng 36: Nội dung và mối quan hệ của các khuôn khổ, thể chế và hoạt động về quản lý (Khu DTSQ TG Lang Biang).....	89
Bảng 37: So sánh Thỏa thuận QLHT giai đoạn trước (2010 ~ 2013) và Thỏa thuận QLHT đã nâng cấp trong dự án SNRM.....	92
Hình 1: Các tỉnh và các nhà tài trợ đã vận hành Hệ thống TDDBR.....	45
Hình 2: Các bước xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.....	53
Hình 3: Các bước giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.....	58
Hình 4: Cấu trúc chung Hệ thống TDDBR.....	64
Hình 5: Ảnh chụp màn hình của Hệ thống GEE.....	65
Hình 6: Các tài liệu hướng dẫn (trái) và trang web hướng dẫn về Hệ thống TDDBR (phải).....	65
Hình 7: Cấu trúc chung của nền tảng FORMIS và Hệ thống TDDBR.....	66

## **Phụ lục và khối lượng**

PHỤ LỤC 1: Kết quả dự án (Danh sách chuyên gia, đối tác và tập huấn)
PHỤ LỤC 2: Danh sách sản phẩm bàn giao (Báo cáo, sổ tay hướng dẫn, hướng dẫn sử dụng)
PHỤ LỤC 3: Tất cả các phiên bản của Ma trận Thiết kế Dự án (MTTKDA)
PHỤ LỤC 4: Bảng giám sát
Số lượng riêng: Sản phẩm bàn giao của dự án (bản mềm)

## TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tiếng Việt	Tiếng Anh
BSM	Cơ chế chia sẻ lợi ích	Benefit Sharing Mechanism
BQLDA	Ban quản lý dự án	PMU
BV	Bền vững	Sustainable
BVPTR	Bảo vệ và Phát triển Rừng	Forest Protection and Development
CBD	Bảo tồn đa dạng sinh học	Convention on Biological Diversity
CBET	Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng	Community Based Ecotourism
CEEE	Trung tâm Giáo dục Môi trường và Du lịch	Center for Ecotourism and Environment Education
CM	Quản lý hợp tác	Collaborative Management
ĐB	Điện Biên	Dien Bien
DID	Phòng Thông tin và Dữ liệu	Department of Information and Data
DTSQ	Dự trữ sinh quyển	Biosphere Reserve
DVMTR	Dịch vụ Môi trường Rừng	Environmental Service
EFLO	Phương án Phát triển Sinh kế thân thiện với môi trường	Environmentally Friendly Livelihood Options
FCPF	Cơ chế Đối tác về Cacbon	The Forest Carbon Partnership Facility
FFS	Khuyến nông theo nhóm học hiện trường	Farmers Field School
FIPI	Viện Điều tra và Quy hoạch rừng	Forest Inventory and Planning Institute
FORMIS	Hệ thống Thông tin Quản lý ngành Lâm nghiệp	Forest Management Information System
FRMS	Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng	Forest Resource Monitoring System
FSSP	Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp	Forest Sector Support Program
HB	Hoa Bình	
JICA	Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản	Japan International Cooperation Agency
KHHĐ	Kế hoạch Hành động	
LB-BR	Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang	Lang Biang Biosphere Reserve
LC	Lai Châu	Lai Chau
LCCS	Hệ thống Phân loại lớp phủ bề mặt sử dụng	Land Cover Classification System
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ	
MAB	Con người và Sinh quyển	Man and the Biosphere
MONRE	Tài nguyên và Môi trường	Ministry of Natural Resources and Environment
NBDS	Hệ thống Dữ liệu Đa dạng Sinh học Quốc gia	National Biodiversity Database System
NFI	Kiểm kê Rừng Quốc gia	National Forest Inventory
NFI&S	Thống kê và Kiểm kê Rừng Quốc gia	National Forest Inventory and Statistics
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
NRAP	Chương trình Hành động REDD+ Quốc gia	National REDD+ Action Program
PFES	Chi trả Dịch vụ Môi trường Rừng	Payment for Forest Environmental Services
PFMS	Hệ thống Giám sát Rừng cấp tỉnh	Provincial Forest Monitoring System
PPMU	Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh	Provincial Project Management Unit
PRAP	Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh	Provincial REDD+ Action Plan

PTSK	Phát triển sinh kế	Livelihood Development
QLHT	Quản lý hợp tác	Collaborative Management
QLR	Quản lý Rừng	Forest Management
REDD+	Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng	Reducing Emissions from Deforestation and Forest Degradation and the role of conservation of forests and enhancement of forest carbon stocks
R/D	Biên bản Thảo luận	Record of Discussions
ReT	Tập huấn bồi dưỡng	Refreshment Training
RT	Tập huấn nhân rộng	Replication Training
SNRM	Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững	Sustainable Natural Resource Management Project
SL	Son La	Son La
SUSFORM-NOW	Dự án Quản lý rừng bền vững ở khu vực đầu nguồn Tây Bắc	Project for Sustainable Forest Management in the Northwest Watershed Area
TDDBR	Theo dõi Diễn biến Rừng	Forest Resource Monitoring
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường	Natural Resource and Environment
ToT	Tập huấn giảng viên	Training of Trainers
TTTR	Tổ Tuần tra Rừng	Forest Patrolling Team
UBND	Ủy Ban Nhân Dân	People's Committee
UNCBD	Công ước Liên Hợp quốc về Đa dạng Sinh học	United Nations Convention on Biological Diversity
UNFCCC	Công ước khung Liên Hợp quốc về Biến đổi Khí hậu	United Nations Framework Convention on Climate Change
UN-REDD	Chương trình REDD Liên Hợp quốc	United Nations REDD Programme
VFD	Chương trình Rừng và Đồng bằng Việt Nam	Vietnam Forests and Deltas Programme
VNFOREST	Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam	The Vietnam Administration of Forestry

## Ảnh hoạt động

### Hợp phần 1: Hợp phần hỗ trợ chính sách



Chính sách lâm nghiệp và bảo tồn ĐDSH  
(Tháng 4/2016, Nhật Bản)



Hội thảo tham vấn điều chỉnh Luật Lâm nghiệp  
(Tháng 10/2017, TT Huế)



Hội thảo tổng kết 2018 của Dự án  
(Tháng 11/2018, Lâm Đồng)



Phối hợp với Công ty Usui Nochikusan Ltd. Trồng  
và chế biến Mạ chà trong chương trình nghiên cứu  
thí điểm của JICA (Điện Biên)



Tập huấn về khảo sát đa dạng sinh học  
(Tháng 3/2019, Đà Nẵng)



Phối hợp với các doanh nghiệp tư nhân Nhật Bản:  
Công ty lâm nghiệp Sumitomo và ASKUL trong  
trồng, bảo vệ rừng (Tháng 6/2020, Điện Biên)

Hợp phần 2: Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh



Hội thảo khởi động xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh tại Hà Nội  
3 – 5/10/2016



Hội thảo khởi động xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh tại Hà Nội  
3 – 5/10/2016



Hội thảo khởi động xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh tại Hà Nội  
3 – 5/10/2016



Hội thảo tham vấn cấp tỉnh lần 2  
(tỉnh Hòa Bình)  
13/12/2016



Hội thảo tham vấn cấp huyện/xã lần 2  
(tỉnh Sơn La)  
9 – 16/1/2017



Hội thảo tham vấn cấp tỉnh lần cuối  
(tỉnh Lai Châu)  
18/5/2017

Hợp phần 2: Hoạt động thí điểm REDD+



Tập huấn thúc đẩy viên cấp bản  
(tỉnh Lai Châu)  
9/2016



Họp bản lập kế hoạch  
(tỉnh Điện Biên)  
8/2016



Tập huấn kỹ thuật trồng cây  
(tỉnh Điện Biên)  
13/4/ 2017



Phát cây giống trồng rừng  
(Tỉnh Điện Biên)  
15/1/2017



Hoạt động tuần tra rừng cấp bản (tỉnh Hòa Bình)  
9/2017



Tập huấn ủ phân  
(Tỉnh Sơn La)  
3/2017



Hợp phần 2: Hệ thống Theo dõi diễn biến rừng (TDDBR)



Tập huấn mở rộng (tỉnh Điện Biên)  
Ngày 07/08/2017



Tập huấn tiểu giáo viên (tỉnh Lai Châu)  
Ngày 17/07/2017



Họp Tổ chuyên trách (tỉnh Hòa Bình)  
Ngày 18/09/2018



Tập huấn tại Nhật Bản:  
“Thông tin và Theo dõi diễn biến rừng”  
Ngày 17/10/2017



Tập huấn tiểu giáo viên (Hà Nội)  
Ngày 02/10/2019



Hội thảo Tổng kết Hợp phần TDDBR (Hà Nội)  
Ngày 30/10/2020

Hợp phần 3 (Thành lập các viện và tổ chức liên quan đến Khu Dự trữ Sinh Quyển Thế Giới Lang Biang)



Thảo luận tại Hội nghị BQL Khu DTSQTG Lang Biang lần thứ nhất (29/7/2016)



Trình bày các mẫu thiết kế logo Khu DTSQTG Lang Biang tại Hội nghị BQL Khu DTSQTG Lang Biang lần thứ 3 (03/7/2017)



Thảo luận tại Hội nghị BQL Khu DTSQTG Lang Biang lần thứ bảy (07/6/2019)



Họp tham vấn cấp Tỉnh về thiết lập Kế hoạch quản lý 5 năm Khu DTSQTG Lang Biang (22/12/2016)



Buổi họp tham vấn để hiểu sâu hơn về chương trình Con người và Sinh Quyển (MAB) và Khu DTSQTG Lang Biang (06/1/2017)



Hội thảo chia sẻ thông tin nhắm tới các Sở, Ban, ngành liên quan Tỉnh từ các Tỉnh điều chỉnh (Đắk Lắk, Ninh Thuận, Khánh Hòa) (01/12/2017)

Hợp phần 3 (Thỏa thuận QLHT để bảo tồn bền vững Khu DTSQTG Lang Biang)



Khảo sát kinh tế - xã hội tại các thôn mục tiêu  
(08/5/2016)



Hoạt động khảo sát thực địa về phân định ranh giới  
sử dụng đất tại khu thử nghiệm TT QLHT  
(29/5/2017)



Thu hoạch nấm Shiitake  
(13/11/2018)



Ủ phân hữu cơ sử dụng vỏ cà phê  
(15/3/2019)



Hệ thống cung cấp nước uống tự nhiên từ khu  
DTSQTG Lang Biang (9/6/2020)



Chương trình giáo dục môi trường thử nghiệm dành  
cho đối tượng học sinh THCS  
(9/6/2020)

Hợp phần 3 (Giám sát rừng và đa dạng sinh học để phát triển khu DTSQTG Lang Biang)



Tập huấn giám sát bằng flycam (1)  
(08/12/2017)



Tập huấn giám sát bằng flycam (2)  
(16/3/2018)



Khảo sát cơ sở Đa dạng sinh học  
Khảo sát chim trên hiện trường  
(05/6/2017)



Hội thảo hệ thống giám sát Đa dạng sinh học về hệ  
thống giám sát và cấu trúc triển khai (31/8/2017)



Tập huấn giám sát Đa dạng sinh học  
(22/5/2020)



Hoạt động giám sát Đa dạng sinh học  
Thu thập dữ liệu từ máy bay ảnh  
(31/3/2020)

## Khu vực thực hiện dự án



Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam



Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam



Source: University of Texas Libraries

Scale: 1:227,494 (1:200,000)

## I Thông tin cơ bản về dự án

1. Quốc gia  
Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
2. Tên dự án  
Dự án quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững: SNRM
3. Thời gian thực hiện dự án  
Tháng 8 năm 2015 - tháng 1 năm 2020 (5 năm 5 tháng)

### 4. Thông tin chung

Sự đa dạng của các hệ sinh thái ở Việt Nam được hình thành bởi địa hình dài và hẹp kéo dài từ Bắc vào Nam và khí hậu phức tạp của đất nước. Sự khai thác quá mức trước đây và quản lý rừng không bền vững dẫn đến diện tích rừng giảm từ 43% năm 1943 xuống 28% năm 1995. Tuy nhiên, do các nỗ lực của cả nước đối với việc trồng rừng và phục hồi rừng, diện tích rừng đã phục hồi gần 40%. Mặc dù diện tích rừng ngày càng tăng nhưng cần phải nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững. Hơn 20% dân số Việt Nam (gần 25 triệu người) đang sống trong các khu vực rừng và phụ thuộc một phần hoặc phần lớn vào tài nguyên rừng để kiếm sống. Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững không chỉ quan trọng đối với các khía cạnh môi trường, chẳng hạn như bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ đầu nguồn, phòng chống thiên tai, giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu mà còn đối với tăng trưởng xanh, phát triển khu vực nông thôn và xóa đói giảm nghèo.

Đặc biệt, rừng ở Tây Bắc là rừng cung cấp nguồn nước quan trọng cho đồng bằng sông Hồng, trong đó có Hà Nội, vốn là rừng giàu gỗ và lâm sản ngoài gỗ, có chức năng cấp nước tiên tiến. Tuy nhiên, suy thoái rừng là một vấn đề nghiêm trọng do tỷ lệ nghèo cao và thói quen nông nghiệp của người dân tộc thiểu số miền núi, như đốt nương làm rẫy và chuyển đổi đất từ rừng sang đất canh tác nông nghiệp, cần được giải quyết khẩn cấp. Vì vậy, ở phía tây bắc của tỉnh Điện Biên, thông qua việc xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ của tỉnh và thực hiện các hoạt động thí điểm, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã hỗ trợ quản lý rừng bền vững thông qua giảm phát thải do mất rừng và suy thoái rừng (REDD+) và vai trò của bảo tồn rừng và nâng cao trữ lượng các-bon rừng. JICA cũng thực hiện dự án hợp tác kỹ thuật để mở rộng sáng kiến này cho toàn bộ tỉnh Điện Biên và ba tỉnh khác ở phía tây bắc.

Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà thuộc tỉnh Lâm Đồng, Tây Nguyên có hệ sinh thái rừng đa dạng với khí hậu cận nhiệt đới núi cao, là nơi sinh sống của nhiều loại động thực vật. Tuy nhiên, tính đa dạng sinh học quý giá của này đang bị đe dọa do việc chuyển đổi đất rừng sang đất nông nghiệp của người dân (chủ yếu là người dân tộc thiểu số) sống trong và ngoài khu vực vườn quốc gia. JICA đã hỗ trợ thiết lập hệ thống Quản lý Hợp tác giữa ban quản lý vườn quốc gia và người dân các khu vực xung quanh. Điều quan trọng nữa là phải thiết lập một hệ thống Quản lý Hợp tác với những người dân sống trong khu vực vườn quốc gia, và truyền thông về những nỗ lực này đến các vườn quốc gia và khu bảo tồn ở các tỉnh xung quanh, để toàn bộ khu vực<sup>1</sup> có thể cùng thúc đẩy bảo tồn trong tương lai.

Mặt khác, có sự chênh lệch giữa các bộ trong xây dựng chính sách và địa phương triển khai thực hiện, dẫn đến có nơi xây dựng chính sách nhưng không thực hiện, kết quả thực hiện không được phản ánh trong chính sách. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN & PTNT) và Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) là hai Bộ có nhiệm vụ liên quan đến quản lý tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên rừng. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề như việc chia sẻ thông tin đa dạng sinh học giữa hai Bộ này còn chưa đầy đủ. Để thúc đẩy quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên dựa vào rừng trên phạm vi cả nước, cần xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa chính quyền trung ương và địa phương và giữa các bộ ngành liên quan.

Để thúc đẩy quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là rừng, Chính phủ Việt Nam đã điều chỉnh Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng (2011-2020) vào năm 2012 với các mục tiêu sau: 1) Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 là 45%; 2) Nâng cao năng suất và chất lượng rừng; 3) Đóng góp vào việc xóa đói giảm nghèo của người dân sống ở khu vực nông thôn; 4) Cải cách công ty lâm nghiệp quốc gia. Để đạt được các mục tiêu này, kế hoạch đã được thực hiện thông qua việc thúc đẩy phát rừng, thực hiện Chi trả Dịch vụ Môi trường

---

<sup>1</sup>Hiện nay, sinh quyển Lang Biang, có vùng lõi là Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà, tỉnh Lâm Đồng, đã được đăng ký trong Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB) của UNESCO, và mục tiêu là mở rộng sinh quyển bao gồm các vườn quốc gia và khu bảo tồn liền kề trong tương lai.

Rừng<sup>2</sup>, và thực hiện các chương trình cho vay để thúc đẩy trồng rừng. Hơn nữa, trong bối cảnh trong nước và quốc tế gần đây (ví dụ, nền kinh tế thị trường năng động và các sáng kiến quốc tế như REDD+), các quyết định đã được đưa ra vào năm 2013 để tiến hành rà soát xem liệu Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (sửa đổi năm 2004) có cần được sửa đổi và để thực hiện cải cách ngành lâm nghiệp hay không. Lưu ý thêm, Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng (2011-2020) đã được thay thế bởi Chương trình Mục tiêu Phát triển Rừng bền vững (2016-2020) vào năm 2017 và Luật Lâm nghiệp, được sửa đổi từ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng dưới sự hỗ trợ của Dự án, mới được ban hành và ban hành vào năm 2017.

Để hỗ trợ giải quyết các vấn đề nêu trên, JICA đã phát triển hợp tác thông qua bốn dự án hợp tác kỹ thuật: Dự án thí điểm REDD+ tại Điện Biên, Dự án Quản lý rừng bền vững ở khu vực đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW), Dự án Tăng cường Năng lực Quản lý dựa vào Cộng đồng của Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà và Dự án Phát triển Hệ thống Cơ sở Dữ liệu Đa dạng Sinh học Quốc gia), và sự tham gia hỗ trợ của các cá nhân là chuyên gia, cố vấn Chương trình Lâm nghiệp.

Chính phủ hy vọng rằng kết quả hợp tác của JICA cho đến nay sẽ được phản ánh trong quá trình sửa đổi các chính sách chính liên quan đến quản lý tài nguyên thiên nhiên (các sửa đổi nêu trên đối với Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và cải cách ngành lâm nghiệp) và các chính sách liên quan đến REDD+, và rằng các kết quả của chương trình hợp tác sẽ được chia sẻ rộng rãi đến các khu vực khác. Dự án được thông qua với tên gọi "Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững" (sau đây gọi là "Dự án") trên cơ sở yêu cầu hợp tác kỹ thuật để thực hiện toàn diện hỗ trợ chính sách, hỗ trợ thiết thực trong lĩnh vực và thúc đẩy hợp tác giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Dự án nhằm mục đích tích hợp và phát triển các kết quả của từng dự án hợp tác trước đó được đề cập ở trên, và là một phần chính của hợp tác trong chương trình "Bảo tồn Thiên nhiên" trong Tài liệu Phân tích Quốc gia của JICA, dự kiến sẽ có tác dụng hiệp đồng với Hỗ trợ Phát triển Cho vay theo chương trình tương tự.

JICA đã tiến hành nghiên cứu thiết kế chi tiết nhiều lần từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 1 năm 2015 và đã thống nhất với Chính phủ Việt Nam về khuôn khổ hợp tác. Vào ngày 9 tháng 7 năm 2015, biên bản thảo luận đã được ký kết và trao đổi. Dựa trên thỏa thuận này, Dự án được thực hiện trong thời gian 5 năm và 6 tháng từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 1 năm 2021, với Bộ NN & PTNT và Bộ TNMT là đối tác. Kế hoạch ban đầu là trong thời gian 5 năm kể từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 8 năm 2020, trong khi Biên bản cuộc họp đã được ký và trao đổi vào tháng 8 năm 2020 để gia hạn thời gian thực hiện Dự án đến tháng 1 năm 2021 do ảnh hưởng của việc hạn chế đi lại trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên toàn cầu.

Dự án được thực hiện dưới sự phối hợp của các chuyên gia dài hạn và chuyên gia ngắn hạn của JICA được phân công công tác theo hợp đồng thực hiện. Các chuyên gia dài hạn tập trung vào hợp phần 1 và 4 và sự phối hợp tổng thể của bốn hợp phần, trong khi các chuyên gia ngắn hạn tập trung vào hợp phần 2 và 3. Mặc dù báo cáo này do các chuyên gia ngắn hạn xây dựng, nhưng báo cáo này đưa ra sự mô tả toàn diện về các hoạt động tổng thể của Dự án, với sự cộng tác của các chuyên gia dài hạn.

## 5. Mục tiêu tổng thể và mục đích dự án

Mục tiêu tổng thể :

Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại nhiều lợi ích cho người dân.

Mục đích dự án:

Năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được nâng cao.

## 6. Cơ quan thực hiện

Cơ quan thực hiện là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), trong khi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường và Cơ quan Bảo tồn Đa dạng Sinh học (Bộ TN&MT, VEA và BCA) tham gia với tư cách là đối tác hợp tác.

---

<sup>2</sup>Chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR): Một hệ thống mà theo đó người sử dụng dịch vụ môi trường rừng, ví dụ như công ty thủy điện, công ty du lịch, v.v. trả tiền cho chủ rừng như cộng đồng, tổ chức và cá nhân để bảo vệ rừng.

## II Các kết quả của Dự án

### 1. Đầu vào của Dự án

#### 1-1 Nhân sự từ phía Nhật Bản

##### 1-1-1 Chuyên gia Nhật Bản

Dự án được thực hiện dưới sự phối hợp của các chuyên gia dài hạn và chuyên gia ngắn hạn của JICA được phân công công tác theo hợp đồng thực hiện. Các chuyên gia dài hạn tập trung vào hợp phần 1 và 4 và sự phối hợp tổng thể của bốn hợp phần, trong khi các chuyên gia ngắn hạn tập trung vào hợp phần 2 và 3.

Ngoài ba chuyên gia dài hạn, tổng cộng 25 chuyên gia ngắn hạn đã được phân công thực hiện công việc của Dự án, thực hiện tổng cộng 237 chuyến công tác trong 5.632 ngày tính đến cuối tháng 10 năm 2020.

Nhân sự Dự án là các chuyên gia dài hạn

Cố vấn trưởng Tháng 8 năm 2015 - tháng 1 năm 2021

Cố vấn trưởng phụ / REDD +: Tháng 9 năm 2015 - tháng 1 năm 2021

Điều phối viên/Chính sách Lâm nghiệp: Tháng 9 năm 2015 - tháng 8 năm 2020

**Bảng 1: Nhân sự gồm các chuyên gia ngắn hạn tại Việt Nam tính đến cuối tháng 10 năm 2020**

STT	Chuyên gia ngắn hạn	người	Các chuyến công tác	Số ngày làm việc	Số tháng làm việc
1	Trưởng nhóm/Quản lý rừng bền vững 1	1	10	51	1,70
2	- Trưởng nhóm/Quản lý rừng bền vững 2	1	19	344	11,47
3	Quản lý cộng tác (CM)	1	22	678	22,60
4	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1 và Giám sát thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1	1	13	192	6,40
5	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 2	1	5	78	2,60
6	Phân tích hình ảnh vệ tinh	1	9	246	8,20
7	Hệ thống giám sát rừng 1/Tài trợ bên ngoài 1/ Điều phối các nhà tài trợ 1	1	21	137	4,57
8	Hệ thống giám sát rừng 2/Tài trợ bên ngoài 2/ Điều phối các nhà tài trợ 2	3	16	404	13,47
9	Hệ thống giám sát rừng 3/Tài trợ bên ngoài 3/ Điều phối các nhà tài trợ 3	1	7	231	7,70
10	Hệ thống giám sát rừng 4	1	1	12	0,40
11	Phát triển sinh kế/Đánh giá tác động xã hội và giới (Kinh tế nông nghiệp/Dịch vụ tài chính)	1	11	415	13,83
12	Phát triển sinh kế 2/Đánh giá tác động xã hội và giới 2	3	16	392	13,07
13	Phát triển sinh kế 3 / Dịch vụ tài chính	1	9	517	17,23
14	Điều phối viên/Quản lý rừng 1	3	19	543	18,10
15	Quản lý rừng 2	2	12	321	10,70
16	Giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế	1	6	120	4,00
17	Hướng dẫn Quản lý cộng tác	1	7	132	4,40
18	Điều phối viên dự án/quản lý cộng tác/Chi trả DVMTR/Giám sát đa dạng sinh học 2	1	16	479	15,97
19	Du lịch sinh thái	1	12	198	6,60



20	Quản lý đa dạng sinh học rừng/Giám sát đa dạng sinh học	1	5	142	4,73
	Tổng	27	236	5. 632	187,74

\* Chuyên gia số 4 phụ trách “Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh 1” trong giai đoạn I và “Giám sát thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh 1” trong giai đoạn II.

\* Chuyên gia số 7 phụ trách “Hệ thống giám sát rừng 1” trong giai đoạn I và “Hệ thống giám sát rừng 1/Tài trợ bên ngoài 1/Điều phối nhà tài trợ 1” trong giai đoạn II.

\* Chuyên gia số 8 phụ trách “Hệ thống giám sát rừng 2” trong giai đoạn I và “Hệ thống giám sát rừng 1/Tài trợ bên ngoài 1/Điều phối nhà tài trợ 2” trong giai đoạn II.

\* Chuyên gia số 9 phụ trách “Hệ thống giám sát rừng 3” trong Học kỳ I và “Hệ thống giám sát rừng 1 / Tài trợ bên ngoài 1/Điều phối nhà tài trợ 3” trong Học kỳ II.

\* Chuyên gia số 13 bắt đầu cư trú và làm việc tại Việt Nam từ tháng 6/2017.

**Bảng 2: Nhân sự gồm các chuyên gia ngắn hạn tại Việt Nam tính đến cuối tháng 10 năm 2020**

STT	Chuyên gia ngắn hạn	Số người	Số ngày	Số tháng làm việc
1	Trưởng nhóm/Quản lý rừng bền vững 1	1	90	4,50
2	- Phó Trưởng nhóm/Quản lý rừng bền vững 2	1	44	2,20
3	Quản lý hợp tác	1	49	2,45
4	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1 và Giám sát thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1	1	30	1,50
5	Phân tích hình ảnh vệ tinh	1	4	0,20
6	Hệ thống giám sát rừng 1/ Tài trợ bên ngoài 1/Điều phối các nhà tài trợ 1	1	56	2,80
7	Hệ thống giám sát rừng 2/ Tài trợ bên ngoài 2/Điều phối các nhà tài trợ 2	1	26	1,30
8	Phát triển sinh kế/Đánh giá tác động xã hội và giới (Kinh tế nông nghiệp/Dịch vụ tài chính)	1	8	0,40
9	Phát triển sinh kế 2/Đánh giá tác động xã hội và giới 2	1	25	1,25
10	Phát triển sinh kế 3/Dịch vụ tài chính	1	41	2,05
11	Điều phối viên/Quản lý rừng 1	1	14	0,70
12	Giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế	1	18	0,90
13	Điều phối viên dự án / Điều phối viên dự án/quản lý hợp tác/Chi trả DVMTR/Giám sát đa dạng sinh học 2	1	23	1,15
14	Du lịch sinh thái	1	2	0,10
15	Điều phối viên đào tạo tại Nhật Bản	2	20	1,00
	Tổng	16	450	22,50

\* Chuyên gia số 4 phụ trách “Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1” trong giai đoạn I và “Giám sát thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1” trong giai đoạn II.

\* Chuyên gia số 6 phụ trách “Hệ thống giám sát rừng 1” trong giai đoạn I và “Hệ thống giám sát rừng 1/Tài trợ bên ngoài 1/Điều phối nhà tài trợ 1” trong giai đoạn II.

\* Chuyên gia số 7 phụ trách “Hệ thống giám sát rừng 2” trong giai đoạn I và “Hệ thống giám sát rừng 1/Tài trợ bên ngoài 1/Điều phối nhà tài trợ 2” trong giai đoạn II.

### 1- 1-2 Đào tạo phát triển năng lực

Dự án đã hỗ trợ phát triển năng lực của các đối tác và người dân tại các làng mục tiêu thông qua nhiều loại hình Đào tạo trong nước tại Việt Nam, thể hiện trong Bảng 3 – Bảng 7, tám khóa đào tạo tại Nhật Bản, được thể hiện trong và ba khóa đào tạo tại một quốc gia thứ ba, được trình bày trong Bảng 10.

#### 1-1-2-1 Đào tạo trong nước ở Việt Nam

Tập huấn trong nước đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác và người dân tại các thôn/bản mục tiêu thông qua các hoạt động sau.

- 1) Tập huấn về chính sách rừng tổng thể (Bảng 3)
- 2) Tập huấn về lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động thí điểm REDD + (quản lý rừng và phát triển sinh kế) (Bảng 4)
- 3) Đào tạo về Hệ thống Theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (Bảng 5)
- 4) Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang (LB-BR) (Bảng 6)
- 5) Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (Bảng 7)

Dự án đã sử dụng hiệu quả các chuyên gia địa phương làm giảng viên, sử dụng nguồn lực địa phương trong nội dung đào tạo càng nhiều càng tốt và điều chỉnh mức độ kỹ thuật của các lớp đào tạo để những người tham gia có thể áp dụng hoặc tiến hành các kỹ thuật được đào tạo mà không gặp bất kỳ khó khăn gì. Bảng 3, Bảng 4, Bảng 5 và Bảng 6 trình bày tóm tắt mỗi khóa đào tạo. Vui lòng xem “PHỤ LỤC 1: Kết quả của Dự án” để biết thông tin chi tiết về những người tham gia.

**Bảng 3: Đào tạo tại Việt Nam (Chính sách Lâm nghiệp)**

ST T.	Đào tạo	Người tham dự:	Các tỉnh	Thời gian thực hiện
1	Sử dụng máy tính bảng để thực hiện theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở Điện Biên	60	Điện Biên:	2015.11.26-27
2	Hỗ trợ các cuộc họp tham vấn	10	Thừa Thiên Huế	2015.12.2-3
3	Đào tạo về khảo sát, thu thập dữ liệu và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia	70	Đà Nẵng	2019.3.4-6
Tổng		140		

Trong các hoạt động thí điểm REDD+, lúc đầu, Dự án cung cấp đào tạo, tạo điều kiện cho các thúc đẩy viên được lựa chọn từ các đơn vị chính quyền địa phương, ví dụ như cán bộ UBND huyện (UBND huyện) hoặc UBND xã (UBND xã). Trong thời gian tiếp theo, Dự án đã thực hiện nhiều hoạt động đào tạo như các hoạt động thí điểm REDD+ với các các bộ hỗ trợ. Mặc dù đối tượng chính của khóa đào tạo là người dân, nhưng nhân sự các đối tác cũng tham gia khi thích hợp.

**Bảng 4: Đào tạo trong nước tại Việt Nam  
(Các hoạt động thí điểm REDD+: Giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế)**

STT	Đào tạo	Người tham dự: (Nam/nữ)	Tỉnh *1 (Người tham dự)	Thời gian thực hiện
1	Tập huấn thúc đẩy viên	177 (130/47)	Tỉnh Điện Biên (51) Tỉnh Lai Châu (55): Tỉnh Hòa Bình (29): Tỉnh Sơn La(42)	2016.8.15 -11,14
2	Họp thôn/bản để lập kế hoạch hoạt động dự án (hai/ba lần mỗi thôn/bản)	11172 (6338/4834)	Tỉnh Điện Biên (3490) Tỉnh Lai Châu (1598): Tỉnh Hòa Bình (2628): Tỉnh Sơn La(3456)	2016.8.17 -12,2
3	Họp Ban quản lý thôn/bản	262 (205/57)	Tỉnh Điện Biên (102) Tỉnh Hòa Bình (78): Tỉnh Sơn La(82)	2017.2.15 -6,4
4	Tập huấn quản lý quỹ thôn/bản	340 (261/79)	Tỉnh Điện Biên (147) Tỉnh Hòa Bình (131): Tỉnh Sơn La (62)	2017.3.10 -2019.7.31
5	Họp về quy chế quản lý rừng thôn/bản	3723 (2635/1088)	Tỉnh Điện Biên (2820) Tỉnh Hòa Bình (903):	2017.2.22 -2018.1.18

STT	Đào tạo	Người tham dự: (Nam/nữ)	Tỉnh * 1 (Người tham dự)	Thời gian thực hiện
6	Tập huấn trồng rừng	2455 (1570/885)	Tỉnh Điện Biên (1031) Tỉnh Lai Châu (364): Tỉnh Hòa Bình (396): Tỉnh Sơn La (664)	2017.1.3 -2019.5.17
7	Đào tạo về khoanh nuôi tái sinh rừng	944 (821/123)	Tỉnh Lai Châu (297): Tỉnh Sơn La (647)	2017.3.12 -11,27
8	Tập huấn về tuần tra bảo vệ rừng	1214 (1142/72)	Tỉnh Điện Biên (439) Tỉnh Lai Châu (427): Tỉnh Hòa Bình (169): Tỉnh Sơn La (179)	2017.2.25 -2019.9.27
9	Tập huấn về tuần tra bảo vệ rừng	2236 (1316/920)	Tỉnh Hòa Bình (129): Tỉnh Sơn La (2107)	2017.2.23 -11,14
10	Hoạt động nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng	355 (202/153)	Tỉnh Hòa Bình (355):	2018.3.26
11	Tập huấn nuôi ong	374 (347/27)	Tỉnh Điện Biên (111) Tỉnh Hòa Bình (263):	2017.1.21 -2019.10.5
12	Huấn luyện nuôi cá	642 (393/249)	Tỉnh Điện Biên (605) Tỉnh Lai Châu (37):	2017.2.12 -2019.7.2
13	Tập huấn xây dựng công trình khí sinh học	38 (28/10)	Tỉnh Điện Biên (20) Tỉnh Lai Châu (18):	2017.12.4-19
14	Tập huấn xây dựng bếp đun cải tiến	1047 (745/302)	Tỉnh Điện Biên (63) Tỉnh Lai Châu (49 0) Tỉnh Sơn La (935)	2017.2.23 -11,17
15	Tập huấn về nông lâm kết hợp	756 (572/184)	Tỉnh Sơn La (756)	2017.1.25 -2018.3.12
16	Tập huấn trồng rau	1846 (1074/772)	Tỉnh Điện Biên (771) Tỉnh Lai Châu (225): Tỉnh Hòa Bình (446): Tỉnh Sơn La (404)	2017.3.17 -2018.1.30
17	Tập huấn trồng cây ăn quả	1804 (970/834)	Tỉnh Điện Biên (1024) Tỉnh Lai Châu (319): Tỉnh Hòa Bình (234): Tỉnh Sơn La (227)	2017.4.22 -2019.9.8
18	Tập huấn về ủ phân bón	229 (141/88)	Tỉnh Sơn La (229)	2017.4.19-25
19	Tập huấn trồng rau	214 (141/73)	Tỉnh Lai Châu (214):	2017.11.28 -2018.11.27
20	Tập huấn trồng cỏ thức ăn chăn nuôi	212 (137/75)	Tỉnh Lai Châu (63): Tỉnh Sơn La (149)	2017.1.1 -2018.2.8
21	Tập huấn trồng nấm	52 (35/17)	Tỉnh Sơn La (52)	2018.3.27 -4,6

STT	Đào tạo	Người tham dự: (Nam/nữ)	Tỉnh *1 (Người tham dự)	Thời gian thực hiện
22	Tập huấn trồng bưởi và cây có múi	125 (82/43)	Tỉnh Hòa Bình (125):	2017.4.11-21
23	Các khóa đào tạo và tham quan học tập khác*2	1086 (733/353)	Tỉnh Điện Biên (691) Tỉnh Lai Châu (4): Tỉnh Hòa Bình (27): Tỉnh Sơn La (364)	2018.4.10 -2020.6.5
Tổng		31303 (20018/11285)		

\*1: Cột này thể hiện tên các tỉnh đã tổ chức tập huấn (ĐB: Điện Biên, LC: Lai Châu, HB: Hòa Bình hoặc SL: Sơn La) và các người tham dự được ghi trong ngoặc đơn.

\*2: Trong trường hợp các khóa tập huấn có sự tham dự của những người tham đến từ một số tỉnh khác nhau thì người tham dự được chia theo tỉnh.

Như được hiển thị trong Bảng 5, Hệ thống giám sát tài nguyên rừng cấp tỉnh đã tổ chức các chương trình đào tạo sau: (1) Đào tạo giảng viên (ToT), (2) Đào tạo nhân rộng (RT), (3) Đào tạo bồi dưỡng (ReT), (4) Đào tạo quản trị viên (AT) và (6) Đào tạo cho FIPI. (1) dành cho lực lượng kiểm lâm cấp tỉnh và huyện để đào tạo giảng viên PFMS cấp tỉnh, (2) dành cho kiểm lâm cấp xã để nhân rộng PFMS ra toàn tỉnh, (3) dành cho giảng viên PFMS cấp tỉnh để nâng cao kiến thức của họ về PFMS, (4) dành cho cán bộ Chi cục Kiểm lâm cấp trung ương và khu vực và cán bộ quản lý của Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh phụ trách giám sát rừng cấp tỉnh, và (5) là đào tạo giảng viên chính để đào tạo giảng viên PFMS ở cấp tỉnh.

**Bảng 5: Đào tạo tại Việt Nam (Chính sách Lâm nghiệp)**

STT	Đào tạo	Người tham dự:	Các tỉnh	Thời gian thực hiện
1	Đào tạo giảng viên tại các tỉnh	1363	Điện Biên (20), Sơn La (173), Lai Châu (108), Hòa Bình (110), Lào Cai (123), Bắc Kạn (69), Lâm Đồng (173), Thanh Hóa (38), Nghệ An (32), Hà Tĩnh (95), Quảng Bình (112), Quảng Trị (74), Thừa Thiên Huế (99), Quảng Nam (50), Bình Thuận (87)	2016,3. - 2019.11.
2	Đào tạo nhân rộng	1850	Điện Biên (545), Sơn La (173), Lai Châu (241), Hòa Bình (110), Lào Cai (123), Bắc Kạn (69), Lâm Đồng (173), Thanh Hóa (103), Nghệ An (180), Hà Tĩnh (66), Quảng Bình (105), Quảng Trị (90), Thừa Thiên Huế (60), Quảng Nam (50), Bình Thuận (48)	2016.11. -2019.10.
3	Đào tạo bồi dưỡng	181	Điện Biên (50), Hòa Bình (31), Hà Tĩnh (25), Quảng Bình (28), Quảng Trị (25), Thừa Thiên Huế (22)	2017.6-11.

4	Đào tạo quản trị viên	238	Hà nội	2016,6 -2019,10.
5	Đào tạo cho FIPI	31	Hà nội	Khóa đào tạo đầu tiên: 2016.6.8-10 Khóa đào tạo thứ hai: 2016.9.14-16
Tổng		3.663		

Tùy thuộc vào nội dung của từng hoạt động, những người tham gia phù hợp như cán bộ từ các cơ quan chính quyền liên quan, người dân, UBND xã và kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng đã được lựa chọn tham gia cho các khóa đào tạo khác nhau được trình bày dưới đây.

**Bảng 6: Đào tạo tại Việt Nam (Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang)\***

STT	Đào tạo	Người tham dự:	Các tỉnh	Thời gian thực hiện
<b>1. Thỏa thuận Quản lý cộng tác</b>				
1-1.	Tập huấn kỹ năng tuần tra chi trả DVMTR hiệu quả	77	Lâm đồng	2017.8.18 2017.9.29 2017.10.10 2017.10.26 2017.11.20 2018.1.18
1-2.	Huấn luyện sơ cấp cứu cho đội tuần tra chi trả DVMTR	31	Lâm đồng	2017.11.7 2017.12.21
<b>2. Lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường</b>				
2-1.	Đào tạo về thu hái cà phê chất lượng cao	120	Lâm đồng	2016.12.14 2017.9.27-28 2016.12.6
2-2.	Tập huấn xử lý phôi nấm làm phân trộn	4	Lâm đồng	2016.12.20
2-3.	Đào tạo cách ủ phân hữu cơ bằng bột cà phê	240	Lâm đồng	2017.3.4-6 2017.11.2-3 2017.11.15 2017.12.8 2018.2.1 2018.3.23 2018.4.26 2019.3.11 2019.3.15
2-4.	Tham quan học tập mô hình trồng chuối và ủ phân	23	Lâm đồng	2017.5.16 2017.7.23
2-5.	Đào tạo về các kỹ năng và phương pháp thúc đẩy	97	Lâm đồng	2017.5.18 2017.6.14-16

STT	Đào tạo	Người tham dự:	Các tỉnh	Thời gian thực hiện
2-6.	Tập huấn kỹ thuật bón phân hữu cơ và phân hóa học cho cà phê	7	Lâm đồng	2017.7.4
2-7.	Tập huấn kỹ thuật trồng chuối	8	Lâm đồng	2017.7.11
2-8.	Tham quan học tập ủ phân hữu cơ bằng bột cà phê tại Xuân Trường, Đà Lạt	11	Lâm đồng	2017.7.25
2-9.	Tham quan học tập mô hình sản xuất cà phê bền vững tại Bảo Lộc	27	Lâm đồng Đắk Lắk	2017.8.18
2-10.	Đào tạo về quy trình chứng nhận cà phê bền vững	119	Lâm đồng	2017.8.25-26
2-11.	Đào tạo cách ghép cây bản địa	66	Lâm đồng	2017.10.12-14 2017.11.16-17
2-12.	Đào tạo về sử dụng các công cụ pH để sản xuất cà phê bền vững	17	Lâm đồng	2017.10.26
2-13.	Tham quan học tập mô hình hồng khô ứng dụng công nghệ Nhật Bản	21	Lâm đồng	2017.11.9
2-14.	Tập huấn kỹ thuật trồng nấm	17	Lâm đồng	2018.1.12 2018.2.27-28
2-15.	Tham quan học tập mô hình chuồng trại gia súc	41	Lâm đồng	2018.1.23 2018.3.14
2-16.	Tập huấn lên men vi sinh sử dụng cám gạo và men rượu làm phân trộn	41	Lâm đồng	2017.1.11 2017.1.19 2018.1.26 2018.3.21 2018.4.23
2-17.	Tham quan học tập mô hình trồng nấm	18	Lâm đồng	2018.3.13
2-18.	Tập huấn trồng nấm	2	Lâm đồng	2018.3.19-20
2-19.	Tham quan học tập cách sử dụng logo tại Cù Lao Chàm	12	Lâm đồng	2018.3.27-29
2-20.	Tập huấn thu hoạch và bán hồng	6	Lâm đồng	2018.10.3
2-21.	Đào tạo về cải tiến chuồng trại (biobed)	31	Lâm đồng	2019.4.9
2-22.	Đào tạo tại chỗ về kiểm soát vệ sinh và thu hoạch nấm hương hảo hạng	18	Lâm đồng	2018.9.19 2018.10.24 2019.1.24
<b>3. Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng bao gồm các hoạt động của Chương trình Giáo dục môi trường</b>				
3-1.	Đào tạo phiên dịch du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng	29	Lâm đồng	2016.11.3-4 10-12, 16
3-2	Tham quan học tập về các hoạt động du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại miền Bắc Việt Nam	15	Tỉnh Hòa Bình, Tỉnh Lai Châu (một số	2016.10.4-6

STT	Đào tạo	Người tham dự:	Các tỉnh	Thời gian thực hiện
			người tham dự đến từ Lâm Đồng)	
3-3.	Tập huấn tại thực địa dành cho các thúc đẩy viên cốt lõi của chương trình Giáo dục môi trường thí điểm	12	Lâm đồng	2018.3.6- 11
3-4.	Tham quan chương trình Giáo dục môi trường thí điểm	40	Lâm đồng	2018.4.6- 8
3-5.	Chương trình Giáo dục môi trường - Đào tạo kỹ thuật phiên dịch tại Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà	60	Lâm đồng	2018.9.10- 12 2018.12.12 2019.2.28
3-6.	Tham quan trải nghiệm về Giáo dục môi trường cho các trường THCS tại Đà Lạt	75	Lâm đồng	2019.5.11- 12 2019.6.6- 7
<b>4. Giám sát rừng</b>				
4-1.	Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng sử dụng máy tính bảng: Tập huấn giảng viên	77	Lâm đồng	2016.9.19- 21 2016.10.26- 28 2017.3.20- 22
4-2.	Tập huấn sử dụng máy bay không người lái ở cấp trụ sở chính	32	Lâm đồng	2017.12.6, 7, 11, 12, 15 2018.3.16- 18 2018.4.11- 13 2018.5.24,29,30
4-3.	Tập huấn sử dụng máy bay không người lái ở các địa bàn (Xã Đa Nhim/xã Lạc Dương/xã Đa Chais)	74	Lâm đồng	2018.1.31-2.2 2018.4.20, 23, 24 2018.11.8-9
4-4.	Đánh giá sử dụng máy bay không người lái đối với cán bộ Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà và Ban Quản lý Rừng Phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim	10	Lâm đồng	2019.5.29
4-5.	Tập huấn nhập dữ liệu và Google Drive cho các hoạt động tuần tra rừng	84	Lâm đồng	2019.4.11-12 2019.7.24 2019.10.9-10
<b>5. Giám sát đa dạng sinh học</b>				
5-1.	Tập huấn về dữ liệu đầu vào cho Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia	40	Lâm đồng	2018.4.10
5-2.	Tập huấn về hệ thống giám sát đa dạng sinh học	52	Lâm đồng	2016.7.19 2018.6.7-13 2018.9.24-30
5-3.	Tập huấn về quản lý cơ sở dữ liệu giám sát đa dạng sinh học	11	Lâm đồng	2018.10.4-5
5-4.	Tập huấn cho cán bộ Ban quản lý Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà về quản lý cơ sở dữ liệu giám sát đa dạng sinh học	4	Lâm đồng	2019.1.22-24



STT	Đào tạo	Người tham dự:	Các tỉnh	Thời gian thực hiện
	Tổng	1.669		

Các khóa tập huấn sau đây được thực hiện nhằm tăng cường năng lực cho các bên liên quan như cán bộ của khu bảo tồn (ví dụ: vườn quốc gia) hoặc những người phụ trách thuộc chính quyền cấp tỉnh tham gia vào việc quản lý và vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia và trong việc thu thập dữ liệu liên quan đến đa dạng sinh học

**Bảng 7: Tập huấn tại Việt Nam (Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia)**

STT	Tập huấn	Người tham dự:	Địa điểm:	Thời gian thực hiện
1	Tập huấn về quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia và điều tra đa dạng sinh học	74	Vườn quốc gia Ba Vì	2016.6.29-6.30.
2	Hội thảo đào tạo về quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia và Cơ sở Thông tin Đa dạng Sinh học Toàn cầu (GBIF)	66	Thành phố Hà Nội	2016.8.3-8.4
3	Tập huấn về quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia và điều tra đa dạng sinh học	60	Thành phố Hồ Chí Minh	2016.9.5-6
4	Tập huấn về quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia và điều tra đa dạng sinh học	64	Thành phố Đà Lạt, Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà	2018.4.10-11
5	Tập huấn về quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia và điều tra đa dạng sinh học	150	Thành phố Đà Nẵng, Khu bảo tồn Sơn Trà	2019.3.4-6
	Tổng	414		

1-1-2-2 Tập huấn tại Nhật Bản

**Bảng 8: Tập huấn tại Nhật Bản**

STT	Tập huấn	Người tham dự:	Thời gian thực hiện
1	Quản lý bảo vệ rừng và đa dạng sinh học	12	2016.4.11-4.19
2	Cơ sở Thông tin Đa dạng Sinh học Toàn cầu (GBIF)	2 (4) *3	2016.6.13-6.18
3	Giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế	13	2016.10.16-10.28
4	Tập huấn giám sát diễn biến rừng và thu thập thông tin rừng	9	2017.10.10 -10. 19
5	Tăng cường năng lực cho ban quản lý khu dự trữ sinh quyển Lang Biang	8	2017.5.14 - 23.
6	Tham quan học tập Nhật Bản về xây dựng Luật Lâm nghiệp	11	2017.7.24-7. 29
7	Đào tạo nâng cao năng lực quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang thông qua hợp tác quản lý	9	2018.3.4 - 15.
8	Đào tạo tại Nhật Bản về quản lý rừng và phát triển sinh kế	12	2019.2.25- 3,3
9	Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng	8	2020.3.2 - 3.8 (Đã hủy) *4
Tổng		76(78)	

\*1: Chương trình đồng sáng tạo tri thức đã bị xóa khỏi bảng này.

\*2: Thông tin chi tiết về những người tham gia tập huấn tại Nhật Bản được trình bày trong Bảng 9.

\*3: Các số liệu trong ngoặc cho thấy tổng số học viên đã tham gia khóa đào tạo với sự hỗ trợ tài chính từ Bảo tàng Tự nhiên và Khoa học Quốc gia.

\*4: Khóa đào tạo này đã bị hủy do sự ảnh hưởng của COVID-19.

**Bảng 9: Danh sách người tham gia tập huấn tại Nhật Bản**

1. Quản lý bảo vệ rừng và đa dạng sinh học

STT	Tên:	Chức vụ và đơn vị công tác
1	Ông Nguyễn Quốc Trí	Phó Tổng cục trưởng, Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN & PTNT)
2	Ông Vũ Xuân Thôn	Vụ trưởng, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Bộ NN & PTNT
3	Ông Nguyễn Hà Huệ	Trưởng phòng, Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ NN & PTNT
4	Ông Phạm Vũ Thắng	Phó Giám đốc, Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp, Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ NN & PTNT
5	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Cục trưởng, Cục Bảo tồn Đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE)
6	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Trụ sở Văn phòng, Cơ quan Bảo tồn Đa dạng Sinh học, Tổng cục Môi trường, Bộ TN&MT
7	Ông Lò Văn Tiến	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên
8	Ông Đinh Quang Long	Phó Giám Đốc Sở NN & PTNT tỉnh Hòa Bình

STT	Tên:	Chức vụ và đơn vị công tác
9	Ông Lê Trọng Quang	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tinh Lai Châu
10	Tiến sĩ Phạm S	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tinh Lâm đồng
11	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Trưởng phòng Kinh tế UBND tỉnh Sơn La
12	Ông Lê Văn Hương	Giám đốc Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà

## 2. Văn phòng Cơ sở Thông tin Đa dạng Sinh học Toàn cầu (GBIF)

STT	Tên:	Chức vụ và đơn vị công tác
1	TS. Bùi Quang Hùng	Giám đốc Trung tâm Quan trắc hiện trường, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Việt Nam.
2	TS. Đỗ Văn Tú	Cán bộ nghiên cứu, Phòng Sinh thái thủy sản và Môi trường nước, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật
3	Ông Nguyễn Xuân Thủy	Trung tâm Thông tin Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường
4	Bà Trương Quỳnh Trang	Cơ quan Bảo tồn Đa dạng Sinh học, Bộ TNMT

\*Người tham dự số 3 và số 4 tham gia tập huấn với sự hỗ trợ kinh phí của Bảo tàng Tự nhiên và Khoa học Quốc gia.

## 3. Giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế

STT	Tên:	Chức vụ và đơn vị công tác
1	Ông Mai Tổng Giang	Cán bộ kỹ thuật, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Bộ NN & PTNT
2	Ông Nguyễn Bá Đản	Trưởng phòng Nông nghiệp và Quản lý tài nguyên thiên nhiên thuộc UBND tỉnh Hòa Bình*
3	Ông Lê Minh Thủy	Chi cục phó Chi cục Kiểm lâm, Sở NN & PTNT Hòa Bình
4	Ông Đoàn Mạnh Hằng	Trưởng Ban Quản lý các dự án nông, lâm nghiệp, Sở NN & PTNT Hòa Bình**
5	Ông Lò Xuân Khanh	Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Sở NN & PTNT Lai Châu
6	Ông Nguyễn Hữu Ái	Phó Giám đốc Sở NN & PTNT Lai Châu
7	Ông Nguyễn Thành Đông	Phó Trưởng phòng Kinh tế - Thanh quyết toán, Văn phòng UBND tỉnh Lai Châu
8	Ông Trần Khoa Phương	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Chi cục Lâm nghiệp, Sở NN & PTNT Điện Biên
9	Ông Hà Văn Quân	Giám đốc Sở NN & PTNT Điện Biên

STT	Tên:	Chức vụ và đơn vị công tác
10	Ông Phạm Văn Khiên	Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Sở NN & PTNT Điện Biên
11	Ông Trần Dũng Tiến	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La (Sở NN & PTNT Sơn La)
12	Ông Vũ Đức Thuận	Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm (Chi cục Kiểm lâm Sơn La)
13	Ông Phạm Hồng Tiến	Trưởng ban Quản lý rừng & Bảo tồn thiên nhiên (Chi cục Kiểm lâm Sơn La)

\*: Ủy ban nhân dân tỉnh

\*\* : Sở NN & PTNT

#### 4. Tập huấn giám sát diễn biến rừng và thu thập thông tin rừng

STT	Tên:	Chức vụ và đơn vị công tác
1	Ông Đoàn Hoài Nam	Phó Tổng cục trưởng, Cục Kiểm lâm, Tổng cục Lâm nghiệp
2	Ông Hoàng Phú Mỹ	Cán bộ kỹ thuật, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Bộ NN & PTNT
3	Ông Nguyễn Hoàng Nam	Cán bộ, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Bộ NN & PTNT
4	Ông Lò Xuân Khanh	Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Lai Châu
5	Ông Nguyễn Văn Hải	Cán bộ Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên
6	Ông Lương Ngọc Hoàn	Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Sơn La
7	Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Hòa Bình
8	Ông Phạm Văn Huy	Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Lâm đồng
9	Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Thừa Thiên Huế

#### 5. Tăng cường năng lực quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang

STT	Tên:	Chức vụ và đơn vị công tác
1	Ông Lê Văn Hương	Phó Chủ tịch Ban Quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Lang Biang
2	Bà Nguyễn Thị Minh Hồng	Thành viên Ban Quản lý Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Lang Biang

3	Ông Hồ Huỳnh Dũng	Phó Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim
4	Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Ông Phạm Triều	Phó Chủ tịch UBND tỉnh huyện Lạc Dương
6	Ông Đặng Thế Hải	Phó bí thư thường trực thành ủy thành phố Đà Lạt
7	Ông Võ Văn Phương	Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng
8	Ông Bùi Văn Hội	Chủ tịch UBND huyện Đam Rông

6. Tham quan học tập tại Nhật Bản về xây dựng Luật Lâm nghiệp

STT	Tên:	Chức vụ và đơn vị công tác
1	TS Hà Công Tuấn	Thứ trưởng Thường trực Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN & PTNT)
2	Ông Nguyễn Bá Ngãi	Phó Tổng cục trưởng, Tổng cục Lâm nghiệp (VNFOREST), Bộ NN & PTNT
3	Bà Trần Thị Hải Yến	Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ NN & PTNT
4	Ông Đoàn Minh Tuấn	Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ NN & PTNT
5	Ông Nguyễn Phú Hùng	Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ NN & PTNT
6	Ông Võ Đình Tuyên	Chuyên viên cao cấp, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ
7	Ông Trương Minh Hoàng	Phó Chủ tịch Quốc hội/Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường
8	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên thường trực Quốc hội/Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường
9	Ông Nguyễn Đức Tâm	Phó Vụ trưởng, Văn phòng Quốc hội/Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
10	Ông Kim Quy Canh	Chuyên gia, Văn phòng Quốc hội/Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
11	Ông Lê Như Quan	Chuyên gia, Văn phòng Quốc hội/Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

7. Đào tạo nâng cao năng lực quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang thông qua hợp tác quản lý

STT	Tên:	Chức vụ và đơn vị công tác
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Giám đốc Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2	Bà Ngô Thị Thu Hiền	Phó Trưởng phòng Hành chính Cơ quan Bảo tồn Đa dạng Sinh học. Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam
3	Ông Lê Văn Sơn	Ban Thư ký Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang
4	Ông Phan Văn Dũng	PGĐ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng
5	Ông Võ Danh Tuyên	Phó Giám Đốc Sở NN & PTNT tỉnh Lâm đồng
6	Ông Đặng Đức Hiệp	Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng
7	Ông Đinh Ngọc Hùng	Chủ tịch UBND huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
8	Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch UBND huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
9	Ông Vũ Đình Cường	UBND tỉnh Lâm Đồng

8. Đào tạo tại Nhật Bản về quản lý rừng và phát triển sinh kế

STT	Tên:	Chức vụ và đơn vị công tác
1	Ông Vũ Xuân Thôn	Phó Giám đốc Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Ông Phạm Vũ Thắng	Phó Giám đốc Ban quản lý dự án SNRM trung ương, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT
3	Ông Vũ Văn Hưng	Phó Giám đốc, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT
4	Ông Nguyễn Văn Chinh	Chánh Văn phòng, Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT
5	Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) Hòa Bình
6	Ông Vương Đắc Hùng	PGĐ Sở NN & PTNT Hòa Bình
7	Ông Lò Thế Thi	Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT Sơn La
8	Ông Nguyễn Huy Tuấn	Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Sở NN&PTNT Sơn La
9	Ông Hà Văn Um	Phó Giám đốc Sở NN&PTNT Lai Châu
10	Ông Võ Văn Ngọ	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch, Sở NN&PTNT Lai Châu

11	Ông Trần Văn Thương	Giám đốc Sở NN&PTNT Điện Biên
12	Ông Nguyễn Tiến Đáp	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Chi cục Lâm nghiệp, Sở NN&PTNT Điện Biên

### 1-1-2-3 Đào tạo ở nước thứ ba

**Bảng 10: Tập huấn ở nước thứ ba**

STT	Tập huấn	Người tham dự:	Thời gian thực hiện
1	Biến đổi xung đột rừng trong bối cảnh biến đổi khí hậu	1	2016.1.11-1.15
2	Trao quyền cho cộng đồng trong quản lý bảo vệ rừng - một cách tiếp cận thiết thực để bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (Du lịch sinh thái)	2	2016.8.21-8.27
3	Sự đồng ý miễn phí, trước và được thông báo (FPIC)	1	2016.9.12-9.16
Tổng		4	

### 1-1-3 Chi phí Hoạt động

Bảng dưới đây thể hiện chi phí hoạt động của phía Nhật Bản.

**Bảng 11: Chi phí hoạt động của phía Nhật Bản**

Đơn vị Yên Nhật (1000s)

Hạng mục		2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
Ngân sách chuyên gia dài hạn		12.488	34.847	33.710	30.037	22.299	24.508	157.889
Chi phí vận hành chung	Cán bộ dự án - hành chính	0	6.308	10.023	20.401	22.658	16.178	75.568
	Cán bộ dự án - kỹ thuật	0	28.371	56.466	42.529	13.613	11.982	152.962
	Xe cộ, v.v.	78	6.308	8.469	6.860	4.197	2.065	27.978
	Họp/hội thảo	4	3.845	3.289	3.594	2.641	2.032	15.405
	Cơ sở vật chất/bảo trì thiết bị	0	367	1.122	565	0	0	2.054
	Vật tư tiêu hao	0	5.991	1.827	3.500	707	660	12.684
	Đi lại	244	14.739	15.121	13.866	4.794	1.423	50.186
	Liên lạc/vận chuyển	3	442	599	536	379	200	2.159
	In ấn	0	690	1.609	680	453	868	4.300
	Chi phí tiện ích	0	94	150	87	60	48	439
	Các chi phí khác	0	2.716	40.736	22.813	9.540	4.266	80.071
<b>Tổng</b>		329	69.870	139.412	115.430	59.043	39.721	423.806

Hợp đồng phụ trong nước	0	26.575	35.516	30.344	170	0	92.605
<b>Tổng</b>	12.817	131.293	208.638	175.811	81.512	64.229	<b>674.299</b>



#### 1-1-4 Trang thiết bị

Các thiết bị và hàng hóa cần thiết để thực hiện các hoạt động của Dự án đã được mua sắm như trong Bảng 12 và Bảng 13. Hầu hết tất cả các trang thiết bị do phía Nhật Bản mua sắm cũng được chuyển giao cho phía đối tác.

**Bảng 12: Thiết bị và vật dụng được mua sắm cho đối tác**

Hạng mục	Mô hình	Số liệu
Máy tính để bàn	DELL, VOSTRO3900MT	5
Màn hình (dành cho máy tính để bàn)	DELL, S2340L	5
Máy tính xách tay	DELL, Inspiron N5558	1
Máy in	CANON, MF4870dn	1
UPS	Santak, ngoại tuyến 1000VA	6
Bộ định tuyến Wi-Fi	TP-Link, TL-WR841N	1
Điện thoại	Panasonic, KX-TG6461	1
Ghế	Hòa Phát, nhựa màu đen	2
Kết sắt	President, SMD13	1
NAS	Western Digital, My Cloud EX2100	1
Máy hút bụi	Panasonic, MC-CL305BN46	1
Giá sách	Tam Mai, làm theo yêu cầu riêng	3
Máy phát và nhận tín hiệu phiên dịch không dây	Okayo, WT-500T, WT-500	6
Ghế	Hòa Phát, nhựa màu đen	3
Máy tính xách tay	APPLE, MJVE2ZP/A MacBook Air	2
Máy tính xách tay	APPLE, MF839ZP-A MacBook Air	1
Máy tính bảng	ASUS, Z370CG	140
Máy ảnh kỹ thuật số	CANON, EOS 1200D	1
Máy chiếu	SONY, VPL-EX290	1
Màn hình	Vu Gia, 180V	1

Hạng mục	Mô hình	Số liệu
Bộ thu phiên dịch không dây	Okayo, WT-500	5
Màn hình (dành cho máy tính để bàn)	DELL, S2316H	1
Đĩa cứng di động	TOSHIBA, HDTC820AR3C1	1
Máy tính bảng	ASUS, Z370CG	25
Xe máy	Honda, Future 125cc	15
Áo mưa	Hoàn Châu Long, làm theo yêu cầu riêng	1.100
Máy tính bảng	Lenovo, PHAB PB1-750M	400
Máy tính bảng	Lenovo, PHAB PB1-750M	50
Máy tính xách tay	DELL, VOSTRO 5468	3
Máy tính xách tay	ASUS, UX360CA	1
Máy tính để bàn	DELL, Inspiron 3650	3
Màn hình (dành cho máy tính để bàn)	DELL, S2216H	3
Máy in	FUJI XEROX, P225D	2
Máy fax	Panasonic, KX-FP701	1
Máy photocopy	RICOH, MP2014AD	1
Điện thoại	Panasonic, KX-TGC313	1
Máy hủy giấy	Silicon, PS-800C	1
Cây nước nóng, lạnh	Kangaroo, KG 46	1
Máy hút ẩm	Sharp, DW-12A	1
Biển quảng cáo đứng (standee)	MORE production	10
Máy thông dịch không dây	Okayo, WT-500	1
Xe 4WD	Toyota, Land Cruiser Prado 2.7L 7 chỗ	4
Máy ghi âm IC	SONY, ICD-UX560FBCE	1

Hạng mục	Mô hình	Số liệu
RAM máy tính để bàn	Kingston, 4GB PC3-12800 240pin DIMM (KVR16N11S8 / 4)	5
HDD cho NAS	Western Digital, 2TB 3,5	1
Ổ cứng di động	Western Digital, 2TB 2,5 ”USB3.0 My Passport	1
Hộp đựng ổ cứng 3.5”	Orico, 3588us3-bk	1
Máy tính bảng	Lenovo, PHAB PB1-750M	35
UPS	Santak, ngoại tuyến 1000VA	1
Máy điều hòa	Panasonic, CU-YZ12WKH-8	1
Máy in laser	HP LaserJet Pro M706N	1
Máy tính để bàn	Dell Inspiron 5458E	7
Máy chiếu	Máy chiếu Panasonic PT LB 330	1
Máy photocopy	FUJI XEROX DocuCentre 2276	1
Máy bay không người lái	Phantom 4 Pro	3
Máy tính	Dell Inspiron N7577	2
Phần mềm phân tích	Pix4D mapper Pro (giấy phép vĩnh viễn)	1

**Bảng 13: Thiết bị cho phía Nhật Bản**

Hạng mục	Mô hình	Số liệu	Trạng thái	Sau dự án
Máy tính	HP Probook 450 G2 K9R22PA	1	Bàn giao	-
Máy tính	Dell N3443-C4i7 1820	1	Bàn giao	-
Máy tính	HP Probook 520 G2	1	Bàn giao	-
Máy tính	HP Probook 450 G3 T1A15PA	11	Bàn giao	-
Máy tính	Asus TP301UA C4147T	1	Bàn giao	-
Máy tính	Lenovo Thinkpad E460	2	Bàn giao	-
Máy tính	DELL, V5459	1	Bàn giao	-

Hạng mục	Mô hình	Số liệu	Trạng thái	Sau dự án
Máy tính	Dell 7348	1	Bàn giao	-
Máy in laser	CANON MF 729CX	3	Bàn giao	-
Máy photocopy	CANON IR Adv C3320	1	Bàn giao	-
Máy điều hòa	Daikin FTXM50HVMV	1	Bàn giao	-
Máy điều hòa	Daikin FTXM35HVMV	1	Bàn giao	-
Máy điều hòa	Panasonic 1800 BTU	1	Bàn giao	-
Máy chiếu	ViewSonic PJD5255	2	Bàn giao	-
Máy chiếu	ViewSonic PJD5256	1	Bàn giao	-
Máy chiếu	ViewSonic PJD5257	1	Bàn giao	-
Máy đo độ ẩm	Kett Electronic Laboratory PM450	1	Bàn giao	-
Máy in laser	HP LaserJet Pro M706N	1	Bàn giao	-
Máy tính	Dell Inspiron 5458E	5	Bàn giao	-
Máy tính	Dell Vostro V7570	2	Bàn giao	-
Máy photocopy với bộ máy scan	FUJI XEROX DocuCentre 2276	1	Bàn giao	-
Máy chiếu	Máy chiếu Panasonic PT LB 330	1	Bàn giao	-
Máy ảnh	Nikon Coolpix P900	5	Bàn giao	-
Hình ảnh vệ tinh độ phân giải siêu cao, tỉnh Điện Biên (Pleiades)	DS_PHR1B_201501020401033_FR1_PX_E103N21_0109_05658	1	Bàn giao	-
Hình ảnh vệ tinh có độ phân giải rất cao Tỉnh Sơn La (Pleiades)	DS_PHR1B_201312030350438_SE1_PX_E103N21_0921_06866	1	Bàn giao	-
Hình ảnh vệ tinh có độ phân giải rất cao Tỉnh Lai Châu La (Pleiades)	DS_PHR1A_201412200400470_FR1_PX_E103N22_1107_04902	1	Bàn giao	-

Hạng mục	Mô hình	Số liệu	Trạng thái	Sau dự án
Hình ảnh vệ tinh độ phân giải siêu cao, Tỉnh Hòa Bình (Pleiades)	DS_PHR1B_201412230338486_FR1_PX_E105N20_0410_08452	1	Bàn giao	-
Hình ảnh vệ tinh độ phân giải siêu cao, Tỉnh Sơn La (Pleiades)	DS_PHR1A_201610070357306_FR1_PX_E103N21_0907_05111	1	Trả lại	Trả lại Văn phòng JICA Việt Nam
Hình ảnh vệ tinh độ phân giải siêu cao, Tỉnh Sơn La (Pleiades)	DS_PHR1A_201801200342191_FR1_PX_E103N21_0904_03164	1	Trả lại	Trả lại Văn phòng JICA Việt Nam

\* Trạng thái “Bàn giao” có nghĩa là thiết bị và hàng hóa đã được bàn giao cho Đối tác và “Trả lại” có nghĩa là thiết bị và hàng hóa đã được trả lại cho Văn phòng JICA Việt Nam.

## 1-2 Nhân sự từ phía Việt Nam

### 1-2- 1 Bổ nhiệm nhân sự đối tác

#### (1) Ban Quản lý Dự án Trung ương:

Ban Quản lý Dự án Trung ương được thành lập trực thuộc Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, là Cục ngoài Bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quyết định của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT ngày 27/3/2017: 1002 / QĐ-BNN-TCCB) Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và 5 cán bộ khác được giao làm thành viên Dự án.

Ban quản lý dự án trung ương chủ yếu tham gia với tư cách là đối tác của các Chuyên gia dài hạn, chịu trách nhiệm quản lý tổng thể Dự án và liên lạc và phối hợp với Ban Quản lý Dự án tỉnh

#### (2) Ban Quản lý Dự án (BQLDA) cấp tỉnh : PPMU

Các Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh được thành lập ở năm tỉnh gồm Điện Biên, tỉnh Lai Châu, tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La và tỉnh Lâm Đồng. Các BQLDA cấp tỉnh đóng vai trò trong việc thực hiện và quản lý các hoạt động của Dự án cùng với các chuyên gia Nhật Bản, bên cạnh đó BQLDA cấp tỉnh sẽ tiếp tục và nhân rộng các hoạt động sau khi hoàn thành Dự án.

Các thành viên của BQLDA cấp tỉnh được lựa chọn từ Ủy ban nhân dân từng cấp từ cấp xã đến cấp tỉnh, bao gồm từ 5 đến 13 thành viên, bao gồm giám đốc, điều phối viên và kế toán (PHỤ LỤC 1) Một số BQLDA cấp tỉnh đã có sự điều chỉnh nhân sự trong giai đoạn Dự án do một số thành viên nghỉ hưu.

Ngày thành lập, điều chỉnh hoặc quyết định của chính phủ/UBND tỉnh đối với mỗi BQLDA cấp tỉnh được trình bày dưới đây.

#### Thành lập các BQLDA cấp tỉnh

Ngày 23 tháng 1 năm 2017. Tỉnh Điện Biên (Quyết định số 68/QĐ-UBND)

Ngày 2 tháng 3 năm 2017. Tỉnh Lâm Đồng (Quyết định số 440/QĐ-UBND)

Ngày 3 tháng 3 năm 2017. Tỉnh Hòa Bình (Quyết định số 287/QĐ-UBND)

Ngày 15 tháng 3 năm 2017. Tỉnh Sơn La (Quyết định số 569/QĐ-UBND)

Ngày 9 tháng 8 năm 2017. Tỉnh Tỉnh Lai Châu (Quyết định số 839/QĐ-UBND)

#### Điều chỉnh BQLDA cấp tỉnh

Ngày 26 tháng 1 năm 2018. Tỉnh Hòa Bình (Quyết định số 256/QĐ-UBND)

Ngày 21 tháng 3 năm 2018. Tỉnh Lâm Đồng (Quyết định số 519/QĐ-UBND)

Ngày 20 tháng 11 năm 2018. Tỉnh Điện Biên (Quyết định số 1103/QĐ-UBND)

Ngày 13 tháng 11 năm 2020. Tỉnh Tỉnh Lai Châu (Quyết định số 1626/QĐ-UBND)

#### (3) Cán bộ thúc đẩy/cán bộ Khuyến nông

Tại 4 tỉnh Tây Bắc, tổng số 47 cán bộ thúc đẩy/cán bộ Khuyến nông đã được chọn từ các bộ phận đối tác để tiến hành các hoạt động thí điểm REDD+; 13 cán bộ ở tỉnh Điện Biên, 7 cán bộ ở tỉnh Lai Châu, 12 cán bộ ở tỉnh Hòa Bình và 15 cán bộ ở tỉnh Sơn La. Các thành viên đã được thay đổi trong suốt thời gian Dự án và có tổng số 45 cán bộ thúc đẩy/Cán bộ Khuyến nông; 13 cán bộ ở tỉnh Điện Biên, 8 cán bộ ở tỉnh Lai Châu, 10 cán bộ ở tỉnh Hòa Bình và 14 cán bộ ở tỉnh Sơn La vào ngày 18/11/2020 (Phụ lục 1)

### 1-2-2 Văn phòng dự án

Các văn phòng Dự án được thành lập tại thành phố Hà Nội, các thành phố trực thuộc trung ương của bốn tỉnh Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, tỉnh Lai Châu, tỉnh Hòa Bình và tỉnh Sơn La) và tại thành phố Đà Lạt.

Một phòng làm việc đã được chuẩn bị sẵn trong tòa nhà của BQL các Dự án Lâm nghiệp cho văn phòng Dự án tại Hà Nội, và các khu văn phòng trong các tòa nhà của Sở NN & PTNT đã được sử dụng làm các văn phòng ở bốn tỉnh Tây Bắc. Văn phòng Thành phố Đà Lạt được đặt tại tòa nhà văn phòng của Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà. Một văn phòng Dự án khác được đặt tại một phòng thuê tại Thành phố Hà Nội cho các chuyên gia ngắn hạn thuộc Hợp phần 2 do phía Nhật Bản chi trả.

### 1-2-3 Chi phí hoạt động của các đối tác

Bảng dưới đây cho thấy chi phí hoạt động theo kế hoạch và thực tế của các đối tác.

**Bảng 14: Chi phí hoạt động của các đối tác**

Đơn vị: Triệu đồng

Tổ chức	2016*	2017		2018		2019		2020	
		Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế
BQLDA trung ương	-	2,090	2,090	3,000	3,000	3,000	2,925	3,169	2,519
BQLDA tỉnh Điện Biên	-	1,102	350	1,103	400	1,103	600	910	550
BQLDA tỉnh Lai Châu	-	1,460	0	1,460	355	760	510	380	500
BQLDA tỉnh Sơn La:	-	1,176	597	1,176	750	900	900	900	900
BQLDA tỉnh Hòa Bình	-	1,357	428	1,357	1,560	1,453	1,453	1,357	920
BQLDA tỉnh Lâm Đồng (LB-BRMB, BNBNP-MB)	-	1,875	1,875	1,875	1,236	1,875	1,200	1,247	1,247
Tổng	-	9,060	5,340	9,971	7,301	9,091	7,588	7,963	6,636-
Tổng số thực tế (2016-2019)	26,253 Triệu VND								

\*: Do sự chậm trễ trong việc phê duyệt tài liệu Dự án ở Việt Nam, nên BQLDA trung ương và BQLDA cấp tỉnh vẫn chưa được thành lập. Do đó, vốn đối ứng không được bố trí cho năm 2015 và 2016.

### 1-3 Hoạt động

Các hoạt động theo kế hoạch và thực tế được trình bày dưới đây. Các thanh màu xám hiển thị các hoạt động đã lên kế hoạch và các thanh màu đen hiển thị các hoạt động thực tế được thực hiện.

#### 1-3-1 Hợp phần 1

Activities	Sub-Activities	Year	2015		2016				2017				2018				2019				2020				2021	Responsible Organization		Achievements	Issue & Countermeasures	
			VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	Japan			Viet Nam
Output 1-1: Policies contributing to sustainable forest management such as the forestry sector reform and the National REDD+ Action Program (NRAP) are promoted.																														
1-1-1 Assist in reviewing and drafting the Law on Forest Protection and Development																														
1-1-1-1 Assist in analyzing and determining review points of the current Law on Forest Protection and Development and related regulations.																														
1-1-1-2 Assist in preparing the profile of the new Forestry Law for submission to the Ministry of Justice.																														
1-1-1-3 Assist in organizing and operating a Task force team for drafting the new Forestry Law and related bylaws.																														
1-1-1-4 Assist in finalizing the draft of the new Forestry Law and related bylaws for submission to the National Assembly.																														
1-1-2 Assist in implementing the action plans to promote the Decision on Forestry Sector Reform Proposal (No.1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).																														
1-1-2-1 Improve quality seed/seedling production and supply system.																														
1-1-2-1-1 Assist in analyzing the current seed/seedling production and supply system.																														
1-1-2-1-2 Assist in identifying necessary policy and measures to promote quality seed/seedling production and supply.																														
1-1-2-1-3 Assist in developing a guideline on quality seed/seedling production and supply.																														



Activities	Sub-Activities	Year	2015				2016				2017				2018				2019				2020				2021	Responsible Organization		Achievements	Issue & Countermeasures
			VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	Japan	Viet Nam			
<b>1-1-2-2 Improve high-quality timber (including large-diameter timber) production system.</b>																															
	1-1-2-2-1 Assist in analyzing the current high-value timber production system.	Plan																								Long term experts	VNFOREST (Forest Development Dep)	Completed			
		Actual																													
	1-1-2-2-2 Assist in identifying necessary policy and measures to promote high-value timber production.	Plan																								Long term experts	VNFOREST (Forest Development Dep)	Completed			
		Actual																													
	1-1-2-2-3 Assist in developing a guideline on high-value timber production.	Plan																								Long term experts	VNFOREST (Forest Development Dep)				
		Actual																													
<b>1-1-2-3 Assist in attracting and promoting private investments into forestry sector.</b>																															
	1-1-2-3-1 Assist in analyzing the current status of private investments into forestry sector.	Plan																								Long term experts	VNFOREST (Forest Development Dep)	Completed			
		Actual																													
	1-1-2-3-2 Assist in identifying necessary policy and measures to promote private investments into forestry sector.	Plan																								Long term experts	VNFOREST (Forest Development Dep)	Completed			
		Actual																													
	1-1-2-3-3 Assist in demonstrating good practice(s) on private investments into forestry sector.	Plan																								Long term experts	VNFOREST (Forest Development Dep)	Ongoing	ex. Bamboo in DB		
		Actual																													
<b>1-1-3 Assist in compiling the outcomes of the Forest Sector Support Partnership (FSSP)</b>																															
	1-1-3-1 Assist in organizing the closing workshop of FSSP.	Plan																								Long term experts	VNFOREST (DOSTIC)	Completed			
		Actual																													
<b>1-1-4 Assist in promoting the National REDD+ Action Program (NRAP)</b>																															
	1-1-4-1 Assist in analyzing the latest international trend on REDD+.	Plan																								Long term experts	VNFOREST (VRO)				
		Actual																													
	1-1-4-2 Assist in monitoring of the progress of NRAP.	Plan																								Long term experts	VNFOREST (VRO)				
		Actual																													
	1-1-4-3 Assist in reviewing NRAP, as needed.	Plan																								Long term experts	VNFOREST (VRO)	Completed			
		Actual																													
	1-1-4-4 Assist in applying for the pilot GCF REDD+ result-based payments	Plan																								Long term experts	VNFOREST				
		Actual																													

Activities	Sub-Activities	Year	2015				2016				2017				2018				2019				2020				2021	Responsible Organization		Achievements	Issue & Countermeasures
			VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	Japan	Viet Nam			
<b>1-1-5 Provide technical support related to formulation and implementation of Provincial REDD+ Action Plan (PRAP) in the pilot provinces under FCPF Carbon Fund and other donors.</b>			/																												
1-1-5-1 Assist in formulating PRAP of TTHue.		Plan	/																								Long term experts/ Japanese	TT Hue (DARD) MBFPs	Completed		
		Actual	/																												
1-1-5-2 Support in applying the Provincial Forest Monitoring System in the pilot provinces under FCPF.		Plan	/																								Long term experts/ Japanese	6 Provinces (DARD)			
		Actual	/																												
1-1-5-3 Support in applying the Provincial Forest Monitoring System in the pilot provinces under other donors.		Plan	/																								Long term experts/ Japanese consultant	6 Provinces (DARD)			
		Actual	/																												
<b>1-1-6 Provide support for the formulation and implementation of other emerging forest policies as needed.</b>		Plan	/																								Long term experts	VNFOREST MBFPs			
		Actual	/																												
<b>Output 1-2: The utilization of the National Biodiversity Database System (NBDS) is facilitated among the relevant stakeholders.</b>																															
<b>1-2 Assist in operating the National Biodiversity Database System.</b>			/																												
<b>1-2-1 Assist MONRE in operating NBDS.</b>			/																												
1-2-1-1 Support in preparing publications and manuals relating to NBDS.		Plan	/																								Long term experts	MONRE (BCA)			
		Actual	/																												
1-2-1-2 Assist in linking NBDS to Global Biodiversity Information Facility (GBIF).		Plan	/																								Long term experts/ Japanese consultant	MONRE (BCA)	Completed		
		Actual	/																												
<b>1-2-2 Assist relevant provinces and organizations in accumulating data on biodiversity.</b>			/																												
1-2-2-1 Assist in conducting training workshops and surveys/studies to promote data accumulation in NBDS.		Plan	/																								Long term experts	MONRE (BCA)			
		Actual	/																												
<b>Output 1-3: Outputs from Components 2 and 3 are integrated into policy formulation and actions.</b>																															
<b>1-3 Assist in integrating outputs from Components 2 and 3 into policy formulation and actions.</b>			/																												
1-3-1 Compile the outputs from Components 2 and 3 periodically.		Plan	/																								Long term experts	MBFPs VNFOREST MONRE			
		Actual	/																												
1-3-2 Assist in producing policy documents relevant to Components 2 and 3.		Plan	/																								Long term experts	MBFPs VNFOREST MONRE			
		Actual	/																												

1-3-2 Hợp phần 2

Hoạt động	Các hoạt động nhỏ																			Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện		Thành tựu	Vấn đề và biện pháp												
																				Nhật Bản	Việt Nam														
		Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020				2021								
		Năm TCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I										
<b>Đầu ra 2-1: Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên</b>																																			
<b>[tại tỉnh Điện Biên]</b>																																			
<b>2-1-1. Tái thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.</b>		KH																												Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN					
		TH																																	
<b>2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</b>		KH																																	
		TH																																	
2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác bao gồm phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi, và kết quả tham vấn với các bên tham gia.		KH																										Nhóm tư vấn		Ban QLDA tỉnh/ Tổ kỹ thuật xây dựng PRAP/ BQLDALN					
		TH																																	
2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức		KH																										Nhóm tư vấn		Ban QLDA tỉnh/ Tổ kỹ thuật xây dựng PRAP/ BQLDALN					
		TH																																	
<b>2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh</b>		KH																										Nhóm tư vấn		Ban QLDA tỉnh/ Tổ kỹ thuật xây dựng PRAP/ BQLDALN					
		TH																																	
<b>2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa vào bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh tại các xã thí điểm mới được lựa chọn.</b>		KH																																	
		TH																																	
2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm mới		KH																										Nhóm tư vấn		Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN					
		TH																																	
2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm mới		KH																										Nhóm tư vấn		Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN					
		TH																																	
2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm mới		KH																										Nhóm tư vấn		Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN					
		TH																																	
2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm mới		KH																										Nhóm tư vấn		Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN					
		TH																																	
2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm mới		KH																										Nhóm tư vấn		Ban QLDA tỉnh/ BQLDALN					
		TH																																	
2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu thực hiện các hoạt động REDD+ đối với các xã thí điểm		KH																										Nhóm tư vấn		Ban QLDA tỉnh/ BQLDALN					
		TH																																	

Hoạt động														Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện		Thành tựu	Vấn đề và biện pháp			
	Các hoạt động nhỏ													Nhật Bản	Việt Nam					
	Năm	2015		2016		2017		2018		2019		2020						2021		
Năm TCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I					
2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu thực hiện các hoạt động REDD+ đối với các xã thí điểm	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thành kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ UBBD xã/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản bởi các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm.	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
<b>2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.</b>	KH																			
	TH																			
2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW	KH																Nhóm tư vấn			
	TH																			
2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh	KH																Nhóm tư vấn	Chi cục kiểm lâm/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh	KH																Nhóm tư vấn	Chi cục kiểm lâm/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.	KH																Nhóm tư vấn	Chi cục kiểm lâm/ BQLDALN		
	TH																			

Hoạt động	Các hoạt động nhỏ												Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện	Thành tựu	Vấn đề và biện pháp					
	Năm TCVN	2015		2016		2017		2018		2019		2020				2021	Nhật Bản	Việt Nam		
		III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I							II	III
2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR khi cần thiết.	KH																Nhóm tư vấn	Chi cục kiểm lâm/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-4-6 Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).	KH																Nhóm tư vấn	Tổng cục lâm nghiệp/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.	KH																			
	TH																			
2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.	KH																			
	TH																			
2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-6-2. Thực hiện giám sát theo mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin phản hồi về kết quả giám sát và đánh giá.	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác sự hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			
2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.	KH																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quyền địa phương/ BQLDALN		
	TH																			

Hoạt động	Các hoạt động nhỏ					Năm 2015		2016		2017		2018		2019		2020			2021	Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện		Thành tựu	Vấn đề và biện pháp		
						Năm TCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I			II	III
Đầu ra 2-2: KHHĐ REDD+ của tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dưới sự kế thừa kiến thức từ tỉnh Điện Biên																									
[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]																									
2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này																									
2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.																									
2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.																									
2-2-3. Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh																									
2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ chung cho ba tỉnh.																									
2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.																									
2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh																									
2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch																									
2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.																									
2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện theo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh																									
2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.																									
2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.																									
2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.																									

Hoạt động	Các hoạt động nhỏ	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020				2021	Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện		Thành tựu	Vấn đề và biện pháp
			Năm TCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	Nhật Bản	Việt Nam			
2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ kỹ thuật xây dựng PRAP/BQLDALN				
2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ kỹ thuật xây dựng PRAP/BQLDALN				
2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ kỹ thuật xây dựng PRAP/BQLDALN				
2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ kỹ thuật xây dựng PRAP/BQLDALN				
2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ kỹ thuật xây dựng PRAP/BQLDALN				
2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh	KH																														
2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại các xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh	KH																														
2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/BQLDALN				
2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/BQLDALN				
2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/BQLDALN				
2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/BQLDALN				
2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/BQLDALN				
2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/BQLDALN				

Hoạt động																	Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện		Thành tựu	Vấn đề và biện pháp										
	Các hoạt động nhỏ																Việt Nam													
	Năm TCVN	2015		2016				2017				2018				2019					2020				2021	Nhật Bản				
	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I							
2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thức đẩy viên.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện các kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn/bản.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/CPC/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung của mục 2-2-4-9.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung của mục 2-2-4-9.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-4-12. Cán bộ kiểm lâm, cán bộ ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.	KH																													
	TH																													
2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh	KH																									Nhóm tư vấn	Chi cục kiểm lâm/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh	KH																									Nhóm tư vấn	Chi cục kiểm lâm/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống	KH																									Nhóm tư vấn	Chi cục kiểm lâm/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung của mục 2-2-5-3.	KH																									Nhóm tư vấn	Chi cục kiểm lâm/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-5-5. Điều chỉnh các hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh khi cần thiết.	KH																									Nhóm tư vấn	Chi cục kiểm lâm/ BQLDALN			
	TH																													
2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.	KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ BQLDALN			
	TH																													



1-3-3 Hợp phần 3

Activities	Sub-Activities	Year	2015				2016				2017				2018				2019				2020				###	Responsible Organization		Achievements	Issue & Countermeasures	
			VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I		II	III			IV
<b>Output 3-1: An institutional framework necessary for management and operations (integrated and collaborative ecosystem management framework) of LB-BR is established.</b>																																
3-0-1	Check the progress and status of the nomination form of the LB-BR.	Plan																											consultant team	BNBNPMB WG		
		Actual																														
3-0-2	Prepare an inception report.	Plan																											consultant team			
		Actual																														
3-0-3	Convene the 1st meeting of PPMU to set up an implementation structure of the component including working groups.	Plan																											consultant team	BNBNPMB WG		
		Actual																														
3-0-4	Prepare TORs of entrusted works for local consultants	Plan																											consultant team	BNBNPMB WG		
		Actual																														
<b>3-1. Establish an institutional framework necessary for management and operations (integrated and collaborative ecosystem management framework) of LB-BR.</b>																																
3-1-1	Form a BR management structure for LB-BR with a legal document defining roles and responsibilities of the management board as well as constituent members/units.	Plan																											consultant team	LB-BR organizations WG		
		Actual																														
3-1-2	Facilitate a series of consultation meetings with the key members as well as commune/village leaders in the core and buffer zones.	Plan																											consultant team	LB-BRMB WG		
		Actual																														
3-1-3	Provide guidance and orientation on the MAB Programme to the relevant members of the BR management board of LB-BR.	Plan																											consultant team	LB-BRMB WG		
		Actual																														
3-1-4	Collect exiting data of natural, socio-economic, and administrative conditions of LB-BR.	Plan																											consultant team	LB-BRMB WG		
		Actual																														
3-1-5	Review and develop the necessary thematic maps (administrative, topography, land use status, vegetation covers, and zoning) of LB-BR.	Plan																											consultant team	LB-BR organizations WG		
		Actual																														
3-1-6	Develop a five (5) years management plan of LB-BR.	Plan																											consultant team	LB-BRMB WG		
		Actual																														

Activities					Year	2015				2016				2017				2018				2019				2020				###	Responsible Organization		Achievements	Issue & Countermeasures	
	Sub-Activities				VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	Japan	Viet Nam					
3-1-7 Coordinate actions and efforts of the member organizations to implement the management plan.					Plan																								consultant team	LB-BRMB WG					
					Actual																														
3-1-8 Periodically monitor and evaluate the progress of the implementation of the management plan.					Plan																									consultant team	LB-BRMB WG				
					Actual																														
3-1-9 Organize information sharing workshops with forest owners of the adjacent forest areas and DARDs in the neighboring provinces (i.e. Dak Lak, Ninh Thuan, and Khanh Hoa).					Plan																									consultant team	LB-BRMB WG				
					Actual																														
3-1-10 Organize technical training courses at the BNNP for relevant stakeholders of the neighboring provinces to deepen their knowledge on the MAB Programme.					Plan																									consultant team	LB-BRMB WG				
					Actual																														
<b>Output 3-2: The collaborative management agreement (CMA) with the benefit sharing mechanisms (BSMs) is upgraded as a tool for conservation of forest ecosystems in the core and buffer zones of LB-BR.</b>																																			
<b>3-2. Upgrade the Collaborative Management Agreement (CMA) with the Benefit Sharing Mechanisms (BSMs) as a tool for conservation of forest ecosystems in the core and buffer zones of LB-BR.</b>																																			
3-2-1 Review the benefit sharing mechanisms (BSMs) and collaborative management agreement (CMA) introduced/developed by the preceding JICA Project as well as other cases of BSMs and CMA demonstrated in Vietnam.					Plan																									consultant team	WG				
					Actual																														
3-2-2 Conduct a socio-economic (financial) survey in the target villages including study on financial conditions.					Plan																									consultant team	CPC WG				
					Actual																														
3-2-3 Identify potential crops/options that can generate additional income through improvement of quantity and/or quality of the products through EFLO.					Plan																									consultant team	AEC CPC WG				
					Actual																														
3-2-4 Improve and upgrade the CBET to further attract visitors.					Plan																									consultant team	DOCST BNNPMB WG				
					Actual																														
3-2-5 Develop and make a trial on a marketing strategy (including the label of MAB) for local products in LB-BR					Plan																									consultant team	DARD DPC WG				
					Actual																														

Activities	Sub-Activities	Year	2015		2016				2017				2018				2019				2020				###	Responsible Organization		Achievements	Issue & Countermeasures	
			VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III		IV	Japan			Viet Nam
3-2-6-1 Upgrade and/or develop the CMA with the BSMs using PFES and other possible benefits.	Plan																									consultant team	LB-BRMB WG			
	Actual																													
3-2-6-2 Consider and propose a financial service in relation to PFES	Plan																										consultant team	LB-BRMB WG		
	Actual																													
3-2-7 Develop implementation plans on EFLO, CBET and CM	Plan																										consultant team	LB-BRMB WG		
	Actual																													
3-2-8 Develop guidelines for piloting the upgraded CMA with the BSMs in the core and buffer zones of LB-BR.	Plan																										consultant team	LB-BRMB WG		
	Actual																													
3-2-9 Obtain approval from LB-BRMB for the guidelines on piloting the CMA/BSMs.	Plan																										consultant team	LB-BRMB WG		
	Actual																													
3-2-10 Make a trial run of the CMA with the BSMs including FFSs on the potential crops and/or CBET in the target/pilot villages.	Plan																										consultant team	LB-BRMB WG		
	Actual																													
3-2-11 Monitor and evaluate the results of the trial run.	Plan																										consultant team	LB-BRMB WG		
	Actual																													
3-2-12 Conduct Off-JT and OJT-type training courses on CMA, BSMs, CBET, and EFLO for the staff of the relevant organizations to collaborative management.	Plan																										consultant team	LB-BRMB WG		
	Actual																													
3-2-13 Revise the existing guidelines /manuals or develop new ones on the topics described in 3-2-12.	Plan																										consultant team	LB-BRMB WG		
	Actual																													
3-2-14 Develop a legal document on introduction/promotion of the CMA with the BSMs in the core and buffer zones of LB-BR and submit it to the BR management board for its endorsement to the PPC.	Plan																										consultant team	LB-BRMB WG		
	Actual																													



1-3-4 Hợp phần 4

Activities	Sub-Activities	Year	2015				2016				2017				2018				2019				2020				2021	Responsible Organization		Achievements	Issue & Countermeasures
			VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	Japan	Viet Nam			
<b>Output 4-1: The forest resource data and information generated from the project are integrated into FORMIS.</b>																															
4-1. Assist in linking and/or integrating data and information on forest resources generated from the project into FORMIS.																															
4-1-1 Assist in identifying data and information on forest resources generated from the Project to be linked and/or integrated into FORMIS.																															
4-1-2 Assist in linking and/or integrating the data and information of 4-1-1 into FORMIS.																															
<b>Output 4-2: The achievements and lessons learned from the project are shared with relevant stakeholders at national and international level.</b>																															
4-2. Share the achievements and lessons learned from the project with relevant stakeholders.																															
4-2-1. Compile achievements and lessons learned of the Project.																															
4-2-2. Identify means of sharing the information of 4-2-1 with relevant stakeholders.																															
4-2-3. Assist in sharing the information based on 4-2-2.																															
<b>Output 4-3: The results of the Project are widely publicized.</b>																															
4-3. Publicize the project results.																															
4-3-1 Compiling the result of the Project.																															
4-3-2 Identify means of publicizing the information of 4-3-1.																															
4-3-3 Assist in publicizing the information based on 4-3-2.																															

## 2. Thành quả thực hiện dự án

### 2-1 Đầu ra và chỉ số (kế hoạch và thực tế thực hiện vào thời điểm kết thúc)

#### (1) Hợp phần 1

Đầu ra	<b>Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy..</b>
Hoạt động	1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy. 1-2 Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) được thúc đẩy giữa các bên liên quan. 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 được tổng hợp vào quá trình ra chính sách và hành động.
Chỉ số xác minh khách quan	1. Hoàn chỉnh bản dự thảo sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng (và trình Quốc hội ban hành) 2. Ban hành hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao. 3. Văn bản qui phạm pháp luật được trung ương ban hành để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh. 4. NBDS được sử dụng để chuẩn bị báo cáo quốc gia/quốc tế liên quan đến đa dạng sinh học.
Phương tiện xác minh	1. Luật bảo vệ và phát triển rừng sửa đổi. 2. Hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao. 3. Văn bản qui phạm pháp luật của trung ương để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh. 4. Các báo cáo liên quan đến đa dạng sinh học được trình chính phủ và các tổ chức quốc tế như Ban thư ký Ramsar, Ban thư ký CBD và các tổ chức khác.
Tóm tắt tiến độ	Luật Bảo vệ và phát triển rừng được điều chỉnh và đổi tên thành Luật Lâm nghiệp nhằm tạo cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện các chính sách mới và phát triển ngành lâm nghiệp trong tương lai. Ngoài ra, bộ dữ liệu trong hệ thống NBDS cũng sẽ cung cấp những thông tin hữu ích để xây dựng, thực hiện các chính sách về bảo tồn đa dạng sinh học.

Chỉ số xác minh khách quan	Kết quả đạt được
1. Hoàn chỉnh bản dự thảo sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng (và trình Quốc hội ban hành) 2. Ban hành hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao. 3. Văn bản qui phạm pháp luật được trung ương ban hành để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh. 4. NBDS được sử dụng để chuẩn bị báo cáo quốc gia/quốc tế liên quan đến đa dạng sinh học.	1. Luật lâm nghiệp được Quốc hội ban hành ngày 15/11/2017, có hiệu lực từ ngày 1/1/2019. 2. Tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” đã được Bộ KH&CN phê duyệt ngày 31/10/2017. 3. Máy tính bảng được quy định là một công cụ cho theo dõi diễn biến rừng tại Thông tư 33 (33/2018/TT-BNNPTNT) 4. Trên 65.000 bộ dữ liệu về loài đã được thu thập từ 36 VQG/KBT đại diện cho các hệ sinh thái khác nhau tại Việt Nam và được lưu vào NBDS và được sử dụng trong các báo cáo quốc tế, ví dụ như Báo cáo quốc gia lần thứ 6 (2019) và báo cáo Chiến lược, KHHĐ quốc gia về ĐDSH cho UNCBD.

**Hoạt động 1-1: Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.**

**Hoạt động 1-1-1: Hỗ trợ đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng.**

**Hoạt động 1-1-1-1: Hỗ trợ phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các quy định liên quan.**

**Hoạt động 1-1-1-2: Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.**

**Hoạt động 1-1-1-3: Hỗ trợ tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật có liên quan.**

**Hoạt động 1-1-1-4: Hỗ trợ hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật trình Quốc hội.**

Dự án SNRM đã hỗ trợ điều chỉnh Luật bảo vệ và phát triển rừng (2004) để đáp ứng những yêu cầu mới trong nước và quốc tế trong lĩnh vực lâm nghiệp. Dự án đã hỗ trợ TCLN dự thảo luật và phối hợp với các bên liên quan từ khi bắt đầu triển khai Dự án. Luật điều chỉnh được đặt tên là Luật Lâm nghiệp (16/2017/QH14) được Quốc hội ban hành vào tháng 11/2017.

Ngoài ra, SNRM cũng hỗ trợ xây dựng và điều chỉnh các văn bản dưới luật, bao gồm Nghị định 156 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Lâm nghiệp, cũng như các nghị định, thông tư khác.

**Hoạt động 1-1-2: Hỗ trợ thực hiện Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).**

**Hoạt động 1-1-2-1: Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.**

Với mục đích xây dựng hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống chất lượng, SNRM đã hỗ trợ TCLN xây dựng tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” được Bộ KH&CN phê duyệt ngày 31/10/2017, với nhiều quy định về giới thiệu giống cây mới kèm các phương pháp khảo nghiệm khác nhau.

SNRM cũng hỗ trợ TCLN xác định những vấn đề và giải pháp cần thực hiện để thúc đẩy sử dụng các loài cây được lựa chọn phù hợp. Tất cả những đầu ra này được tổng hợp vào các văn bản luật và dưới luật.

**Hoạt động 1-1-2-2: Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm gỗ lớn).**

Ngoài tiến hành một nghiên cứu để xác định lĩnh vực chế biến gỗ tiềm năng, SNRM đã hỗ trợ Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam (VIFORES) tổ chức diễn đàn do Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc chủ trì vào ngày 22/2/2019 nhằm thúc đẩy xuất khẩu gỗ và lâm sản. Sau khi kết thúc diễn đàn, SNRM đã tiến hành một khảo sát cơ bản để lập mục tiêu cho ngành chế biến gỗ Việt Nam giai đoạn 2020-2030, dự kiến được đưa vào một nghị định mới.

**Hoạt động 1-1-2-3: Hỗ trợ thu hút và xúc tiến đầu tư tư nhân cho ngành lâm nghiệp.**

SNRM đã hỗ trợ cho hoạt động khoan nuôi tái sinh và phát triển sinh kế (canh tác cà phê bền vững) tại Mường Phăng, Điện Biên Phủ, Điện Biên, do hai công ty tư nhân Nhật Bản: Công ty lâm nghiệp Sumitomo và Tập đoàn ASKUL hỗ trợ thuộc gói đầu tư trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Xin lưu ý rằng, các hoạt động phối hợp này được bắt đầu thực hiện từ năm 2013 thông qua dự án SUSFORM-NOW. Dự án SNRM tiếp tục phối hợp và hỗ trợ các hoạt động của hai doanh nghiệp này.

SNRM đã hỗ trợ công ty Usui Nochikusan thực hiện một dự án phối hợp của khối tư nhân (đánh giá mô hình kinh doanh vì mục tiêu phát triển bền vững) với tên gọi “Nghiên cứu tính khả thi của mô hình trồng Mạ chà và phát triển chuỗi giá trị Mạ chà để giảm thiểu tác động của canh tác nương rẫy” tại tỉnh Điện Biên.

Ngoài ra, SNRM đã hỗ trợ các tổ chức tư nhân Nhật Bản, bao gồm Trung tâm hợp tác và phát triển lâm nghiệp quốc tế Nhật Bản, Quỹ lâm nghiệp Nhật Bản, Quỹ Bảo vệ trái đất xanh, phối hợp với các cơ quan Việt Nam thực hiện các hoạt động trồng rừng.

Các hoạt động khác do SNRM thực hiện bao gồm cung cấp thông tin cập nhật về ngành chế biến gỗ/thông tin thị trường cho các doanh nghiệp Nhật Bản tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Việt Nam, đồng thời tiến hành sắp xếp cho các chuyên thăm hiện trường của những doanh nghiệp này.

**Hoạt động 1-1-3: Hỗ trợ biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)**  
**Hoạt động 1-1-3-1: Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.**

SNRM hỗ trợ TCLN tổ chức hội thảo tổng kết FSSP vào tháng 12/2015 và xuất bản ấn phẩm “Lâm nghiệp Việt Nam”, bao gồm nhiều dữ liệu và thông tin chính về lĩnh vực lâm nghiệp của Việt Nam cũng như các chính sách, văn bản luật và số liệu thống kê liên quan. Ấn phẩm “Lâm nghiệp Việt Nam” được cập nhật vào tháng 12/2019 với sự hỗ trợ của SNRM.

**Hoạt động 1-1-4: Hỗ trợ thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP).**  
**Hoạt động 1-1-4-1: Hỗ trợ phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.**

Một chuyên gia dài hạn phụ trách REDD+ giám sát và phân tích xu hướng, thảo luận quốc tế về REDD+ liên quan đến UNFCCC, GCF, UN-REDD và FCPF; đồng thời, chia sẻ kết quả với trụ sở JICA và Văn phòng JICA tại Việt Nam. Chuyên gia dài hạn cũng thường xuyên cập nhật và chia sẻ thông tin theo báo cáo “Tóm tắt quá trình phát triển REDD+ tại Việt Nam”. Liên quan đến UNFCCC, chuyên gia dài hạn đã tham gia COP21 và COP23 tại Paris, Pháp và Bonn, Đức, để cập nhật các cuộc thảo luận quốc tế về REDD+ và phối hợp với các bên liên quan quốc tế về REDD+. Tại COP23, chuyên gia dài hạn đã thúc đẩy một sự kiện bên lề về REDD+ và tham gia một số cuộc họp với các đối tác quốc tế. Liên quan đến GCF, chuyên gia dài hạn thường xuyên theo dõi quá trình thảo luận và những chương trình mới của GCF bằng cách tham gia trực tuyến các cuộc họp của hội đồng Quỹ GCF liên quan đến chương trình thí điểm chi trả REDD+ dựa vào kết quả. Ngoài ra, chuyên gia dài hạn cũng nghiên cứu quyết định, tài liệu của các cuộc họp hội đồng Quỹ cũng như trao đổi trực tiếp với Ban thư ký GCF trước khi chia sẻ thông tin với các bên liên quan tại Nhật Bản và Việt Nam. Chuyên gia dài hạn này cũng thường xuyên trao đổi thông tin với các nhà tài trợ khác, bao gồm UNDP, FAO, Ngân hàng thế giới, v.v. để thu thập, phân tích các xu hướng, yêu cầu mới về REDD+ trên phạm vi quốc tế.

**Hoạt động 1-1-4-2: Hỗ trợ giám sát tiến độ NRAP.**

Chuyên gia dài hạn phụ trách REDD+ giám sát tiến độ thực hiện NRAP thông qua hội thảo, cập nhật thông tin qua email nhóm và trao đổi thông tin thường xuyên với các cơ quan quản lý tại Việt Nam cũng như các dự án, nhà tài trợ khác, bao gồm UN-REDD hay FCPF. Chuyên gia dài hạn này cũng thường xuyên tổng hợp thông tin vào “Báo cáo tóm tắt quá trình phát triển REDD+ tại Việt Nam” để chia sẻ với trụ sở JICA, Văn phòng JICA tại Việt Nam và dự án REDD+ ở những quốc gia khác.

**Hoạt động 1-1-4-3: Hỗ trợ đánh giá NRAP, khi cần thiết.**

Chuyên gia dài hạn phụ trách REDD+ hỗ trợ đánh giá NRAP thông qua đóng góp ý kiến kỹ thuật đối với các phiên bản dự thảo NRAP và tham gia vào các hội thảo tham vấn liên quan của UN-REDD. NRAP điều chỉnh đã được Thủ tướng phê duyệt vào tháng 4/2017.

**Hoạt động 1-1-4-4: Hỗ trợ tiếp cận Quỹ Khí hậu xanh để thí điểm chi trả dựa trên kết quả thực hiện REDD+.**

Chuyên gia dài hạn phụ trách REDD+ đã hỗ trợ Việt Nam trong quá trình chuẩn bị đề xuất tiếp cận chương trình thí điểm chi trả REDD+ dựa trên kết quả. Thứ nhất, chuyên gia dài hạn đã thu thập và phân tích thông tin liên quan đến kết quả thảo luận của các cuộc họp hội đồng quỹ GCF bằng cách tham gia trực tuyến, nghiên cứu tài liệu, trao đổi thông tin với Ban thư ký GCF. Thông tin thu thập, phân tích là cơ sở để xây dựng đề xuất của Việt Nam. Thứ hai, chuyên gia dài hạn nghiên cứu kỹ thông tin, yêu cầu của chương trình thí điểm chi trả REDD+ dựa trên kết quả, phiếu đánh giá, mẫu đề xuất ý tưởng và đề xuất chi trả, đề xuất của các quốc gia khác đã được GCF phê duyệt, cũng như cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật cho Việt Nam. Thứ ba, chuyên gia dài hạn đã thúc đẩy thảo luận, thống nhất giữa các tổ chức quốc tế và cơ quan quản lý của Việt Nam; phía Việt Nam cũng đã thống nhất để JICA là cơ quan được ủy quyền cho đề xuất



tiếp cận chương trình thí điểm chi trả này. Đây là cơ sở để các nhà tài trợ cùng phối hợp trong quá trình xây dựng đề xuất. Ngoài ra, các chuyên gia dài hạn cùng với nhóm tư vấn của JAFTA đã đưa ra nhiều ý kiến đóng góp kỹ thuật để hoàn thiện báo cáo kết quả REDD+ do Viện ĐTQHR xây dựng. Trên cơ sở đó, chuyên gia dài hạn đã hỗ trợ kỹ thuật cho quá trình xây dựng đề xuất ý tưởng và đề xuất chi trả để tiếp cận chương trình thí điểm chi trả REDD+ của Quỹ GCF, bao gồm chuẩn bị các báo cáo về đảm bảo an toàn như Đánh giá Môi trường-xã hội, Khung quản lý môi trường-xã hội, Đánh giá về giới, Kế hoạch hành động về giới cũng như hỗ trợ các cuộc họp tham vấn.

**Hoạt động 1-1-5: Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm mục tiêu của Quỹ Carbon/ FCPF và các nhà tài trợ khác.**

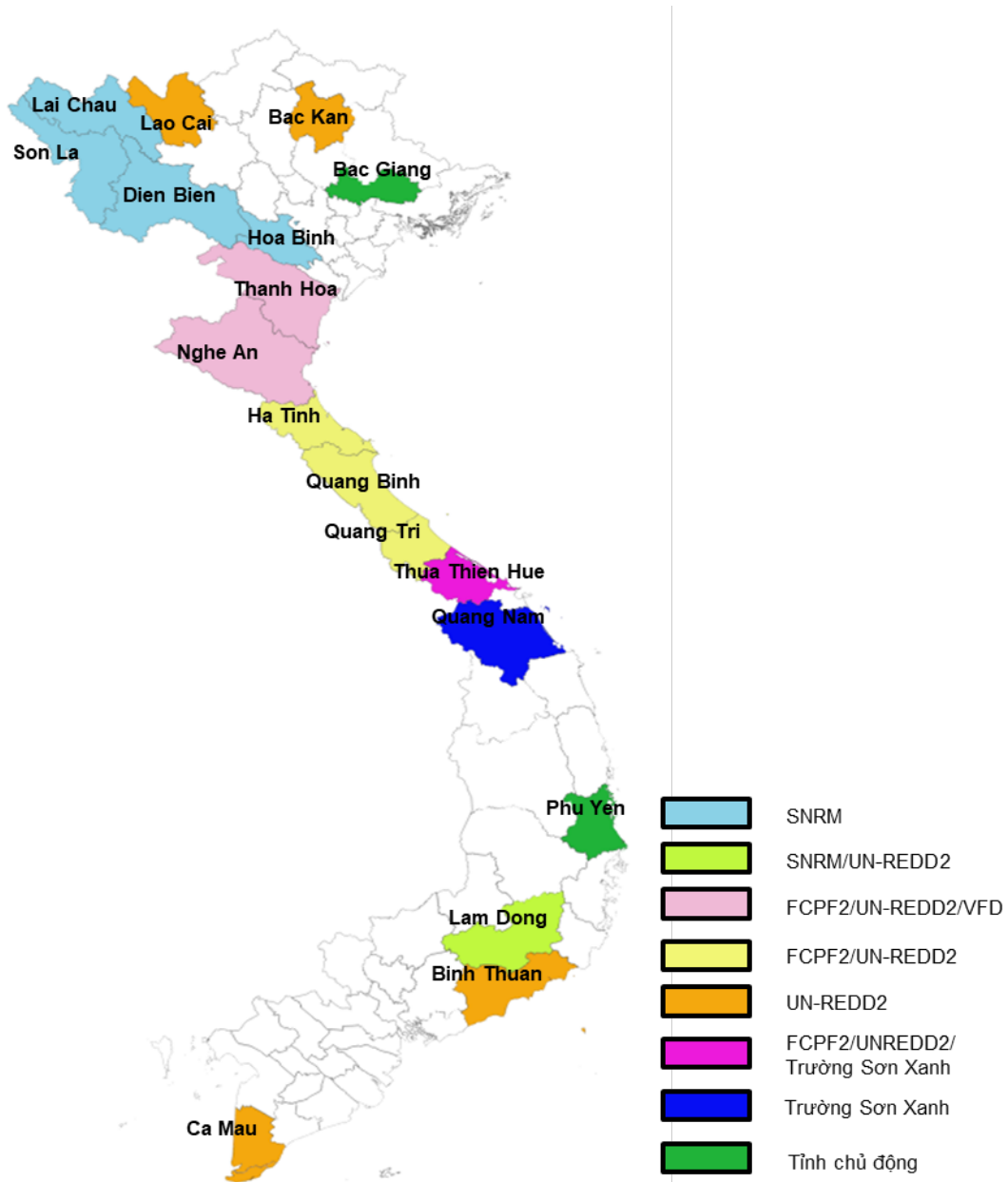
**Hoạt động 1-1-5-1: Hỗ trợ xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.**

Dựa trên đề nghị của FCPF, chuyên gia dài hạn phụ trách REDD+ đã hỗ trợ kỹ thuật xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế, trước khi được UBND tỉnh phê duyệt vào tháng 12/2016. Chuyên gia dài hạn đã hỗ trợ trực tiếp cho quá trình xây dựng PRAP từ năm 2015; trong khi đó, nhóm tư vấn đã tham gia phân tích Báo cáo đánh giá hiện trạng sử dụng đất, lập dự toán kinh phí thực hiện PRAP và đảm bảo tính thống nhất theo các yêu cầu xây dựng PRAP ở cấp trung ương.

Liên quan đến nội dung này, dựa trên yêu cầu bổ sung từ FCPF, chuyên gia dài hạn cũng đã hỗ trợ kỹ thuật xây dựng PRAP cho tỉnh Quảng Trị, trước khi được UBND tỉnh phê duyệt vào tháng 12/2018. Ngoài ra, dựa trên đề nghị hỗ trợ từ một tổ chức phi chính phủ trong nước và chính quyền địa phương, chuyên gia dài hạn cùng với nhóm tư vấn đã hỗ trợ kỹ thuật phân tích biến động rừng, làm cơ sở xây dựng PRAP.

**Hoạt động 1-1-5-2 Hỗ trợ vận hành Hệ thống Theo dõi diễn biến rừng tại các tỉnh thí điểm của Chương trình “Quỹ Đối tác Các-bon Lâm nghiệp” (FCPF).**

Dự án đã hỗ trợ vận hành Hệ thống TDDBR tại 6 tỉnh Bắc Trung Bộ gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Các hoạt động bao gồm thành lập Tổ chuyên trách Hệ thống TDDBR, tập huấn tiêu giáo viên và tập huấn mở rộng đã được triển khai thực hiện ở các tỉnh này, đặc biệt là các hỗ trợ kỹ thuật từ các giảng viên của Viện ĐTQHR đối với các hoạt động tập huấn tiêu giáo viên. Bên cạnh đó, Dự án cũng đã cung cấp các tài liệu hướng dẫn và cố vấn kỹ thuật về quản lý vận hành Hệ thống TDDBR thông qua các cuộc họp Tổ chuyên trách ở cấp tỉnh. Hình 1 dưới đây thể hiện các tỉnh đã vận hành Hệ thống TDDBR, Bảng 15 trình bày tiến độ mở rộng Hệ thống TDDBR và Bảng 16 nêu chi tiết về mua sắm máy tính bảng cho từng địa phương.



**Hình 1: Các tỉnh và các nhà tài trợ đã vận hành Hệ thống TDDBR**

**Hoạt động 1-1-5-3 Hỗ trợ vận hành Hệ thống Theo dõi diễn biến rừng tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.**

Với sự phối hợp với các nhà tài trợ khác như Chương trình UN-REDD 2 (UNDP/FAO/UNEP), Dự án Rừng và Đồng bằng (VFD/USAID), Dự án Trường Sơn Xanh (USAID), Dự án đã hỗ trợ các địa phương khác như 5 tỉnh thuộc Chương trình UN-REDD2 gồm Bắc Kạn, Lào Cai, Lâm Đồng, Bình Thuận, Cà Mau; 2 tỉnh thuộc Dự án Rừng và Đồng bằng gồm Nghệ An và Thanh Hóa và 2 tỉnh thuộc Dự án Trường Sơn Xanh gồm Thừa Thiên Huế và Quảng Nam. Các nội dung hỗ trợ của Dự án cũng tương tự như các nội dung hỗ trợ cho Chương trình FCPF-2 đã trình bày ở mục 1-1-5-2 nêu trên.

Dự án cũng đã trình bày các nội dung về Hệ thống TDDBR trước các cán bộ, chuyên gia của các chương trình, dự án khác thuộc Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp. Các chương trình, dự án khác thuộc Ban QLDA LN rất quan tâm đến giai đoạn I của Dự án với nhiều câu hỏi về ngân sách và các quy định, thể chế liên quan đến vận hành Hệ thống. Dự án đã cung cấp các thông tin chi tiết theo yêu cầu.

Ngoài các tỉnh vận hành Hệ thống TDDBR với sự hỗ trợ của các nhà tài trợ, còn có 2 tỉnh gồm Bắc Giang và Phú Yên tự vận hành Hệ thống TDDBR bằng máy tính bảng chính nỗ lực của CCKL tỉnh trong giai đoạn II của Dự án. Các địa phương này đã sử dụng ngân sách của đơn vị để vận hành một phần Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng, với sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài liệu và các thông tin cần thiết về vận hành Hệ thống từ Dự án.

Dự án đã tổ chức hai Hội thảo quốc gia, với các đại biểu tham dự không chỉ từ Kiểm lâm các cấp từ Trung ương đến vùng và các CCKL tỉnh mà còn cả các nhà tài trợ, các bên tham gia hỗ trợ ngành lâm nghiệp như Chương trình UN-REDD2, Dự án Rừng và Đồng bằng, Chương trình FCPF-2. Hội thảo thứ nhất được tổ chức vào tháng 03 năm 2017 với nội dung chủ yếu là chia sẻ thông tin về các hoạt động trong Hợp phần Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng. Các đại biểu tham dự đã cung cấp những ý kiến đóng góp quý báu về máy tính bảng và Ứng dụng di động FRMS Mobile, từ đó Dự án đã tiến hành nâng cấp phần mềm Ứng dụng di động FRMS Mobile cho phù hợp với yêu cầu của người dùng. Bên cạnh đó, các chuyên gia của Dự án đã tham dự và cố vấn cho các địa phương tại các cuộc họp Tổ chuyên trách về việc tổ chức và vận hành Hệ thống. Hội thảo thứ hai được tổ chức vào tháng 04 năm 2020. Các địa biểu tham dự chủ yếu là lực lượng kiểm lâm đã khẳng định rằng Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng hiệu quả hơn nhiều so với phương pháp cũ trước đây.

Đối với các cấp quản lý, Dự án đã tổ chức các Hội nghị cho các nhà quản lý mà thành phần chủ yếu là lực lượng kiểm lâm các cấp từ trung ương đến cấp vùng và cấp tỉnh, nhằm cung cấp cho họ những nội dung về quản lý và vận hành hiệu quả Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng.

Điểm quan trọng nhất cần đề cập đó là các CCKL tỉnh đã và đang sử dụng ngân sách và nỗ lực của địa phương để quản lý bền vững Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng. Bên cạnh hai tỉnh tự triển khai vận hành Hệ thống gồm Bắc Giang và Phú Yên với hỗ trợ kỹ thuật của Dự án như đã nêu trên, tỉnh Điện Biên đã thay thế hoàn toàn các máy tính bảng do Dự án SUSFORM-NOW hỗ trợ trước đây, các tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình đã sử dụng ngân sách địa phương để mở rộng Hệ thống ra toàn tỉnh. Các Bảng 15 và Bảng 16 dưới đây cung cấp thông tin chi tiết hơn.

**Bảng 15: Tiến độ triển khai vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng MTB ở từng tỉnh**

Số TT	Tỉnh	Nhà tài trợ	Thành lập TCT	Tập huấn TG	Tập huấn mở rộng	Ghi chú
1	Điện Biên	SNRM	Đã xong	Đã xong	Đã xong	CCKL đã thay thế các MTB cũ do Dự án SUSFORM-NOW trang bị bằng máy mới được mua sắm bằng ngân sách địa phương
2	Lai Châu	SNRM	Đã xong	Đã xong	Đã xong	Đã hoàn thành mở rộng toàn tỉnh bằng ngân sách địa phương
3	Sơn La	SNRM	Đã xong	Đã xong	Đã xong	Đã hoàn thành mở rộng toàn tỉnh bằng ngân sách địa phương
4	Hòa Bình	SNRM	Đã xong	Đã xong	Đã xong	Đã hoàn thành mở rộng toàn tỉnh bằng ngân sách địa phương

5	Thanh Hóa	FCPF2/UN-REDD2/VFD	Đã xong	Đã xong	Đã xong	Đã hoàn thành mở rộng toàn tỉnh bằng ngân sách địa phương
6	Nghệ An	FCPF2/UN-REDD2/VFD	Đã xong	Đã xong	Đã xong	Đã hoàn thành mở rộng toàn tỉnh bằng ngân sách địa phương
7	Hà Tĩnh	FCPF2/UN-REDD2	Đã xong	Đã xong	Đã xong	Đã hoàn thành mở rộng toàn tỉnh bằng ngân sách địa phương
8	Quảng Bình	FCPF2/UN-REDD2	Đã xong	Đã xong	Đã xong	Đã hoàn thành mở rộng toàn tỉnh bằng ngân sách địa phương
9	Quảng Trị	FCPF2/UN-REDD2	Đã xong	Đã xong	Đã xong	Đã hoàn thành mở rộng toàn tỉnh bằng ngân sách địa phương
10	Thừa Thiên Huế	FCPF2/UN-REDD2/TSX	Đã xong	Đã xong	Đã xong	Đã hoàn thành mở rộng toàn tỉnh bằng ngân sách địa phương
11	Lào Cai	UN-REDD2	Đã xong	Đã xong	Một phần	Tỉnh tự vận hành Hệ thống sau khi Chương trình UN-REDD2 kết thúc
12	Bắc Kạn	UN-REDD2	Đã xong	Đã xong	Một phần	Tỉnh tự vận hành Hệ thống sau khi Chương trình UN-REDD2 kết thúc
13	Bình Thuận	UN-REDD2	Đã xong	Đã xong	Một phần	Tỉnh tự vận hành Hệ thống sau khi Chương trình UN-REDD2 kết thúc
14	Lâm Đồng	SNRM/UN-REDD2	Đã xong	Đã xong	Một phần	Tỉnh tự vận hành Hệ thống sau khi Chương trình UN-REDD2 kết thúc
15	Cà Mau	UN-REDD2	Đã xong	-	Một phần	Chi tập huấn mở rộng
16	Quảng Nam	TSX	Đã xong	Đã xong	Đã xong	Dự án TSX hỗ trợ vận hành toàn tỉnh
17	Bắc Giang	CCKL tỉnh	-	-	-	Tỉnh tự sắp xếp ngân sách hoạt động và triển khai
18	Phú Yên	CCKL tỉnh	-	-	-	Tỉnh tự sắp xếp ngân sách hoạt động và triển khai

\* TCT: Tô chuyên trách

**Bảng 16: Số lượng máy tính bảng đã mua sắm bởi Dự án SNRM và các Dự án khác**

Số TT	Tỉnh	Dự án					Cá nhân	Cộng
		SNRM	UN-REDD 2	FCPF 2	TSX	VFD		
1	Điện Biên	140	0	0	0	0	25	165
2	Lai Châu	168	0	0	0	0	4	172
3	Sơn La	225	0	0	0	0	36	261
4	Hòa Bình	156	0	0	0	0	8	164
5	Thanh Hóa	0	0	130	0	15	32	177
6	Nghệ An	0	0	150	0	15	62	227
7	Hà Tĩnh	0	60	55	0	0	5	120
8	Quảng Bình	28	0	145	0	0	45	218
9	Quảng Trị	25	0	100	0	0	5	130
10	Thừa Thiên Huế	23	0	95	25	0	0	143
11	Lào Cai	0	100	0	0	0	0	100
12	Bắc Kạn	0	100	0	0	0	0	100

13	Bình Thuận	0	100	0	0	0	0	100
14	Lâm Đồng	25	100	0	0	0	0	125
15	Cà Mau	0	57	0	0	0	0	57
16	Quảng Nam	0	0	0	225	0	0	225
17	Cục KL và các CCKL vùng	42	0	0	0	0	0	42
<b>Cộng</b>		<b>832</b>	<b>517</b>	<b>675</b>	<b>250</b>	<b>30</b>	<b>222</b>	<b>2526</b>

Tổng số người dùng đã đăng ký trên CSDL Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng là 5,195 người dùng, tính đến cuối tháng 09/2020. Khoảng cách giữa số người dùng và số máy tính bảng đã mua sắm là do có nhiều trường hợp các cán bộ kiểm lâm đã và đang sử dụng Ứng dụng di động trên thiết bị máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh cá nhân của họ.

### **Hoạt động 1-1-6 Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.**

SNRM đã cung cấp khuyến nghị kỹ thuật cho Chính phủ Nhật Bản trong các lĩnh vực hợp tác tiềm năng về lâm nghiệp thuộc Khung tâm nhìn trung và dài hạn về Hợp tác Nông nghiệp Nhật Bản-Việt Nam (MLTVJVAC) – khung đối thoại chính thức giữa 2 quốc gia trong lĩnh vực nông nghiệp. Ngoài ra, SNRM đã hỗ trợ Tổng cục Lâm nghiệp hai nước thiết lập khung hợp tác hai bên trong khuôn khổ MLTVJVAC.

Các hoạt động khác của SNRM bao gồm hỗ trợ kỹ thuật/tài chính cho các vấn đề mới trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học như xây dựng Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030 và xây dựng quan điểm quốc gia đối với Khung bảo tồn đa dạng sinh học toàn cầu sau năm 2020.

### **Hoạt động 1-2: Hỗ trợ vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.**

#### **Hoạt động 1-2-1: Hỗ trợ Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.**

SNRM phối hợp với Bộ TNMT thu thập trên 65.000 bộ dữ liệu loài từ 36 vườn quốc gia, khu bảo tồn tại 44 điểm giám sát đa dạng sinh học trên cả nước theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 90/QĐ-TTg) ban hành ngày 12/1/2016. Sau khi tiến hành kiểm tra, những bộ dữ liệu này đã được lưu vào hệ thống NBDS. Trong giai đoạn 2015-2018, Trung tâm Công nghệ tích hợp liên ngành Giám sát hiện trường thuộc Đại học quốc gia Hà Nội duy trì hoạt động của máy chủ hệ thống NBDS để cập nhật những bộ dữ liệu thu thập; đến năm 2018, máy chủ hệ thống này được chuyển sang Trung tâm thông tin và dữ liệu môi trường (CEID), Bộ TNMT để tiến hành quản lý. Kể từ thời điểm chuyển giao, CEID đã tiếp tục vận hành NBDS tại địa chỉ <http://nbds.ceid.gov.vn/>.

#### **Hoạt động 1-2-2: Hỗ trợ các tỉnh và tổ chức liên quan tổng hợp số liệu về đa dạng sinh học.**

SNRM đã phối hợp với Bộ TNMT tổ chức 06 hội thảo tập huấn cho hơn 400 học viên, bao gồm cán bộ kiểm lâm các vườn quốc gia và cán bộ cấp tỉnh, để nâng cao năng lực quản lý NBDS và thu thập dữ liệu về đa dạng sinh học.

### **Hoạt động 1-3: Hỗ trợ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 vào quá trình xây dựng chính sách/hành động.**

#### **Hoạt động 1-3-1: Định kỳ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3.**

SNRM thường xuyên tổng hợp kết quả của 4 hợp phần thuộc Dự án thông qua các cuộc họp đánh giá hàng năm và các báo cáo tiến độ 6 tháng. Ngoài ra, SNRM cũng chia sẻ kết quả, bài học kinh nghiệm của mình qua website của JICA và Ban quản lý các Dự án lâm nghiệp cũng như một số ấn phẩm (ví dụ như Tài liệu giới thiệu thành quả của SNRM).

#### **Hoạt động 1-3-2: Hỗ trợ xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.**

Các chuyên gia dài hạn đã hỗ trợ Hợp phần 2 và 3 xây dựng các văn bản pháp lý, ví dụ như xây dựng PRAP tại các tỉnh Tây Bắc, kế hoạch quản lý 5 năm Khu DTSQ Lang-Biang và các văn bản khác liên quan đến thỏa thuận quản lý hợp tác.

## Vấn đề và khó khăn

Xây dựng và thực hiện chính sách trên cơ sở Luật lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật

- Mặc dù Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật, bao gồm nghị định, thông tư, đã được ban hành và có hiệu lực kể từ năm 2019, cán bộ nhiều cơ quan quản lý còn nhận thức chưa đầy đủ các văn bản pháp lý này. Do đó, cần tiếp tục nâng cao năng lực và kiến thức của các bên liên quan để đảm bảo xây dựng, thực hiện hiệu quả các quy định, chính sách mới.

Thực hiện NRAP

- Mặc dù là một chương trình cấp quốc gia, NRAP chưa thể hiện được tính khả thi về mặt tài chính do không có một nguồn ngân sách nhà nước cụ thể cho thực hiện NRAP. Vấn đề này sẽ chỉ được khắc phục một phần khi NRAP được lồng ghép với chương trình phát triển lâm nghiệp trong thời gian tới. Đây sẽ là khó khăn từ năm 2021.

Đề xuất tham gia chương trình thí điểm chi trả REDD+ của Quỹ GCF

- Quá trình nộp đề xuất tham gia chương trình thí điểm chi trả REDD+ của Quỹ GCF có thể bị chậm tiến độ do một số yếu tố bên ngoài, do đó, các bộ ngành liên quan cần phối hợp để đề xuất được gửi sang Quỹ thành công theo đúng lộ trình đề ra. Ví dụ như, việc xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính và hệ thống đăng ký giảm phát thải thuộc trách nhiệm của Bộ TNMT. Bộ TNMT cũng chịu trách nhiệm nộp các báo cáo cập nhật 2 năm 1 lần (BUR), trong đó bao gồm phụ lục về kết quả REDD+, lên UNFCCC. Ngoài ra, để Việt Nam hoặc tổ chức được ủy quyền có thể gửi đề xuất ý tưởng hoặc đề xuất chi trả lên GCF, Bộ KHĐT – trong vai trò là Cơ quan Thẩm quyền quốc gia (NDA) của GCF – cần có thư không phản đối. Việt Nam hoặc tổ chức được ủy quyền cần giám sát toàn bộ các hoạt động này để đáp ứng thời hạn nộp đề xuất.
- Thời gian nộp đề xuất chi trả cũng phụ thuộc vào khung thời gian đánh giá kỹ thuật kết quả REDD+ của UNFCCC. Nếu quá trình đánh giá kỹ thuật của UNFCCC mất nhiều thời gian, việc nộp đề xuất chi trả lên GCF cũng sẽ bị chậm tiến độ.
- Ngoài ra, tổng kinh phí cho chương trình thí điểm chi trả REDD+ của GCF là 500 triệu USD và dự kiến sẽ được giải ngân hết (trong năm 2020) theo nguyên tắc ưu tiên các quốc gia nộp đề xuất sớm hơn. Đây cũng là yếu tố để Việt Nam/tổ chức được ủy quyền cân nhắc khi xây dựng và nộp đề xuất.
- Nhân viên trụ sở JICA phụ trách các đề xuất tham gia chương trình thí điểm chi trả REDD+ của Quỹ GCF cũng cần được nâng cao năng lực để hỗ trợ JICA thực hiện vai trò Tổ chức được ủy quyền.

Vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng

- Mặc dù JICA và các nhà tài trợ khác đã tài trợ và hỗ trợ gần 20 tỉnh vận hành Hệ thống, tuy nhiên sự tham gia của Cục Kiểm lâm chưa được cao. Do đó, vẫn còn có những e ngại về mặt tài chính và kỹ thuật để quản lý tốt hệ thống.
- Hệ thống TDDBR vận hành trên nền tảng của Hệ thống Thông tin quản lý ngành lâm nghiệp do Chính phủ Phần lan tài trợ và đang được TCLN vận hành. Hệ thống này cần phải chạy ổn định, bao gồm cả việc bảo trì phần cứng máy chủ. Rất khó để có thể nêu rõ rằng hệ thống máy chủ hoàn toàn được bảo mật và vận hành ổn định, do máy chủ vật lý và các phần cứng liên quan được quản trị bởi các cán bộ của TCLN, mặc dù việc bảo trì nên được thực hiện bởi chuyên gia về CNTT thuê ngoài. Cần tiếp tục xem xét đến khả năng về việc đảm bảo một nguồn tài chính cần thiết để thuê khoán từ bên ngoài các hạng mục về quản trị và bảo trì phần cứng máy chủ.
- Cục Kiểm lâm và Văn phòng TCLN là đơn vị quản trị nội dung và bảo trì Hệ thống TDDBR ở cấp quốc gia. Các phần cứng như máy chủ, máy tính, máy tính bảng cần phải được thay thế định kỳ. Các phần mềm như CSDL TDDBR (FRMS Database), Phần mềm cập nhật Diễn biến rừng (FRMS Desktop), Ứng dụng di động (FRMS Mobile) cũng cần phải được cập nhật, bảo trì thường xuyên. Các hạng mục kỹ thuật này phải được thực hiện một cách bền vững. Do đó, cần phải đảm bảo được một khoản ngân sách và xây dựng được một kế hoạch hoạt động phù hợp để thực hiện các hoạt động bảo trì, cập nhật Hệ thống TDDBR ở Bộ.
- Hơn nữa, các hoạt động đào tạo tập huấn nâng cao năng lực quản lý và thu thập dữ liệu Hệ thống TDDBR cần được thực hiện một cách thường xuyên và liên tục. Ngân sách dành cho hoạt động này cần phải được đảm bảo ở cả cấp trung ương và cấp tỉnh.
- Đề cập riêng về Ứng dụng di động, hiện đã có 18/60 tỉnh có rừng đã và đang vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng với một phần hoặc toàn bộ tỉnh. 42 tỉnh còn lại và các tỉnh đang

vận hành Ứng dụng di động trên một phần địa bàn cần phải được mở rộng ra địa bàn toàn tỉnh. Với các địa phương này, cần khẩn trương lập kế hoạch và thu xếp ngân sách để hoạt động.

#### Quản lý và vận hành NBDS

- Sau khi hệ thống NBDS được chuyển sang CEID, tính bền vững về phần cứng đã được nâng cao. Tuy nhiên, để cập nhật dữ liệu do SNRM thu thập và tiếp tục thêm các bộ dữ liệu khác, cần tăng cường sự phối hợp của các bên liên quan, bao gồm cơ quan cấp trung ương, địa phương và các vườn quốc, khu bảo tồn, trong những hoạt động liên quan.



(2) Hợp phần 2

Mục tiêu của hợp phần	Quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh ở bốn tỉnh Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)
Kết quả đầu ra	2-1 Năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên tiếp tục được nâng cao 2-2 KHHĐ REDD+ tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được xây dựng dựa vào việc chuyển giao kiến thức từ tỉnh Điện Biên.
Các chỉ số xác minh khách quan	1. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được quy hoạch khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.
Phương tiện xác minh	Báo cáo giám sát Dự án
Tóm tắt kết quả đạt được	So với năm 2015, hơn 90% diện tích rừng tự nhiên còn lại được duy trì. Và diện tích khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng lớn hơn diện tích rừng tự nhiên bị suy giảm (2015-2020) của các xã thí điểm thuộc bốn (4) tỉnh. Kết quả cho thấy hỗ trợ của Dự án đã góp phần vào việc bảo vệ và tăng diện tích rừng.

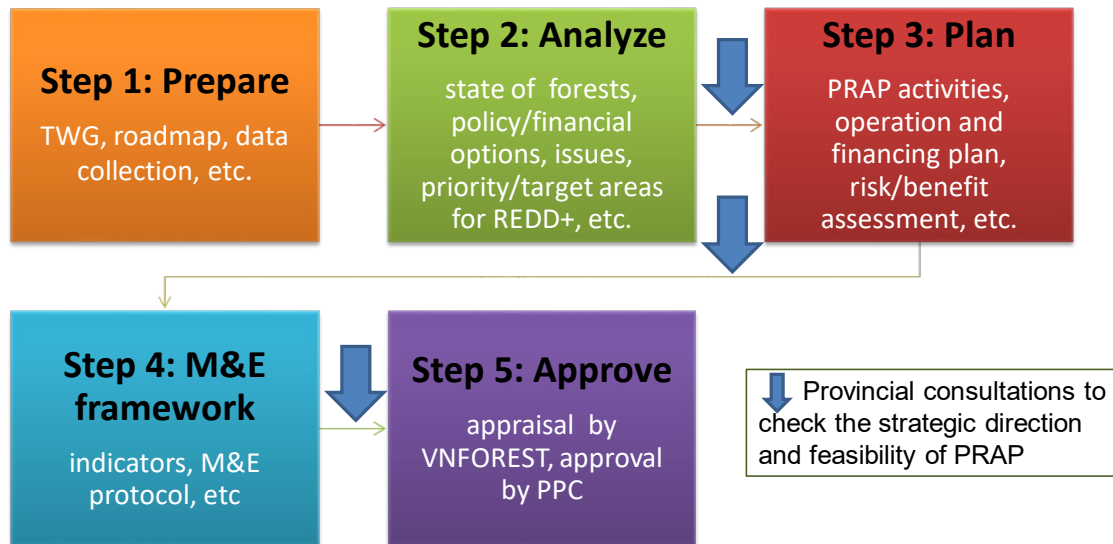
Các chỉ số xác minh khách quan	Mức độ đạt được
<p>“1. Đến tháng thứ 24 của Dự án, KHHĐ REDD+ ở ba (3) tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được UBND tỉnh hoàn thiện và phê duyệt.</p> <p>2. Đến cuối năm 2016, kế hoạch hoạt động thí điểm của các xã thí điểm được lựa chọn của bốn (4) tỉnh được UBND xã phê duyệt.</p> <p>3. Khi dự án kết thúc, hơn 90% các hoạt động thí điểm được đề xuất và thực hiện theo các bản kế hoạch được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện ở các xã thí điểm.</p> <p>4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh được nhân rộng sử dụng tới tất cả những xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này được sử dụng tại 50% các xã có rừng mục tiêu thuộc phạm vi của KHHĐ REDD+”.</p>	<p>1. Đến tháng thứ 26 của Dự án, KHHĐ REDD+ ở ba tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được hoàn thiện và được UBND tỉnh phê duyệt.</p> <p>2. Đến tháng 12 năm 2016, các hoạt động trong Kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) và Kế hoạch hàng năm về Quản lý rừng và Phát triển sinh kế tại các xã thí điểm của 4 tỉnh mục tiêu đã được UBND xã phê duyệt.</p> <p>3. Trong số 17 hoạt động quản lý rừng và 31 hoạt động phát triển sinh kế được cung cấp đào tạo kỹ thuật và trang thiết bị, 98% (trừ một hoạt động phát triển sinh kế) được tiếp tục thực hiện sau khi kết thúc Dự án.</p> <p>4. Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh được sử dụng ở tất cả các xã có rừng ở tỉnh Điện Biên. Tại ba tỉnh mục tiêu khác (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh đã được áp dụng tại hơn 80% số xã ưu tiên của KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p>

### Thông tin chung

- Ban đầu, tỉnh Điện Biên có kế hoạch điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được phê duyệt vào tháng 5 năm 2014. Tuy nhiên, căn cứ theo Hướng dẫn xây dựng KHHĐ REDD+ quốc gia được ban hành vào tháng 12 năm 2015<sup>3</sup> tỉnh Điện Biên quyết định xây dựng KHHĐ REDD+ mới cùng với ba tỉnh khác thay vì sửa đổi KHHĐ REDD+ hiện có.
- Trong khi mục tiêu được đề cập trong Biên bản thảo luận là KHHĐ REDD+ sẽ được phê duyệt sau 36 tháng kể từ khi bắt đầu Dự án, mục tiêu này sau đó đã được chuyển sang tháng 1 năm 2018 trong quá trình thảo luận về kế hoạch làm việc, và sau đó được chuyển sang tháng thứ 24 (tức tháng 7 năm 2017) tại hội thảo khởi động Dự án vào tháng 8 năm 2016 (nghĩa là 12 tháng sau khi khởi động xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh)

### Các bước xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

Theo Hướng dẫn Xây dựng KHHĐ REDD+ Quốc gia, các bước xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được thiết kế và thống nhất với bốn tỉnh như được trình bày trong Hình 1 bên dưới. Bảng 17 trình bày tóm tắt nội dung của từng bước xây dựng KHHĐ REDD+ và các hoạt động tương ứng được liệt kê trong ma trận thiết kế dự án.



Hình 2: Các bước xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

<sup>3</sup>Quyết định số 5414/QĐ-BNN-TCLN ban hành ngày 15/12/2015

**Bảng 17: Bảng so sánh Ma trận thiết kế dự án và các bước xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

Ma trận thiết kế dự án #	Hành động	Bước thực hiện tương ứng
2-2-3-1	Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ chung cho ba tỉnh.	Không áp dụng.
2-2-3-2	Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	1
2-2-3-3	Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	1
2-2-3-4	Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch	Kết quả từ bước 1 đến bước 5
2-2-3-5	Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.	1
2-2-3-6	Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện theo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	2, 3
2-2-3-7	Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	3
2-2-3-8	Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	2, 3
2-2-3-9	Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	4
2-2-3-10	Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.	3
2-2-3-11	Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	3, 4
2-2-3-12	Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	3, 4
2-2-3-13	Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	5
2-2-3-14	Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.	5

**Các hoạt động bổ sung cho ma trận thiết kế dự án**

- **Hỗ trợ tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

Sau khi bốn tỉnh phê duyệt chính thức các KHHĐ REDD+ cấp tỉnh, một hội thảo chung về chủ đề này đã được tổ chức tại tỉnh Sơn La vào ngày 7 tháng 11 năm 2018. Cấu trúc cơ bản của KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được giới thiệu và các vấn đề liên quan đến việc thực hiện và giám sát cũng đã được thảo luận tại hội thảo. Dự án đã hỗ trợ Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+ của mỗi tỉnh lập kế hoạch và sắp xếp hậu cần cho hội thảo. Điều phối viên xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã trình bày về quá trình xây dựng Kế hoạch.

- **Hỗ trợ tổ chức hội thảo công bố KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

Căn cứ theo yêu cầu của các tỉnh, Dự án đã hỗ trợ các Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh chuẩn bị các bài thuyết trình và chi trả chi phí hội thảo. Điều phối viên xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã trình bày về quá trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh:

- Ngày 7 tháng 11 năm 2018, tỉnh Sơn La
- Ngày 22 tháng năm 2018, tỉnh Hòa Bình
- Ngày 12 tháng 12 năm 2018, tỉnh Điện Biên
  - \* Tỉnh Lai Châu đã tự tiến hành tổ chức công bố KHHĐ REDD+ cấp tỉnh mà không có sự hỗ trợ của Dự án.

- **Hỗ trợ hội thảo Hệ thống Thông tin Đảm bảo An toàn (SIS)**

Đối với hội thảo SIS của các tỉnh Tây Bắc do Văn phòng REDD+ Việt Nam (VRO) tổ chức, Dự án đã hỗ trợ chi phí tham gia cho các đối tác Việt Nam đến từ 4 tỉnh Tây Bắc. Các kinh nghiệm của Dự án trong việc xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh, đặc biệt tập trung vào các biện pháp đảm bảo an toàn và các tác động đối với SIS đã được trình bày.

- **Tham gia hội thảo liên kết giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh, giám sát REDD+ quốc gia và SIS**

Một hội thảo của UN-REDD đã được tổ chức để thảo luận về các chỉ số chung cho các tỉnh thực hiện REDD+, dưới sự phối hợp với SIS, và phối hợp với giám sát và đánh giá Kế hoạch thực hiện REDD+

quốc gia (NRIP). Dự án đã trình bày về công tác giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh ở bốn tỉnh Tây Bắc. Mặc dù hội thảo không cho thấy kết quả rõ ràng nhưng rất hữu ích để các bên tham gia xem xét cách tiếp cận giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

## **Hoạt động 2-1 Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên**

### **Hoạt động 2-1-1 Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.**

Sau khi văn kiện Dự án chính thức được phê duyệt, tỉnh Điện Biên đã hoàn thành việc thành lập Ban Quản lý Dự án tỉnh (BQLDA) vào ngày 23 tháng 01 năm 2016 (quyết định số 68/QĐ-UBND)

Hội thảo khởi động cấp tỉnh được tổ chức vào ngày 4 tháng 8 năm 2017. Hội thảo đã đề xuất và thống nhất lộ trình sửa đổi KHHĐ REDD+ cấp tỉnh, thành lập Tổ công tác kỹ thuật chịu trách nhiệm sửa đổi Kế hoạch, và bổ sung các nhiệm vụ liên quan đến REDD+ vào chức năng của Ban chỉ đạo Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh. Ngoài ra, các dữ liệu và chính sách cấp tỉnh dữ liệu và chính sách đã được thu thập. Tổ Công tác kỹ thuật được thành lập vào ngày 18 tháng 8 năm 2017 và việc bổ sung các nhiệm vụ liên quan đến REDD+ vào chức năng của Ban chỉ đạo Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh đã được hoàn thành vào ngày 24 tháng 10 năm 2017.

### **Hoạt động 2-1-2 Điều chỉnh Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh**

Tỉnh Điện Biên đã chính thức là tỉnh đầu tiên ở Việt Nam phê duyệt KHHĐ REDD+ cấp tỉnh. Đã ba năm trôi qua kể từ thời điểm phê duyệt đó, vì thế dữ liệu cần được cập nhật. Bên cạnh đó, căn cứ theo Hướng dẫn xây dựng KHHĐ REDD+ quốc gia được ban hành vào tháng 12 năm 2015, cấu trúc và nội dung của KHHĐ REDD+ đã được phê duyệt của tỉnh Điện Biên cũng cần được sửa đổi cho phù hợp, và cuối cùng, các bên đi đến thống nhất là xây dựng một Kế hoạch mới thay vì điều chỉnh bản kế hoạch cũ. Theo đó, tỉnh Điện Biên về cơ bản thực hiện theo quy trình giống như ba tỉnh còn lại, nhưng cũng thực hiện vai trò chia sẻ kinh nghiệm xây dựng Kế hoạch trước đây.

Các bước và kết quả tiếp theo được mô tả bên dưới trong . Bảng giải thích các hành động và kết quả trong Hoạt động 2-1-2-1 và 2-1-2-2.

**Bảng 18: Các hành động chi tiết liên quan đến điều chỉnh KHHĐ REDD+ tỉnh Điện Biên**

	<b>Nội dung và thời gian thực hiện</b>	<b>Kết quả đầu ra</b>
<b>0</b>	Hội thảo khởi động cấp tỉnh đối với Hợp phần 2	Đã thống nhất lộ trình sửa đổi Kế hoạch, thành lập Tổ công tác kỹ thuật, bổ sung các nhiệm vụ liên quan đến REDD + vào chức năng của Ban chỉ đạo bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh. Công tác thu thập dữ liệu đã được bắt đầu.
<b>1</b>	Hội thảo khởi động chung về xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh được tổ chức vào ngày 3 - 5 tháng 10 năm 2016 tại Hà Nội	Kế hoạch ban đầu là chỉ mời ba tỉnh, nhưng khi Điện Biên quyết định xây dựng mới Kế hoạch của tỉnh, họ cũng tham gia hội thảo.
<b>2</b>	Hội thảo Tham vấn cấp tỉnh lần 1 Ngày 28 tháng 9 năm 2016 tại tỉnh Điện Biên	Phương pháp tiếp cận sửa đổi Kế hoạch, các bước thực hiện và trách nhiệm của các bên liên quan đã được thống nhất tại hội thảo. Các nguyên nhân gây mất rừng và các yếu tố để phục hồi rừng đã được phân tích, các biện pháp đối phó và tiêu chí lựa chọn các xã ưu tiên đã được thảo luận.
<b>3</b>	Tham vấn cấp huyện và xã lần thứ nhất Tháng 8 năm 2016 - tháng 11 năm 2016	Các nguyên nhân gây mất rừng và các yếu tố để phục hồi rừng đã được phân tích, các biện pháp đối phó và tiêu chí lựa chọn các xã ưu tiên đã được thảo luận.
<b>4</b>	Hội thảo Tham vấn cấp tỉnh lần 2 Ngày 1 tháng 12 năm 2016	Dự thảo Kế hoạch đã được chia sẻ với các bên liên quan cấp tỉnh và huyện để lấy ý kiến. Tính khả thi (chính sách, các huyện/xã mục tiêu, các hoạt động và kế hoạch ngân sách), các tác động đến môi trường và xã hội, cũng như những sắp xếp thể chế... đã được phân tích.

	<b>Nội dung và thời gian thực hiện</b>	<b>Kết quả đầu ra</b>
5	Tham vấn cấp huyện và xã lần thứ hai Tháng 9 năm 2016 - tháng 1 năm 2017	Dự thảo Kế hoạch đã được chia sẻ với các bên liên quan cấp tỉnh và huyện để lấy ý kiến. Tính khả thi (chính sách, hoạt động, kế hoạch ngân sách, sắp xếp thể chế) và các tác động đến môi trường và xã hội đã được phân tích.
6	Hội thảo soạn thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh Ngày 5-6 tháng 1 năm 2017	Dựa trên các kết quả trên, dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh cuối cùng đã được Tổ công tác hoàn thành.
7	Hội thảo Tham vấn cấp tỉnh lần 3 Ngày 24 tháng 2 năm 2017	Bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh cuối cùng đã được chia sẻ để tham khảo ý kiến chính thức.
8	Trình thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp Ngày gửi: 24/4/2017 Hoàn thành công tác thẩm định: 16/5/2017	Dựa trên kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp, KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được điều chỉnh để trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.
9	UBND tỉnh thẩm định và phê duyệt Ngày gửi 13/6/2017 Phê duyệt ngày: 21/8/2017	Sau khi được thẩm định và điều chỉnh, KHHĐ REDD+ của tỉnh Điện Biên đã được phê duyệt chính thức.
10	Hội thảo phổ biến KHHĐ REDD+ cấp tỉnh Ngày 12 tháng 12 năm 2017	(Các hoạt động bổ sung cho ma trận thiết kế dự án) KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được phổ biến cho các bên liên quan của tỉnh và những thách thức đối với việc thực hiện Kế hoạch đã được thảo luận.

\* Các cuộc họp của Tổ công tác kỹ thuật và các nhiệm vụ liên quan được thực hiện trước và sau các cuộc hội thảo.

\* Tại các cuộc họp tham vấn cấp huyện/xã lần 1 và 2, các cán bộ tư vấn Việt Nam đã được tuyển dụng để thực hiện các hoạt động liên quan. Các cán bộ tư vấn đã tổ chức tập huấn về các phương pháp tham vấn, đồng thời cũng tập huấn thực hành tại buổi tham vấn đầu tiên cho Tổ công tác kỹ thuật. Đối với đợt tham vấn cấp huyện/xã lần 2, một thúc đẩy viên của bên thứ ba đã được huy động để đi cùng với các cán bộ Tổ công tác trong buổi tham vấn nhằm đảm bảo tính minh bạch của các cuộc tham vấn.

\* Ngoài ra, cán bộ địa phương (điều phối viên xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh) đã thực hiện nhiều chuyến công tác tới các tỉnh để hỗ trợ Tổ công tác điều chỉnh và hoàn thiện dự thảo Kế hoạch.<sup>4</sup>

### **Hoạt động 2-1-2-1 Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác bao gồm phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi, và kết quả tham vấn với các bên tham gia.**

Xem Nội dung hành động phần 1 - 7 ở trên.

### **Activity 2-1-2-2 Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức**

Xem Nội dung hành động phần 8 - 9 ở trên.

### **Hoạt động 2-1-2-3 Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh**

Hoạt động này ban đầu không được nêu trong Ma trận thiết kế dự án. Tuy nhiên, do Hướng dẫn xây dựng KHHĐ REDD+ quốc gia không đưa ra hướng dẫn và quy trình để giám sát và đánh giá cụ thể, Sở NN & PTNT của bốn tỉnh đã yêu cầu Dự án hỗ trợ và phần này đã được bổ sung vào Ma trận thiết kế dự án phiên bản 3 vào ngày 1/4/2018. Theo Ma trận thiết kế dự án này, các hoạt động dự kiến sẽ được tiến hành từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 1 năm 2019. Phản ánh ý kiến từ phía Việt Nam rằng việc giám sát chỉ có thể được thực hiện sau khi hoàn thành việc tổng hợp các dữ liệu rừng cấp tỉnh khác nhau cho năm 2018, thời hạn hoàn thành mục tiêu mới được thống nhất là tháng 4 năm 2019 (kéo dài thêm 3 tháng)

### **Cách tiếp cận cơ bản để hỗ trợ giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

Trong việc hỗ trợ giám sát thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh, quyền sở hữu của phía Việt Nam được nhấn

<sup>4</sup>Được phê duyệt vào tháng 5 năm 2014 với sự hỗ trợ của Dự án thí điểm REDD+ được thực hiện tại tỉnh Điện Biên (Hỗ trợ kỹ thuật, tháng 3 năm 2012 - tháng 9 năm 2013)

manh và các nội dung sau đã được thống nhất là cách tiếp cận cơ bản khi xem xét chính sách và ngân sách của Dự án:

- Hỗ trợ nâng cao năng lực giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh phù hợp với nhu cầu của các tỉnh.
- Các cố vấn của Dự án sẽ tư vấn về việc thực hiện việc giám sát một cách hiệu quả. Tuy nhiên, mỗi tỉnh sẽ chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu, phân tích và lập báo cáo.
- Hỗ trợ chỉ dành cho giám sát PRAP vào năm 2018 và không bao gồm giám sát vào năm 2019 và đánh giá vào năm 2020.
- Xây dựng tài liệu hướng dẫn giám sát thực hiện Kế hoạch dựa vào kinh nghiệm giám sát năm 2018 để có thể sử dụng cho việc giám sát năm 2019 (cũng là tài liệu tham khảo cho các tỉnh khác)
- Vì các Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã giải tán sau khi các Kế hoạch được phê duyệt, trách nhiệm và cơ chế tổ chức cho từng tỉnh cần được làm rõ để giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh (do đó, hầu hết các nhân sự trước đó đã được bổ nhiệm lại làm thành viên Tổ công tác kỹ thuật)
- Hòa Bình là tỉnh được lấy làm tiền lệ, ba tỉnh còn lại được tiến hành theo đó với sự điều chỉnh về mặt quy trình.

### **Phạm vi và các bước giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

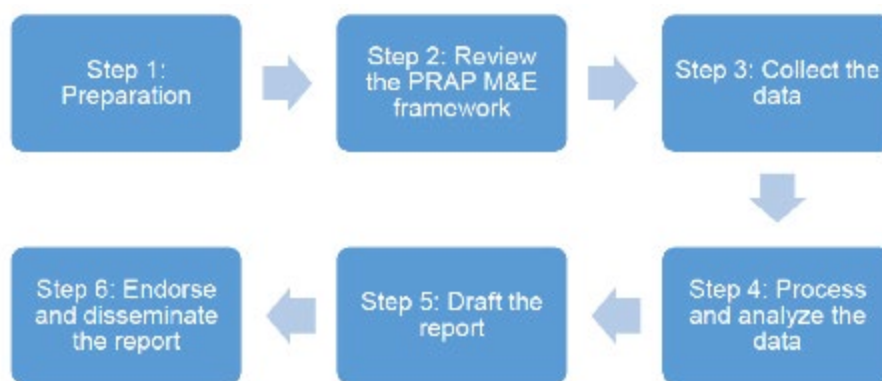
Giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của báo cáo chính phủ, đồng thời cũng phải đáp ứng các yêu cầu của REDD+, chẳng hạn như giám sát đảm bảo an toàn. Báo cáo giám sát được thống nhất là phải bao gồm các nội dung sau. Hướng dẫn giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh (dự thảo lần 1) đã được chuẩn bị trước để nâng cao hiểu biết chung giữa Dự án và các đội ngũ cán bộ cấp tỉnh về mục tiêu, các bước, nhiệm vụ chi tiết và các vấn đề cần xem xét, v.v.

**Bảng 19: Phạm vi giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

Loại hình giám sát	Khung kết quả	Khung lợi ích/rủi ro xã hội và môi trường
Quy mô giám sát	Toàn tỉnh	
Tổ chức giám sát	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
Năm giám sát	2018	
Mức độ giám sát	Chỉ mức kết quả	Như được mô tả trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh
Phương pháp giám sát	Định lượng	Định tính (Cả định lượng nếu cần)
Nguồn thông tin	Thông tin về hiện trạng rừng, chính sách và Hệ thống theo dõi diễn biến rừng... của tỉnh	Dữ liệu kinh tế - xã hội của tỉnh (thông tin chính từ các hoạt động thí điểm tại các xã thí điểm cũng sẽ được xem xét)

### **Các bước chung:**

- Bước 1: Xác định đề cương báo cáo, quy trình làm việc, thủ tục và trách nhiệm.
- Bước 2: Rà soát khung giám sát và đánh giá theo tính khả thi của việc giám sát và thực hiện điều chỉnh cần thiết. Đồng thời, quyết định phương pháp thu thập dữ liệu, phân tích/định dạng trình bày dữ liệu và quy trình lập báo cáo.
- Bước 3: Thu thập dữ liệu giám sát theo quy trình làm việc.
- Bước 4: Kiểm tra chất lượng của dữ liệu thu thập được và phân tích nội dung.
- Bước 5: Dự thảo báo cáo giám sát.
- Bước 6: Trình UBND tỉnh phê duyệt và công bố báo cáo.



**Hình 3: Các bước giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

Dựa vào các bước được xác định ở trên, việc giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh được tiến hành theo các quy trình và kết quả thực tế, như sau. Ngoài ra, các cán bộ địa phương (điều phối viên PRAP) đã đến Điện Biên tổng cộng ba lần để hỗ trợ công tác giám sát của Tổ công tác kỹ thuật.

**Bảng 20: Quy trình và kết quả giám sát PRAP tại Điện Biên**

	Nội dung và thời gian thực hiện	Kết quả đầu ra
1	Hội thảo khởi động chung về giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh Ngày 7 tháng 12 năm 2018	Thủ tục và quy trình giám sát PRAP đã được thống nhất và công việc giám sát được thực hiện.
2	Tổ công tác kỹ thuật thực hiện khảo sát trên xã được lựa chọn làm mẫu Tháng 1 năm 2019	Tổ công tác kỹ thuật đã đến một huyện được lựa chọn làm mẫu và một số xã trong huyện để xác minh thông tin do cán bộ huyện và xã thu thập, và qua đó trao đổi thông tin nhằm nâng cao hiểu biết của họ về giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.
3	Phê duyệt Báo cáo Giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 2018 Ngày 8 tháng 5 năm 2019, quyết định số 84/SNN-LN	UBND tỉnh đã phê duyệt Báo cáo giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 2018.

Kết quả giám sát, 6 trong số 7 mục tiêu đã đạt được và 1 mục không đạt được căn cứ theo khung kết quả. Các phát hiện bao gồm sự cần thiết của việc đặt ra các mục tiêu thích hợp hơn cho các hoạt động trồng rừng chưa đạt được, và khuyến khích dân làng tham gia vào các hoạt động trồng rừng. Liên quan đến khung lợi ích/rủi ro xã hội và môi trường, các tác động trung bình hoặc cao hơn được thể hiện ở 6 trong số 7 mục tiêu. Điều đáng quan tâm chính là những thay đổi trong tập quán canh tác truyền thống và văn hóa của người dân các thôn/bản do tác động các hoạt động trồng rừng mang lại, các hạn chế đối với canh tác nương rẫy và hạn chế khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ (LSNG) từ rừng. Những hạn chế này, tuy không hẳn được đánh giá là những tác động tiêu cực, nhưng cũng cần phải tiếp tục lưu ý tới những tác động như vậy tới người dân địa phương. Kết quả chung, 3 trong số 7 mục tiêu được đánh giá là đủ và 4 mục tiêu được đánh giá là chưa đủ, và các biện pháp mô tả ở trên đã được đề xuất để khắc phục đối với các mục tiêu chưa được thực hiện đầy đủ. Xem “Báo cáo giám sát KHHĐ REDD+ của tỉnh Điện Biên 2018” để biết chi tiết về kết quả giám sát và đánh giá.

#### **Xây dựng Hướng dẫn Giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

Dựa vào những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế giám sát KHHĐ REDD+ tại bốn tỉnh, trong đó có Điện Biên, Hướng dẫn Giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh (tháng 4 năm 2019) đã được xây dựng bằng tiếng Việt và tiếng Anh, được chia sẻ với bốn tỉnh và BQLDA trung ương.

#### **Hoạt động 2-1-3 Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa vào bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh tại các xã thí điểm mới được lựa chọn.**

##### **Hoạt động 2-1-3-1 Chọn một xã thí điểm**

Đối với việc lựa chọn xã thí điểm, sử dụng bản đồ điều tra rừng (NFIMAP) và dữ liệu Điều tra và Thống kê rừng Quốc gia, các xã ưu tiên được xếp hạng dựa trên các tiêu chí lựa chọn (1) diện tích rừng hiện

có (2) diện tích tiềm năng để trồng rừng (đất trống) và (3) tỷ lệ phá rừng năm 2005-2010.

Dựa trên kết quả và các điểm cần xem xét bổ sung như khả năng tiếp cận, xã Pá Khoang đã được chọn làm xã thí điểm sau khi thảo luận với UBND tỉnh và Sở NN & PTNT tỉnh Điện Biên vào tháng 7/2016.

#### **Hoạt động 2-1-3-2 Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm**

Một cuộc điều tra kinh tế xã hội ở cấp thôn đã được thực hiện vào tháng 8 năm 2016 tại một xã thí điểm được lựa chọn để thu thập thông tin cơ bản, bao gồm thực trạng sử dụng đất, thực trạng rừng, chi trả DVMTR, quỹ thôn/bản và khả năng tiếp cận tài chính, được sử dụng làm thông tin cơ bản trong quy hoạch hoạt động thí điểm ở cấp thôn/bản.

#### **Hoạt động 2-1-3-3 Lập bản đồ rừng của xã thí điểm**

Hình ảnh vệ tinh có độ phân giải rất cao (Pleiades) chụp toàn bộ xã Pá Khoang đã được mua để dùng cho công tác lập kế hoạch hoạt động quản lý rừng ở cấp thôn/bản. Hình ảnh đã giúp xác định các khu vực trồng rừng và tái sinh rừng dựa trên hiện trạng rừng cùng với người dân.

Dự án cũng đã lập bản đồ quản lý rừng tại xã thí điểm để xác định các khu vực tiềm năng trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng tại các thôn/bản.

#### **Hoạt động 2-1-3-4 Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm**

Hoạt động này nhằm xác định phạm vi địa lý của các khu vực rừng do người dân trong mỗi thôn/bản quản lý. Tuy nhiên, khu vực chịu trách nhiệm quản lý rừng thôn bản có thể đã rõ ràng dựa trên việc giao đất và chi trả DVMTR, và ranh giới thôn bản không phải là địa giới hành chính chính thức do chính phủ quy định, do đó, sự cần thiết của hỗ trợ cho hoạt động này đã được thảo luận với BQLDA cấp tỉnh và các đơn vị liên quan.

Tại tỉnh Điện Biên, Ban QLDA tỉnh đã quyết định hỗ trợ hoạt động này, vì vậy chúng tôi đã tiến hành tổ chức cuộc họp tham vấn và khảo sát thực địa để xác định ranh giới các bản ở xã Pá Khoang bắt đầu từ tháng 8/2017. Đầu tiên, một bản đồ ranh giới bản được phác thảo dựa trên dữ liệu hiện có cùng với các ảnh vệ tinh. Thứ hai, các cuộc họp tham vấn cấp bản đã được tổ chức tại các bản mục tiêu và các bản lân cận để thảo luận về bản đồ phác thảo. Ngoài ra, một số khu vực tranh chấp hoặc không có ranh giới rõ ràng cũng được khảo sát để thu thập ý kiến đồng thuận của đại diện của các bản mục tiêu, các bản liền kề và các cán bộ UBND xã. Ranh giới giữa các bản của xã thí điểm đã được UBND xã phê duyệt và bản đồ ranh giới giữa các bản đã được lập làm cơ sở phân định ranh giới như đã được thống nhất.

#### **Hoạt động 2-1-3-5 Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm**

Về chính sách đảm bảo an toàn của REDD+, điều cần thiết là phải giải thích về mục tiêu của Dự án cho các đơn vị liên quan và người dân trong khu vực mục tiêu để có được sự đồng thuận của họ trước khi thực hiện dự án. Do đó, để đảm bảo hiểu rõ bối cảnh, mục đích và nội dung của Dự án và đạt được sự thống nhất khi bắt đầu Dự án, một hội thảo giới thiệu REDD+ đã được tổ chức tại xã Pá Khoang tại phòng họp UBND xã vào ngày 18 tháng 8 năm 2016. Tham dự hội thảo có 58 đại biểu, trong đó có 8 phụ nữ và 40 người dân tộc thiểu số và họ đã thống nhất việc thực hiện các hoạt động REDD+.

#### **Hoạt động 2-1-3-6 Xây dựng cơ cấu thực hiện các hoạt động REDD+ đối với các xã thí điểm**

Chín (9) cán bộ khuyến nông đã được UBND huyện, UBND xã và Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng cử tham gia dưới sự phối hợp với các sở ngành liên quan đã có đại diện tham gia hội thảo giới thiệu REDD+. Để thực hiện Dự án tại xã thí điểm, vai trò và trách nhiệm của UBND xã đã được làm rõ trong việc phê duyệt kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm của các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.

#### **Hoạt động 2-1-3-7 Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên**

Các lớp tập huấn cho các thúc đẩy viên được tổ chức với sự tham dự của các cán bộ thúc đẩy/cán bộ khuyến nông do các ban ngành liên quan lựa chọn như mô tả trong hoạt động 2-1-3-6 nhằm mục đích nâng cao năng lực trong lập kế hoạch có sự tham gia. Đầu tiên, các bài giảng và đào tạo tại chỗ được thực hiện trong ba ngày về các biện pháp hạn chế sự nóng lên toàn cầu, REDD+, các phương pháp tiếp cận có sự tham gia và kỹ năng thúc đẩy người dân và các bên liên quan tham gia thực hiện các hoạt động của dự án. Ngoài ra, tập huấn về lập kế hoạch quản lý rừng và các hoạt động phát triển sinh kế cũng được tổ chức. Tại tỉnh Điện Biên, một số thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông có kinh nghiệm thực



hiện dự án trước đây của JICA, được gọi là Quản lý rừng bền vững ở lưu vực Tây Bắc (SUSFORM-NOW), đã được lựa chọn tham gia vào Dự án này. Nhờ đó, họ hiểu rõ hơn về nội dung và phương pháp của Dự án, chính vì thế việc triển khai diễn ra suôn sẻ.

### **Hoạt động 2-1-3-8 Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thành kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).**

Kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2016, các cuộc họp lập kế hoạch cấp bản đã được tổ chức tại tất cả 21 bản trong xã thí điểm. Nội dung chính của các cuộc họp như sau.

- Buổi họp đầu tiên: Giải thích về các mục tiêu và chính sách hỗ trợ của Dự án, qua đó thống nhất với người dân trước khi thực hiện dự án.
- Cuộc họp thứ hai: Phân tích vấn đề về tài nguyên rừng, thành lập Ban quản lý bản về quản lý rừng/phát triển sinh kế, lựa chọn các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế, và lập kế hoạch 5 năm
- Cuộc họp thứ ba: Xây dựng kế hoạch hàng năm về các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế

Để nhân rộng các hoạt động và áp dụng các sáng kiến kinh nghiệm từ dự án SUSFORM-NOW sang các khu vực khác, quy trình lập kế hoạch cấp bản về cơ bản là áp dụng theo quy trình lập kế hoạch có sự tham gia như đã áp dụng đối với dự án SUSFORM-NOW.

Thành phần tham dự tại các cuộc họp như sau. Trong cuộc họp đầu tiên, chỉ một phần tư số người tham gia là phụ nữ, nhưng ở những cuộc họp tiếp theo, hơn một nửa số người tham dự là nữ giới, điều đó cho thấy sự tham gia tích cực của phụ nữ trong giai đoạn lập kế hoạch.

**Bảng 21: Thành phần tham dự các cuộc họp lập kế hoạch tại tỉnh Điện Biên**

	Số ngày	Người tham dự:	Nữ giới	Dân tộc thiểu số
Cuộc họp lên kế hoạch bản lần thứ nhất	0,5	861	227 (26%)	861 (100%)
Cuộc họp lên kế hoạch bản lần thứ hai	0,5	836	460 (55%)	836 (100%)
Cuộc họp lên kế hoạch bản lần thứ ba	0,5	834	502 (60%)	834 (100%)

### **Hoạt động 2-1-3-9 UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK**

Kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm của các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế bản được xây dựng thông qua ba cuộc họp lập kế hoạch. Các kế hoạch này đã được tổng hợp và thảo luận trong hội thảo với các tổ chức liên quan ở tỉnh/huyện/xã và người dân bản. Trên cơ sở kết quả tham vấn, kế hoạch đã được điều chỉnh và được UBND xã phê duyệt vào ngày 8/11/2016.

### **Hoạt động 2-1-3-10 Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9**

Kết quả của các hoạt động quản lý rừng được thực hiện tại xã Pá Khoang như sau. Để nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông, lớp tập huấn giảng viên đã được tiến hành và cán bộ khuyến nông đã tập huấn về kỹ thuật trồng và bảo vệ rừng cho những người tham gia. Ngoài ra, để đảm bảo sự phối hợp hiệu quả với các hoạt động theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, các Tổ tuần tra rừng cấp bản (TTRCB) đã được thành lập, tiếp theo đó là các hoạt động tập huấn được thực hiện sử dụng sổ tay theo dõi diễn biến rừng và các cán bộ được đào tạo thông qua đào tạo theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

**Bảng 22: Kết quả hoạt động quản lý rừng ở tỉnh Điện Biên**

	<b>Hoạt động</b>	<b>Số bản</b>	<b>Số hộ gia đình</b>	<b>Diện tích (ha) (Kế hoạch)</b>	<b>Diện tích (ha) (Thực tế)</b>	<b>Đầu vào</b>	<b>Loài cây</b>
1	Bảo vệ rừng	21	264	1.202	1.202	Thành lập TTR cấp bản và thực hiện tuần tra rừng, lắp đặt biển chỉ dẫn	-
2	Trồng rừng	17	252	115,2	90,11	101.942 cây giống Biển chỉ dẫn	<i>Giới xanh, thông, vối thuốc, trám đen</i>
3	Khoanh nuôi tái sinh rừng	-	-	131,0	130,0	Biển chỉ dẫn	-
4	Trồng cây phân tán	21	1.135	-	-	35.712 cây giống Biển chỉ dẫn	<i>Giới xanh, trám, sấu, lát hoa</i>
5	Quy chế quản lý rừng cấp bản	21	-	-	-	-	-
6	Xác định ranh giới bản	21	-	-	-	-	-

(Tính đến tháng 6 năm 2020)

**Hoạt động 2-1-3-11 Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9**

Kết quả của các hoạt động phát triển sinh kế được thực hiện tại xã Pá Khoang như sau. Dự án đã hỗ trợ (1) xác định các hộ tham gia, (2) mua hạt giống, cây giống và các vật tư, thiết bị khác, (3) đào tạo kỹ thuật (chuẩn bị cho người hướng dẫn, đào tạo cán bộ khuyến nông và đào tạo người tham gia), và (4) phân phối vật tư và thiết bị cần thiết. Để đảm bảo quyền của những người tham gia và tính bền vững của hoạt động, các hộ tham gia phải chia sẻ chi phí đầu tư ban đầu trong phạm vi có thể của chính sách hỗ trợ (ví dụ: 50% chi phí đầu tư ban đầu cho bếp Lào, miễn phí đối với 10 cây ăn quả giống và tính 50% chi phí mỗi cây giống từ cây thứ 11 trở đi) và khoản đóng góp này được gửi vào quỹ bản để sử dụng chủ yếu cho các hoạt động quản lý rừng.

Kết quả của hỗ trợ được hiển thị trong bên dưới. Đối với hoạt động xây dựng bể khí sinh học, dự án đã thực hiện nghiên cứu khả thi đối với các hộ đăng ký tham gia. Kết quả cho thấy rằng không có vị trí phù hợp để xây dựng bể khí sinh học và thiếu nguyên liệu lên men. Do đó, hoạt động này không khả thi về tính bền vững và vì thế đã bị hủy bỏ.

**Bảng 23: Kết quả hoạt động phát triển sinh kế ở tỉnh Điện Biên**

	<b>Hoạt động</b>	<b>Số bản</b>	<b>Số hộ gia đình</b>	<b>Đầu vào</b>	<b>Loài cây trồng</b>	<b>Chi tiết các hoạt động</b>
1	Trồng rau (vụ thu đông)	21	746	Hạt giống: 696,235g	Su hào, hành tây, tỏi, cải bẹ, bí xanh	Đào tạo kỹ thuật, cung cấp hạt giống
	Trồng rau (vụ xuân hè)	21	728	Hạt giống: 41,960g	Bí ngòi, bông cải xanh, rau chân vịt	Đào tạo kỹ thuật, cung cấp hạt giống
2	Trồng cây ăn quả	21	869	Cây giống: 16.307	Bưởi, đào, xoài, mận, chanh bốn mùa	Đào tạo kỹ thuật, cung cấp hạt giống
3	Trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi	21	404	Cây giống: 16.160	Cỏ Gatemala	Đào tạo kỹ thuật, cung cấp hom giống/cây giống
4	Bếp đun cải tiến (Bếp Lào)	20	377	396	-	Bếp đun cải tiến

	Bếp đun cải tiến	8	90	xi măng, dây sắt, khuôn		Đào tạo kỹ thuật, cung cấp vật liệu (xi măng, dây sắt, v.v.) và khuôn
5	Xây dựng và lắp đặt bể khí sinh học	Huỷ bỏ			-	Tham quan học tập
6	Nuôi cá	21	153	Cung cấp cá giống: 400.800	Cá trắm cỏ, cá trôi, cá rô phi, cá mè, cá chép, cá rô	Đào tạo Kỹ thuật, cung cấp cá giống, tiếp thị bán sản phẩm
7	Nuôi ong	8	40	Tổ ong: 130	-	Đào tạo kỹ thuật, cung cấp cây giống, tham quan học tập, cung cấp thiết bị, tiếp thị sản phẩm
8	Trồng tre	21	659	Cây giống: 6.720	Tre Đài Loan	Đào tạo kỹ thuật, cung cấp hạt giống

(Tính đến tháng 6 năm 2020)

Mặc dù không nằm trong Kế hoạch phát triển sinh kế cấp bản, nhưng Dự án đã hỗ trợ thiết kế, lập hồ sơ và thực hiện dự án xây dựng đường trong bản (1,8 km) tại xã Pá Khoang do Đại sứ quán Nhật Bản hỗ trợ cho các Dự án An ninh con người cấp cơ sở vào năm 2019.

#### **Hoạt động 2-1-3-12 Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản bởi các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm.**

Các hoạt động được thực hiện trong mục 2-1-3-11 đã được giám sát đầy đủ và các đầu vào bổ sung đã được cung cấp trong một chu trình PDCA bất cứ khi nào cần thiết. Đối với công tác quản lý rừng, Dự án đã tham gia các cuộc họp thường xuyên của UBND xã và đại diện bản để tạo điều kiện cho hoạt động tuần tra bảo vệ rừng và hướng dẫn giải quyết các vấn đề trong quá trình triển khai hoạt động.

Đối với hoạt động cải thiện sinh kế, chúng tôi hỗ trợ kiểm tra chất lượng mật ong và cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của hợp tác xã Pá Khoang để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm mật ong, đồng thời hỗ trợ thêm về kỹ thuật cho hoạt động nuôi ong. Đối với hoạt động nuôi cá, một bể chứa nước đã được đưa vào thử nghiệm để thúc đẩy việc bán cá tươi sống trong xã.

#### **Hoạt động 2-1-3-13 Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+**

Để giám sát tiến độ và kết quả của các hoạt động đã triển khai, hoạt động giám sát 6 tháng/lần đã được triển khai tổng cộng bốn lần kể từ tháng 10 năm 2018. Kết quả giám sát đã được chia sẻ với BQLDA cấp tỉnh để xác nhận tiến độ và thảo luận các vấn đề cần được cải thiện thêm. Ngoài ra, các kết quả, bài học kinh nghiệm và đề xuất đã được tổng hợp trong một báo cáo giám sát. Kết quả giám sát được tóm tắt như sau

[Hoạt động quản lý rừng]

- Tại các xã mục tiêu, ranh giới bản được phân định để xác định khu vực quản lý rừng của từng bản, quy ước phát triển và bảo vệ rừng thôn bản được xây dựng và thành lập Tổ tuần tra rừng tại các bản để tăng cường hoạt động quản lý, bảo vệ rừng.
- Thông qua các TTR cấp bản, các hoạt động tuần tra được thực hiện trung bình 9 lần/tháng vào năm 2019 và 7,7/tháng lần vào năm 2020. Ngoài ra, 30% tiền DVMTR được phân bổ cho các bản được sử dụng để chi trả cho các hoạt động tuần tra, bảo vệ rừng của TTR. Tổng số tiền DVMTR được giao cho các xã là 1.197,32 triệu đồng.
- Theo kết quả của các hoạt động của TTR cấp bản, 53 trường hợp vi phạm đã được phát hiện và được báo cáo vào tháng 3 năm 2020. Khai thác gỗ trái phép (25 vụ), lấn chiếm đất rừng (22 vụ), cháy rừng và chuyển đổi đất lâm nghiệp thành đất nông nghiệp đã được báo cáo. Một số vụ vi phạm tuy không nghiêm trọng nhưng vẫn đã được trao đổi với kiểm lâm xã và Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng để hướng dẫn người dân chăn nuôi phù hợp.
- Ngoài ra, Dự án đã hỗ trợ 90,11 ha trồng rừng tại 17 bản. Tỷ lệ sống của cây trồng là 57%, số bị chết chủ yếu do vật nuôi phá hoại. Tuy nhiên, đến năm 2020, cây đã phát triển chiều cao đến khoảng 1,4 mét và vì thế không có báo cáo nào về thiệt hại cây trồng do vật nuôi gây ra kể từ năm 2019.

- Hoạt động khoanh nuôi tái sinh đối với 130 ha rừng được khuyến khích thực hiện ở 7 bản. Dự án đã lắp đặt các biển báo tại các khu vực khoanh nuôi tái sinh rừng, nhưng cho đến nay vẫn chưa có hoạt động can thiệp cụ thể nào được thực hiện (ví dụ như làm cỏ).

[Hoạt động phát triển sinh kế]

- Việc nuôi ong được hỗ trợ với việc cung cấp tổ ong cải tiến và tập huấn kỹ thuật cho 40 hộ gia đình ở 8 bản. Nhờ sự hỗ trợ, năng suất và thu nhập từ nuôi ong đã được cải thiện so với nuôi ong theo phương pháp truyền thống. Để mở rộng thị trường tiêu thụ mật ong và đa dạng hóa lựa chọn bán hàng, Dự án đã hỗ trợ kiểm tra chất lượng mật ong và được cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Trong tương lai, UBND xã dự kiến sẽ đăng ký sản phẩm mật ong là Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để mở rộng lựa chọn bán hàng và tăng thu nhập từ việc bán hàng.

- Bếp đun cải tiến được hỗ trợ bằng cách cung cấp bếp Lào cho người dân tham gia để giảm tiêu thụ củi và thời gian lấy củi. 89,5% người tham gia vẫn đang sử dụng bếp Lào hàng ngày, nhưng 10,1% số bếp đã bị hỏng. Dự án đã giới thiệu với 90 hộ gia đình một loại bếp đun cải tiến khác được làm bằng bê tông để người dân trong bản có thể tự sản xuất được. Mô hình bếp đun cải tiến này được học tập từ tỉnh Sơn La. Loại hình bếp đun cải tiến này đã được 145 hộ gia đình tiếp cận và sử dụng mà không cần bất kỳ sự hỗ trợ nào từ Dự án.



Bếp đun cải tiến (trái) và Bếp Lào (phải)

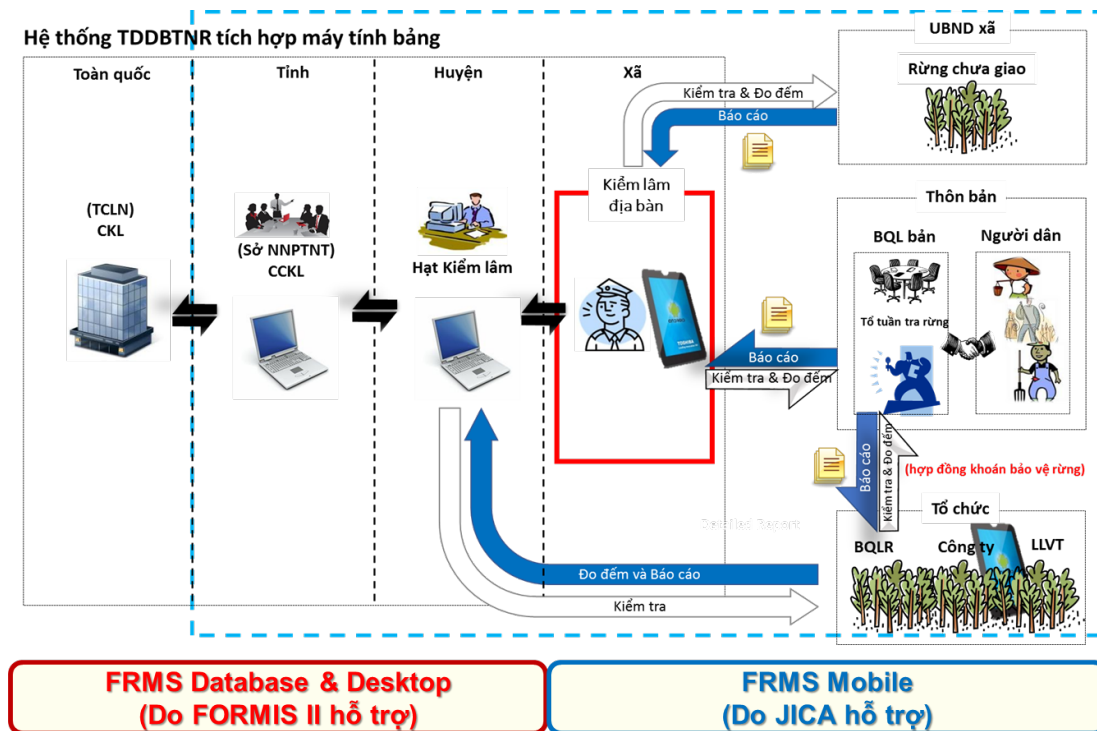
- Gần như tất cả 153 hộ tham gia hoạt động nuôi cá đều cho biết sẽ tiếp tục hoạt động này, và tính đến tháng 5 năm 2020, 83 hộ đã bắt đầu bán cá, 62 trong số đó có lãi và mong muốn tiếp tục hoạt động này.
- Đối với hoạt động cây ăn quả, tỷ lệ sống trung bình thấp khoảng 42,1% do bị phá hoại trong những năm gần đây và hạn hán tại thời điểm trồng.
- Tỷ lệ sống của cò làm thức ăn gia súc là 66,17% ở Guatemala và 60,48% ở VA06, nhưng 90% số hộ tham gia đã thu hoạch cò và sử dụng làm thức ăn cho gia súc và cá.
- Hầu hết tất cả những người tham gia đều thu hoạch rau và sử dụng cho bữa ăn hàng ngày. Ngoài ra, họ vẫn tiếp tục trồng rau trong vườn nhà mình.
- Tỷ lệ sống của cây măng đắng rất thấp (23,4%) do thời điểm trồng bị khô hạn và đất khô.

Trong số các hoạt động trên, "Quản lý rừng thôn bản và chi trả DVMTR", "Bếp nấu cải tiến" và "Nuôi ong và tiếp thị" đã được tổng hợp thành báo cáo Thực hành tốt.

**Hoạt động 2-1-4 Nâng cao năng lực vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng**  
**Hoạt động 2-1-4-1 Rà soát Hệ thống TDDBR cấp tỉnh do Dự án SUSFORM-NOW xây dựng**

Hệ thống TDDBR cấp tỉnh được xây dựng trong giai đoạn Dự án SUSFORM-NOW đã được chỉnh sửa khi xem xét đến nhu cầu mở rộng ra quy mô toàn tỉnh trong Dự án SNRM. Kết quả rà soát cho thấy, hoạt động nâng cao năng lực cho các cấp quản lý được xem là một hoạt động tập huấn quan trọng cho các nhà quản lý để triển khai vận hành Hệ thống TDDBR ở quy mô toàn tỉnh.

Hình 4 dưới đây trình bày cấu trúc chung của Hệ thống TDDBR. Dự án đã phối hợp với Dự án FORMIS II do chính phủ Phần lan tài trợ để tích hợp Ứng dụng Di động FRMS Mobile để thu thập và báo cáo diễn biến rừng từ thực địa làm dữ liệu đầu vào cho cập nhật diễn biến rừng bằng Phần mềm do Dự án FORMIS II phát triển và để mở rộng Ứng dụng di động ra quy mô toàn tỉnh.



Hình 4: Cấu trúc chung Hệ thống TDDBR

#### Hoạt động 2-1-4-2 Đánh giá nhu cầu năng lực của đội ngũ vận hành Hệ thống.

Hoạt động đánh giá nhu cầu nâng cao năng lực cho đội ngũ kiểm lâm địa bàn, những người trực tiếp vận hành theo dõi diễn biến rừng, được thường xuyên thực hiện tại các cuộc họp Tổ chuyên trách vận hành Hệ thống TDDBR cấp tỉnh.

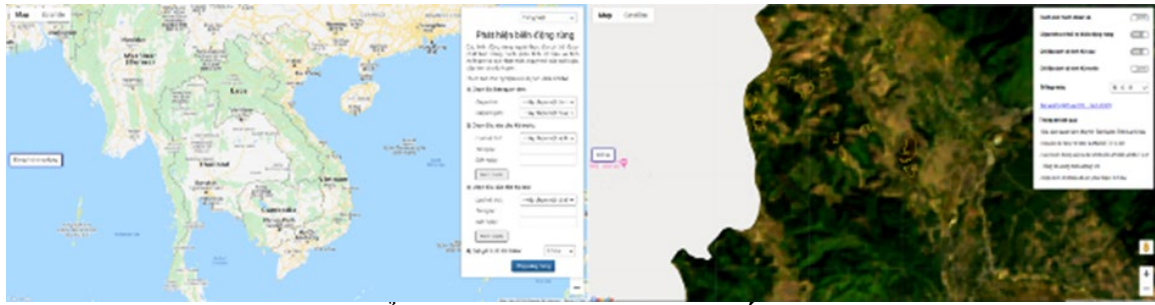
Việc tổ chức các lớp tập huấn tiêu giáo viên và tập huấn mở rộng, cùng với việc cung cấp các hỗ trợ về mặt kỹ thuật và quản lý là các ví dụ cụ thể về đánh giá nhu cầu. Các nhu cầu này được phản ánh thông qua các chương trình đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ vận hành Hệ thống TDDBR.

#### Hoạt động 2-1-4-3 Soạn thảo nội dung tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng.

Các chương trình đào tạo tập huấn nâng cao năng lực theo dõi diễn biến rừng sử dụng máy tính bảng cho các CCKL và các Ban quản lý rừng đã được xây dựng có xem xét đến nhu cầu mở rộng ra địa bàn toàn tỉnh. Cụ thể, đã tổ chức (1) các lớp tập huấn tiêu giáo viên cho các cán bộ kỹ thuật cấp tỉnh, (2) các lớp tập huấn mở rộng nhằm mở rộng Hệ thống TDDBR ra địa bàn toàn tỉnh dành cho các kiểm lâm địa bàn, (3) các chương trình tập huấn cho các cấp quản lý về quản lý và vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng.

Ngoài ra, các nội dung về kiểm soát, đảm bảo chất lượng nhằm cải thiện chất lượng số liệu theo dõi diễn biến rừng cũng đã được đưa vào chương trình nâng cao năng lực do theo dõi diễn biến rừng sử dụng máy tính bảng là một phương pháp mới đối với Việt Nam.

Một trong những điều kiện tiên quyết của Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng là sự tham gia của người dân địa phương. Tuy nhiên, sự thực là rất khó khăn khi phát hiện những điểm có thể có biến động rừng ngoài thực địa trong các chuyến tuần tra rừng của người dân địa phương và các kiểm lâm địa bàn. Do đó, Dự án đã phát triển một giải pháp phát hiện các điểm có thể có mất rừng sử dụng ảnh vệ tinh thông qua một hệ thống sáng tạo, Google Earth Engine (GEE), nhằm giảm thiểu các báo cáo thiếu. Bên cạnh đó, Dự án cũng phát triển một hệ thống khác, tự động gửi thư điện tử cho những người có trách nhiệm nếu có biến động rừng được phát hiện. Hệ thống này có tên gọi là Cảnh báo sớm mất rừng. Cả hai hệ thống này đều được ngành kiểm lâm đánh giá rất cao. Ứng dụng GEE hiện đang được quản lý và vận hành bởi Cục Kiểm lâm tại địa chỉ <http://canhbaomatrung.kiemlam.org.vn> trong khi các thư điện tử đang được gửi đến các Chi cục Kiểm lâm vùng và Chi cục Kiểm lâm tỉnh của các tỉnh có rừng.



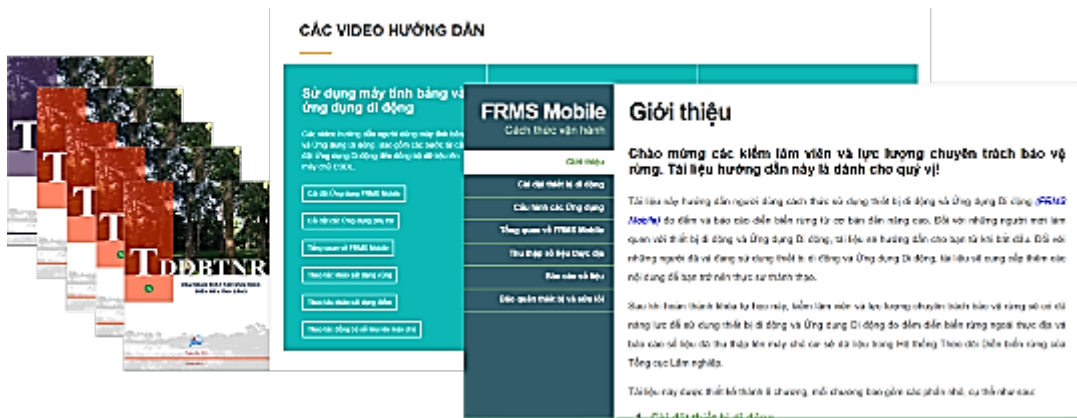
**Hình 5: Ảnh chụp màn hình của Hệ thống GEE**

**Hoạt động 2-1-4-4 Thực hiện các khóa tập huấn theo Hoạt động 2-1-4-3.**

Các khóa tập huấn cho các cấp quản lý, các lớp tập huấn tiểu giáo viên, tập huấn mở rộng đã được tổ chức theo các hoạt động 2-1-4-2 và 2-1-4-3. Mục tiêu của các lớp tập huấn mở rộng là toàn bộ tỉnh. Do đó, Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng có thể được vận hành ở toàn bộ các diện tích có rừng của một tỉnh. Nội dung tập huấn được tham khảo, vận dụng từ nội dung “đầu vào” do Dự án xây dựng.

**Hoạt động 2-1-4-5 Chỉnh sửa các tài liệu và hướng dẫn vận hành Hệ thống TDDBR.**

Các tài liệu và hướng dẫn về vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng đã được chỉnh sửa. Các phản hồi từ các chương trình tập huấn nâng cao năng lực, các hội thảo quốc gia và từ các chi cục Kiểm lâm tỉnh đã được xem xét, đưa vào nội dung chỉnh sửa tài liệu và hướng dẫn cho phù hợp. Sau khi chỉnh sửa, các tài liệu và hướng dẫn được phát hành tại trang web <http://tailieu.vnforest.gov.vn>, trang này được liên kết từ trang nội dung về Hệ thống TDDBR của TCLN tại địa chỉ <http://tongcuclamnghep.gov.vn/LamNghiep/Index/he-thong-csdlung-dungphan-mem-3658>. Các nội dung và tài liệu, hướng dẫn rất hữu dụng cho những kiểm lâm địa bàn đã được tập huấn có thể ôn lại kiến thức, đồng thời cũng rất hữu dụng cho những người mới có thể tự học về các kiến thức và kỹ năng vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng.

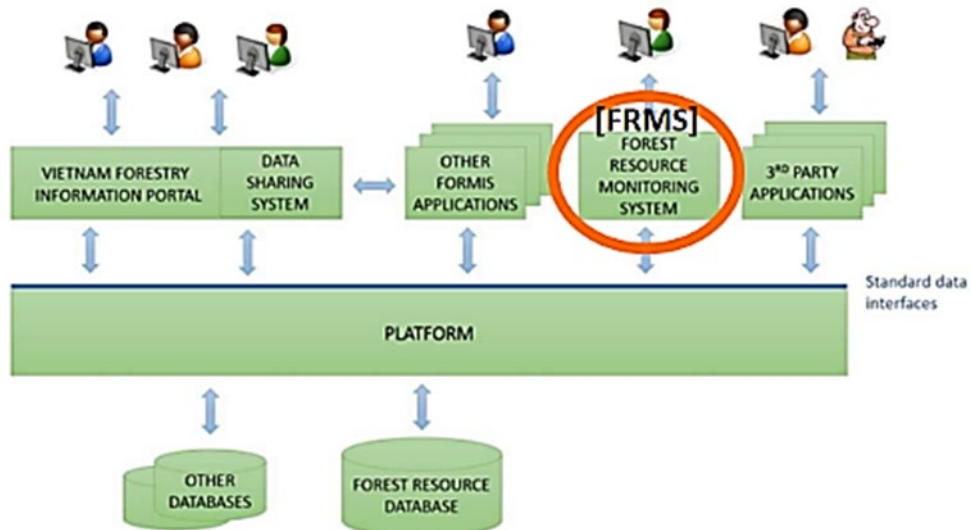


**Hình 6: Các tài liệu hướng dẫn (trái) và trang web hướng dẫn về Hệ thống TDDBR (phải)**

**Hoạt động 2-1-4-6 Tích hợp Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng vào Hệ thống FORMIS**

Dữ liệu theo dõi diễn biến rừng được thu thập và báo cáo bằng Ứng dụng di động trên máy tính bảng được tích hợp vào Hệ thống TDDBR của Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS). Các tham số, chỉ số theo dõi diễn biến rừng và các nội dung liên quan khác đã được thống nhất với Hệ thống FORMIS và Phần mềm cập nhật diễn biến rừng (FRMS Desktop) để có thể tích hợp được.

Dữ liệu theo dõi diễn biến rừng được thu thập và báo cáo bằng Ứng dụng di động trên máy tính bảng được sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho Hệ thống TDDBR thông qua các hình thức trực tuyến và ngoại tuyến, làm số liệu báo cáo diễn biến rừng hàng năm.



**Hình 7: Cấu trúc chung của nền tảng FORMIS và Hệ thống TDDBR**  
(Nguồn: Báo cáo đánh giá giữa kỳ Dự án FORMIS II)

**Hoạt động 2-1-5-1 Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW**

Một hội thảo chung về KHHĐ REDD+ tại 4 tỉnh đã được lên kế hoạch tổ chức vào ngày 3-5 tháng 10 năm 2016. Nội dung đào tạo quản trị viên về Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh được xây dựng nhằm chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm thực hiện các hoạt động thí điểm theo dõi diễn biến rừng được thực hiện trong khuôn khổ dự án SUSFORM-NOW.

**Hoạt động 2-1-5-2 Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của hoạt động 2-1-5-1**

- Một hội thảo chung về KHHĐ REDD+ tại 4 tỉnh nêu trên đã được tổ chức để chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng và thực hiện KHHĐ REDD+ tại tỉnh Điện Biên.
- Kiến thức và kinh nghiệm về các hoạt động thí điểm của Hệ thống theo dõi diễn biến rừng tại hai xã của tỉnh Điện Biên đã được chia sẻ với các quản trị viên/cán bộ quản lý Hệ thống thông qua khóa đào tạo quản trị được lập kế hoạch trong hoạt động 2-1-5-1.
- Việc trao đổi kinh nghiệm từ các hoạt động thí điểm REDD+ đã được thực hiện giữa các bên tham gia. BQLDA tỉnh Lai Châu tham quan học tập tại tỉnh Sơn La (tháng 5 năm 2018), BQLDA tỉnh Hòa Bình tham quan học tập tại tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu (tháng 6 năm 2018)
- Vào tháng 5 năm 2018, một hội thảo chung đã được tổ chức dưới sự hợp tác với tổ chức ICRAF (Hội thảo có 76 người tham dự, bao gồm đại diện đến từ các Sở NN & PTNT ở bốn tỉnh Tây Bắc), tạo cơ hội để chia sẻ kết quả của các hoạt động thí điểm REDD+, đặc biệt là các hoạt động được thực hiện ở tỉnh Hòa Bình.
- Vào tháng 6 năm 2019, một hội thảo chia sẻ kinh nghiệm đã được tổ chức tại tỉnh Sơn La với 37 người tham dự, bao gồm đại diện BQLDA trung ương, BQLDA cấp tỉnh ở bốn tỉnh Tây Bắc và đại diện UBND huyện nơi có các xã ưu tiên thực hiện KHHĐ REDD+ tại tỉnh Sơn La. Các nghiên cứu điển hình đã được trình bày về các mô hình tái sinh rừng, nông lâm kết hợp, bếp đun cải tiến, sử dụng quỹ thôn/bản và Chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR).

**Hoạt động 2-1-6 Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.**

**Hoạt động 2-1-6-1 Xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế**

Dự án đã xây dựng kế hoạch hoạt động cho việc giám sát thực hiện hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế của SUSFORM-NOW, các hạng mục giám sát và tiêu chí đánh giá, và một bảng câu hỏi. Dự án cũng đã thảo luận với các tổ chức đối tác của SUSFORM-NOW, cụ thể là các UBND huyện Điện Biên

và Mường Chà, và các UBND xã Mường Phăng và Mường Mươn và được họ thống nhất về các hạng mục giám sát và kế hoạch thực hiện khảo sát thực địa.

#### **Hoạt động 2-1-6-2 Thực hiện giám sát theo mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả**

Các cán bộ khuyến nông/cán bộ thúc đẩy trước đây tham gia dự án SUSFORM-NOW tại UBND huyện Điện Biên, Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng, Ban quản lý rừng bảo tồn Mường Mươn, UBND xã Mường Phăng và Mường Mươn chủ trì thu thập thông tin theo các hạng mục giám sát đã thống nhất. Thông tin được tổng hợp và soạn thảo báo cáo giám sát.

#### **Hoạt động 2-1-6-3 Cung cấp cho đối tác những thông tin phản hồi về kết quả giám sát và đánh giá**

Một bản tóm tắt kết quả giám sát đã được trình bày với Sở NN & PTNT, UBND huyện Điện Biên, Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng, Ban quản lý bảo tồn rừng Mường Mươn và UBND xã Mường Phăng và Mường Mươn, đồng thời trao đổi ý kiến và phản hồi về nội dung này. Một báo cáo giám sát được xây dựng dựa trên ý kiến của các tổ chức liên quan.

#### **Hoạt động 2-1-6-4 Cung cấp cho đối tác sự hỗ trợ kỹ thuật cần thiết**

Từ kết quả tổng hợp các kết quả giám sát này và thảo luận với các tổ chức liên quan, không có hỗ trợ kỹ thuật bổ sung nào được cung cấp cho phía đối tác. Tuy nhiên, nhiều cán bộ khuyến nông trước đây đã làm việc cho SUSFORM-NOW đang làm việc với tư cách là cán bộ khuyến nông cho Dự án này, và do đó, hỗ trợ kỹ thuật liên tục được cung cấp khi cần.

#### **Hoạt động 2-1-7 Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

- Kết quả, các vấn đề gặp phải và bài học kinh nghiệm từ các hoạt động thí điểm REDD+ ở tỉnh Điện Biên đã được tóm tắt trong báo cáo giám sát. Kết quả đã được chia sẻ với các đơn vị liên quan thông qua hội thảo cuối cùng được tổ chức tại mỗi tỉnh mục tiêu và cũng được sử dụng để lập báo cáo đánh giá cuối cùng. Báo cáo đã được tải lên trang web của Ban quản lý các dự án lâm nghiệp để phổ biến kết quả cho công chúng.
- Các khóa tập huấn về Hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh đã được tổ chức cho các giảng viên, các hướng dẫn và số tay về sử dụng Hệ thống đã được biên soạn để mở rộng việc sử dụng Hệ thống này sang các xã khác không thuộc xã ưu tiên của KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.
- Nền tảng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được phát triển để các cán bộ quản lý cấp tỉnh tham gia và cán bộ kiểm lâm thực hiện giám sát rừng tại hiện trường có thể tham khảo nội dung liên quan đến Hệ thống bất cứ lúc nào.
- Dự án hiện đang phối hợp với Cục Kiểm lâm và Cục Thông tin và Dữ liệu (DID), sẽ chịu trách nhiệm quản lý trang web, để Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh có thể được liên kết với trang web của Chi cục Kiểm lâm.
- Nền tảng sẽ được mở cho công chúng tiếp cận trong giai đoạn hai của Dự án.

#### **Hoạt động 2-2 KHHĐ REDD+ của tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dưới sự kế thừa kiến thức từ tỉnh Điện Biên**

##### **Hoạt động 2-1-1 Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, và Hòa Bình**

Sau khi các văn kiện Dự án được phê duyệt, tỉnh Lai Châu, tỉnh Sơn La và tỉnh Hòa Bình đã thành lập các BQLDA cấp tỉnh:

- Tỉnh Hòa Bình, BQLDA cấp tỉnh được thành lập vào ngày 3/3/2017 theo quyết định số 287/QĐ-UBND
- Tỉnh Sơn La, BQLDA cấp tỉnh được thành lập vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 theo quyết định số 569/QĐ-UBND
- Tỉnh Lai Châu, BQLDA cấp tỉnh được thành lập vào ngày 9/8/2017 theo quyết định số 839/QĐ-UBND

##### **Hoạt động 2-2-2 Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội**

###### **Hoạt động 2-2-2-1 Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh**

Hoạt động này chủ yếu được thực hiện bởi nhóm chuyên gia dài hạn nên không có phần mô tả hoạt động



này.

### **Hoạt động 2-2-3 Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

#### **Hoạt động 2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ chung cho ba tỉnh**

Một hội thảo khởi động chung về xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được tổ chức từ 3-5/10/2016 tại Hà Nội với sự tham dự của bốn tỉnh (trong đó có tỉnh Điện Biên). Các Tổ công tác kỹ thuật của bốn tỉnh đã tham gia và làm quen với REDD+ và tầm quan trọng của nó đối với Việt Nam, cấu trúc, nội dung, quy trình và các bước xây dựng Kế hoạch. Các kết quả phân tích dựa trên viễn thám về diễn biến độ che phủ rừng ở bốn tỉnh đã được chia sẻ bởi các cán bộ tư vấn. Sử dụng các kết quả phân tích này, mỗi tỉnh đã thảo luận về nguyên nhân của sự thay đổi độ che phủ rừng, các biện pháp đối phó và các khu vực địa lý ưu tiên dưới dạng hội thảo để sử dụng chúng cho các quá trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh về sau.

#### **Hoạt động 2-2-3-2 Thành lập Tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

Tại các hội thảo khởi động cấp tỉnh được tổ chức từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2016, lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được thống nhất. Các đề xuất cũng được đưa ra để thành lập các Tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng Kế hoạch, cũng như bổ sung các nhiệm vụ liên quan đến REDD+ vào chức năng của Ban chỉ đạo BVPT rừng cấp tỉnh. Đồng thời, dữ liệu và các chính sách liên quan của tỉnh cũng đã được thu thập. Tổ Công tác kỹ thuật được thành lập vào ngày 18 tháng 8 năm 2017 và việc bổ sung các nhiệm vụ liên quan đến REDD+ vào chức năng của Ban chỉ đạo Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh đã được hoàn thành như được trình bày trong bảng dưới đây.

**Bảng 24: Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và Ban chỉ đạo BVPTR cấp tỉnh**

	<b>Thành lập tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</b>	<b>Quyết định bổ sung các nhiệm vụ liên quan đến REDD+ đối với Ban chỉ đạo BVPTR cấp tỉnh</b>
Tỉnh hòa bình	17/8/2016	29/8/2016
Tỉnh Sơn La	30/8/2016	Không bắt buộc, vì REDD+ đã được xác nhận là một phần trong các nhiệm vụ của BCĐ BVPTR cấp tỉnh.
BQLDA tỉnh Lai Châu	28/9/2016	7/9/2016

#### **Hoạt động 2-2-3-3 Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

#### **Hoạt động 2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch**

#### **Hoạt động 2-2-3-5 Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể**

#### **Hoạt động 2-2-3-6 Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện theo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

#### **Hoạt động 2-2-3-7 Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

#### **Hoạt động 2-2-3-8 Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

#### **Hoạt động 2-2-3-9 Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

#### **Hoạt động 2-2-3-10 Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+**

#### **Hoạt động 2-2-3-11 Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

#### **Hoạt động 2-2-3-12 Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

#### **Hoạt động 2-2-3-13 Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

#### **Hoạt động 2-2-3-14 Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức**

Tại các hội thảo khởi động cấp tỉnh nói trên, một lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ đối với từng tỉnh đã được thống nhất. Bên dưới giải thích về các hành động và kết quả đầu ra của từng hoạt động từ 2-2-3-3 đến 2-2-3-14.

**Bảng 25. Các hành động chi tiết để chỉnh sửa KHHĐ REDD+ của tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La và tỉnh Lai Châu**

	<b>Nội dung và thời gian thực hiện</b>	<b>Kết quả đầu ra</b>
0	Hội thảo khởi động cấp tỉnh đối với Hợp phần 2	Đã thống nhất lộ trình sửa đổi Kế hoạch, thành lập Tổ công tác kỹ thuật, bổ sung các nhiệm vụ liên quan đến REDD + vào chức năng của Ban chỉ đạo bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh. Công tác thu thập dữ liệu đã được bắt đầu.
1	Hội thảo khởi động chung về xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh được tổ chức vào ngày 3 - 5 tháng 10 năm 2016 tại Hà Nội	Nâng cao hiểu biết của tổ công tác kỹ thuật về REDD +. Các thỏa thuận về cấu trúc, nội dung, thủ tục và các bước xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh. Dựa trên phân tích diễn biến độ che phủ rừng, nguyên nhân của những thay đổi, các biện pháp đối phó và các khu vực địa lý ưu tiên đã được thảo luận làm thông tin cơ bản cho các bước tiếp theo.
2	Hội thảo Tham vấn cấp tỉnh lần 1 Hòa Bình: 8/11/2016 Sơn La: 14/11/2016 Lai Châu: 18/11/2016	Phương pháp tiếp cận sửa đổi Kế hoạch, các bước thực hiện và trách nhiệm của các bên liên quan đã được thống nhất tại hội thảo. Các nguyên nhân gây mất rừng và các yếu tố để phục hồi rừng đã được phân tích, các biện pháp đối phó và tiêu chí lựa chọn các xã ưu tiên đã được thảo luận.
3	Tham vấn cấp huyện và xã lần thứ nhất Hòa Bình: được tổ chức vào ngày 18 - 25/10/2016 Sơn La: được tổ chức vào 21 - 31/10/2016 Lai Châu: 25/10 - 1/11/2016 Lai Châu: 10,25~ 11,1	Các nguyên nhân gây mất rừng và các yếu tố để phục hồi rừng đã được phân tích, các biện pháp đối phó và tiêu chí lựa chọn các xã ưu tiên đã được thảo luận với các bên liên quan của các huyện và xã ưu tiên.
4	Hội thảo Tham vấn cấp tỉnh lần 2 Hòa Bình: 13/12/2016 Sơn La: 19/12/2016 Lai Châu: Không tổ chức	Dự thảo Kế hoạch đã được chia sẻ với các bên liên quan cấp tỉnh và huyện để lấy ý kiến. Tính khả thi (chính sách, các huyện/xã mục tiêu, các hoạt động và kế hoạch ngân sách), các tác động đến môi trường và xã hội, cũng như những sắp xếp thể chế...đã được phân tích.
5	Tham vấn cấp huyện và xã lần thứ hai Hòa Bình: 3-12/1/2017 Sơn La: 9-16/1/2017 Lai Châu: 12/1 - 10/2/2017	Dự thảo Kế hoạch đã được chia sẻ với các bên liên quan cấp tỉnh và huyện để lấy ý kiến. Tính khả thi (chính sách, hoạt động, kế hoạch ngân sách, sắp xếp thể chế) và các tác động đến môi trường và xã hội đã được phân tích.
6	Hội thảo soạn thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh Hòa Bình: 2- 3/3/2017 Sơn La: 27- 28/3/2017 Lai Châu: 6- 7/3	Dựa trên các kết quả trên, dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh cuối cùng đã được Tổ công tác kỹ thuật hoàn thành.
7	Hội thảo Tham vấn cấp tỉnh lần 3 Hòa Bình: 14/4/2017 Sơn La: 20/4/2017 Lai Châu: 18/5/2017	Bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh cuối cùng đã được chia sẻ để tham khảo ý kiến chính thức. Thay thế Hội thảo Tham vấn cấp tỉnh lần 3 của tỉnh Lai Châu bằng cuộc họp của tổ công tác kỹ thuật.
8	Trình thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp Hòa Bình: nộp ngày 31/5/2017 thẩm định hoàn thành ngày 27/7/2017 Sơn La: nộp ngày 09/06/2017 thẩm định hoàn thành ngày 11/7/2017 Lai Châu: nộp 09/06/2017 thẩm định hoàn thành ngày 24/7/2017	Dựa trên kết quả thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp, KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được điều chỉnh để trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

	<b>Nội dung và thời gian thực hiện</b>	<b>Kết quả đầu ra</b>
<b>9</b>	UBND tỉnh thẩm định và phê duyệt Hòa Bình: nộp ngày 7/9/2017 phê duyệt ngày 20/9/2017 Sơn La: nộp ngày 09/06/2017 Phê duyệt ngày 29/8/2017 Lai Châu: nộp 24/8/2017 phê duyệt ngày 13/9/2017	Sau khi được thẩm định và điều chỉnh, KHHĐ REDD+ của tỉnh Hòa Bình đã được phê duyệt chính thức.
<b>10</b>	Hội thảo phổ biến KHHĐ REDD+ cấp tỉnh Hòa Bình: 22/11/2017 Sơn La: 17/11/2017 Lai Châu: được tổ chức lồng ghép với cuộc họp VPTR của tỉnh	(Hoạt động bổ sung) Hỗ trợ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được phổ biến cho các bên liên quan của tỉnh và những thách thức đối với việc thực hiện Kế hoạch đã được thảo luận.

\* Các cuộc họp của Tổ công tác kỹ thuật và các nhiệm vụ liên quan được thực hiện trước và sau các cuộc hội thảo.

\* Tại các cuộc họp tham vấn cấp huyện/xã lần 1 và 2, các cán bộ tư vấn Việt Nam đã được tuyển dụng để thực hiện các hoạt động liên quan. Các cán bộ tư vấn đã tổ chức tập huấn về các phương pháp tham vấn, đồng thời cũng tập huấn thực hành tại buổi tham vấn đầu tiên cho Tổ công tác kỹ thuật. Đối với đợt tham vấn cấp huyện/xã lần 2, một cán bộ hỗ trợ của bên thứ ba đã được huy động để đi cùng với các cán bộ Tổ công tác trong buổi tham vấn nhằm đảm bảo tính minh bạch của các cuộc tham vấn.

\* Ngoài ra, cán bộ địa phương (điều phối viên xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh) đã thực hiện nhiều chuyến công tác tới các tỉnh để hỗ trợ Tổ công tác điều chỉnh và hoàn thiện dự thảo Kế hoạch.

### **Hoạt động 2-2-3-15 Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh**

Phần giải thích về quy trình chi tiết của hoạt động này đã được mô tả trong Hoạt động 2-1-2-3. Để hỗ trợ hiệu quả nhất cho việc giám sát PRAP trong thời gian có hạn, tỉnh Hòa Bình được chọn là tỉnh ưu tiên trong số bốn tỉnh. Dựa trên thử nghiệm và các bài học kinh nghiệm từ Hòa Bình, các quy trình cho ba tỉnh còn lại đã được điều chỉnh. Kết quả cuối cùng được trình bày trong phía dưới. Ngoài ra, các cán bộ địa phương (điều phối viên PRAP) đã đến các tỉnh tổng cộng ba lần để hỗ trợ công tác giám sát của Tổ công tác kỹ thuật.

**Bảng 26: Quy trình và kết quả giám sát KHHĐ REDD+ của tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La và tỉnh Lai Châu**

	<b>Nội dung và thời gian thực hiện</b>	<b>Kết quả đầu ra</b>
<b>1</b>	Hội thảo khởi động chung về giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh Hòa Bình: 8/8/2016 Sơn La: 5/12/2018 Lai Châu: 7/12/2018	Các thỏa thuận đã được thực hiện đối với các bước và quy trình giám sát Kế hoạch, sau đó công tác giám sát đã được triển khai.
<b>2</b>	Tổ công tác kỹ thuật thực hiện khảo sát trên xã được lựa chọn làm mẫu Hòa Bình: Tháng 1 năm 2019 Sơn La: Tháng 3 năm 2019 Lai Châu: Tháng 1 năm 2019	Tổ công tác kỹ thuật đã đến một huyện được lựa chọn làm mẫu và một số xã trong huyện để xác minh thông tin do cán bộ huyện và xã thu thập, và qua đó trao đổi thông tin nhằm nâng cao hiểu biết của họ về giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.
<b>3</b>	Phê duyệt Báo cáo Giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 2018 Hòa Bình: Ngày 5/3/2019 theo quyết định số 383/SNN-BCREDD + Sơn La: 20/5/2019 theo quyết định số 1420/SNN-CCKL Lai Châu: Ngày 13/5/2019 theo quyết định số 591/SNN-LN	UBND tỉnh đã phê duyệt Báo cáo giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 2018.

Kết quả giám sát của từng tỉnh như sau:

Đối với tỉnh Hòa Bình, 5 trong số 7 mục tiêu đã đạt được và 2 mục không đạt được căn cứ theo khung kết quả. Hai nội dung không đạt là “sản xuất gỗ lớn để nâng cao hiệu quả kinh tế từ trồng rừng chưa đạt hiệu quả như mong đợi” và “trồng bù rừng cho phần diện tích chuyển đổi để xây dựng cơ sở hạ tầng chỉ đạt 71%”. Liên quan đến khung lợi ích/rủi ro xã hội và môi trường, các tác động trung bình hoặc cao hơn được thể hiện ở 1 trong số 7 mục tiêu. Vấn đề được giám sát là sự thay đổi trong việc sử dụng đất và tập quán canh tác

truyền thống của các cộng đồng mục vụ do tăng cường bảo vệ rừng tự nhiên. Những tác động như vậy cần được tiếp tục chú ý. Về kết quả tổng thể, 3 trong số 7 mục được đánh giá là đủ và 4 mục tiêu là không đủ, và các biện pháp được khuyến nghị đối với những mục tiêu chưa đạt được đầy đủ.

Đối với tỉnh Sơn La, tất cả 7 mục của Khung kết quả đều đạt được. Liên quan đến khung lợi ích/rủi ro xã hội và môi trường, các tác động trung bình hoặc cao hơn được thể hiện ở 3 trong số 7 mục tiêu. Trong cả ba tác động tiêu cực, các vấn đề giám sát được là sự xung đột giữa các cộng đồng địa phương về sử dụng đất và tài nguyên, và những thay đổi trong tập quán canh tác truyền thống do thúc đẩy các hoạt động trồng rừng/tái trồng rừng và hạn chế canh tác nương rẫy. Những tác động như vậy cần được tiếp tục chú ý. Về kết quả tổng thể, 4 trong số 7 mục được đánh giá là đủ và 3 mục tiêu là không đủ, và các biện pháp được khuyến nghị đối với những mục tiêu chưa đạt được đầy đủ.

Đối với tỉnh Lai Châu, 6 trong số 8 mục tiêu đã đạt được và 2 mục không đạt được căn cứ theo khung kết quả. Sự cố cháy rừng tăng 15% so với năm trước. Số vụ bắt giữ vì phá rừng trái phép tăng khoảng ba lần so với năm trước. Tuy nhiên, điều này có thể là do tỷ lệ bắt giữ tăng lên, và do đó các xu hướng trong thời gian tới cần được theo dõi. Liên quan đến khung lợi ích/rủi ro xã hội và môi trường, các tác động trung bình hoặc cao hơn được thể hiện ở 2 trong số 8 mục tiêu. Đầu tiên là lo ngại về những thay đổi trong tập quán canh tác và văn hóa truyền thống do hạn chế sử dụng gỗ và lâm sản ngoài gỗ (LSNG). Mặc dù những tác động này không được đánh giá là tác động tiêu cực, nhưng những tác động đó cần được tiếp tục lưu ý. Thứ hai là lo ngại rằng việc hạn chế canh tác nương rẫy (đốt nương làm rẫy) có thể làm tăng lượng vật liệu dễ cháy trong khu vực. Về kết quả tổng thể, 6 trong số 8 mục được đánh giá là đủ và 2 mục tiêu là không đủ, và các biện pháp được khuyến nghị đối với những mục tiêu chưa đạt được đầy đủ.

#### **Hoạt động 2-2-4 Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm được lựa chọn ở mỗi tỉnh**

##### **Hoạt động 2-2-4-1 Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra**

Đối với việc lựa chọn xã thí điểm, sử dụng bản đồ điều tra rừng (NFIMAP) và dữ liệu Điều tra và Thống kê rừng Quốc gia (NFI&S), các xã ưu tiên được xếp hạng dựa trên các tiêu chí lựa chọn (1) diện tích rừng hiện có (2) diện tích tiềm năng để trồng rừng (đất trống) và (3) tỷ lệ phá rừng năm 2005-2010.

Dựa trên các chỉ số tương tự để lựa chọn địa điểm được mô tả trong Hoạt động 2-1-3-1, các xã ưu tiên đã được liệt kê và các xã sau của tỉnh Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu đã được lựa chọn thông qua thảo luận với UBND tỉnh và Sở NN & PTNT vào tháng 7/2016.

- Tỉnh hòa bình: Xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc
- Tỉnh Sơn La: Xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai
- Tỉnh Lai Châu: Xã Phúc Khoa, Huyện Tân Uyên

##### **Hoạt động 2-2-4-2 Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm**

Một cuộc điều tra kinh tế xã hội ở cấp thôn/bản đã được thực hiện tại xã thí điểm được lựa chọn để thu thập thông tin cơ bản, bao gồm thực trạng sử dụng đất, thực trạng rừng, chi trả DVMTR, quỹ thôn/bản và khả năng tiếp cận tài chính, được sử dụng làm thông tin cơ bản trong quy hoạch hoạt động thí điểm ở cấp thôn/bản.

##### **Hoạt động 2-2-4-3 Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm**

Hình ảnh vệ tinh có độ phân giải- (Pleiades) chụp toàn bộ xã mục tiêu đã được mua để dùng cho công tác lập kế hoạch hoạt động quản lý rừng ở cấp thôn/bản. Hình ảnh đã giúp xác định các khu vực trồng rừng và tái sinh rừng dựa trên hiện trạng rừng cùng với người dân.

Dự án cũng đã lập bản đồ quản lý rừng tại xã thí điểm để xác định các khu vực tiềm năng trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng tại các thôn/bản.

##### **Hoạt động 2-2-4-4 Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm**

Như mô tả trong hoạt động 2-1-3-4, sự cần thiết của hỗ trợ cho hoạt động này đã được thảo luận với BQLDA cấp tỉnh và các đơn vị liên quan và tất cả các tỉnh đã quyết định không hỗ trợ hoạt động này.

Tại tỉnh Hòa Bình, phần lớn diện tích rừng được giao cho các hộ gia đình cá nhân và không có sự rõ

ràng về quyền sở hữu đất lâm nghiệp và phạm vi địa lý của các khu vực rừng được giao quản lý. Ở tỉnh Sơn La, một ranh giới thôn bản được xác định khi di dời người dân đến khu vực khác để xây dựng đập Sơn La năm 2002. Tại tỉnh Lai Châu, các chủ rừng và khu vực quản lý rừng đủ điều kiện để chi trả DVMTR đã được xác định.

#### **Hoạt động 2-2-4-5 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm**

Về chính sách đảm bảo an toàn của REDD+, điều cần thiết là phải giải thích về mục tiêu của Dự án cho các đơn vị liên quan và người dân trong khu vực mục tiêu để có được sự đồng thuận của họ trước khi thực hiện dự án. Do đó, để đảm bảo hiểu rõ bối cảnh, mục đích và nội dung của Dự án và đạt được sự thống nhất khi bắt đầu Dự án, các hội thảo giới thiệu REDD+ đã được tổ chức ở các tỉnh như sau:

- Tại tỉnh Hòa Bình: Hội thảo được tổ chức ngày 15/9/2016 với 55 người tham dự gồm 6 phụ nữ và 31 người dân tộc thiểu số
- Tại tỉnh Lai Châu: Hội thảo được tổ chức ngày 19/9/2016 với 40 người tham dự gồm 20 phụ nữ và 25 người dân tộc thiểu số
- Tại tỉnh Sơn La: Hội thảo được tổ chức ngày 23/9/2016 với 58 người tham dự gồm 6 phụ nữ và 48 người dân tộc thiểu số

Ngoài ra, xã Mường Giôn, một xã thí điểm của tỉnh Sơn La, bao gồm các bản được tái định cư do xây dựng đập thủy điện Sơn La và đây là nơi xảy ra các xung đột về sử dụng đất. Các bản có xung đột về sử dụng đất không được lựa chọn tham gia dự án nên hội thảo đã phê duyệt hỗ trợ các hoạt động được thực hiện ở 12 bản trong số 29 bản của xã (bản Tông bua, một bản tái định cư liền kề với khu vực trồng rừng, sau này cũng được lựa chọn tham gia dự án, nâng tổng số bản mục tiêu lên 13 bản)

#### **Hoạt động 2-2-4-6 Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm**

Mười ba (13) cán bộ khuyến nông của Hòa Bình, mười sáu (16) cán bộ khuyến nông của Sơn La và tám (8) cán bộ khuyến nông của tỉnh Lai Châu đã được các đơn vị liên quan cử tham gia hội thảo giới thiệu REDD+. Để thực hiện các hoạt động của Dự án tại xã thí điểm, vai trò và trách nhiệm của UBND huyện và UBND xã đã được làm rõ.

#### **Hoạt động 2-2-4-7 Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên**

Các lớp tập huấn cho các thúc đẩy viên được tổ chức với sự tham dự của các cán bộ thúc đẩy/cán bộ khuyến nông do các đơn vị liên quan lựa chọn như mô tả trong hoạt động 2-2-4-7 nhằm mục đích nâng cao năng lực trong lập kế hoạch có sự tham gia. Ngoài ra, tập huấn về lập kế hoạch quản lý rừng và các hoạt động phát triển sinh kế cũng được tổ chức.

#### **Hoạt động 2-2-4-8 Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện các kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế**

Các cuộc họp lập kế hoạch cấp bản đã được tổ chức ba lần tại các bản mục tiêu của xã thí điểm (hai lần tại tỉnh Hòa Bình). Cũng tại tỉnh Hòa Bình, 13 bản cần thực hiện quản lý rừng đã được chọn lại trong số 19 bản của xã trong quá trình lập kế hoạch bản. Nội dung chính của mỗi cuộc họp lập kế hoạch giống như nội dung được mô tả trong Hoạt động 3-1-3-8. Tại tỉnh Hòa Bình, cuộc họp lập kế hoạch được tổ chức lại vào tháng 9/2017.

Thành phần tham dự tại các cuộc họp như sau. Do có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại các xã này nên sự tham gia của đồng bào dân tộc thiểu số là khá cao. Tỷ lệ tham gia trung bình của phụ nữ ở ba tỉnh là 44,3%.

**Bảng 27: Thành phần tham dự các cuộc họp lập kế hoạch tại tỉnh Hòa Bình**

	Số ngày	Người tham dự:	Nữ giới	Dân tộc thiểu số
Cuộc họp lập kế hoạch bản lần một	0,5	1230	531 (43%)	1055 (86%)
Cuộc họp lập kế hoạch bản lần hai	1	852	442 (52%)	799 (94%)
Cuộc họp lập kế hoạch bản lần ba	0,5	503	199 (40%)	480 (95%)

**Bảng 28. Thành phần tham dự các cuộc họp lập kế hoạch tại tỉnh Sơn La**

	Số ngày	Người tham dự:	Nữ giới	Dân tộc thiểu số
Cuộc họp lập kế hoạch bản lần một	0,5	1105	559 (51%)	1105 (100%)
Cuộc họp lập kế hoạch bản lần hai	0,5	1025	472 (46%)	1025 (100%)
Cuộc họp lập kế hoạch bản lần ba	0,5	1265	452 (36%)	1265 (100%)

**Bảng 29: Thành phần tham dự các cuộc họp lập kế hoạch tại tỉnh Tỉnh Lai Châu**

	Số ngày	Người tham dự:	Nữ giới	Dân tộc thiểu số
Cuộc họp lập kế hoạch bản lần một	0,5	586	277 (47%)	446 (76%)
Cuộc họp lập kế hoạch bản lần hai	0,5	468	193 (41%)	344 (74%)
Cuộc họp lập kế hoạch bản lần ba	0,5	522	222 (43%)	414 (79%)

**Hoạt động 2-2-4-9 Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn/bản**

Kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm của các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế bản được xây dựng thông qua ba cuộc họp lập kế hoạch. Các kế hoạch này đã được tổng hợp và thảo luận trong hội thảo được tổ chức với sự tham dự của đại diện các tổ chức liên quan ở tỉnh/huyện/xã và người dân bản. Trên cơ sở kết quả tham vấn, kế hoạch đã được điều chỉnh và được UBND xã phê duyệt.

**Hoạt động 2-2-4-10 Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung của mục 2-2-4-9**

Kết quả của các hoạt động quản lý rừng được thực hiện tại xã Pá Khoang như sau. Để nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông, lớp tập huấn giảng viên đã được tiến hành và cán bộ khuyến nông đã tập huấn về kỹ thuật trồng và bảo vệ rừng cho những người tham gia. Ngoài ra, để đảm bảo sự phối hợp hiệu quả với các hoạt động theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, các Tổ tuần tra rừng cấp bản (TTRCB) đã được thành lập, tiếp theo đó là các hoạt động tập huấn được thực hiện sử dụng sổ tay theo dõi diễn biến rừng và các cán bộ được tập huấn thông qua tập huấn theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

**Bảng 30: Kết quả hoạt động quản lý rừng ở tỉnh Hòa Bình**

	Hoạt động	Số bản	Số hộ gia đình	Diện tích (ha) Kế hoạch	Diện tích (ha) (Thực tế)	Đầu vào	Loài cây trồng
1	Bảo vệ rừng	8	17	760,9	760,9	Thành lập TTR cấp bản và thực hiện tuần tra rừng, lắp đặt biển chỉ dẫn	-
2	Trồng rừng	13	189	146,4	146,4	242.742 cây giống Biển chỉ dẫn	<i>Keo tai tượng, xoan ta, lát hoa, trám trắng, sấu (cây bản địa 31%, cây keo 69%)</i>
3	Mô hình trồng rừng (trồng hỗn giao giữa các loài bản địa và các loài keo)	3	3	2,4	2,4	Thiết kế trồng rừng, tập huấn kỹ thuật, cung cấp 4.224 cây giống	<i>Keo tai tượng, xoan ta, trám trắng, trám đen, sấu</i>
4	Mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ (trồng hỗn giao giữa thảo quả và các loài cây)	1	2	1	1	Thiết kế trồng rừng, tập huấn kỹ thuật, cung cấp 3.058 cây giống	<i>Keo tai tượng + giổi và sa nhân</i>

5	Lập bản đồ khu vực đầu nguồn	13	-	-	-	-	-
6	Giáo dục bảo vệ môi trường	-	355	-	-	-	Giáo dục về bảo tồn rừng cho học sinh trung học cơ sở. Thi vẽ tranh về chủ đề rừng và thi đố vui quản lý rừng cấp thôn/bản

(Tính đến tháng 6 năm 2020)

**Bảng 31: Kết quả hoạt động quản lý rừng ở tỉnh Sơn La**

	Hoạt động	Số bản	Số hộ gia đình	Diện tích (ha) Kế hoạch	Diện tích (ha) (Thực tế)	Đầu vào	Loài cây trồng
1	Bảo vệ rừng	12	159	4.621,96	4.621,96	Thành lập TTR cấp bản và thực hiện tuần tra rừng, lắp đặt biển chỉ dẫn	
2	Trồng rừng	4	225 lô (3 bản 222 hộ)	125,4	94,85	183.849 cây giống Biển chỉ dẫn	<i>Thông mã vĩ</i>
3	Khoanh nuôi tái sinh rừng	10	10 lô (tất cả các bản)	310,3	295,39	3.560 cây giống Biển chỉ dẫn	<i>Trám đen</i> <i>Giổi xanh</i>
4	Quy chế quản lý rừng cấp bản	12	-	-	-	-	-

(Tính đến tháng 6 năm 2020)

**Bảng 32: Kết quả hoạt động quản lý rừng ở tỉnh Tỉnh Lai Châu**

	Hoạt động	Số bản	Số hộ gia đình	Diện tích (ha) Kế hoạch	Diện tích (ha) (Thực tế)	Đầu vào	Loài cây trồng
1	Bảo vệ rừng	9	202	4230,55	4230,55	Thành lập TTR cấp bản và thực hiện tuần tra rừng, lắp đặt biển chỉ dẫn	
2	Trồng rừng	1	11	3,3	2,5	6.496 cây giống Biển chỉ dẫn	<i>Giổi xanh, vối thuốc</i>
3	Khoanh nuôi tái sinh rừng	4	-	94,7	70,4	Thiết kế trồng rừng, tập huấn kỹ thuật, cung cấp 4.224 cây giống	
4	Trồng cây phân tán	9	278	-	-	12.254 cây giống	<i>Giổi xanh, lát hoa, quế, trám</i>
5	Ranh giới (đất nông nghiệp-đất rừng)	6	67	10.380m	7.290m	1.462 cây giống Biển chỉ dẫn	<i>Giổi</i>

(Tính đến tháng 6 năm 2020)

**Hoạt động 2-2-4-11 Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung của mục 2-2-4-9**

Kết quả của các hoạt động phát triển sinh kế được thực hiện tại các xã thí điểm của từng tỉnh như sau. Dự án đã hỗ trợ (1) xác định các hộ tham gia, (2) mua hạt giống, cây giống và các vật tư, thiết bị khác, (3) đào tạo kỹ thuật (chuẩn bị cho người hướng dẫn, đào tạo cán bộ khuyến nông và đào tạo người tham gia), và (4) phân phối vật tư và thiết bị cần thiết.

**Bảng 33: Kết quả hoạt động phát triển sinh kế ở tỉnh Hòa Bình**

	<b>Hoạt động</b>	<b>Số bản</b>	<b>Số hộ gia đình</b>	<b>Đầu vào</b>	<b>Loài cây trồng</b>	<b>Chi tiết các hoạt động</b>
1	Trồng rau (Vụ xuân - hè, vụ thu - đông)	3	80	Hạt giống: 20,52 kg Bạt che phủ: 550 kg	- Vụ hè: rau muống, đậu đũa, bí đỏ, rau muống, cải bẹ xanh - Vụ đông: bắp cải, su hào, cải xanh	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hạt giống
2	Trồng cây ăn quả	9	250	Cây giống: 5.947	Nhãn chín sớm, táo đường Thái Lan, táo Đài Loan, mít Thái Lan, na	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hạt giống
3	Tập huấn kỹ thuật trồng bưởi	9	108	Không áp dụng.	Không áp dụng.	Tập huấn kỹ thuật
4	Nuôi ong mật	9	87	Tổ ong 249 Các vật liệu cần thiết khác	Không áp dụng.	Đào tạo kỹ thuật, cung cấp cây giống, tham quan học tập, cung cấp thiết bị, tiếp thị sản phẩm
5	Trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi	9	98	Cỏ đậu 1.650 kg VA06 14.000 kg Cỏ Ghine: 14 kg	Cỏ đậu phộng, VA06, cỏ Ghine	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hom giống/cây giống
6	Bếp đun cải tiến	13	1.053	1.988	Bếp đun cải tiến di động và cố định	Trang thiết bị
7	Xây dựng và lắp đặt bể khí sinh học	9	20	20	Loại hỗn hợp	Đào tạo kỹ thuật, cung cấp vật liệu và thiết bị

**Bảng 34: Kết quả hoạt động phát triển sinh kế ở tỉnh Sơn La**

	<b>Hoạt động</b>	<b>Số bản</b>	<b>Số hộ gia đình</b>	<b>Đầu vào</b>	<b>Loài cây trồng</b>	<b>Chi tiết các hoạt động</b>
1	Trồng rau	12	451	Hạt giống: 38,98kg	Cải xanh, su hào, cải cúc	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hạt giống
2	Trồng cây ăn quả	12	557	Cây giống: 12.104	Nhãn, xoài Đài Loan, vải thiều, mận, sơn tra, đào, trám đen, chanh	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hạt giống
3	Trồng cây ăn quả(ghép)	5	30	Hom giống: 749, Bộ dụng cụ ghép: 30	Nhãn, vải thiều, mận, táo mèo, trám đen	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hạt giống, thiết bị



4	Sản xuất phân ủ/phân hữu cơ	10	239	Lên men sinh học: 239 kg, bạt che phủ: 4.780 m <sup>2</sup>		Tập huấn kỹ thuật, tham quan học tập, cung cấp nguyên vật liệu
5	Trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi	9	9249	Cỏ Guatemala: 272kg Ghine: 1.720kg	Cỏ Guatemala, Ghine	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hom giống/cây giống
6	Bếp đun cải tiến	13	579	Xi măng: 21.850kg Khuôn bếp: 16 khuôn	Kích thước trung bình	Tập huấn kỹ thuật, tham quan học tập, cung cấp nguyên vật liệu và trang thiết bị
			13		Kích thước lớn	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp vật liệu và thiết bị
7	Xây dựng và lắp đặt bể khí sinh học	2	2	2	Loại hỗn hợp	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp vật liệu và thiết bị
8	Trồng cỏ trên đường đất dốc/Nông lâm kết hợp	11	72	Cây giống: 9.296 cỏ làm thức ăn gia súc: 6.149 kg	<i>Xoài, nhãn, vải, mận, sơn tra, bưởi, trám đen, cỏ Ghine</i>	Tập huấn kỹ thuật, tham quan học tập, cung cấp nguyên vật liệu
9	Trồng cây LSNG (thảo quả)	1	1	Cây giống: 264	<i>Sa nhãn tím</i>	Tập huấn kỹ thuật, tham quan học tập, cung cấp nguyên vật liệu
10	Trồng nấm	11	77	Giá thể trồng nấm: 12 kg, các vật liệu cần thiết khác		Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hạt giống

**Bảng 35: Kết quả hoạt động phát triển sinh kế ở tỉnh tỉnh Lai Châu**

	Hoạt động	Số bản	Số hộ gia đình	Đầu vào	Loài cây trồng	Chi tiết các hoạt động
1	Trồng rau	8	275	Hạt giống (Su su): 204 Hạt giống (những loại khác): 48,2 kg Cây giống: 55.000	Su su, mù tạt xanh, cải thảo, cải chíp, súp lơ cải xanh, bắp cải, su hào	Tập huấn kỹ thuật, hạt giống, tổ sản xuất, tiếp thị sản phẩm (cửa hàng bán lẻ)
2	Trồng cây ăn quả	8	471	5.402	ổi, bưởi, chanh, mận, nhãn, hồng	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hạt giống
3	Trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi	7	63	VA06 14.800 kg Mulato II: 13.000 kg	VA06, Mulato II	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hom giống/cây giống
4	Bếp đun cải tiến	5	47	61	-	Tập huấn kỹ thuật, tham quan học tập, cung cấp nguyên vật liệu và trang thiết bị
5	Xây dựng và lắp đặt bể khí sinh học	5	26	22	Loại hỗn hợp	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp vật liệu và thiết bị
6	Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi lợn	5	118	-	-	Tập huấn kỹ thuật

7	Trồng dưa hấu	3	112	Hạt giống: 8.620 g	Hạt giống: HMN-8998, SNO8230	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp hạt giống
8	Trồng dưa hấu sử dụng màng phủ nông nghiệp (xây dựng mô hình điển hình)	2	17	Hạt giống: 700 g Bầu cây: 3,5 kg Bạt che phủ: 3.920 m Hoạt động khác	Hạt giống: HMN-8998, SNO8230	Tập huấn kỹ thuật, tham quan yển học tập, vật liệu và thiết bị, giám sát, tổ sản xuất, tiếp thị sản phẩm (cửa hàng bán lẻ, dán nhãn để xúc tiến bán sản phẩm)
9	Nuôi cá	3	59	Cung cấp cá giống: 22.048	-	Tập huấn kỹ thuật, cung cấp cá giống

Mặc dù không nằm trong Kế hoạch phát triển sinh kế cấp bản, nhưng Dự án đã hỗ trợ thiết kế, lập hồ sơ và thực hiện các dự án sau do Đại sứ quán Nhật Bản hỗ trợ cho các Dự án An ninh con người cấp cơ sở vào năm 2019.

1. Xã Thanh Hối, tỉnh Hòa Bình: Dự án cấp nước
2. Xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La: Dự án xây dựng ký túc xã trường học dân tộc thiểu số
3. Xã Phúc Khoa, tỉnh Lai Châu: Dự án cấp nước

#### **Hoạt động 2-2-4-12 Thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản**

Các hoạt động được thực hiện trong mục 2-2-4-11 đã được giám sát đầy đủ và các đầu vào bổ sung đã được cung cấp trong một chu trình PDCA bất cứ khi nào cần thiết.

#### **Hoạt động 2-2-4-13 Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+**

Để giám sát tiến độ và kết quả của các hoạt động đã triển khai, hoạt động giám sát 6 tháng/lần đã được triển khai tổng cộng bốn lần kể từ tháng 10 năm 2018. Kết quả giám sát đã được chia sẻ với BQLDA cấp tỉnh để xác nhận tiến độ và thảo luận các vấn đề cần được cải thiện thêm. Ngoài ra, các kết quả, bài học kinh nghiệm và đề xuất đã được tổng hợp trong một báo cáo giám sát. Kết quả giám sát được tóm tắt như sau

##### **Tỉnh hòa bình**

##### **[Hoạt động quản lý rừng]**

- Tại xã mục tiêu, nơi chủ yếu là rừng keo độc canh, Dự án đã hỗ trợ trồng hỗn giao các loài bản địa (20-30% trong rừng sản xuất, 50% trong rừng phòng hộ) cho thời gian khai thác lâu dài. Tỷ lệ sống của cây keo hơn 85% trong khi cây bản địa chỉ 65%; Xoan ta (*Melia azedarach*), Dổi (*Michelia mediocris*) và Trám trắng (*Trám album*) đang có tốc độ tăng trưởng tương đối tốt. Đặc biệt, mô hình trồng cây *Michelia* là cây che bóng của cây keo và khai thác gỗ keo sau hai năm đã trở thành mô hình điếm cho rừng hỗn giao dổi-keo vì quả dổi cho thu nhập và giá trị gỗ cao. Nhìn chung, người dân ít quan tâm đến các loài bản địa nhưng người ta thấy rằng việc trồng keo xen lẫn 20% *Michelia* và hỗ trợ phát triển sinh kế được người dân chấp nhận.
- Các hoạt động quản lý rừng thôn bản được đẩy mạnh, các quy tắc quản lý rừng được thiết lập và các sự kiện nâng cao nhận thức về bảo tồn rừng được tổ chức. Các tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản được thành lập để tăng cường công tác tuần tra, bảo vệ rừng và tính đến tháng 5 năm 2020, 10 trường hợp vi phạm quy định bảo vệ rừng đã được phát hiện. Ví dụ, một khu rừng trồng keo (5,9 ha) không được phép trồng trong rừng phòng hộ đã được TTTR cấp bản phát hiện. Kết quả trao đổi với UBND xã theo quy ước của bản, sau khi khai thác, cây keo đã trồng sẽ được để lại rừng tự nhiên để bảo vệ nguồn nước. Vì xã chưa có DVMTR nên quỹ thôn đã hỗ trợ 100.000 đồng cho các hoạt động tuần tra, nhưng mong muốn chính quyền sẽ tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho hoạt động này.

##### **[Hoạt động phát triển sinh kế]**

- Để giảm lượng củi tiêu thụ và nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu, 20 bê khí sinh học đã được cung cấp cho 20 hộ gia đình và 2.189 bếp đun cải tiến cho 1.053 hộ, chiếm 97,7% tổng số hộ trong xã mục tiêu. . Kết quả là việc sử dụng các bếp đun cải tiến này đã giúp giảm được 40-60% lượng tiêu thụ củi và than, và giảm công lao động của phụ nữ để thu hái củi.
- Nhờ hỗ trợ cho các hoạt động nuôi ong, 87 hộ gia đình đã thành lập ba nhóm nông dân với khoảng 700-800 thùng để thực hiện sản xuất mật ong. Năng suất và thu nhập cũng được cải thiện, với doanh thu hàng năm là 2.160.000 đồng/thùng. Nhóm nông dân đóng vai trò là nơi trao đổi thông tin về kỹ thuật sản xuất và chia sẻ thiết bị.
- Để giảm thiểu rủi ro độc canh và đa dạng hóa nguồn thu nhập, xã mục tiêu trồng cây bưởi là chủ đạo, 250 hộ đã được hỗ trợ cây giống cây ăn quả. Tỷ lệ sống của nhãn, táo đường, táo, mít đều đạt trên 80%.
- Đối với trồng cỏ làm thức ăn gia súc, Dự án đã hỗ trợ cho ba loại cỏ gồm, VA06, Mombasa Ghine, cỏ đậu, và cỏ VA06 có tỷ lệ sống cao nhất và người dân trong làng tỏ ra ưa chuộng VA06.

Báo cáo thực hành tốt về các hoạt động gồm "nuôi ong", "trồng các loài cây bản địa" và "quản lý rừng" đã được biên soạn.

#### Tỉnh Sơn La

##### [Hoạt động quản lý rừng]

- Các hoạt động tuần tra bảo vệ rừng đã được TTTR thực hiện và 7 vụ (5 vụ cháy rừng và 2 vụ cây trồng bị gia súc phá hoại) từ năm 2017 đến tháng 5 năm 2020 đã được báo cáo. Cần lưu ý rằng trước khi Dự án hỗ trợ tăng cường TTTR cấp bản, trung bình có khoảng 17 vụ mỗi năm và người ta cho rằng số lượng các vụ vi phạm như vậy đã giảm nhờ nỗ lực tuần tra, bảo vệ rừng.
- Dự án đã tiến hành làm cỏ 310,3 ha, cắm biển báo, tuần tra rừng để đảm bảo tái sinh rừng. Đến cuối năm 2017, 124,83 ha đã trở thành rừng và đủ điều kiện nhận chi trả DVMTR.
- Hỗ trợ trồng cây thông trên diện tích 94,85 ha thuộc sở hữu của các bản và hộ gia đình. Tỷ lệ sống của cây trồng cao, chiếm 99,2%. Dự án cung cấp cây giống và hỗ trợ kỹ thuật cho các hoạt động trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên do người dân tự nguyện thực hiện, trong khi Chi cục Kiểm lâm hỗ trợ 322,77 kg gạo/hộ cho các bản mục tiêu sau khi kiểm tra hiện trạng rừng hai năm sau khi trồng.
- Chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) cho giai đoạn 2015-17 đã được chi trả cho 12 bản với tổng số tiền là 1,76 tỷ đồng, chiếm 92% doanh thu của Quỹ bản. Mong muốn được hỗ trợ cấp phát gạo, bản Huổi Ngà đã mua thông giống từ nguồn vốn DVMTR và người dân tự trồng. Trường hợp này có thể trở thành một mô hình mới để trồng rừng bền vững.

##### [Hoạt động phát triển sinh kế]

- Vì là xã mục tiêu nằm trên sườn núi nên mô hình nông lâm kết hợp trồng cây ăn quả và cỏ thức ăn gia súc trên sườn dốc đã được giới thiệu cho 72 hộ gia đình. Sơn tra (*Docynia indica*), nhãn và xoài có tỷ lệ sống cao (97-100%), trong khi tỷ lệ sống của vải thiều và mận là 74-80%. Đối với cỏ chăn nuôi, có thể thu hoạch 7 lần/năm với giá 868 kg/hộ/năm và được dùng để làm thức ăn cho gia súc. Hoạt động này được nhiều người dân quan tâm và nhiều hộ không tham gia cũng tự nguyện làm theo.
- Đối với trồng thảo quả (Sa nhân), 266 cây giống thảo quả đã được trồng trong rừng tự nhiên cho một hộ được chọn làm mẫu ở một bản và cho thấy cây sinh trưởng tốt. Hoạt động này đã được mở rộng sang bảy bản lân cận.
- Để giảm tiêu thụ củi và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, hai đơn vị khí sinh học đã được cung cấp cho hai hộ gia đình và 579 hộ gia đình được cung cấp bếp đun cải tiến. Đối với bếp đun cải tiến, Dự án SNRM đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và khuôn bếp, và 50% xi măng để người dân tự làm bếp. Ngoài các hộ được hỗ trợ, hoạt động này cũng đã được nhân rộng tới 161 hộ không tham gia. Mô hình này cũng đã được giới thiệu đến các bản ở các tỉnh Lai Châu và Điện Biên, và ở tỉnh Điện Biên, đặc biệt, việc mở rộng cũng tương tự như vậy, trở thành một trường hợp điển hình về phát triển bền vững.
- Đối với trồng cỏ làm thức ăn gia súc, sự tăng trưởng của các loại cỏ đưa vào trồng nhìn chung là tốt, 75% nguồn thức ăn cho trâu, bò đã được bảo đảm. Ngoài ra, gần 90% số hộ muốn tiếp tục hoạt động này trong tương lai.

- Về cơ bản, rau được trồng để các hộ gia đình sử dụng, nhưng vẫn có 8,6% số hộ tham gia đã bán rau. Do kỹ thuật tương đối đơn giản, 96% người tham gia dự kiến sẽ tiếp tục trồng rau trong tương lai.
- Tỷ lệ sống của cây giống cây ăn quả tương đối cao khoảng 77,5%. Mặc dù chưa đến thời gian thu hoạch nhưng các hộ tham gia cho biết sẽ tiếp tục hoạt động trong thời gian tới.
- Đối với hoạt động trồng nấm, Trường Đại học Tài Bắc đã tập huấn kỹ thuật trồng nấm cho bảy hộ gia đình ở bốn bản, nhưng các hộ không thể tiếp tục hoạt động này. Nguyên nhân là do yêu cầu đầu vào liên tục, trình độ kỹ thuật của người dân thấp và thị trường nấm không chắc chắn.

Báo cáo thực hành tốt của hoạt động "trồng rừng", "chi trả DVMTR", "nông lâm kết hợp" và "bếp đun cải tiến" đã biên soạn.

#### Tỉnh Lai Châu

##### [Hoạt động quản lý rừng]

- Tại các xã mục tiêu của tỉnh Lai Châu, phần lớn diện tích rừng là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, và các hoạt động bảo tồn rừng đã được tăng cường thông qua việc thành lập các Tổ tuần tra rừng cấp bản, xây dựng các quy chế cho các hoạt động tuần tra rừng, và đào tạo cho các thành viên của tổ tuần tra. Các hoạt động giám sát rừng của TTTR cấp bản được thực hiện trung bình một hoặc hai lần một tháng và một khoản trợ cấp từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng được trả cho các thành viên của tổ được trích từ quỹ chi trả DVMTR được chi trả cho các bản.
- Theo kết quả của các hoạt động của TTTR cấp bản, 53 trường hợp vi phạm đã được phát hiện và được báo cáo vào tháng 3 năm 2020. Bao gồm 2 vụ cháy rừng, chuyển đổi sang trồng chè và khai thác gỗ trái phép. Phối hợp với kiểm lâm xã hướng dẫn các đối tượng vi phạm.
- Dự án đã hỗ trợ 2,5 ha trồng cây. Tỷ lệ sống khoảng 70%, nguyên nhân chủ yếu là do vật nuôi phá hoại. Tuy nhiên, có rất ít thay đổi về tỷ lệ sống của cây trồng kể từ năm 2019 và không có báo cáo nào về thiệt hại do vật nuôi gây ra.
- Tại bốn bản, khu vực tái sinh rừng 71 ha đã được xác định, và các hoạt động hướng dẫn biển báo và tuần tra rừng được thực hiện trong các khu vực được chỉ định. Theo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, 45% diện tích này đã được chứng nhận là đất lâm nghiệp, đủ điều kiện nhận vốn chi trả DVMTR và được sử dụng để tăng cường hoạt động quản lý rừng.
- Trước việc lấn chiếm đất rừng phòng hộ để trồng chè, ranh giới giữa đất nông trường và rừng phòng hộ đã được xác định cùng với 67 hộ gia đình ở 6 bản có đất ruộng dọc 7.290 m ranh giới và 1.462 cây được trồng trên phần đất ranh giới này.

##### [Hoạt động phát triển sinh kế]

- Đối với hoạt động trồng dưa hấu, Dự án đã giới thiệu kỹ thuật canh tác sử dụng màng phủ cho 17 hộ gia đình và kết quả được liên tục theo dõi (hướng dẫn kỹ thuật, v.v.), năng suất đã tăng từ 10 tấn/ha theo phương pháp canh tác truyền thống lên 25 tấn/ha, và doanh thu từ bán dưa hấu cũng đã được cải thiện. Sau đó, với vai trò hỗ trợ tiếp thị, Dự án đã tìm kiếm các phương án mới để bán dưa hấu, hỗ trợ dựng tạm các cửa hàng bán lẻ dọc các con đường và hỗ trợ thành lập nhóm các hộ sản xuất mới (2 bản, 46 hộ thành viên), đã được UBND xã phê duyệt. Kết quả là, Dự án đã thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ, giúp họ tự phát triển bền vững và kết nối với các tổ chức có liên quan (Hội Nông dân và Hội Liên hiệp Phụ nữ)
- Đã hỗ trợ 26 bể khí sinh học tại 5 bản. Kết quả giám sát chỉ ra rằng khí sinh học có thể được sử dụng trong 4-5 giờ mỗi ngày, dẫn đến việc giảm sử dụng các năng lượng khác như củi và than củi.
- Đối với bếp cải tiến, 44 hộ được hỗ trợ và 70% vẫn tiếp tục sử dụng, nhưng 30% đã ngừng sử dụng. Một trong những lý do là kích thước của bếp đun cải tiến này quá nhỏ và không thích hợp cho việc nấu nướng, vì vậy, sẽ tốt hơn nếu bếp đun cải tiến được làm với các kích thước khác nhau phù hợp với các nhu cầu đun nấu khác nhau.
- Về trồng rau, 35% số người tham gia cho biết năng suất trồng rau tăng và 65% còn lại báo cáo tăng không đáng kể, cho thấy hầu hết tất cả những người tham gia đã thu hoạch rau và mong muốn tiếp tục trồng rau. Ngoài ra, từ quan điểm xúc tiến bán hàng, Dự án đã hỗ trợ việc thành lập nhóm trồng rau tại một bản, như trong trường hợp trồng dưa hấu, đã được UBND xã chính thức phê duyệt. Ngoài ra, Dự án đã hỗ trợ dựng tạm một cửa hàng bán lẻ để xúc tiến bán hàng.
- Đối với việc trồng cỏ làm thức ăn gia súc, nhìn chung tốc độ tăng trưởng tốt, nhưng chúng ta chưa đảm bảo đủ lượng thức ăn cho chăn nuôi. Ngoài ra, không có vấn đề gì với trồng cỏ VA06, nhưng

báo cáo không có nội dung nào cho thấy gia súc và cá không thích cỏ Mulato II Một đề xuất đặt ra là trước khi chọn giống cỏ thì cần phải xem xét không chỉ năng suất cỏ mà còn xem xét cả sự ưa thích của vật nuôi đối với loại cỏ đó.

- Đối với trồng cây ăn quả, tỷ lệ sống của cây con đạt khoảng 60%. Nguyên nhân là do gia súc phá hoại và làm cỏ không đầy đủ. Dự án đã hỗ trợ tập huấn kỹ thuật bổ sung và giám sát liên tục để giải quyết các vấn đề phát sinh.
- "Các hoạt động tuần tra, bảo vệ rừng sử dụng tiền DVMTR", "trồng rừng ở đất ranh giới" và "trồng và tiếp thị dưa hấu" đã được biên soạn thành báo cáo thực hành tốt.

## **Hoạt động 2-2-5 Nâng cao năng lực vận hành Hệ thống TDDBR cấp tỉnh tại từng tỉnh.**

### **Hoạt động 2-2-5-1 Thành lập Tổ chuyên trách vận hành Hệ thống TDDBR cấp tỉnh.**

Tổ chuyên trách vận hành Hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được thành lập để quản lý, điều phối và vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng của tỉnh.

Tổ chuyên trách ở tỉnh Lai Châu được thành lập vào ngày 30/09/2016 (Quyết định 460/QĐ-SNN), tỉnh Sơn La thành lập ngày 30/09/2016 (Quyết định 302/QĐ-SNN) và tỉnh Hòa Bình ngày 06/10/2016 (Quyết định 1035/QĐ-SNN).

### **Hoạt động 2-2-5-2 Đánh giá nhu cầu nâng cao năng lực vận hành Hệ thống TDDBR.**

Nhu cầu cao về nâng cao năng lực vận hành Hệ thống TDDBR đã được xác định tại các cuộc họp Tổ chuyên trách với CCKL tỉnh và Sở NNPTNT. Các nhu cầu này đã được phản ánh đầy đủ thông qua các chương trình tập huấn, nâng cao năng lực vận hành Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng cho đội ngũ nhân sự của tỉnh.

### **Hoạt động 2-2-5-3 Soạn thảo tài liệu tập huấn nâng cao năng lực vận hành Hệ thống TDDBR.**

Nội dung tập huấn cho các lớp tập huấn tiểu giáo viên và tập huấn mở rộng đã được xây dựng dựa trên kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên và đánh giá nhu cầu thông qua hoạt động 2-2-5-2. Ngoài ra, tập huấn cho các cấp quản lý đã được lên kế hoạch cho các nhà quản lý Hệ thống TDDBR ở cấp tỉnh.

### **Hoạt động 2-2-5-4 Tổ chức các lớp tập huấn theo Hoạt động 2-2-5-3.**

Căn cứ vào hoạt động 2-2-5-3, các lớp tập huấn cho các cấp quản lý, tập huấn tiểu giáo viên, tập huấn mở rộng đã được tổ chức thực hiện. Trung bình khoảng 25 học viên tham dự mỗi lớp tập huấn. Những người này sau đó trở thành giảng viên của tỉnh và thực hiện giảng dạy, hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình mở rộng Hệ thống TDDBR trên địa bàn toàn tỉnh. Nhằm tối ưu hóa kết quả đầu ra, các cán bộ giảng viên chính của Viện ĐTQHR được cắt cử theo dõi, giám sát các lớp tập huấn mở rộng dành cho Kiểm lâm địa bàn. Kinh phí thực hiện các lớp tập huấn mở rộng do các Chi cục kiểm lâm tỉnh tự chi trả, thể hiện rõ vai trò làm chủ của các địa phương. Kết quả là, tất cả các kiểm lâm địa bàn ở từng tỉnh bao gồm cả các xã thí điểm REDD+ đều được tập huấn và có đủ năng lực theo dõi diễn biến rừng ở cả 4 tỉnh mục tiêu của Dự án.

### **Hoạt động 2-2-5-5 Chỉnh sửa các tài liệu và hướng dẫn vận hành Hệ thống TDDBR**

Giống như hoạt động 2-1-4-5

### **Hoạt động 2-2-6 Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh**

Kết quả, các vấn đề gặp phải và bài học kinh nghiệm từ các hoạt động thí điểm REDD+ ở tỉnh Hòa Bình, Sơn La, và Lai Châu đã được tóm tắt trong báo cáo giám sát. Kết quả đã được chia sẻ với các đơn vị liên quan thông qua hội thảo cuối cùng được tổ chức tại mỗi tỉnh mục tiêu và cũng được sử dụng để lập báo cáo đánh giá cuối cùng. Báo cáo đã được tải lên trang web của Ban quản lý các dự án lâm nghiệp để phổ biến kết quả cho công chúng.

## **Thách thức trong thời gian tới**

### **KHHĐ REDD+ cấp tỉnh**

- Mặc dù hoạt động giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh Hòa Bình cho năm 2019 không thuộc phạm vi hỗ trợ của Dự án, nhưng tỉnh Hòa Bình đã hoàn thành các hoạt động giám sát và hoàn thành báo cáo vào tháng 2 năm 2020. Tỉnh Lai Châu đã hoàn thành việc thu thập số liệu và dự định sẽ hoàn thành báo cáo trong năm nay. Tỉnh Sơn La đã tiến hành thu thập số liệu. Tuy nhiên, do một số không đạt chất lượng như mong đợi nên tỉnh vẫn đang tiến hành bổ sung số liệu. Tỉnh Điện Biên chưa thực hiện bất kỳ hoạt động giám sát nào trong năm 2019 do thiếu kinh phí.
- Tất cả bốn tỉnh được coi là đã xây dựng năng lực cơ bản thông qua giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh vào năm 2018. Tuy nhiên, giữa các tỉnh vẫn còn sự khác biệt về hiệu quả thực hiện. Đặc biệt, tỉnh Điện Biên cần chuẩn bị kinh phí để giám sát.

### **Hoạt động thí điểm của REDD+**

- Việc lập kế hoạch, thực hiện và giám sát các hoạt động thí điểm REDD+ được tiến hành theo kế hoạch với sự hợp tác của các cán bộ khuyến nông do các sở liên quan chỉ định, và ở một số tỉnh, một số hoạt động đã được nhân rộng thành công tới cả những đối tượng ban đầu không tham gia dự án, chẳng hạn như trồng cỏ làm thức ăn gia súc, cải tiến bếp đun cải tiến và trồng cây LSNG. Mặt khác, vẫn cần theo dõi thêm đối với một số hoạt động. Ví dụ, trong các hoạt động tuần tra rừng của TTTR cấp bản, các thay đổi đối với thành viên của TTTR thường xuyên được quan sát thấy, do đó, cần phải liên tục hướng dẫn và tập huấn về cách thực hiện tuần tra và cách quản lý quỹ DVMTR dùng cho mục đích quản lý, bảo vệ rừng. Ngoài ra, để các hoạt động REDD + bền vững và nhân rộng hơn nữa sang các khu vực khác, không chỉ cần hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ đầu tư ban đầu mà còn cần hỗ trợ tiếp thị từ Sở NN & PTNT/UBND huyện/UBND xã/Ban quản lý rừng để mở rộng thị trường cho sản phẩm nông nghiệp, như trong trường hợp nuôi ong và trồng dưa hấu. Chính sách và hỗ trợ tài chính từ ngành lâm nghiệp và phát triển nông thôn sẽ rất cần thiết cho sự bền vững và nhân rộng hơn nữa của các hoạt động.

### **Hệ thống TDDBR**

- Tăng cường áp dụng theo dõi diễn biến rừng sử dụng máy tính bảng và mở rộng hệ thống ra toàn quốc. Việc sử dụng máy tính bảng vào mục đích theo dõi diễn biến rừng đã được nêu rõ trong Thông tư 26/2017/TT-BNNPTNT và được khẳng định bởi Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT. Việc sử dụng máy tính bảng vào theo dõi diễn biến rừng được đề cập đến trong các văn bản Thông tư có nghĩa là việc này đã được chính thức hóa.
- Mặt khác, một số ý kiến từ Chi cục Kiểm lâm tỉnh cho rằng Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng nên được mở rộng ra toàn quốc để hệ thống TDDBR quốc gia được vận hành hiệu quả hơn. Do đó, cần phải xác định được nhiệm vụ điều chỉnh hoặc ban hành quy định về theo dõi diễn biến rừng.
- Bởi vì, đến hiện tại, các quy định về theo dõi diễn biến rừng cho phép áp dụng cả hai phương pháp thu thập dữ liệu thực địa và báo cáo, gồm phương pháp máy tính bảng và phương pháp dạng giấy. Bên cạnh đó, có không ít các tỉnh (ngoài số 18/60 tỉnh có rừng) chưa vận hành Hệ thống này.
- Với sự kết hợp cả sử dụng máy tính bảng và Hệ thống cảnh báo sớm mất rừng vào theo dõi diễn biến rừng, một hệ thống theo dõi chính xác hơn sẽ được thực hiện. Do đó, TCLN nên xem xét thực hiện các điều chỉnh cần thiết các quy định về theo dõi diễn biến rừng và mở rộng hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng ra các tỉnh khác.

(3) Hợp phần 3

<b>Mục tiêu của hợp phần</b>	Thiết lập hệ thống quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác nhằm quản lý và bảo tồn bền vững Khu dự trữ sinh quyển (DTSQ TG) Lang Biang (Khu DTSQ TG Lang Biang)
<b>Hoạt động</b>	<p>3-1 Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) của Khu DTSQ TG Lang Biang.</p> <p>3-2 Nâng cấp thỏa thuận quản lý hợp tác (Thỏa thuận QLHT) với các cơ chế chia sẻ lợi ích như công cụ để bảo tồn các hệ sinh thái rừng trong vùng lõi và vùng đệm của Khu DTSQ TG Lang Biang.</p> <p>3-3 Sử dụng kết quả giám sát rừng và đa dạng sinh học (ĐDSH) để quản lý vùng lõi và vùng đệm của Khu DTSQ TG Lang Biang.</p>
<b>Chỉ số có thể kiểm chứng khách quan cho các mục tiêu của hợp phần</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Tiếp tục sử dụng dữ liệu được thu thập thông qua PFMS nhằm quản lý bền vững Khu DTSQ TG Lang Biang.</li><li>2. Tiếp tục sử dụng hệ thống quản lý giám sát sinh học đã được phát triển nhằm giám sát tình trạng sinh học của Khu DTSQ TG Lang Biang.</li><li>3. UBND đã phê duyệt và ban hành hồ sơ pháp lý từ kết quả thử nghiệm của Thỏa thuận QLHT tại các thôn mục tiêu với cam kết mở rộng mô hình.</li><li>4. KHQL được UBND Tỉnh phê duyệt và đang được thực hiện bởi các bên liên quan.</li></ol>
<b>Hình thức kiểm chứng</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Báo cáo giám sát và Thỏa thuận QLHT</li><li>2. Báo cáo hàng năm của BQL VQG Bidoup Núi Bà</li><li>3. Hồ sơ pháp lý</li><li>4. Báo cáo hàng năm của BQL Khu DTSQ TG Lang Biang</li><li>5. Gửi hồ sơ cho UBND Tỉnh kèm theo lộ trình thực hiện.</li></ol>
<b>Tiến trình</b>	<p>Mức độ đạt được của chỉ số thành phần như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chủ rừng giám sát rừng tại các thôn mục tiêu thông qua PFMS, hệ thống giám sát bằng thiết bị không người lái (Drone) và tuần tra chi trả dịch vụ môi trường rừng DVMTR. Dữ liệu thu được qua việc giám sát liên tục được báo cáo cho BQL Khu DTSQ TG Lang Biang nhằm quản lý bền vững Khu DTSQ TG Lang Biang.</li><li>2. Phù hợp với Hệ thống giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH), BQL VQG Bidoup Núi Bà bắt đầu giám sát ĐDSH với việc giám sát thú/chim ở Khu DTSQ TG Lang Biang bằng máy bay ảnh, mức độ chuẩn bị cao nhất trong số các hạng mục giám sát. Liên tục thực hiện thu thập dữ liệu về ĐDSH ở Khu DTSQ TG Lang Biang, do đó góp phần hiểu rõ tình trạng của Khu DTSQ TG Lang Biang.</li><li>3. Dựa trên kết quả thành công của hoạt động thử nghiệm Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích tại các thôn mục tiêu, Ban QLDA Khu DTSQ TG Lang Biang ban hành các văn bản chính sách với các hướng dẫn liên quan đến Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích dự kiến được trình và thông qua trong cuộc họp lần thứ 9 tổ chức vào tháng Mười Hai 2020 hoặc tháng Một 2021 để áp dụng các hoạt động liên tục và rộng rãi trong Khu DTSQ TG Lang Biang sau khi dự án kết thúc.</li></ol>

	4. Sau khi UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch quản lý (KHQL) Khu DTSQ TG Lang Biang vào cuối tháng 4 năm 2018, kế hoạch hành động hàng năm năm 2018 của KHQL đã được 11 Sở, ban, ngành cấp tỉnh liên quan xây dựng, thực hiện và giám sát/tổ chức. Hơn nữa, KHHĐ hàng năm năm 2019 được phát triển, thực hiện và giám sát bởi 12 Sở, ban, ngành/tổ chức trong suốt năm 2019.
--	--

**Hoạt động 3-1 Thiết lập khung thể chế cần thiết cho quản lý và hoạt động (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) của Khu DTSQ TG Lang Biang**

Chỉ số kiểm chứng khách quan	Mức độ đạt được
3-1-1 Tất cả các bên liên quan chính bao gồm các UBND xã trong vùng đệm và vùng lõi hiểu sâu hơn về mục tiêu của Khu DTSQ TG Lang Biang và vai trò/trách nhiệm của các bên trong khuôn thể chế.	1. Thông qua hai loạt cuộc họp tham vấn, v.v., các bên liên quan chính của Khu DTSQ TG Lang Biang như các tổ chức cấp tỉnh bao gồm UBND xã, người dân trong thôn đã hiểu sâu hơn mục đích của Khu DTSQ TG Lang Biang và vai trò/trách nhiệm của các bên liên quan
3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu DTSQ TG Lang Biang đã được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.	2. Dự thảo kế hoạch quản lý được xây dựng vào tháng 7 năm 2017 đã được thông qua tại cuộc họp lần thứ 3 của BQL Khu DTSQ TG Lang Biang, sau đó đã được UBND tỉnh thông qua vào tháng 4 năm 2018.
3-1-3 Hơn (ít nhất) 80% các tổ chức cấp tỉnh có liên quan được liệt kê trong kế hoạch quản lý thực hiện và giám sát các hoạt động theo kế hoạch đã được phê duyệt.	3. Kế hoạch hành động hàng năm năm 2018 của Kế hoạch quản lý Khu DTSQ TG Lang Biang được xây dựng, thực hiện và giám sát bởi 11 tổ chức cấp tỉnh đã được liệt kê trong Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch quản lý nêu trên và KHHĐ năm 2019 đã được xây dựng, thực hiện và giám sát của 12 tổ chức cấp tỉnh có liên quan. Vì vậy, 100% các tổ chức có liên quan đã tham gia thực hiện.

**Hoạt động 3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý Khu DTSQ cho Khu DTSQ TG Lang Biang với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của Ban quản lý cũng như các thành viên/đơn vị.**

Trước khi bắt đầu triển khai các hoạt động của dự án, BQL VQG Bidoup Núi Bà xây dựng và trình UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt đề xuất thành lập Ban quản lý Khu DTSQ TG Lang Biang do Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban với 11 thành viên (Sở TN&MT, KH&CN, VH-DL-TT, NN&PTNT, UBND thành phố Đà Lạt; 5 UBND huyện, gồm UBND huyện Lạc Dương và BQL Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà). Ngày 3/6/2016, UBND Tỉnh Lâm Đồng chính thức ban hành Quyết định thành lập BQL Khu DTSQ TG Lang Biang UBND tỉnh, trong đó xác định mục đích thành lập, cơ cấu tổ chức và vai trò<sup>5</sup> của các thành viên. Cho đến nay, đã tổ chức chín cuộc họp BQL Khu DTSQ TG Lang Biang (29 tháng 7, 28 tháng 11 năm 2016; 3 tháng 7, 30 tháng 11 năm 2017; 19 tháng 4, 7 tháng 12 năm 2018; 6 tháng 6, 7 tháng 11 năm 2019; và tháng Mười Hai 2020 hoặc tháng Một 2021) với sự hỗ trợ của nhóm dự án. Ngoài các tổ chức thành viên của BQL Khu DTSQ TG Lang Biang, cuộc họp còn có sự tham gia của các bên liên quan bao gồm: các cơ quan cấp Trung ương/Tỉnh, lãnh đạo/người dân tại các thôn mục tiêu của dự án, các công ty tư nhân liên quan, các nhà tài trợ quốc tế, v.v., và nhóm dự án đã hỗ trợ/thúc đẩy thảo luận về kế hoạch hoạt động và tiến trình các hoạt động dự án cũng như đề xuất những hệ thống quản lý quan trọng sẽ được giới thiệu cho Khu DTSQ TG Lang Biang như Kế hoạch quản lý 5 năm Khu DTSQ TG Lang Biang (KHQL), thỏa thuận QLHT nâng cấp, Diễn đàn QLHT, thiết lập Hệ thống Giám sát Đa dạng Sinh học, giám sát bằng flycam.

Mặc dù cuộc họp BQL Khu DTSQ TG Lang Biang được coi là một diễn đàn thảo luận cấp cao hơn (cấp tỉnh)

<sup>5</sup> Quyết định 1164/QĐ của UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 3/6/2016, quyết định thành lập BQL khu DTSQ TG Lang Biang, tỉnh Lâm Đồng



giữa các tổ chức thành viên của BQL Khu DTSQ TG Lang Biang và các bên liên quan (đại biểu) nêu trên, nhưng rất khó để người dân tự do phát biểu ý kiến vì đây là cuộc họp kéo dài nửa ngày, tổ chức hai lần một năm với sự tham gia của nhiều quan chức cấp cao của các tổ chức chính quyền cấp Tỉnh để thảo luận về kế hoạch, ngân sách/ thực hiện và các vấn đề bao trùm toàn bộ Khu DTSQ TG Lang Biang chứ không phải của riêng địa phương. Trước tình hình trên, cuộc họp lần thứ 2 của BQL khu DTSQ TG Lang Biang đã đề xuất, đưa ra, thảo luận và thống nhất việc thành lập Diễn đàn QLHT như một diễn đàn cấp dưới. Dựa trên cơ sở trên, Diễn đàn QLHT chính thức được thành lập theo Quyết định 198/QĐ-BQL ngày 30/1/2018<sup>6</sup> như một diễn đàn cấp dưới để xác định, thảo luận các vấn đề của địa phương và tìm ra giải pháp. Trong khi cuộc họp BQL Khu DTSQ TG Lang Biang có chức năng thiết lập các chính sách về QLHT đối với việc phát triển và bảo tồn Khu DTSQ TG Lang Biang, Diễn đàn QLHT đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện QLHT, chẳng hạn như công việc hợp tác giữa các bên liên quan (cơ quan chính quyền cấp Tỉnh, công ty tư nhân và người dân trong thôn) để thảo luận và giải quyết các vấn đề tại địa phương của Khu DTSQ TG Lang Biang. Với sự hỗ trợ của nhóm dự án, bốn Diễn đàn QLHT đã được thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề về cải thiện sinh kế của người dân địa phương và bảo tồn môi trường ở các khu vực đầu nguồn kể từ khi Diễn đàn QLHT chính thức được thành lập và dựa trên sự thống nhất giữa các bên liên quan đã tiến hành các hoạt động hợp tác về sản xuất nấm hương và cải tiến chuồng nuôi, mang lại những thành tựu đáng kể.

### **Hoạt động 3-1-2 Thúc đẩy chuỗi các buổi họp tham vấn với thành viên chủ chốt và trưởng thôn/xã trong vùng lõi và vùng đệm.**

Hai lượt các buổi họp tham vấn được tổ chức giữa tháng Mười Hai 2016 và tháng Một 2017 và giữa tháng Chín 2017 và tháng Mười 2017 ở thành phố Đà Lạt và năm huyện trong khu DTSQ Lang Biang nhằm mục đích tăng cường hiểu biết về khu DTSQ Lang Biang của các cơ quan ban ngành cấp tỉnh, UBND xã, trưởng thôn. Các buổi họp trong lượt đầu tiên được tổ chức để mở rộng/khắc sâu hiểu biết của những người tham gia về chương trình MAB và khu DTSQ TG Lang Biang, trong khi các buổi họp lần thứ hai nâng cao hiểu biết về KHQL đã được đồng thuận tại phiên họp thứ 3 của BQL khu DTSQ TG Lang Biang. Cả hai lượt họp có sự tham gia của 605 thành viên từ các đơn vị có liên quan, góp phần khắc sâu hiểu biết về khu DTSQ Lang Biang giữa các bên.

### **Hoạt động 3-1-3 Cung cấp hướng dẫn và định hướng về Chương trình Con người và Sinh quyển cho các thành viên có liên quan của BQL Khu DTSQ TG Lang Biang.**

Khi BQL Khu DTSQ TG Lang Biang chính thức được thành lập, các thành viên hội đồng quản trị và các bên liên quan về chương trình Con người và Sinh quyển còn hạn chế về thông tin, do đó, các hoạt động sau đây đã được tiến hành.

Vào thời điểm diễn ra cuộc họp BQL Khu DTSQ TG Lang Biang lần thứ nhất, các thành viên hội đồng quản trị của BQL Khu DTSQ TG Lang Biang và các đại biểu đã đưa ra định hướng về chương trình và Khu DTSQ TG Lang Biang; và từ đó bất cứ khi nào cuộc họp BQL Khu DTSQ TG Lang Biang được tổ chức đã đưa ra các định hướng và lời khuyên cần thiết phù hợp.

Khi Diễn đàn QLHT được tổ chức, BQL chương trình Con người và Sinh quyển (MAB) và Khu DTSQ TG Lang Biang đã giải thích cho các bên liên quan, kể cả người dân, hiểu sâu hơn về bối cảnh và mục đích của Diễn đàn QLHT nhằm đạt được thỏa thuận về các hoạt động hợp tác để giải quyết các vấn đề. Hơn nữa, các thành viên Nhóm công tác trong các cuộc họp thường kỳ của họ được cung cấp các định hướng và lời khuyên cần thiết, bao gồm các nhân viên từ các tổ chức liên quan bao gồm các thành viên BQL Khu DTSQ TG Lang Biang trong quá trình xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động hàng năm 2018 và 2019 của Kế hoạch quản lý Khu DTSQ TG Lang Biang đã được xây dựng dựa trên chương trình Con người và Sinh quyển. Ngoài ra, nhằm mục đích nâng cao hiểu biết của thành viên Nhóm công tác về cách thức tiến hành các hoạt động cụ thể của các khu DTSQ bao gồm chương trình Con người và Sinh quyển và quản lý hợp tác, 17 cán

<sup>6</sup> Quyết định 198/QĐ-BQL ngày 30/1/2018 của BQL khu DTSQ TG Lang Biang về thành lập Diễn đàn Quản lý Hợp tác của BQL khu DTSQ TG Lang Biang

bộ của các tổ chức liên quan bao gồm cả thành viên BQL Khu DTSQ TG Lang Biang đã tham gia hai khóa đào tạo tại Nhật Bản để tìm hiểu các mô hình tại Nhật Bản về Khu DTSQG và quản lý các khu DTSQ.

#### **Hoạt động 3-1-4 Thu thập dữ liệu hiện trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của Khu DTSQ TG Lang Biang.**

Để góp phần xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm của Khu DTSQ TG Lang Biang, BQL thực hiện công tác thu thập dữ liệu hiện có (dữ liệu thống kê cấp huyện/xã, dữ liệu sử dụng đất, dữ liệu độ che phủ rừng (NFI & S), dữ liệu địa hình, v.v.) và các quy hoạch hiện có đối với quản lý Khu DTSQ TG Lang Biang (quy hoạch tổng thể của tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, chiến lược của từng ngành, v.v.), thể hiện các điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội liên quan đến tỉnh Lâm Đồng và Khu DTSQ TG Lang Biang. Một số kế hoạch được thu thập được nêu dưới đây:

- Quyết định 1462/QĐ-TTg; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 (201(1))
- Quyết định 2644/QĐ-UBND: Quyết định phê duyệt đề xuất - dự toán kế hoạch sử dụng đất năm 2017 cho huyện và thành phố (2016)
- Quyết định 2897/QĐ-UBND: Phê duyệt kế hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn Lâm Đồng đến năm 2020 (201(4))

#### **Hoạt động 3-1-5 Rà soát và xây dựng các bản đồ chuyên đề cần thiết (hành chính, địa hình, hiện trạng sử dụng đất, lớp phủ thực vật và phân vùng) của Khu DTSQ TG Lang Biang.**

Sử dụng dữ liệu thu thập trong mục 3.1.4 ở trên để xây dựng các bản đồ chuyên đề khác nhau cần thiết cho việc quản lý Khu DTSQ TG Lang Biang (bản đồ hành chính, địa hình, sử dụng đất, lớp phủ thực vật). Cần lưu ý rằng bản đồ phân vùng đã không được xây dựng, vì nó đã được lập trong quá trình chuẩn bị đăng ký Khu DTSQ TG Lang Biang cho UNESCO và bản đồ được đánh giá là phù hợp về mặt nội dung.

#### **Hoạt động 3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý năm (5) năm của Khu DTSQ TG Lang Biang.**

BQL đã xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm của khu DTSQ TG Lang Biang với sự hỗ trợ của nhóm dự án thông qua các bước sau đây. Trước hết, các cuộc họp tham vấn được tổ chức với các bên liên quan như lãnh đạo của các tổ chức chính quyền cấp Tỉnh có liên quan, các công ty tư nhân, trưởng thôn, v.v., sau khi giải thích mục đích và sự cần thiết của KHQL, BQL lắng nghe ý kiến của đại biểu về KHQL, và các quan điểm đã được trao đổi giữa họ về tầm nhìn KHQL được thực hiện trong tương lai và dự thảo phân tích SWOT. Phân tích SWOT bản cuối cùng trình bày dưới đây.

### Phân tích SWOT tại Khu DTSQ TG Lang Biang

<p style="text-align: center;"><b>Điểm mạnh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính ĐDSH cao</li> <li>- Tài nguyên du lịch phong phú</li> <li>- Hoạt động Chi trả DVMTR</li> <li>- Sự sẵn sàng của các bên liên quan</li> <li>- Môi trường tự nhiên tốt</li> <li>- Đa dạng bản sắc văn hóa</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>Điểm yếu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân mảnh hệ sinh thái</li> <li>- Mất hệ sinh thái</li> <li>- Không đủ nền tảng pháp lý và chính sách về Khu DTSQ</li> <li>- Hoạt động chi trả DVMTR không phù hợp</li> <li>- Cộng đồng ít quan tâm về Khu DTSQ TG Lang Biang</li> <li>- Khai thác và sử dụng quá mức nguồn tài nguyên</li> <li>- Đô thị hóa</li> <li>- Nguồn nhân lực không đủ</li> </ul>
<p style="text-align: center;"><b>Cơ hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng lớn về chi trả DVMTR (PFES)</li> <li>- Tăng cường nguồn lực cho đầu tư phát triển</li> <li>- Phát triển khoa học và công nghệ</li> <li>- Có chương trình phát triển bền vững</li> <li>- Tăng trưởng dịch vụ du lịch</li> <li>- Cải thiện thể chế và chính sách</li> <li>- Hợp tác nội bộ</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>Nguy cơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên ngày càng tăng</li> <li>- Ô nhiễm môi trường</li> <li>- Khí hậu thay đổi</li> <li>- Sự lây lan của sâu bệnh</li> <li>- Khủng hoảng kinh tế</li> <li>- Mất bản sắc văn hóa</li> <li>- Nguồn nhân lực thiếu</li> <li>- Thay đổi chính sách và kế hoạch sử dụng đất</li> </ul>

Dựa trên kết quả của các cuộc họp tham vấn trên, xem xét và phân tích dữ liệu thu thập được tại mục 3-1-4 và các bản đồ chuyên đề khác nhau được chuẩn bị tại mục 3-1-5 cũng như về các chiến lược và kế hoạch quốc gia/Tỉnh (dự thảo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch sử dụng đất, chiến lược phát triển của từng ngành, lĩnh vực ...). Đặc biệt, sau khi xây dựng tầm nhìn và các mục tiêu cần thiết của Khu DTSQ TG Lang Biang và, BQL đã xây dựng 9 chương trình và 36 tiểu chương trình (hoạt động) góp phần đạt được các mục tiêu dựa trên Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng (được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt) vv .. Ngoài ra, ước tính kế hoạch ngân sách cần thiết để thực hiện các hoạt động được tổng hợp trong KHQL dựa trên kế hoạch ngân sách hiện có. Dự thảo KHQL được sửa đổi dựa trên ý kiến đóng góp của các cơ quan ban ngành quyền cấp Tỉnh, v.v., KHQL sửa đổi đã được đề xuất và thảo luận tại cuộc họp BQL Khu DTSQ TG Lang Biang lần thứ 3 diễn ra vào ngày 3 tháng 7 năm 2017, về cơ bản đã nhất trí. Hoàn thiện KHQL dựa trên ý kiến của các đại biểu tham gia. Vì BQL Khu DTSQ TG Lang Biang là cơ quan điều phối, không có thẩm quyền chỉ đạo các cơ quan/tổ chức chính quyền cấp tỉnh thực hiện KHQL đã được thông qua tại hội nghị lần 3 của BQL khu DTSQ bởi các cơ quan ban ngành trong tỉnh. Việc thực hiện KHQL cần phải có sự chấp thuận của UBND tỉnh. Do đó, KHQL đã được trình UBND tỉnh phê duyệt vào tháng Tám 2017.



Thảo luận về KHQL tại hội nghị BQL Khu DTSQ TG lần 3

Tuy nhiên, Ban thư ký BQL Khu DTSQ TG Lang Biang với sự hỗ trợ của nhóm dự án đã thường xuyên giải thích sự cần thiết của việc phê duyệt sớm KHQL với UBND tỉnh và các Sở, cơ quan ban ngành cấp tỉnh liên quan, việc phê duyệt bị trì hoãn do (1) do thiếu cơ sở pháp lý cho Khu DTSQ ở Việt Nam, không nắm được thủ tục phê duyệt KHQL bởi UBND tỉnh, và (2) các sở ban ngành của tỉnh hiểu nhầm rằng kế hoạch ngân sách của KHQL yêu cầu ngân sách mới/bổ sung mặc dù kế hoạch ngân sách của KHQL đã được xây dựng thông qua việc tích lũy ngân sách đã được phê duyệt chính thức của các cơ quan liên quan, các Sở/tổ chức cấp tỉnh, v.v... Trước thực trạng trên, Ban thư ký đã nỗ lực hơn nữa trong việc thuyết phục UBND tỉnh phê

duyet Nghị quyết kể từ tháng 1/2018, UBND tỉnh tổ chức cuộc họp về việc phê duyệt Nghị quyết cuối tháng 3 với sự tham gia của các Sở/ngành liên quan, và đại diện nhóm dự án với tư cách là quan sát viên, dẫn đến việc thống nhất thực hiện KHQL và cuối cùng KHQL đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định 786/QĐ-UBND vào cuối tháng 4/2018.

### **Hoạt động 3-1-7 Phối hợp các hành động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực hiện kế hoạch quản lý.**

Khi thực hiện KHQL được tiến hành theo cách sau. 11 Sở/ngành/tổ chức cấp tỉnh có liên quan do UBND tỉnh chỉ định trong quyết định 786 xây dựng các Kế hoạch hành động hàng năm của tổ chức mình thông qua việc lựa chọn các hoạt động/ngân sách phù hợp với 9 Chương trình của KHQL từ hoạt động/ngân sách hiện có trong năm. Do sự chậm trễ trong việc phê duyệt của KHQL, việc xây dựng và thực hiện các KHHĐ hàng năm từ đầu năm 2018 đã trở nên bất khả thi. Tuy nhiên, việc thành lập Nhóm công tác đã được UBND tỉnh phê duyệt để xây dựng/ thực hiện các KHHĐ hàng năm một cách suôn sẻ theo yêu cầu. Nhóm công tác bao gồm các lãnh đạo cấp tỉnh/tổ chức liên quan được chính thức thành lập vào tháng 3 năm 2017 trực thuộc BQL Dự án cấp Tỉnh. Ngay sau khi KHQL được phê duyệt, cuộc họp đầu tiên giữa BQL Dự án cấp Tỉnh và Nhóm công tác đã được tổ chức với sự hỗ trợ của nhóm dự án, dựa trên kết quả đó, việc xây dựng KHHĐ hàng năm năm 2018 đã được bắt đầu bởi 11 tổ chức cấp tỉnh có liên quan với sự hỗ trợ của nhóm dự án. Các KHHĐ hàng năm đã được phát triển và đệ trình lên BQL Khu DTSQ TG Lang Biang vào cuối tháng 9 mặc dù công việc đã được hoàn thành bởi các tổ chức mà họ chưa từng có kinh nghiệm làm việc trong một thời gian rất ngắn. Đối với việc xây dựng và thực hiện KHHĐ hàng năm 2019, theo sự tư vấn của nhóm dự án, đã thêm vào một đơn vị trong vai trò là tổ chức cấp tỉnh thực hiện kế hoạch. Do đó có tổng cộng 12 đơn vị trong tỉnh. Với sự hỗ trợ của nhóm dự án, hướng dẫn xây dựng KHHĐ hàng năm đã được phát triển để làm cho 12 tổ chức trên có thể phát triển bền vững KHHĐ hàng năm sau khi kết thúc dự án. Việc phát triển KHHĐ hàng năm 2019 đã được 12 tổ chức bắt đầu từ tháng 10 năm 2018 theo hướng dẫn và đã hoàn thành và đã được đệ trình lên BQL Khu DTSQ TG Lang Biang vào cuối năm 2018.

### **Hoạt động 3-1-8 Định kỳ giám sát và đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch quản lý.**

Việc xây dựng và thực hiện các KHHĐ hàng năm 2018 và 2019 được Nhóm công tác và các tổ chức chính quyền cấp tỉnh liên quan giám sát thường xuyên với sự hỗ trợ của nhóm dự án và chúng được đánh giá dựa trên các kết quả giám sát như sau.

Đối với việc thực hiện các KHHĐ hàng năm năm 2018, do sự chậm trễ trong việc phê duyệt của KHQL như mô tả trong mục 3-1-7, việc phát triển các KHHĐ hàng năm đã được 11 tổ chức liên quan bắt đầu từ tháng 5 và hoàn thành vào cuối tháng 9, được thực hiện cho đến Tháng mười hai. Về các KHHĐ hàng năm 2019, quá trình phát triển đã hoàn thành vào cuối năm 2018 và việc triển khai chúng đã được bắt đầu bởi 12 tổ chức liên quan từ đầu năm 2019 và tiếp tục cho đến tháng 12. Nhóm công tác, các tổ chức và ban thư ký BQL Khu DTSQ TG Lang Biang giám sát công việc triển khai này. Việc xây dựng, thực hiện và giám sát thực hiện KHHĐ 2018 và 2019 được đánh giá dựa trên kết quả giám sát trên như sau.

Tổng ngân sách cho KHHĐ hàng năm năm 2018 do các tổ chức xây dựng là 257.959 (triệu đồng) trong 9 chương trình. Việc xây dựng/triển khai các KHHĐ hàng năm là kinh nghiệm đầu tiên cho các tổ chức với thời gian xây dựng/ thực hiện rất ngắn, dẫn đến những tồn tại, chẳng hạn như không phân bổ đủ ngân sách cho các hoạt động trong một số chương trình; cụ thể là 98,6% các hoạt động được lập kế hoạch, v.v ... Tuy nhiên, điều này được đánh giá đã phát triển và thực hiện thành công các KHHĐ hàng năm. Cần lưu ý rằng một phần của KHHĐ hàng năm cần đầu tư cho các hoạt động bảo tồn rừng thông qua thỏa thuận QLHT, hoạt động cải thiện sinh kế dựa trên diễn đàn QLHT và giám sát đa dạng sinh học.

Việc xây dựng KHHĐ hàng năm năm 2019 với tổng kinh phí là 269.281 (triệu đồng) trong 9 chương trình của 12 tổ chức phù hợp với hướng dẫn phát triển KHHĐ hàng năm được đánh giá cao. Mặt khác, do ngân

sách liên quan đến các chương trình phát triển kinh tế thân thiện với môi trường được phân bổ thiếu nên tổng tỷ lệ thực hiện ngân sách là 91,4%; ngoài ra, việc phân bổ ngân sách cho các chương trình không cân đối. Do dù có những tồn tại trên, việc xây dựng và thực hiện các KHHĐ hàng năm 2019 được đánh giá là tốt hơn so với năm trước. Thêm vào đó, một phần của KHHĐ hàng năm của các tổ chức có liên quan cũng đã dành ra cho những hoạt động như cải thiện sinh kế dựa trên Thỏa thuận QLHT.

Do kinh nghiệm và năng lực của Ban thư ký BQL Khu DTSQ TG Lang Biang về xây dựng/Thực hiện KHHĐ hàng năm còn hạn chế, nên có đánh giá rằng cần nâng cao năng lực của Ban thư ký về xây dựng/Thực hiện KHHĐ hàng năm và cần có cán bộ đủ năng lực đủ kinh nghiệm ở vị trí này. Nếu Ban Thư ký được củng cố về năng lực tổ chức, việc thực hiện và phát triển KHHĐ hàng năm bền vững được mong đợi sau khi kết thúc dự án, xem xét thành quả đáng kể khi xây dựng và thực hiện KHHĐ hàng năm thành công bởi 12 đơn vị.

### **Hoạt động 3-1-9 Tổ chức hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng của các khu vực rừng lân cận và các Sở NN & PTNT ở các tỉnh lân cận (ví dụ như Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).**

Tổ chức hội thảo chia sẻ thông tin (CSTT)/tập huấn kỹ thuật (THKT) lần thứ nhất vào tháng 12 năm 2017 với sự tham gia của khoảng 30 cán bộ chính quyền các tỉnh bao gồm Sở NN & PTNT và các chủ rừng ở các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận, Khánh Hòa) để chia sẻ hệ thống/kỹ thuật do dự án phát triển như KHQL Khu DTSQ TG Lang Biang, Thỏa thuận QLHT, Diễn đàn QLHT, các lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO) và giám sát rừng bằng thiết bị không người lái để góp phần mở rộng của Khu DTSQ TG Lang Biang bao gồm các khu bảo tồn của các tỉnh lân cận trong tương lai.

Nhằm phổ biến các hệ thống/kỹ thuật do dự án phát triển như KHQL Khu DTSQ TG Lang Biang, Thỏa thuận QLHT, Diễn đàn QLHT, các lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO), chương trình Giáo dục Môi trường và hệ thống Giám sát Đa dạng Sinh học cho tất cả các Khu Dự trữ Sinh quyển ở Việt Nam, các chủ rừng tại các tỉnh lân cận, các tổ chức chính quyền tỉnh Lâm Đồng đã chuẩn bị để tổ chức hội thảo CSTT/THKT lần thứ hai vào tháng 3 năm 2020 với sự phối hợp của BQL chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam. Tuy nhiên, do các hạn chế như việc tổ chức các sự kiện và việc nhập cảnh vào Việt Nam của chính phủ Việt Nam để đối phó với sự lây lan của COVID-19, hội thảo nêu trên đã được quyết định hoãn lại cho đến khi hạn chế được dỡ bỏ sau khi tham vấn với BQL Dự án cấp Tỉnh. Mặc dù hạn chế đã được dỡ bỏ hoặc nói lỏng một phần, nhưng người nước ngoài vẫn phải tuân theo quy định vào tháng 9, điều này gây khó khăn cho các chuyên tư vấn Nhật Bản tham gia hội thảo CSTT/THKT kịp thời. Do đó, hội thảo CSTT/THKT đã được quyết định hủy bỏ với sự tham vấn của BQL Dự án cấp Tỉnh. Trước tình hình đó, khi đã tham vấn với BQL dự án cấp Tỉnh, dự án sẽ chia sẻ các thành quả đến hết dự án tới tất cả các Khu DTSQ ở Việt Nam và các chủ rừng ở các tỉnh lân cận thông qua chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam, bao gồm Thỏa thuận QLHT/chương trình Giám sát đa dạng sinh học, Diễn đàn QLHT, EFLO (cải thiện lợi nhuận canh tác cà phê thông qua việc ứng dụng ủ phân hữu cơ/và sản xuất nấm hương có lợi nhuận cao với việc bán sản phẩm thông qua chuỗi cung ứng) và hệ thống giám sát ĐDSH nhằm góp phần phát triển/bảo tồn bền vững các Khu DTSQ và VQG ở Việt Nam.

### **Hoạt động 3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại VQG Bidoup Núi Bà cho các bên liên quan của các tỉnh lân cận để nâng cao năng lực về Chương trình Con người và Sinh quyển.**

**Tương tự như trên.**

【Tham khảo】

**Bảng 36: Nội dung và mối quan hệ của các khuôn khổ, thể chế và hoạt động về quản lý (Khu DTSQ TG Lang Biang)**

Tên	Cơ sở pháp lý của thể chế	Thành phần	Hoạt động và chức năng chính
Khu DTSQ TG Lang Biang	Sự chấp thuận của UNESCO  Khu DTSQ TG Lang Biang được công nhận tại kỳ họp thứ 27 của Hội đồng Điều phối Quốc tế tổ chức vào tháng 7 năm 2015 là Khu DTSQ đầu tiên tại Tây Nguyên và Khu DTSQ thứ 9 tại Việt Nam.	Khu DTSQ TG Lang Biang là Khu Dự trữ Sinh quyển (Khu DTSQ). Ở Nhật Bản, Khu DTSQ được gọi là Công viên sinh thái của UNESCO.	Khu DTSQ TG Lang Biang là khu bảo tồn được quốc tế công nhận với trung tâm là VQG Bidoup Núi Bà có diện tích 275.439 ha, tọa lạc tại thành phố Đà Lạt và 5 huyện xung quanh của tỉnh Lâm Đồng. Khu DTSQ TG Lang Biang nhằm bảo tồn cảnh quan, ĐDSH và các giá trị văn hóa của cao nguyên LB một cách hài hòa với sự phát triển của khu vực. Khu DTSQ TG Lang Biang được chia thành 3 vùng. Vùng lõi (34.943 ha) là khu vực được bảo vệ hợp pháp, nơi chỉ cho phép các hoạt động góp phần bảo tồn cảnh quan và ĐDSH như khảo sát và nghiên cứu. Trong khi đó, Vùng đệm (72.232 ha) cho phép các hoạt động như du lịch và chăn thả với giới hạn nhất định và trong Vùng chuyển tiếp (168.264 ha) các hoạt động quản lý tài nguyên bền vững được thử nghiệm và các hoạt động kinh tế chính bao gồm sản xuất cây nông nghiệp.
Khu DTSQ TG Lang Biang MB	Văn bản pháp lý của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thành lập BQL Khu DTSQ TG Lang Biang-VT (2016. Quyết định 1164/QĐ-UBND: Thành lập BQL Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang, tỉnh Lâm Đồng)  BQL Khu DTSQ TG Lang Biang được thành lập vào ngày 3 tháng 6 năm 2016 với văn bản pháp lý nêu trên, là một tổ chức công lập phi lợi nhuận. Dựa vào QĐ nêu trên, Ban thư ký – thành viên của BQL VQG Bidoup Núi Bà - của Khu DTSQ TG LangBiang được thành	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phó Chủ tịch UBND Tỉnh (Trưởng ban BQL Khu DTSQ TG Lang Biang)</li> <li>• Sở NN&amp;PTNT (Phó ban BQL Khu DTSQ TG Lang Biang)</li> <li>• BQL VQG Bidoup Núi Bà (Phó ban BQL Khu DTSQ TG Lang Biang)</li> <li>• Sở TN&amp;MT</li> </ul>	Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh Lâm Đồng, BQL Khu DTSQ TG Lang Biang thực hiện các vai trò sau đây như một cơ quan điều phối để quản lý và vận hành Khu DTSQ TG Lang Biang phù hợp với các mức thấp, quy định, v.v. của Ủy ban UNESCO Việt Nam, BQL chương trình Con người và Sinh quyển Việt Nam và chính quyền cấp Tỉnh/các tổ chức liên quan. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiết lập Kế hoạch quản lý 5 năm Khu DTSQ TG Lang Biang<sup>7</sup> (KHQL) và các Kế hoạch hành động hàng năm dựa trên KHQL phối hợp với các tổ chức chính quyền cấp tỉnh có liên quan.</li> <li>• Giám sát và thu thập thông tin về các chương trình/hoạt động phù hợp với các kế hoạch trên.</li> </ul>

<sup>7</sup> KHQL của khu DTSQ Lang Biang bao gồm 9 chương trình, kể cả bảo tồn rừng, và 36 tiểu chương trình (hoạt động) được xây dựng dựa trên ngân sách/các chương trình hiện có/đã được duyệt của các cơ quan ban ngành trong tỉnh có liên quan. Một số phần của những tiểu chương trình/hoạt động được các tổ chức trong tỉnh hợp tác cùng thực hiện.

Tên	Cơ sở pháp lý của thể chế	Thành phần	Hoạt động và chức năng chính
	lập.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sở KH&amp;ĐT</li> <li>• Sở VH-TT-DL</li> <li>• Sở KH&amp;ĐT</li> <li>• UBND huyện Lạc Dương</li> <li>• UBND thành phố Đà Lạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tổ chức cuộc họp BQL Khu DTSQ TG Lang Biang định kỳ (Nền tảng cấp tỉnh để quản lý/vận hành phù hợp Khu DTSQ TG Lang Biang)<sup>8</sup> với sự tham gia của các tổ chức cấp Tỉnh/công ty tư nhân liên quan/người dân cộng đồng liên quan.</li> <li>• Tổ chức Diễn đàn QLHT (Diễn đàn cấp huyện/xã nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề địa phương trong Khu DTSQ TG Lang Biang thông qua các hoạt động hợp tác giữa các bên liên quan bao gồm người dân, các tổ chức cấp Tỉnh và các công ty tư nhân.</li> <li>• Huy động nguồn nhân lực/tài chính để thực hiện các hoạt động góp phần phát triển/bảo tồn bền vững tài nguyên thiên nhiên và văn hóa ở Khu DTSQ TG Lang Biang</li> <li>• Tiến hành các hoạt động xúc tiến Khu DTSQ TG Lang Biang về nhận thức môi trường và giáo dục môi trường</li> <li>• Đề xuất các hoạt động khoa học/nghiên cứu góp phần hiện thực hóa tầm nhìn của Khu DTSQ TG Lang Biang phối hợp với các viện nghiên cứu trong và ngoài nước</li> </ul>
Diễn đàn QLHT	<p>Quyết định 198/QĐ-BQL ngày 30/1/2018 của Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang về việc thành lập Diễn đàn QLHT trực thuộc BQL Khu DTSQ TG Lang Biang</p> <p>Diễn đàn QLHT chính thức được thành lập vào tháng 1/2018 với hồ sơ pháp lý nêu trên,</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Các tổ chức cấp tỉnh liên quan</li> <li>◆ Chủ rừng</li> <li>◆ Các công ty tư nhân có liên quan</li> <li>◆ Người dân tộc thiểu số ở các thôn mục tiêu (chủ yếu là thanh viên)</li> </ul>	<p>Diễn đàn QLHT thực hiện các vai trò rất quan trọng để tạo cơ hội thảo luận về các vấn đề địa phương như cải thiện sinh kế và hợp tác thực hiện các hoạt động có sử dụng các chương trình và ngân sách của địa phương để giải quyết các vấn đề dựa trên kết quả của các cuộc thảo luận. Do đó, Diễn đàn QLHT là một nơi cơ hội để thực hiện hoạt động QLHT.</p> <p>Dưới đây là một trong những ví dụ về Diễn đàn QLHT về “Cải tiến chăn nuôi”. “Cải thiện chuồng nuôi” được thực hiện thông qua Diễn đàn QLHT nhằm giảm chi phí mua phân bón hóa học bằng cách ủ phân hữu cơ thông qua thu gom phân và bảo tồn rừng/vườn cây trồng thông qua việc kiểm soát chăn thả tự do, được</p>

<sup>8</sup> Họp BQL khu DTSQ Lang Biang được tổ chức hai lần mỗi năm là một hình thức như diễn đàn để thảo luận các hệ thống/kế hoạch/hoạt động với ngân sách cho những hoạt động này được các cơ quan ban ngành có liên quan đề xuất. Đồng thời cũng thảo luận các vấn đề gắn với hình thức triển khai. BQL khu DTSQ Lang Biang dự định tổ chức được 9 lần họp tính đến cuối tháng Mười Hai, 2020.

Tên	Cơ sở pháp lý của thể chế	Thành phần	Hoạt động và chức năng chính
	là diễn đàn cấp huyện xã để quản lý/vận hành Khu DTSQ TG Lang Biang phù hợp.	<p>tham gia Thỏa thuận QLHT)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Ghi chú; các tổ chức/thành viên Diễn đàn QLHT được xác định phù hợp với các vấn đề</li> <li>◆ Ban thư ký : Ban thư ký BQL Khu DTSQ TG Lang Biang</li> </ul>	<p>thực hiện theo cách hợp tác giữa các bên liên quan như sau.</p> <p>Hướng dẫn xây dựng : Trung tâm Nông nghiệp huyện Lạc Dương</p> <p>Cung cấp cây giống cho 1,5ha : Phòng Nông nghiệp huyện Lạc Dương</p> <p>Cung cấp vật tư làm nền sinh học và nền chuồng nuôi : Sở TNMT</p> <p>Sắt mạ kẽm và vật liệu xây dựng sàn cấm trại : Dự án SNRM</p> <p>Vật liệu khác ngoài các vật liệu nêu trên và công xây dựng : người dân trong thôn tham gia “Cải tạo chuồng nuôi”</p>



**Bảng 37: So sánh Thỏa thuận QLHT giai đoạn trước (2010 ~ 2013) và Thỏa thuận QLHT đã nâng cấp trong dự án SNRM**

Thỏa thuận QLHT	Thể chế (nền tảng pháp lý)	Khu vực mục tiêu	Người tham gia	Chức năng / hoạt động chính	Lưu ý
Thỏa thuận QLHT trong giai đoạn trước	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ UBND tỉnh quyết định triển khai hoạt động dự án</li> <li>◆ Thỏa thuận QLHT giữa các bên (BQL VQG Bidoup Núi Bà, UBND xã và đại diện nhóm cộng đồng)</li> </ul>	Các hoạt động ngoài rừng ở 5 thôn mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Các nhóm của người dân cam kết bảo tồn rừng ở 5 thôn mục tiêu</li> <li>◆ BQL VQG Bidoup Núi Bà</li> <li>◆ UBND xã</li> <li>* Tỷ lệ tham gia của người dân các thôn 65%.</li> </ul>	Nhóm người dân tham gia thỏa thuận trong các thôn mục tiêu cam kết với bảo tồn rừng, tự nguyện tham gia Thỏa thuận QLHT và tuân thủ hương ước của thôn do chính người dân xây dựng và được UBND xã có liên quan thông qua. Các nhóm được hưởng lợi (Cơ chế chia sẻ lợi ích; Chia sẻ lợi ích) như cho vay lãi suất thấp từ Quỹ phát triển thôn (VDF), cải thiện canh tác cà phê (EFLO) thông qua lớp học trên đồng ruộng (FFS) và có cơ hội tham gia vào du lịch sinh thái (CBET).	Thỏa thuận QLHT trước đã có sự tham gia của 2/3 người dân trong các thôn mục tiêu. Quỹ phát triển thôn hiện vẫn đang được các nhóm quản lý tốt, đóng góp vào việc cải thiện sinh kế cho người dân. Tuy nhiên, có vấn đề tồn tại về sự bền vững của một số hoạt động không thuộc thẩm quyền. Một vấn đề khác là làm thế nào để đảm bảo nguồn tiền cho VDF.
Thỏa thuận QLHT đã nâng cấp (bản thử nghiệm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Luật lâm nghiệp<sup>10</sup></li> <li>◆ UBND tỉnh quyết định triển khai hoạt động dự án</li> <li>◆ Biên bản ghi nhớ (MOU) giữa UBND huyện và các chủ rừng về Thỏa thuận QLHT thực hiện trên đất rừng</li> <li>◆ Thỏa thuận QLHT giữa các bên (VQG Bidoup Núi Bà/ BQL rừng phòng hộ Đa Nhim /UBND xã, nhóm PFES)</li> </ul>	Đất rừng trong khuôn khổ của hợp đồng giao khoán (hợp đồng PFES) và đất canh tác xung quanh của 7 thôn mục tiêu nằm trong vùng đệm/ vùng lõi của khu DTSQ TG Lang Biang.	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Các nhóm PFES (nhóm PFES) trong các thôn mục tiêu</li> <li>◆ BQL VQG Bidoup Núi Bà</li> <li>◆ BQL rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim</li> <li>◆ UBND xã có liên quan</li> <li>Hoạt động EFLO có sự tham gia của các cơ quan cấp tỉnh với chương trình nông nghiệp cho các hoạt</li> </ul>	<p>Việc chi trả cho người dân dựa theo hợp đồng chi trả DVMTR (hợp đồng PFES) từ nguồn của Quỹ phát triển bảo vệ rừng Lâm Đồng, được giới thiệu rộng rãi ở khu DTSQ TG Lang Biang và góp phần duy trì/cải thiện sinh kế của người nghèo. Lưu ý đến thực trạng trên đã quyết định rằng việc chi trả cho người dân dựa trên hợp đồng PFES giữa chủ rừng và người dân trong thôn nên được áp dụng như là hoạt động Chia sẻ lợi ích chính. Cùng với đó là tăng cường công tác bảo tồn rừng thông qua tăng hiệu quả của hoạt động tuần tra rừng theo hợp đồng giao khoán (tuần tra PFES).</p> <p><b>【Hoạt động chính】</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tái tổ chức thành viên nhóm PFES có cân nhắc đến đất canh tác truyền thống</li> <li>◆ Minh họa vùng rừng PFES mục tiêu, phân ranh giới giữa đất rừng và đất canh tác</li> </ul>	Như mục bên trái thể hiện, Thỏa thuận QLHT được cải thiện theo hướng duy trì khuôn khổ của Thỏa thuận QLHT trong giai đoạn trước đã được đánh giá là có hiệu quả. Và cải thiện để Thỏa thuận QLHT bền vững và hiệu quả hơn về mặt đóng góp vào hoạt động bảo tồn rừng.

<sup>9</sup> Thỏa thuận QLHT đã nâng cấp là một công cụ để thực hiện chương trình bảo tồn rừng. Đây là một trong chín chương trình trong kế hoạch quản lý 5 năm của khu DTSQ TG Lang Biang đã được UBND Tỉnh phê duyệt.

<sup>10</sup> Luật lâm nghiệp được áp dụng từ 1 tháng Một 2019 (bản dịch và gạch chân bởi dự án)

Điều 4, Mục 6: Nhà nước bảo đảm cho đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư sinh sống phụ thuộc vào rừng được giao rừng gắn với giao đất để sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; được hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng với chủ rừng, chia sẻ lợi ích từ rừng; được thực hành văn hóa, tín ngưỡng gắn với rừng theo quy định của Chính phủ.

Điều 54, Mục 3: Đối với phân khu phục hồi sinh thái của rừng đặc dụng, ban quản lý rừng đặc dụng khoán bảo vệ và phát triển rừng hoặc hợp tác, liên kết với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ để bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 54, Mục 4 Đất ở, đất sản xuất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư xen kẽ trong rừng đặc dụng không thuộc quy hoạch rừng đặc dụng thì hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được tiếp tục sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng.

			động sinh kế bền vững và các công ty tư nhân có động lực cao để đảm bảo đầu ra của thị trường.	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Tăng cường hoạt động tuần tra PFES bao gồm theo dõi bằng flycam</li> <li>◆ EFLO (Hỗ trợ xây dựng hệ thống hợp tác bền vững giữa các bên liên quan về hỗ trợ người dân tham gia Thỏa thuận QLHT để cải thiện canh tác cà phê và đa dạng hóa cây trồng)</li> </ul>	
Thỏa thuận QLHT <sup>11</sup> đã nâng cấp sau khi dự án kết thúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Luật Lâm nghiệp<sup>12</sup></li> <li>◆ Tài liệu chính sách được UBND Tỉnh phê duyệt về việc thực hiện mô hình Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích</li> <li>◆ Biên bản ghi nhớ giữa BQL VQG Bidoup Núi Bà và UBND huyện có BQL khu DTSQ TG Lang Biang làm chứng để phát triển và triển khai Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích</li> <li>◆ Thỏa thuận QLHT giữa các bên (VQG Bidoup Núi Bà, BQL rừng đầu nguồn Đa Nhim, UBND xã, trưởng thôn )</li> </ul>	Đất Đất rừng trong khuôn khổ của hợp đồng PFES của các chủ rừng và đất canh tác nông nghiệp trong một xã của khu DTSQ TG Lang Biang	<ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Trưởng thôn nơi thực hiện các hoạt động Thỏa thuận QLHT các hoạt động</li> <li>◆ BQL VQG Bidoup Núi Bà</li> <li>◆ BQL rừng đầu nguồn Đa Nhim</li> <li>◆ UBND xã có liên quan</li> </ul>	Tương tự như trên	Cần lưu ý rằng quy trình Thỏa thuận QLHT được đơn giản hóa để triển khai Thỏa thuận QLHT/ Cơ chế Chia sẻ lợi ích nhịp nhàng và rộng rãi sau khi dự án kết thúc, như sau: (1) Vùng mục tiêu của Thỏa thuận QLHT được mở rộng từ khu vực tuần tra PFES đến tất cả diện tích rừng theo hợp PFES của các chủ rừng trong một xã. Như vậy để có thể đơn giản nhân rộng quy trình sau khi dự án kết thúc. (2) Nội dung các hoạt động Thỏa thuận QLHT (địa điểm, các hoạt động và các nhóm được đính kèm vào thỏa thuận QLHT và là một phần của việc đơn giản hóa quy trình. Do đó, không cần phải xây dựng thỏa thuận QLHT mới thậm chí nếu chuyển hoạt động QLHT/Chia Sẻ Lợi Ích sang nơi khác với các PFES khác trong một xã.

<sup>11</sup> Thỏa thuận QLHT nâng cấp là một công cụ để triển khai chương trình bảo tồn rừng là một trong 9 chương trình trong kế hoạch quản lý 5 năm của khu DTSQ TG Lang Biang được UBND Tỉnh phê duyệt.

<sup>12</sup> Luật lâm nghiệp được áp dụng từ 1 tháng Một 2019 (bản dịch và gach chân bởi dự án)

Điều 4, Mục 6: Nhà nước bảo đảm cho đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng dân cư sinh sống phụ thuộc vào rừng được giao rừng gắn với giao đất để sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; được hợp tác, liên kết bảo vệ và phát triển rừng với chủ rừng, chia sẻ lợi ích từ rừng; được thực hành văn hóa, tín ngưỡng gắn với rừng theo quy định của Chính phủ.

Điều 54, Mục 3: Đối với phân khu phục hồi sinh thái của rừng đặc dụng, ban quản lý rừng đặc dụng khoán bảo vệ và phát triển rừng hoặc hợp tác, liên kết với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ để bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 54, Mục 4 Đất ở, đất sản xuất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư xen kẽ trong rừng đặc dụng không thuộc quy hoạch rừng đặc dụng thì hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được tiếp tục sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng.

**Hoạt động 3-2 Thỏa thuận quản lý hợp tác có các cơ chế chia sẻ lợi ích (Chia sẻ lợi ích) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ TG Lang Biang.**

Chỉ số kiểm chứng khách quan	Mức độ thành tựu
<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) 75 % các thôn tham gia Thỏa thuận QLHT thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án.</p> <p>3-2-2 Tại các xã thí điểm Thỏa thuận QLHT, trên (ít nhất là) 75 % người dân tham gia Thỏa thuận QLHT đánh giá rằng Hệ thống giám sát ĐDSH do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ.</p> <p>3-2-3 Trên (ít nhất là) 80 % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BQL VQG Bidoup – Núi Bà, BQL rừng Đa Nhim, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý Thỏa thuận QLHT có các Cơ chế chia sẻ lợi ích.</p> <p>3-2-4 Các văn bản khuyến nghị chính sách về Thỏa thuận QLHT có các Cơ chế chia sẻ lợi ích được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>1. 87% of người dân trong thôn tham gia hoạt động của Thỏa thuận QLHT bày tỏ dự định tiếp tục các hoạt động theo như Thỏa thuận, thậm chí sau khi dự án kết thúc.</p> <p>2. 78% người dân trong thôn tham gia các hoạt động Thỏa thuận QLHT/Cơ chế chia sẻ lợi ích tại các thôn mục tiêu đánh giá rằng Cơ chế chia sẻ lợi ích do dự án giới thiệu có hiệu quả để cải thiện sinh kế của người dân.</p> <p>3. 90% cán bộ của các chủ rừng và các UBND xã tham gia các hoạt động dự án đánh giá có thể nhân rộng và quản lý các hoạt động Thỏa thuận QLHT/Cơ chế chia sẻ lợi ích.</p> <p>4. Dự thảo tài liệu chính sách bao gồm hướng dẫn cần thiết để nhân rộng các hoạt động Thỏa thuận QLHT với Cơ chế chia sẻ lợi ích tại khu DTSQ TG Lang Biang sau khi dự án kết thúc dự định sẽ được thông qua lại hội nghị lần thứ 9 của BQL khu DTSQ TG Lang Biang dự kiến tổ chức trong tháng Mười Hai hoặc tháng Một, 2021 để UBND Tỉnh phê duyệt</p>

**Hoạt động 3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (Chia sẻ lợi ích) và thỏa thuận quản lý hợp tác (Thỏa thuận QLHT) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.**

Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2016 đã thu thập và đánh giá tài liệu và thông tin về Thỏa thuận QLHT/Cơ chế chia sẻ lợi ích được phát triển và giới thiệu trong dự án trước "Tăng cường năng lực quản lý dựa vào cộng đồng của Vườn Quốc Gia bidoup núi bà" và các hệ thống quản lý hợp tác tương tự đã được giới thiệu ở Việt Nam như Lâm nghiệp cộng đồng. Nội dung đánh giá được tổng hợp thành báo cáo và các bài học rút ra được dùng để cải thiện Thỏa thuận QLHT/Cơ chế chia sẻ lợi ích như mục 3-2-6-1.

**Hoạt động 3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) thôn tại các thôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.**

Trong thời gian giữa tháng 5 và tháng 9 năm 2016 đã thực hiện một cuộc khảo sát về điều kiện kinh tế xã hội và các hộ gia đình ở bảy thôn mục tiêu để có được thông tin và dữ liệu cần thiết cho việc lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động dự án. Các thông tin như lịch sử hình thành, hiện trạng sử dụng đất, tình hình giàu và nghèo ở các thôn, sản xuất nông nghiệp, phương tiện sinh kế chính, tình trạng hộ gia đình của người dân trong thôn, tình hình tài chính của các hộ gia đình, sự phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên, tiếp cận thị trường, các vấn đề quản lý DVMTR, thông tin và dữ liệu liên quan tiếp cận các dịch vụ tài chính. Kết quả khảo sát được tổng hợp thành một báo cáo và được sử dụng để lập kế hoạch và thực hiện các dự án hoạt động từ 3-2-3 đến 3-2-8.

**Hoạt động 3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung**

**thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).**

Đối với EFLO, dựa theo kết quả khảo sát ở trên, cụ thể là sinh kế của nhiều người dân trong thôn phụ thuộc lớn vào sản xuất cà phê đã quyết định rằng chính sách cơ bản là cải thiện nguồn lợi thu được từ canh tác cà phê và đa dạng hóa cây canh tác nông nghiệp. Cụ thể đã quyết định rằng cần chọn cây trồng và kỹ thuật cần thiết để giới thiệu cho người dân, ví dụ như thân thiện với môi trường, tận dụng nguồn lực địa phương, ít gánh nặng tài chính và có thể tiếp cận về kỹ thuật có xét đến vị trí của khu vực canh tác trong khu DTSQ TG Lang Biang và tình hình tài chính của người dân trong các thôn mục tiêu. Ngoài ra, các chủ rừng không thể cung cấp hỗ trợ kỹ thuật liên tục để cải thiện sinh kế cho người dân vì đó không phải là trách nhiệm của họ và không có nguồn lực/tài chính để phát triển và nhân rộng các kỹ thuật nông nghiệp. Do đó, để có thể liên tục mang lại lợi ích cho những người tham gia Thỏa thuận QLHT, thậm chí sau khi dự án kết thúc, ba chiến lược dưới đây đã được áp dụng là chiến lược triển khai EFLO: (1) Chuyển giao kỹ thuật cho những nông dân chủ chốt là người đã đồng ý sẽ chia sẻ lại với những ai tham gia Thỏa thuận QLHT, (2) Tận dụng chương trình/ nguồn vốn hiện có của các cơ quan cấp tỉnh như sở NN&PTNT, sở TNMT để hợp tác hỗ trợ cho sinh kế của người dân, và (3) Chuyển giao kỹ thuật, phối hợp sản xuất và bán sản phẩm có hợp tác với các công ty tư nhân liên quan đến cà phê và nấm.

Sau khi đã đồng ý với các chủ rừng về các chiến lược EFLO đã lên kế hoạch triển khai/ ngân sách dựa theo các chiến lược, bao gồm các hoạt động cải thiện canh tác cà phê, các hoạt động hỗ trợ sản xuất cà phê có sử dụng nguồn lực địa phương, xác định các loại cây trồng mang lại lợi ích với hoạt động sản xuất thử nghiệm và có các công ty tư nhân sẵn sàng hợp tác canh tác cũng như các hoạt động quảng bá nông sản. Để xác định được các cây trồng tiềm năng và các biện pháp chắc chắn để cải thiện sinh kế trong vùng mục tiêu đã thực hiện các hoạt động sau (1) khảo sát nghiên cứu (khảo sát đất), (2) xác định vấn đề thông qua các buổi họp thôn, (3) khảo sát xu hướng kinh doanh. Một số lưu ý rút ra là “tác động đối với sản xuất do thiếu nguyên liệu hữu cơ” và “đề xuất duy trì/ tăng sản xuất bằng cách thêm vật chất hữu cơ”. Nội dung này được xem là tài liệu đánh giá khi quyết định các hoạt động cải thiện. Ngoài ra đã thu hẹp thử chọn lựa các cây trồng tiềm năng để dựa theo công việc thực tế qua quy trình dưới đây.

<b>Đúc rút vấn đề</b>	<b>Khảo sát mô hình</b>	<b>Mục tiêu khảo sát</b>	<b>Tập huấn và minh họa cho nông dân chủ chốt</b>
Cải thiện xử lý và bán hạt cà phê	1. Bán trực tiếp (Chương trình chứng chỉ Starbucks) 2. Cải thiện xử lý và tăng giá trị	1. Chương trình sản xuất bền vững của ACOM 2. Công ty cà phê UCC/La Viet Coffee/ Married Beans	1. Bán trực tiếp qua chương trình chứng chỉ 2. Thu hoạch và xử lý hạt cà phê tươi
Cải thiện khả năng sinh lợi thông qua bảo tồn đất của vườn cà phê và giảm chi phí sản xuất	1. Sử dụng phân gia súc phù hợp thông qua cải thiện chuồng bò 2. Bảo tồn đất bằng cách sử dụng vật liệu hữu cơ địa phương và trồng xen	1. Dùng phân gia súc làm phân hữu cơ, thực hiện bởi các nông dân chủ chốt 2. Làm phân hữu cơ bằng vỏ cà phê 3. Trồng xen chuối/cà phê	1. Ủ và sử dụng phân hữu cơ thu từ cải thiện chuồng bò 2. Ủ và sử dụng phân hữu cơ từ vỏ cà phê 3. Trồng xen chuối/ cà phê
Đa dạng hóa cây trồng qua trồng nấm, hồng, cây dược liệu	1. Trồng nấm theo hợp đồng 2. Trồng xen cây dược liệu	1. Viện Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng, Công ty Nguyên Long 2. Mô hình sản xuất dược liệu của BQL VQG Bidoup Núi Bà	1. Trồng nấm hương shiitake, nấm sò và nấm mèo 2. Thử nghiệm trồng và ương giống cây dược liệu

Dựa theo kết quả của các hoạt động tập huấn và minh họa cho nông dân chủ chốt, hay mô hình dưới đây đã được chọn là hoạt động EFLO chính, xét sự bền vững trên quan điểm (1) dịch vụ công của chính quyền địa phương, (2) tiếp tục hợp tác giữa công ty tư nhân và người dân trong thôn, và (3) sự quan tâm của người dân trong thôn (sẵn sàng đầu tư). Ngoài ra, thậm chí khi xác định cây trồng, có các chỉ tiêu lựa chọn cao hơn như liệu khả năng triển khai sản xuất (các dịch vụ quản lý, hợp tác với các đơn vị tư nhân) có hiệu quả hay không.

- Cải thiện chuồng bò, phân bò và ủ phân bằng vật liệu hữu cơ ở địa phương, bón phân, giảm chăn thả trong rừng, trồng cỏ và trồng xen chuối trong vườn cà phê. Phương pháp triển khai: Hợp tác

với UBND huyện / UBND xã, sở NN&PTNT và sở TNMT.

● Sản xuất và bán trực tiếp nông sản (nấm, hồng, cà phê) với các phương pháp sản xuất giảm tối đa tác động tiêu cực đến môi trường Phương pháp triển khai: Hợp tác với các công ty tư nhân ví dụ như ACOM, UCC, Nguyen Long (NL), Sang Sinh, LAS, v.v....

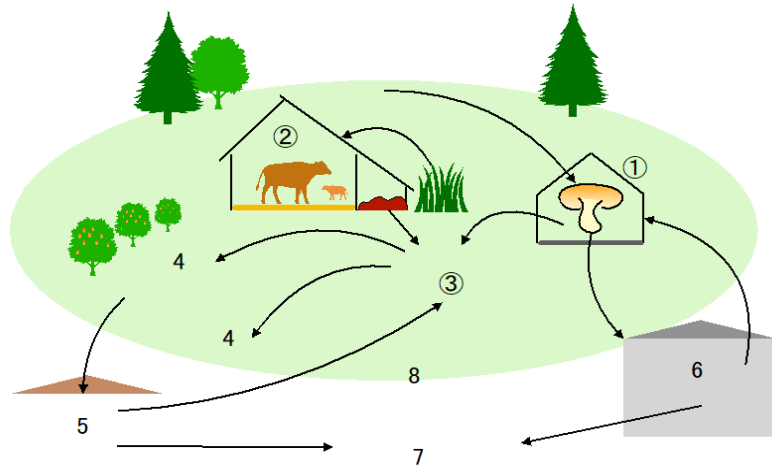
Đã quyết định rằng sẽ cân nhắc đến yếu tố giới nhiều nhất có thể khi triển khai các hoạt động trên.

Trong giai đoạn 2 đã quyết định dựa trên kết quả của các hoạt động trong giai đoạn trước để phát triển EFLO tập trung vào phát triển/xây dựng hai mô hình sau, khi xét đến yếu tố bảo tồn khu DTSQ TG Lang Biang, phát triển nông nghiệp bền vững và tương quan đến chính sách của các tổ chức có liên quan.

(1) Cải thiện khả năng sinh lợi của canh tác cà phê thông qua tăng độ màu mỡ của đất, tăng năng suất trồng cà phê và giảm chi phí sản xuất: Cải thiện chuồng bò và ủ phân hữu cơ dùng phân bò (áp dụng Chương trình giảm nghèo), cải thiện chuồng nuôi và đảm bảo nguyên liệu thô để ủ phân (áp dụng Chương trình giảm nghèo) bằng vỏ cà phê và các phụ phẩm từ sản phẩm nông nghiệp địa phương (áp dụng ngân sách của sở TN&MT).

(2) Phát triển mô hình trồng nấm hương Shiitake lợi nhuận cao và xây dựng chuỗi giá trị (áp dụng ngân sách của UBND huyện)

Biểu đồ minh họa hai mô hình EFLO thể hiện dưới đây.



(1)	Mô hình trồng nấm
(2)	Mô hình cải thiện chuồng bò, trồng cỏ cho bò, dùng phân bò để ủ phân
(3)	Ủ phân hữu cơ (nguyên liệu thô: phôi nấm đã qua sử dụng, phân bò, vỏ cà phê)
4	Bón phân hữu cơ cho vườn cà phê/ đất canh tác để tăng độ màu mỡ
5	Công ty xử lý cà phê: Bán vỏ cà phê từ quy trình xử lý tinh lọc cà phê
6	Công ty nấm hương Shiitake: Sản xuất/ bán phôi nấm, đóng gói nấm người dân đã thu hoạch
7	Bán nấm hương Shiitake với logo khu DTSQ TG Lang Biang đến nơi tiêu thụ
8	Du lịch và giáo dục môi trường trong khu DTSQ TG Lang Biang bao gồm VQG Bidoup Núi Bà

Như trình bày ở trên, chăn nuôi là nền tảng nông nghiệp tự cung tự cấp, và phân bò, một phụ phẩm, có thể thể dùng để làm phân hữu cơ và là một hình thức kiếm thêm tiền. Vỏ cà phê hứa hẹn là một nguyên liệu thô địa phương. Ngoài ra, việc sử dụng bã nấm từ trồng nấm hương shiitake cũng là một vật liệu hữu dụng có cùng giá trị như phân bò. Ngoài ra, khi tạo ra vòng lặp dùng vật liệu hữu cơ trong vùng, dự án dựng lên kịch bản với dự định ban đầu là cải thiện độ bền vững của canh tác nông nghiệp và hạn chế chi tiêu tiền mặt.

Chi tiết các mô hình được chọn theo bối cảnh này được báo cáo cụ thể trong Hoạt động 3-2-5 và dưới đây.

#### Hoạt động 3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET để thu hút thêm khách du lịch.

Các hoạt động cải thiện CBET được thực hiện từ tháng Ba 2016. Khảo sát để phát triển du lịch sinh thái (DLST) ở VQG Bidoup Núi Bà/ Trung tâm DLST và Giáo dục môi trường (CEEE), tập huấn DLST cho

cán bộ và người dân trong thôn ở các thôn mục tiêu, và các chuyến đi tham quan học tập các mô hình DLST ở miền Bắc Việt Nam. Đã theo đuổi khả năng thực hiện DLST ở thôn Đa Chais với một vài người dân trong thôn. Tuy nhiên, do không có đủ diện tích và khả năng bền vững thấp, khả năng phát triển CBET ở Đa Chais được đánh giá là khó, do vậy đã ít hỗ trợ phát triển CBET. Mặc khác, do ảnh hưởng tốt của các hoạt động kể trên, người dân trong thôn tham gia nhiều hơn các hoạt động DLST qua hoạt động của CEEE như hướng dẫn viên sinh thái, v.v.... Ngoài ra, các tour sinh thái trong thôn như biểu diễn công chiêng và tour thăm làng được tổ chức, tự một nhóm người dân trẻ trong thôn đã tự xây cơ sở homestay và hiện đang thực hiện công tác chuẩn bị để đưa vào hoạt động.

Đối với CEEE là đơn vị được yêu cầu tăng số lượng khách để phát triển DLST hơn nữa, việc cần thiết là phát triển sản phẩm DLST và tăng cường năng lực cho cán bộ và người dân tham gia hoạt động để đáp ứng nhu cầu của khách. Do vậy đã nỗ lực để cải thiện phát triển sản phẩm DLST và tăng cường năng lực của CEEE thông qua hợp tác với một công ty du lịch tư nhân cũng như hỗ trợ CEEE ký kết MOU với công ty du lịch để phát triển sản phẩm team building và phát triển năng lực của trung tâm. Theo MOU đã triển khai hợp tác phát triển sản phẩm team building trên cơ sở kinh doanh.

Xét rằng (1) đã phát triển sản phẩm DLST như trên, (2) Giáo dục môi trường (GDMT) là một trong năm mục tiêu của KHQL khu DTSQ TG Lang Biang để thực hiện Tầm nhìn của khu DTSQ, (3) phát triển GDMT được xem là đóng góp vào bảo tồn khu DTSQ TG Lang Biang thông qua gia tăng hiểu biết của người địa phương về khu DTSQ TG Lang Biang vì thiếu hiểu biết về khu DTSQ được xem là một nguyên nhân gián tiếp dẫn đến mất rừng đã quyết định phát triển chương trình GDMT là hoạt động DLST ưu tiên được BQL dự án đồng ý và được JICA duyệt.

Để phát triển GDMT xét đến mục tiêu GDMT của BQL khu DTSQ TG Lang Biang MP đã xây dựng kế hoạch thực hiện, bao gồm phát triển tài liệu giảng dạy GDMT về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bản địa của khu DTSQ TG Lang Biang cho học sinh cấp hai v.v.... cũng như tổ chức các tour GDMT. Hoạt động GDMT được thiết kế có toàn bộ trải nghiệm về nghệ thuật và tương tác trực tiếp với thiên nhiên để các em học sinh dễ dàng vui học. Sách (tiếng Anh/ tiếng Việt) cho học sinh cấp hai và sinh viên đại học và Tài liệu cho người thúc đẩy (tiếng Anh/tiếng Việt) đã được xây dựng là tài liệu giảng dạy.



*Trao đổi ý kiến giữa các bên về chương trình GDMT*

Hợp tác với sở GDĐT của thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Lâm Đồng để trao đổi ý kiến giữa các bên liên quan. Tour DLST được tổ chức nhiều lần với sự tham gia của hơn 100 học sinh cấp hai của TP.HCM và Đà Lạt. Chương trình được học sinh và các thầy cô tham gia đánh giá cao. Ngoài ra, thông qua việc tổ chức các chương trình GDMT kể trên, năng lực của CEEE và người dân tham gia được tăng cường, đủ để có thể tổ chức tour GDMT không cần hỗ trợ của các nhà tài trợ.

Thông qua các cơ hội khác nhau như hội nghị của BQL khu DTSQ TG Lang Biang và các hội thảo chia sẻ thông tin, những người tham gia đã trao đổi kinh nghiệm về phát triển tài liệu và tổ chức tour GDMT. Đây là nội dung được tất cả các khu DTSQ và MAB Việt Nam đánh giá cao.

Mặc khác, các tour DLST hướng đến học sinh sinh viên không nhất thiết thu hút đủ du khách và lợi nhuận cho CEEE và người dân tham gia. Do đó đã cố gắng để tăng nguồn lợi nhuận và đảm bảo tính bền vững bằng cách đáp ứng với nhu cầu đa dạng của du khách, bao gồm cả nhóm khá giả. Cụ thể đã phát triển sản phẩm tour DLST có lợi nhuận cho những gia đình và khách cá nhân từ TP.HCM và khách nước ngoài. Thêm vào đó, để du khách DLST có không gian ở thoải mái phù hợp với khung cảnh của khu DTSQ TG Lang Biang đã tiến hành cải tạo nội thất của một căn nhà nghỉ hiện có và đã lắp đặt một khu cắm trại cao cấp (glamping). Đây là những cơ sở vật chất hình mẫu để tạo không gian nghỉ ngơi thoải mái cho khách với chi phí thấp. Ngoài ra đã lắp đặt trang thiết bị lọc nước để cung cấp nước tự nhiên cho du khách DLST. Đây là một lời chúc lành sức khỏe của khu DTSQ TG Lang Biang và là một mô hình có thể nhân rộng sau khi dự án kết thúc.

Các gia đình và du khách ngoài nước và từ thành phố HCM, những ai muốn về với thiên nhiên lâu dài mong muốn được tham gia các tour DLST nhiều hơn và ở lại nhà nghỉ của khu DTSQ TG Lang Biang. Do đó, nếu các sản phẩm DLST được phát triển nhiều hơn để đáp ứng với nhu cầu đa dạng sản phẩm, cải thiện năng lực của CEEE và người dân tham gia nhiều hơn, hoạt động DLST trong khu DTSQ TG Lang Biang chắc chắn sẽ phát triển bền vững. Điều này giúp cải thiện sinh kế của người dân và tăng hiểu biết của người Việt Nam bao gồm cả người dân địa phương về giá trị của khu DTSQ TG Lang Biang, dẫn đến bảo tồn khu DTSQ.

### **Hoạt động 3-2-5 3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại khu DTSQ TG Lang Biang.**

Những hoạt động dưới đây đã được thực hiện để xây dựng chiến lược marketing trong thời gian tháng Mười 2016 đến tháng Mười một 2017, ví dụ nghiên cứu mô hình mẫu về chiến lược kinh doanh ở các khu DTSQ trong và ngoài nước Việt Nam, phân tích SWOT về chiến lược kinh doanh cho khu DTSQ TG Lang Biang, nghiên cứu chiến lược thương hiệu cho các sản phẩm của khu DTSQ TG Lang Biang với các sản phẩm tiềm năng. Từ kết quả của những hoạt động trên đã xây dựng bản thảo chiến lược marketing thông qua các phiên thảo luận liên tiếp với BQL dự án. Nội dung thảo luận có các chiến lược kinh doanh, đề xuất chiến lược thương hiệu cho khu DTSQ TG Lang Biang (Tự Nhiên) dựa trên sự độc đáo/các tính chất của sản phẩm của khu DTSQ, hệ thống chứng nhận, đề xuất logo và các sản phẩm tiềm năng đáp ứng được định nghĩa “Tự Nhiên” với các chiến lược kinh doanh đi kèm v.v..... Đây không chỉ là chiến lược kinh doanh mà còn là đề xuất biện pháp vững chắc để giới thiệu giá trị của khu DTSQ TG Lang Biang vươn xa và đưa ra những gợi ý quan trọng để quảng bá các sản phẩm của khu DTSQ TG Lang Biang trong tương lai. Chiến lược được trình bày và thông qua tại hội nghị lần 4 của BQL khu DTSQ TG Lang Biang với sự đồng thuận của BQL dự án.

Theo như chiến lược, đại diện các công ty quan tâm đến kinh doanh thân thiện với môi trường được mời đến để thảo luận khả năng bán thử một số sản phẩm có thể được gắn với thương hiệu và có logo của khu DTSQ Lang Biang. Các đơn vị này được mời tham gia các chuyến tham quan học tập để tìm hiểu các mô hình xây dựng thương hiệu đã có trước đó. Dựa trên kết quả này và nhận ra rằng việc xây dựng thương hiệu nhằm mục đích cải thiện sinh kế của người dân trong thôn đã quyết định rằng hoạt động xây dựng thương hiệu về cơ bản nên được hợp tác với các công ty tham gia trong các hoạt động EFLO ở mục 3-2-3 và các sản phẩm mục tiêu và các dịch vụ thích hợp để thử nghiệm được thu hẹp lại là (1) nông sản (hồng, cà phê, nấm, cây dược liệu), (2) du lịch / GDMT...

Trong những sản phẩm này, mô hình sản xuất nấm hương shiitake với công ty Nguyên Long. Đây là công ty đã thành công trong việc canh tác nấm hương shiitake được tìm thấy trong khu DTSQ TG Lang Biang. Nguyên Long đã hợp tác với các hộ người dân tộc thiểu số để trồng nấm hương shiitake với sự hỗ trợ của dự án. Đã thử nghiệm nấm shiitake là một nông sản địa phương gây tác động tiêu cực tối thiểu đến khu DTSQ TG Lang Biang và đóng góp vào hoạt động bảo tồn ở đây. Hợp tác kỹ thuật tiếp tục đóng góp vào việc mở rộng mô hình và cải thiện công nghệ sản xuất (xem Hoạt động 3-2-3.10).

Các hoạt động marketing cụ thể được thực hiện như sau. Dự án đã xây dựng một cuốn sách ảnh giới thiệu mối quan hệ giữa khu DTSQ TG Lang Biang và nấm shiitake theo cách dễ hiểu và tổ chức các hoạt động quảng bá ở TP.HCM với tài liệu giới thiệu về khu DTSQ. Ngoài ra, đã thực hiện bán thử nghiệm với các công ty nhận ra tầm quan trọng của việc bảo tồn khu DTSQ TG Lang Biang, ví dụ như AEON MALL, 4Ps, và Thiên Sinh Farm. Đã hợp tác với tỉnh Lâm Đồng tham gia tuần bán hàng triển lãm tại AEON MALL. Kết quả là đã tiếp tục kinh doanh với các công ty.

Cho đến ngày, có nhiều cây trồng nằm trong danh sách các sản phẩm tiềm năng (ứng viên) đại diện cho khu DTSQ TG Lang Biang nhưng trong số đó trồng nấm hương shiitake có nhiều hứa hẹn. Hoạt động này đóng góp vào việc cải thiện sinh kế của người dân và các cơ quan trong tỉnh đã hiểu sâu hơn về sản phẩm nông nghiệp thân thiện với môi trường, cụ thể như không dùng thuốc trừ sâu, và các đơn vị chức năng đã hỗ trợ cho người dân xây dựng cơ sở sản xuất nấm và thành lập chuỗi cung ứng. Việc thành lập chuỗi cung ứng và nền tảng được trình bày dưới đây.

1) Công ty Nguyên Long là đơn vị bắt đầu sản xuất nấm hương shiitake với các hộ dân tộc thiểu số thông qua sự hỗ trợ của dự án, đóng góp vào thúc đẩy phát triển nông nghiệp, đạt được chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định 98/2018 / NĐ-CP), đạt được kết quả là có thể sử dụng ngân sách của UBND huyện (2018, 2019) để hỗ trợ xây dựng chuỗi cung cấp nấm hương shiitake tập trung vào công ty Nguyên Long. UBND huyện cũng quyết định cho mượn đất nông nghiệp do huyện quản lý để mở rộng diện tích nuôi phôi nấm để nhân rộng mô hình sản xuất nấm hương. Phương pháp xây dựng hợp tác giữa các bên liên quan được dựa trên thỏa thuận tại diễn đàn QLHT do dự án phát triển đã đóng vai trò quan trọng trong việc có được ngân sách. Điều này có ý nghĩa vì đầu tư tư nhân của các công ty và các hộ dân (người dân) là một yêu cầu trong việc áp dụng ngân sách liên quan đến ngân sách.

2) UBND Tỉnh đã chọn nấm hương shiitake sản xuất bởi công ty Nguyên Long và các hộ dân là “Một Xã Một Sản Phẩm) – OCOP dựa trên chính sách OCOP của bộ NN&PTNT. Trồng nấm hương shiitake trong môi trường mát mẻ của vùng này mang lại lợi nhuận, thân thiện với môi trường do đó đóng góp vào bảo tồn rừng, và trên hết, đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện sinh kế của người dân tộc thiểu số. Ngoài ra, nhiều hộ trồng nấm hương shiitake đã được cấp chứng chỉ VietGAP. Việc lựa chọn và cấp chứng chỉ được mong đợi sẽ đóng góp vào việc quảng bá thương hiệu, tăng việc kinh doanh sản phẩm và nhận được sự hỗ trợ của các cơ quan ban ngành địa phương.

3) Kết quả là (1) mô hình sản xuất nấm hương shiitake chất lượng cao được công ty Dalat Ecology triển khai, đây là một công ty được thành lập từ việc phát triển mô hình, thông qua chuỗi cung ứng cho người dùng cuối ở thành phố Hồ Chí Minh bao gồm AEON MALL, Pizza 4Ps, v.v.... Chuỗi phân phối đã mở rộng theo nhu cầu về nấm hương shiitake và ổn định giá sản phẩm. Công ty xây dựng chuyên lạnh qua các xe tải lạnh chia sẻ chung với đối tác của mình. Chuỗi lạnh đã đóng góp vào việc ổn định chất lượng nấm khi mang đến cho người dùng tại TP.HCM.

Đối với thử nghiệm bán sản phẩm có dung logo, bản mẫu của logo đã được Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam thông qua sau khi hội nghị BQL khu DTSQ TG Lang Biang đã duyệt mẫu. Mặc dù bán thử nghiệm sản phẩm có logo (thương hiệu bản quyền/trademark) của khu DTSQ TG Lang Biang bị trì hoãn và thời gian thử nghiệm ngắn đi do bệnh dịch Covid-19 lan truyền nhưng đã rút ra được những bài học quan trọng thông qua thử nghiệm xây dựng thương hiệu các sản phẩm trong khu DTSQ TG Lang Biang sau khi dự án kết thúc.

#### **Hoạt động 3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng Thỏa thuận QLHT có các Chia sẻ lợi ích sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.**

Dựa trên kết quả đánh giá mô hình QLHT và Cơ chế chia sẻ lợi ích (Chia sẻ lợi ích) đề cập trong hoạt động 3-2-1, Thỏa thuận QLHT/ mô hình Chia sẻ lợi ích được cân nhắc nghiêm túc theo hướng liệu phiên bản nâng cấp có thể đóng góp vào bảo tồn rừng hiệu quả và bền vững khi giảm chi phí cần để phát triển/triển khai Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích. Kết quả đã quyết định rằng khung khuôn khổ của mô hình QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích trong dự án trước nên được áp dụng trong phiên bản nâng cấp đã được xác nhận là có hiệu quả. Ví dụ như thỏa thuận ba bên, người dân trong thôn tham gia vào các hoạt động bảo tồn rừng và cung cấp lợi ích cho ai tham gia thông qua Chia sẻ lợi ích. Chính vì vậy, ý tưởng của mô hình Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích nâng cấp được quyết định như sau, (1) Chia sẻ lợi ích: để có thể áp dụng rộng rãi Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích với chi phí thấp, chương trình Chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) là công cụ Chia sẻ lợi ích chính, xét rằng PFES đã được giới thiệu rộng rãi để bảo tồn rừng trong khu DTSQ TG Lang Biang/ ở Việt Nam và chương trình này đã đóng góp cải thiện sinh kế cho người dân nghèo trong thôn. Ngoài ra, Chia sẻ lợi ích từ các hoạt động EFLO được cung cấp cho người dân để mang đến lợi ích cho họ nếu đạt được điều kiện. (2) Các hoạt động bảo tồn rừng: các hoạt động bảo tồn trong mô hình được nâng cấp được thực hiện thông qua cải thiện hiệu quả của hoạt động tuần tra PFES, (3) Khu vực mục tiêu: Vùng mục tiêu của mô hình nâng cấp là diện tích rừng theo hoạt động tuần tra PFES/ diện tích rừng của các chủ rừng, (4) Thỏa thuận 3 bên: Mô hình được nâng cấp dựa trên thỏa thuận ba bên giữa các chủ rừng (BQL VQG Bidoup Núi Bà/ BQL rừng đầu nguồn Đa Nhim), UBND xã và một nhóm tuần tra PFES. Khái niệm và đề xuất thử nghiệm mô hình được nâng cấp được các chủ rừng đồng thuận đã được thảo luận và thông qua tại hội nghị lần thứ 2 của BQL khu DTSQ TG Lang Biang.

Tuy nhiên, có sự quan ngại về việc hiện thực hóa khả năng triển khai rộng rãi và bền vững mô hình được



nâng cấp trong khu DTSQ TG Lang Biang sau khi dự án kết thúc do những quy trình đã đặt ra trong giai đoạn một, theo đó phát triển một mô hình được nâng cấp phải được thực hiện dựa trên nền tảng của diện tích rừng tuân tra PFES. Do đó, vùng mục tiêu của mô hình được nâng cấp thay đổi từ diện tích tuân tra PFES theo từng cá nhân đến toàn bộ vùng rừng/ diện tích rừng theo hợp đồng PFES của các chủ rừng tại một xã có liên quan để có thể đơn giản hóa quy trình xây dựng mô hình. Thêm vào đó, các đơn vị kí kết thỏa thuận QLHT được điều chỉnh thành người đứng đầu đại diện chủ rừng, UBND xã và trưởng thông theo như việc mở rộng khu vực. Ngoài ra đã quyết định rằng khu vực QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích, thành viên nhóm PFES và các hoạt động Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích được mô tả trong phụ lục của Thỏa thuận QLHT để việc phát triển Thỏa thuận QLHT mới không bắt buộc khi chuyển Thỏa thuận này sang một vùng tuân tra PFES khác.

Bên cạnh đó, liên quan đến việc phát triển, triển khai mô hình nâng cấp với sự chủ trì của BQL VQG Bidoup Núi Bà, vốn tương đối dễ đạt được sự thông hiểu/hợp tác giữa các bên liên quan trong khuôn khổ của dự án đã được UBND Tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, sau khi dự án kết thúc sẽ khó có thể phát triển/triển khai mô hình Thỏa thuận QLHT/ Chia sẻ lợi ích theo sự chủ trì của các chủ rừng xét đến cơ cấu quản lý phân cấp theo chiều dọc trong tỉnh. Do đó, một Biên bản ghi nhớ (MOU) giữa BQL VQG Bidoup Núi Bà và UBND huyện Lạc Dương có BQL khu DTSQ TG Lang Biang làm chứng để phát triển/triển khai trọn mô hình Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích với sự chủ trì của các chủ rừng đã được dự thảo và được BQL dự án thông qua để triển khai trọn tru và rộng rãi mô hình trong khu DTSQ TG Lang Biang sau khi dự án kết thúc.

Ngoài ra, như mô tả ở 3-1-1, Diễn đàn QLHT đã chính thức được thành lập là một nền tảng ở cấp cơ sở cho BQL khu DTSQ TG Lang Biang. Nơi đây đóng vai trò là một diễn đàn để xác định thảo luận các vấn đề địa phương và để hợp tác tìm/triển khai giải pháp giữa các bên liên quan bao gồm các cơ quan ban ngành trong tỉnh, các công ty tư nhân và người dân trong thôn với vai trò/trách nhiệm đã đồng thuận. Do đó, Diễn đàn QLHT mở ra cách để xây dựng hợp tác hiệu quả giữa các bên liên quan, hướng đến thành lập Chia sẻ lợi ích thành công. Qua 4 lần tổ chức Diễn đàn QLHT đã đạt được nhiều thành quả tốt trong việc cải thiện sinh kế cho người dân tham gia Thỏa thuận QLHT, như đã nêu tại mục 3-2-10, ví dụ như cải thiện chuồng bò và sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương để ủ và sử dụng phân hữu cơ. Điều này đã cải thiện lợi nhuận của việc canh tác cà phê cũng như đã trở thành chính sách nông nghiệp trong huyện khi các cơ quan ban ngành trong tỉnh đã được thuyết phục bởi tính hiệu quả của Diễn đàn QLHT như đã nêu trong mục 3-2-3. Xét cơ cấu quản lý phân cấp theo chiều dọc trong tỉnh, hy vọng rằng Diễn đàn QLHT nên được sử dụng là công cụ để xây dựng hợp tác từ dưới lên giữa các bên liên quan để phát triển/triển khai, không chỉ Chia sẻ lợi ích mà cả mô hình QLHT sau khi dự án kết thúc.

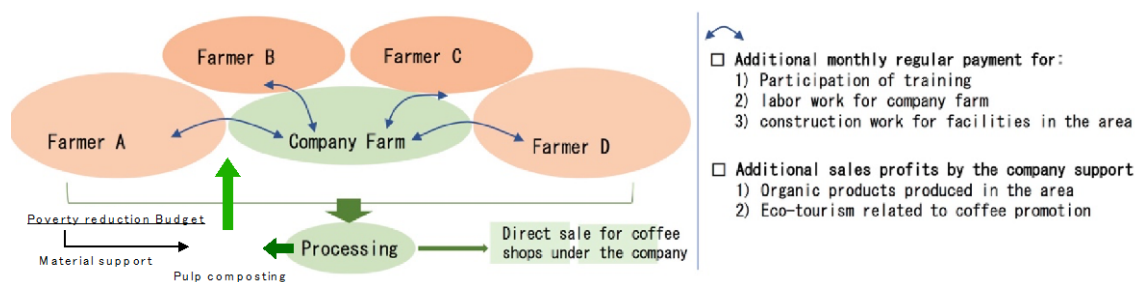
#### **Hoạt động 3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.**

Để kiểm tra tính khả thi của việc hỗ trợ tài chính cho các hộ trong thôn mục tiêu đã thu thập thông tin về (1) các dịch vụ cho vay đang tồn tại, (2) Quỹ phát triển thôn (VDF) đã được phát triển trong giai đoạn trước, (3) tình hình kinh tế/tài chính của các hộ dân, bao gồm hộ nghèo và từ (4) khảo sát kinh tế xã hội trong mục 3-2-3. Khi xét đến việc hỗ trợ tài chính liên quan đến PFES cho người dân trong thôn đã xem xét (1) khả năng tài chính với chi trả từ PFES là tài sản đảm bảo (thay thế cho thanh toán thông qua các tổ chức tài chính), (2) Tạo ra quỹ dựa trên chi phí quản lý PFES giữ bởi các chủ rừng, v.v.... là những lựa chọn hỗ trợ. Tuy nhiên, đối với lựa chọn (1), thực tế rằng những cơ hội cho những người có vay nợ nhiều, nhiều trong số đó là người nghèo, đều vay tài chính từ các tổ chức bên thứ ba bao gồm cả tài chính vi mô là rất thấp. Ví dụ, một số trường hợp rằng thậm chí lương của cán bộ UBND xã trong một thôn cũng lấy ra để thế chấp vay, do đó lựa chọn này được xem là phi thực tế. Đối với lựa chọn (2), xét rằng các chủ rừng sử dụng phí quản lý PFES cho các hoạt động liên quan đến hợp đồng PFES do đó đánh giá rằng việc tạo ra nguồn quỹ từ phí quản lý là không khả thi, ít nhất, trong thời điểm hiện tại. Nguồn vốn vay lãi suất thấp có thể đóng góp vào sinh kế của người dân trong thôn là quỹ Quỹ phát triển thôn (thôn Đa Ra Hoa) đã được người dân trong thôn quản lý và vận hành. Trong năm 2017, quy mô của quỹ là 250 triệu đồng, số hộ dân được vay chỉ là một nửa số thành viên mỗi năm, theo như quy định của quỹ. Lãi suất mỗi tháng là 0,8% và tổng quỹ sau khi trả lại vào cuối năm là 283 triệu đồng. Các yếu tố giúp quỹ này thành công là đã bỏ đi các hạn chế mục đích sử dụng, đơn giản hóa quản lý quỹ với thời gian vay là 12 tháng (thông thường), công bố thông tin quản lý quỹ chi tiết với các thành viên và người đứng đầu có năng lực. Đảm bảo nguồn quỹ là vấn đề lớn nhất. Ví dụ, nếu REDD+ được đảm bảo trở thành một nguồn cho quỹ sẽ có đủ các dịch vụ tài chính để cung cấp cho người dân, kể cả những ai nghèo nhất.

Dựa theo phân tích, thử nghiệm phương pháp hỗ trợ tài chính có lợi cho người dân trong thôn đã được hợp tác tổ chức giữa các hộ trong nhóm PFES, công ty tư nhân Shin Cà Phê và UBND xã Đa Chais, báo cáo lại như sau:

■ Sản xuất và bán cà phê theo hợp đồng giữa công ty tư nhân và người dân trong thôn:

Thu nhập của người dân tham gia PFES tại khu vực QLHT / Chia sẻ lợi ích ở Đa Đùm chủ yếu từ canh tác cà phê, tuy nhiên thời gian dùng tiền đầu tư vào phân bón cho đến khi thu lại tiền khá dài, thu nhập chỉ có trong mùa thu hoạch. Do đó, những ai phụ thuộc chủ yếu vào vay lãi cao của các hàng quán địa phương để trang trải, kể cả trang trải chi phí sinh hoạt chứ không chỉ riêng trong mùa thu hoạch, bắt buộc phải bán cà phê tươi sau khi thu hoạch cho hàng quán với những điều kiện bất lợi để trả nợ. Hàng loạt cuộc họp được tổ chức với UBND xã Đa Chais, nhóm PFES trong thôn Đa Đùm, dự án và công ty tư nhân là đơn vị đánh giá giá trị của cà phê trồng trong điều kiện thuận lợi trong vùng để cải thiện tình hình. Theo kết quả thảo luận đã phát triển ý tưởng rằng công ty sẽ ký hợp đồng với người dân để mua bán trực tiếp cà phê đã thu hoạch hướng tới sản xuất cà phê bền vững.



Kế hoạch sản xuất/ bán cà phê có hỗ trợ tài chính tại thôn Đa Đùm

Như mô tả ở trên, để hiện thực hóa sản xuất cà phê bền vững, giả định rằng người dân trong thôn bắt buộc hoàn toàn sẽ được cung cấp dịch vụ tài chính cho các chi phí quản lý canh tác và chi phí sinh hoạt mà không phụ thuộc vào hàng quán. Công ty, theo mô tả bên trên, (1) Hỗ trợ phân bón, (2) Chi trả chi phí nhân công tham gia tập huấn trên hiện trường, (3) Chi trả chi phí xây dựng cơ sở vật chất dùng chung cho hợp tác xã sản xuất cà phê do người lao động (là người dân trong thôn) hợp tác với công ty, (4) Mua hạt cà phê được canh tác hữu cơ với giá cao, (5) Đề xuất bán nông sản gắn với canh tác hữu cơ do các nhà đơn vị kí hợp đồng sản xuất được thực hiện ở thôn Đa Đùm với giá ưu đãi, ví dụ như khoai lang, chuối.... Ngoài ra, UBND xã cũng đề xuất hỗ trợ xây dựng một hợp tác xã bao gồm những người dân đã ký hợp đồng sẽ được nhận những lợi ích thông qua đăng ký với các chương trình đã có. Tiếc rằng các hoạt động hợp tác giữa các bên đã đình trệ do bệnh dịch Covid-10. Tuy nhiên, việc triển khai lấy chứng nhận EU cho hệ thống canh tác cà phê hữu cơ cũng như bảo tồn các giống cà phê hiếm của Việt Nam như giống bourbon vàng đã được thực hiện trong tháng Tám. Tiến độ của các hoạt động hợp tác dự kiến sẽ sớm được thực hiện suôn sẻ, hướng tới sản xuất cà phê bền vững.

Mặc dù môi trường xung quanh của việc canh tác cà phê ngày càng trở nên khó khăn, các công ty tư nhân được kì vọng sẽ tiếp tục tăng việc hợp tác với các hộ đồng bào thiểu số khi đề xuất hỗ trợ tài chính vì đó dường như là cách duy nhất để duy trì. Do vậy, càng trở nên quan trọng hơn cho BQL khu DTSQ TG Lang Biang làm việc tích cực với những công ty tư nhân như vậy và hợp tác để đưa ra các biện pháp hỗ trợ phù hợp cùng với các tổ chức có liên quan. Cụ thể, một ví dụ đối với việc hợp tác hỗ trợ có thể là thúc đẩy xây dựng chuỗi giá trị cho các cây trồng trong khu DTSQ TG Lang Biang theo như Chính sách phát triển chuỗi giá trị (Nghị định 98/2018/NĐ-CP) thông qua hợp tác công tư dựa theo kết quả của những lần diễn đàn QLHT được tổ chức.

**Hoạt động 3-2-7 Phát triển kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và QLHT.**

Kế hoạch thực hiện QLHT được xây dựng như sau. Đầu tiên, chọn vùng rừng tuần tra PFES theo như phân định của các chủ rừng là khu vực thử nghiệm QLHT. Sau đó, dựa trên ý tưởng của mô hình QLHT như đã mô tả ở mục 3-2-6-1 cũng như phân tích nguyên nhân của hoạt động tuần tra PFES hiện tại không hiệu quả đã xây dựng kế hoạch thực hiện với các hoạt động chính như sau. Xác định (minh họa) khu vực tuần tra PFES trên bản đồ có che phủ vùng thử nghiệm QLHT, tái tổ chức thành viên nhóm PFES dựa trên tình trạng sử dụng đất/đất canh tác hiện tại, phân định ranh giới giữa đất rừng/đất canh tác trong vùng rừng QLHT, thực hiện tuần tra tập trung vào những khu vực có rủi ro, ví dụ như lấn chiếm, cao, triển khai giám

sát rừng bằng flycam và cải thiện báo cáo tuần tra. Đối với kế hoạch thực hiện EFLO và CBET, vui lòng xem mục 3-2-3 và 3-2-4. Sau khi đạt được thống nhất giữa các chủ rừng, UBND xã có liên quan và nhóm PFES, đề cương các kế hoạch thực hiện các hoạt động QLHT, EFLO và CBET (GDMT) đã được đề xuất, thảo luận và phê duyệt bởi BQL khu DTSQ TG Lang Biang tại phiên họp lần thứ 2.

<b>Hoạt động</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Nguyên nhân</b>
Tái tổ chức nhóm PFES	Thực hiện tại tổ chức thành viên nhóm PFES bằng các chia lại vùng rừng tuần tra PFES mục tiêu dựa theo hiện trạng sử dụng đất/đất canh tác.	Diện tích rừng PFES để người dân tuần tra được phân chia mà không xét đến hiện trạng sử dụng đất/đất canh tác truyền thống dẫn đến khó phát hiện tại đôi mục đích sử dụng đất.
Phân định ranh giới đất rừng và đất canh tác	Việc phân định ranh giới được thực hiện thông qua việc cùng với thành viên nhóm PFES xác nhận ranh giới giữa vùng rừng PFES mục tiêu và đất canh tác. Ngoài ra, các vùng rừng mục tiêu được minh họa để các thành viên trong nhóm hiểu rõ bằng cách chuyên hình dữ liệu kỹ thuật số về ranh giới đã xác nhận thành không ảnh.	Đối với ranh giới giữa đất rừng theo hợp đồng PFES và đất canh tác xung quanh, thông tin trên bản đồ thực địa khác nhau trong nhiều trường hợp nên khó có thể lần chiếm.
Cải thiện bao gồm việc giới thiệu sử dụng flycam	Đã thực hiện thử nghiệm giám sát rừng bằng flycam. Kiểm lâm và thành viên nhóm PFES họp tác tuần tra và tổ chức họp thường kỳ để trao đổi thông tin.	Có những khó khăn trong việc tuần tra PFES như (1) khó phát hiện sớm lần chiếm đất, (2) không báo cáo kịp thời kết quả tuần tra PFES cho chủ rừng và (3) có trường hợp rằng không tuần tra PFES đủ ở những vùng rừng mục tiêu nằm ở vùng sâu

Để xác định các hoạt động QLHT được thực hiện trong giai đoạn hai, hội thảo về kết quả thử nghiệm của giai đoạn một được BQL dự án và dự án đồng tổ chức với sự tham gia của các cơ quan ban ngành trong tỉnh, các chủ rừng bao gồm cả kiểm lâm và nhóm PFES. Kết quả là (1) tái tổ chức thành viên nhóm PFES (2) phân định ranh giới đất rừng/ đất canh tác và (3) theo dõi bằng flycam, v.v... được đánh giá cao về tính hiệu quả trong bảo tồn rừng. Dựa vào các kết quả trên, các hoạt động vừa kể được chọn để triển khai trong quy mô nhỏ để nâng cao hơn cũng như điều chỉnh/ xây dựng và hoàn thiện hướng dẫn thực hiện các hoạt động này, hướng đến giới thiệu rộng rãi mô hình QLHT/PFES trong khu DTSQ TG Lang Biang sau khi dự án kết thúc. Dự thảo kế hoạch thực hiện các hoạt động QLHT/PFES được xây dựng định kỳ, được thảo luận và được BQL dự án đồng thuận trong các buổi họp thường kỳ. Thêm vào đó, đối với kế hoạch triển khai Diễn đàn QLHT được xây dựng dựa trên tính cấp thiết, được BQL dự án thảo luận và đồng thuận trong các buổi họp thường kỳ.

### **Hoạt động 3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm Thỏa thuận QLHT (đã được nâng cấp) có các Chia sẻ lợi ích tại vùng lõi và vùng đệm của Khu DTSQ TG Lang Biang**

Dựa trên dự thảo quy trình thực hiện đã được xây dựng cho các hoạt động QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích đã nâng cấp đã xây dựng dự thảo hướng dẫn thực hiện thử nghiệm các hoạt động trên và chia sẻ với các chủ rừng, UBND các xã, các nhóm PFES và nhận được đồng thuận. Hướng dẫn được điều chỉnh và hoàn thiện trong quá trình thử nghiệm trong giai đoạn hai.

### **Hoạt động 3-2-9 Được BQL khu DTSQ Lang Biang phê duyệt văn bản hướng dẫn thí điểm Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích.**

Dự thảo hướng dẫn được phát triển trong mục 3-2-8 để thử nghiệm các hoạt động QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích được trình bày và được BQL khu DTSQ TG Lang Biang thông quan trong phiên họp lần thứ 2. Ngoài ra, một Biên bản ghi nhớ (MOU) giữa BQL VQG Bidoup Núi Bà BQL rừng phòng hộ Đa Nhim và UBND huyện Lạc Dương để triển khai tron tru mô hình Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích được ký kết với quyền hạn của UBND xã có liên quan và các thôn mục tiêu của các nhóm PFES (tham gia hoạt động). Dựa theo hướng dẫn và Biên bản ghi nhớ, đã thực hiện thử nghiệm mô hình QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích đã nâng cấp như mô tả ở mục 3-2-10 dưới đây.

### **Hoạt động 3-2-10 Thực hiện thử nghiệm Thỏa thuận QLHT với Chia sẻ lợi ích bao gồm các lớp học trên đồng ruộng cho nông dân (FFS) với các cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET trong các thôn mục tiêu.**

I. Các hoạt động thử nghiệm QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích như sau:

(1) Xây dựng lựa chọn tiêu chí các vùng thử nghiệm Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích và vùng QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích được chọn từ các khu vực rừng theo quyền hạn của từng đơn vị chủ rừng dựa trên các tiêu chí. Các chủ rừng đồng thuận các khu vực được lựa chọn.

(2) Đánh giá người canh tác canh tác có trong vùng đất canh tác hiện có trong khu vực QLHT / Chia sẻ lợi ích, bao gồm đất canh tác truyền thống, và dựa trên kết quả này đã tái tổ chức nhóm PFES theo cách có nhiều người canh tác ở những vùng canh tác nói trên, nhiều nhất có thể, để họ có thể tham gia tuần tra PFES xung quanh khu canh tác của mình.

(3) Những Thỏa thuận QLHT được nâng cấp (thỏa thuận ba bên) có kế hoạch thực hiện được xây dựng trong mục 3-2-7 kể trên, vai trò/ nhiệm vụ của mỗi bên (thành viên nhóm PFES đã được tái tổ chức, BQL VQG Bidoup – Núi Bà, BQL rừng phòng hộ Đa Nhim và UBND xã có liên quan), và lợi ích của các nhóm, v.v... được chuẩn bị, được các bên đồng thuận và ký kết.

(4) Cùng hợp tác với nhóm PFES đã định dấu bằng sơn và thu thập tọa độ bằng GPS đường ranh giới giữa đất rừng và đất canh tác, và vùng rừng mục tiêu được minh họa thành không ảnh. Ngoài ra, các cây trồng bao gồm cây ăn quả được trồng quanh ranh giới của vùng đất canh tác có khả năng mở rộng để góp phần vào cải thiện sinh kế và tăng ý thức về ranh giới. Sau khi thực hiện tập huấn sử dụng và quản lý GPS và máy ảnh để tăng cường bảo tồn rừng, nhóm PFES được mượn thiết bị. Thêm vào đó đã cung cấp áo mưa và bộ sơ cứu y tế để tăng cường ý thức và đảm bảo an toàn trong các hoạt động bảo vệ.



*Hoạt động tuần tra của nhóm PFES*

(5) Để tăng hiệu quả tuần tra PFES và giảm gánh nặng cho các thành viên nhóm tuần tra, đã quyết định sẽ tuần tra tập trung vào các khu vực có nguy cơ lấn chiếm cao thông qua nhiều lộ trình tuần tra được thiết lập theo hướng dẫn của kiểm lâm.

(6) Hệ thống báo cáo được cải thiện để kết quả tuần tra được báo cáo sớm và thích hợp cho các chủ rừng, và đã phát triển hệ thống chia sẻ thông tin sử dụng Google Drive để đảm bảo hiện trạng bảo tồn rừng được chia sẻ thích hợp với các tổ chức có liên quan dựa trên kết quả điều tra, và đã triển khai thử nghiệm sau khi đã thực hiện tập huấn các công cụ trên.

(7) Đã áp dụng và thử nghiệm giám sát rừng bằng flycam để phát hiện sớm thay đổi sử dụng đất và đánh giá việc người dân thực hiện hợp đồng PFES. Đã thực hiện tập huấn trên hiện trường cho cán bộ/kiểm lâm của các chủ rừng (Xem mục 3-3-9 và 3-3-10)

Trong giai đoạn hai, như đề cập ở mục 3-2-7, dựa theo kết quả hội thảo đánh giá các hoạt động thử nghiệm QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích trong giai đoạn 1, một số hoạt động được đánh giá là hiệu quả để bảo tồn rừng ví dụ như tái tổ chức nhóm PFES, phân định ranh giới giữa đất rừng và đất canh tác, giám sát rừng bằng flycam được các bên hợp tác thực hiện nhằm mục đích cải thiện thêm và điều chỉnh (xây dựng)/hoàn thiện hướng dẫn thực hiện các hoạt động này để phát triển bền vững mô hình QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích trong khu DTSQ TG Lang Biang sau khi dự án kết thúc.

## II. Các hoạt động thử nghiệm Chia sẻ lợi ích được thực hiện như sau

Đối với việc triển khai Chia sẻ lợi ích (EFLO), nội dung cơ bản là cải thiện lợi nhuận của canh tác cà phê và đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp/lựa chọn sinh kế như được mô tả trong mục 3-2-3, và hợp tác với các cơ quan ban ngành trong tỉnh có nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, ví dụ như UBND huyện và sở NN&PTNT. Đây được xem là chiến lược để triển khai các hoạt động cải thiện sinh kế bền vững sau khi dự án kết thúc, do đó, các hoạt động hợp tác giữa các đơn vị liên quan được thực hiện dựa trên đồng thuận tại Diễn đàn QLHT. Để thực hiện được việc hợp tác nói trên đòi hỏi phải có động lực bước đầu ở quy mô nhỏ từ những người dân, từ đó được nâng cao thành các dự án cải thiện sinh kế đại diện cho một vùng. Và điều vô cùng quan trọng là mang đến lợi ích gia tăng cho người dân trong thôn cũng như có nhiều lợi ích

cho các tổ chức hỗ trợ hoạt động, ví dụ như thiết kế các hoạt động hỗ trợ từ các cơ quan ban ngành trong tỉnh theo hướng đạt được mục tiêu nhiệm vụ của ngành và mang đến cho các công ty tư nhân nhiều cơ hội kinh doanh hơn để đảm bảo tính bền vững khi hợp tác giữa các bên liên quan bao gồm người dân trong thôn, các cơ quan ban ngành trong tỉnh và các công ty tư nhân.

Ví dụ về các hoạt động EFLO cải thiện sinh kế dựa trên các hoạt động hợp tác giữa các bên liên quan bao gồm người dân trong thôn và các tổ chức có liên quan như sau. (Tham khảo 3-2-3)

**1) Tăng khả năng lợi nhuận của canh tác cà phê bằng cách giảm chi phí sản xuất khi dùng phân hữu cơ ủ từ phân bò thu thập từ những chuồng bò đã được cải thiện**

Mục tiêu là nâng cao lợi nhuận canh tác cà phê bằng cách giảm chi phí sản xuất và tăng năng suất cà phê thông qua ủ và bón phân hữu cơ ủ từ phân bò (giảm chi phí mua phân hóa học và cải tạo đất để tăng năng suất và chất lượng cà phê) và bảo tồn rừng/đất canh tác khi kiểm soát việc chăn thả rừng.

Hoạt động này được thực hiện như sau.

**■ Các hoạt động hợp tác để cải thiện chuồng bò giữa các bên liên quan bao gồm 17 nông dân chủ chốt**

Thực hiện: Dựa trên đơn thuận tại Diễn đàn QLHT các bên liên quan đã ủ phân hữu cơ và cải thiện tác động tiêu cực của việc lạm dụng phân hóa học thông qua cải thiện chuồng nuôi bò từ tháng Ba 2018 đến tháng Tám 2019 cho 17 nông dân chủ chốt được chọn từ bảy các thôn mục tiêu.

Các vấn đề và hỗ trợ hiện trường/ các bên liên quan để tìm ra giải pháp như sau.

Vấn đề	Hỗ trợ hiện trường bởi các bên liên quan
<p><b>Phụ thuộc quá nhiều vào phân hóa học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phân bò cần để ủ phân hữu cơ đất (đơn giá: 800.000 VND/m<sup>3</sup>) và khó có thể mua rẻ</li> <li>Tác động lớn của chăn thả tự do đến rừng và cây trồng.</li> <li>Nguồn nước ô nhiễm do phân hữu cơ và chăn thả ở khu vực nguồn nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hướng dẫn cải thiện và xây dựng chuồng nuôi / Trung tâm khuyến nông huyện</li> <li>Cung cấp giống cỏ cho 1,5 ha / UBND huyện / đệm sinh học / vật liệu nền / sơ TNMT</li> <li>Sắt mạ kẽm, vật liệu xây dựng nền / dự án SNRM</li> <li>Các vật liệu khác / công xây dựng / 17 nông dân chủ chốt</li> </ul>

Kết quả: Kết quả đáng chú ý như sau

Dự án	Sau khi triển khai (trước khi triển khai)	Thông tin bổ sung
<ul style="list-style-type: none"> <li>Số hộ tham gia:</li> <li>Số gia súc tăng:</li> <li>Diện tích nuôi tăng:</li> <li>Trồng cỏ tăng:</li> <li>Lượng phân bò thu được tăng</li> <li>Thời gian chăn thả giảm:</li> </ul>	<p>17 hộ</p> <p><b>113 con</b> (81 con) /17 hộ</p> <p><b>680 m<sup>2</sup></b> (140 m<sup>2</sup>) /10 hộ</p> <p><b>10,600 m<sup>2</sup></b> (0 m<sup>2</sup>) / 13 hộ</p> <p><b>3m<sup>3</sup></b> (1m<sup>3</sup>) / chuồng/tháng</p> <p><b>3-5 hour</b> (8-10 giờ) /ngày</p>	<p>-</p> <p>0.48 m<sup>3</sup>/con, Cao nhất</p> <p><b>1m<sup>3</sup></b>/lượng phân thu được-</p>

**■ Hoạt động hợp tác cải thiện chuồng nuôi cho 28 hộ ở xã Đa Chais**

Thực hiện: UBND xã Đa Chais quyết định cung cấp bò cho 28 hộ bao gồm cả hộ nghèo thông qua trích một phần ngân sách trong chương trình giảm nghèo vào cuối năm 2018. UBND xã và những người hưởng lợi (người dân trong thôn) yêu cầu dự án và UBND huyện hỗ trợ những hộ nghèo không có chuồng nuôi sau khi đã xác nhận kết quả rất tốt của những hoạt động hợp tác để cải thiện chuồng nuôi dựa trên Diễn đàn QLHT, các hoạt động cải thiện chuồng nuôi được các bên liên quan hợp tác thực hiện trong tháng Mười Hai 2018 và tháng Ba 2020 như sau.

Thách thức	Hỗ trợ (Tháng Mười Hai, 2018.12~ Tháng Ba, 2020) bởi các bên liên quan
------------	--

<p>Trương tự như các vấn đề của 17 hộ nông dân chủ chốt với tình trạng nghiêm trọng do đói nghèo.</p>	<p>Hướng dẫn cải thiện và xây dựng chuồng nuôi;          Trung tâm khuyến nông huyện          Cung cấp bò (1 con/hộ): UBND xã Đa Chais          Sắt mạ kẽm, vật liệu xây dựng nền / dự án SNRM          Các vật liệu khác / công xây dựng / 28 hộ</p>
---	---

Như trong đánh giá bởi các hộ tham gia trong hai hoạt động trên, các hoạt động cải thiện chuồng nuôi được thực hiện thành công để đóng góp vào cải thiện sinh kế và giảm tác động tiêu cực đến môi trường.

Đối tượng khảo sát: 44 hộ tham gia tập huấn ủ phân		
Nội dung đánh giá	Sau khi triển khai (trước khi triển khai)	Thông tin bổ sung
<p><b>Thời gian chăn thả giảm</b>  <b>Thu thập phân gia súc tăng</b>  <b>Tăng diện tích trồng cỏ</b></p>	<p>44/44 hộ phản hồi thời gian <b>ngắn</b> hơn            44/44 hộ phản hồi lượng phân <b>tăng</b>.            14/44 hộ phản hồi diện tích <b>tăng</b>.</p>	<p>Trung bình giảm từ 8-10 giờ còn 3-5 giờ            Thu hơn 2-4m<sup>3</sup> phân bò/tháng.            Những hộ phản hồi “không” là hộ không có đất để trồng cỏ</p>

■ **Ủ phân hữu cơ từ vỏ cà phê đưa ra giải pháp môi trường và bón phân hữu cơ**

Thực hiện: Đã hợp tác với sở TNMT và các công ty tư nhân thực hiện thử ủ phân hữu cơ từ vỏ cà phê có số lượng lớn thải ra từ các nhà máy xử lý cà phê vốn là nguồn gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đóng góp vào giải pháp giảm ô nhiễm môi trường, sử dụng phân hữu cơ cho các vườn trồng của những người dân tham gia hoạt động đã giảm chi phí sản xuất cà phê để tăng khả năng lợi nhuận trong canh tác, từ đó thúc đẩy giảm phụ thuộc vào phân hóa học.

Kết quả mong đợi từ hoạt động này như sau:

Các vấn đề được xác định và giải pháp thể hiện dưới đây.

Vấn đề	Biện pháp thực hiện và hỗ trợ
<ul style="list-style-type: none"> <li>Không có biện pháp nào được thực hiện để tái sử dụng vỏ cà phê là nguồn gây ô nhiễm môi trường (sở TNMT yêu cầu dự án chuyển giao các kỹ thuật ủ phân)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập huấn ủ phân từ vỏ cà phê trên hiện trường với sở TNMT</li> <li>Tập huấn trên hiện trường với các công ty tư nhân</li> <li>Tập huấn trên hiện trường dành cho người dân trong mỗi thôn mục tiêu</li> </ul>

Đánh giá của một số người dân trong thôn tham gia vào các đợt tập huấn ở trên như sau.

Đối tượng khảo sát: 30 hộ tham gia tập huấn ủ phân		
Nội dung đánh giá	Kết quả	Thông tin bổ sung
<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Áp dụng kỹ thuật ủ phân</b></li> <li><b>Ý định tiếp tục ủ phân</b></li> <li><b>Phân hữu cơ giảm chi phí phân bón</b></li> <li><b>Hiệu quả của vỏ cà phê đối với phân bón</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>26/30 xác nhận là dễ dàng</b></li> <li><b>28/30 có ý định tiếp tục</b></li> <li><b>23/30 trả lời là giảm.</b></li> <li><b>28/30 trả lời là hiệu quả</b></li> </ul>	<p>Bao gồm phân bò ủ hữu cơ và ủ phân hữu cơ nói chung</p>

Do thành tựu của việc cải thiện chuồng bò và sử dụng vật liệu hữu cơ đã được xác nhận hoàn toàn bởi các bên liên quan thông qua các hoạt động kể trên và tất cả đều tương quan với các chính sách của các cơ quan ban ngành trong tỉnh có liên quan, các hoạt động này có thể trở thành chính sách trong tỉnh trong ngành nông nghiệp.

**(2) Cải thiện sinh kế thông qua giới thiệu canh tác nấm shiitake có lời**

Bối cảnh và mục đích: Dựa trên việc đa dạng hóa các phương án sản xuất nông nghiệp / lựa chọn sinh kế, là một hoạt động cơ bản khác của EFLO, lưu ý đến trồng nấm hương shiitake là một loại cây trồng có lợi nhuận và thân thiện với môi trường, dự án đã quyết định thử nghiệm phát triển mô hình sản xuất nấm hương quy mô nhỏ trong những nông dân chủ chốt và công ty Nguyên Long là đơn vị trồng nấm hương shiitake dùng nấm hương mọc tự nhiên tại khu DTSQ TG Lang Biang. Hơn nữa, việc sản xuất nấm hương có thể góp phần giải quyết các vấn đề địa phương khi nông nghiệp phụ thuộc vào đất như canh tác cà phê là phương thức phổ biến và nếu người dân muốn tăng thu nhập thì phải mở rộng đất và đây chính là nguyên

nhân dẫn đến phá rừng.. Mặc khác, trồng nấm cần cơ sở sản xuất nhỏ chỉ 50-100m2 bên cạnh nhà dân để xử lý / quản lý cẩn thận. Do đó không đi kèm với mở rộng đất canh tác dẫn đến phá rừng. Ngoài ra, khi trồng nấm sẽ không dùng thuốc trừ sâu / phân bón hóa học, các phôi nấm thải là nguồn vật liệu hữu cơ hữu dụng để ủ phân. Vì vậy, nấm hương shiitake chính là cây trồng đúng cho khu DTSQ TG Lang Biang.

Sau khi xác nhận kết quả tốt của mô hình trồng nấm hương shiitake quy mô nhỏ bao gồm khả năng sinh lợi và được dựa trên đồng thuận tại Diễn đàn QLHT, các bên liên quan bao gồm UBND huyện, sở TNMT và người dân trong thôn đã hợp tác triển khai trồng nấm từ tháng Sau 2018 đến tháng Ba 2020 như sau

[ Đơn vị/ người hỗ trợ]

	Phát triển thị trường	Cải thiện sản xuất / sau thu hoạch
<b>Vấn đề</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xây dựng thương hiệu nấm hương shiitake cần sự khác biệt về mặt “mối quan hệ với khu DTSQ TG Lang Biang”</li> <li>• Chuỗi cung ứng nấm hương shiitake là cần thiết để ổn định nhu cầu và giá cả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần thiết phải giảm chi phí xây dựng cơ sở / thiết bị.</li> <li>• Quản lý độ ẩm / nhiệt độ, điều rất quan trọng để ổn định sản xuất nấm hương, đã được thực hiện không phù hợp.</li> <li>• Xử lý / sử dụng dữ liệu sản xuất được thu thập không đủ</li> </ul>
<b>Hoạt động chính</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thực hiện sách ảnh để chia sẻ kiến thức, hiểu biết về mối quan hệ giữa khu DTSQ TG Lang Biang và nấm hương shiitake [dự án]</li> <li>• Hợp tác với nhà hàng ở tp.HCM (4Ps) và AEON MALL để quảng bá nấm hương shiitake [các công ty tư nhân, dự án]</li> <li>• Xây dựng chuỗi cung ứng [sở NN&amp;PTNT, UBND huyện, dự án, Công ty Nguyên Long]</li> <li>• Cải thiện sản xuất/phân phối để tăng chất lượng nấm. [UBND huyện, sở TNMT, công ty Nguyên Long, dự án]</li> <li>• Xây dựng dây chuyền lạnh với xe lạnh [dự án, các công ty tư nhân]</li> <li>• Tổ chức tour sinh thái để thăm nhà trồng nấm và đi tham quan trong khu DTSQ TG Lang Biang [công ty tư nhân, BQL VQG Bidoup Núi Bà, dự án]</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hướng dẫn cho người dân trong thôn xây dựng nhà nấm với chi phí thấp. [Công ty Nguyên Long, dự án]</li> <li>• Giới thiệu thiết bị giám sát qua chương trình USAID [dự án, UBND huyện]</li> <li>• Lập hệ thống báo cáo để chia sẻ giữa người dân trong thôn và Công ty Nguyên Long về mối tương quan giữa năng suất và độ ẩm.[Công ty Nguyên Long, dự án]</li> <li>• Sản xuất minh họa với máy đo độ ẩm và tổ chức tập huấn liên quan. [nông dân chủ chốt, dự án]</li> <li>• Tổ chức tập huấn phân loại nấm đã thu hoạch. Cung cấp giỏ lựa nấm. [dự án, Công ty Nguyên Long]</li> <li>• Lập kế hoạch để có thể điều chỉnh sản xuất với vai trò/trách nhiệm của các bên [Công ty Nguyên Long, công ty tư nhân, nông dân chủ chốt, dự án]</li> </ul>

Kết quả đạt được từ các hoạt động hợp tác giữa các bên liên quan bao gồm các cơ quan ban ngành trong tỉnh và các công ty tư nhân là xây dựng được một mô hình mở rộng, liên tục sản xuất nấm hương shiitake với những người dân được đầu tư trong mục thôn tiêu. Trồng nấm hương shiitake đòi hỏi kỹ thuật tương đối cao và trình độ kinh nghiệm nhất định, đặc biệt là về môi trường thích hợp (độ ẩm / nhiệt độ) để trồng nấm. Đây là điều người dân tộc thiểu số trong thôn không có. Để giải quyết điều này đã đưa ra các thiết bị để dùng để kiểm tra và duy trì môi trường ổn định để trồng nấm. Nhờ đó đem lại kết quả đạt được năng suất tương đối cao. Thêm vào đó, đã xây dựng chuỗi cung ứng cho người dùng cuối ở TP.HCM, ví dụ như siêu thị AEON để ổn định nhu cầu và giá nấm. Ngoài ra đã xây dựng dây chuyền lạnh để ổn định chất lượng nấm được giao đi.

Thành quả chính của các hoạt động hợp tác thể hiện dưới đây

Phát triển thị trường	Cải thiện sản xuất và sau thu hoạch
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xây dựng thương hiệu nấm hương shiitake là sản phẩm nông nghiệp của khu DTSQ TG Lang Biang và không thuốc trừ sâu và góp phần bảo tồn rừng / đa dạng sinh học.</li> <li>• Thông qua thiết lập chuỗi cung ứng, đã bán nấm shiitake cho nhà hàng, cửa hàng bán lẻ, siêu thị và hộ gia đình.</li> <li>• Thành lập dây chuyền lạnh ổn định chất lượng nấm hương shiitake khi giao về TP.HCM.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Một chu trình tốt được tạo ra trong đó người dân trong thôn có kinh nghiệm xây dựng cơ sở và sử dụng thiết bị đã hỗ trợ những người tham gia sau, từ đó góp phần giảm chi phí ban đầu.</li> <li>• Việc duy trì độ ẩm thích hợp để trồng nấm được thực hiện qua thiết bị giám sát được cấp đã được chứng minh khả năng cải thiện năng suất trồng nấm shiitake trong thôn.</li> <li>• Một lô hàng của nấm hương shiitake loại A có kích cỡ lớn được đóng hộp trực tiếp ngay sau khi thu hoạch và các gói hàng loại khác với nấm có kích thước khác được đóng hộp được giao cho người tiêu dùng cuối cùng tại TP.HCM nên có thể mua nấm với giá cao hơn từ người dân trong thôn.</li> </ul>

Vấn đề mới: Kể từ đầu năm 2020, nhu cầu từ các nhà hàng ở TP.HCM giảm đáng kể do dịch COVID-19 làm giảm sản lượng tiêu thụ, buộc phải điều chỉnh sản xuất, dẫn đến lợi nhuận của các bên, kể cả người dân trong thôn, giảm mạnh. Trong hoàn cảnh đó, một số người dân trong thôn đã ngừng sản xuất ít nhất một thời gian. Do đó, rất cần có những nỗ lực hợp tác giữa các bên để phát triển các thị trường mới, ví dụ như Hà Nội để đảm bảo nhu cầu.

■Khuyến khích thanh niên của cộng đồng dân tộc thiểu số làm việc cho các công ty nông nghiệp để giảm áp lực vào rừng

Mặc dù đã đạt được những kết quả tốt về bảo tồn rừng thông qua việc phát triển mô hình QLHT / Chia sẻ lợi ích nâng cấp, nhưng các hộ dân tộc thiểu số nhìn chung có nhiều con, một số người phá rừng làm rẫy khi sống độc lập và đây là một trong những nguyên nhân gây phá rừng. Trước tình hình đó, việc làm của thanh niên người dân tộc thiểu số tại các công ty nông nghiệp địa phương được xem là sẽ giúp hạn chế nạn phá rừng, nhóm dự án đã tiến hành xúc tiến việc làm cho thanh niên dân tộc thiểu số như sau. Phòng vấn các bên liên quan để nắm bắt thực trạng và các vấn đề nhận thấy không cung cấp đầy đủ thông tin về việc làm hộ từ UBND xã có liên quan được phát hiện là một yếu tố cản trở việc làm. Vì vậy, tổng cộng 97 cán bộ UBND xã, kiểm lâm chủ rừng, trưởng thôn đã tham gia hai đợt tập huấn hỗ trợ để đảm bảo cung cấp thông tin về việc làm cho cá nhân hộ một cách thích hợp và kịp thời. Với những hiệu quả hỗ trợ trên đã xác nhận rằng một số người dân trong thôn đã được một số công ty địa phương tuyển dụng. Tuy nhiên, do sự suy thoái kinh tế nông nghiệp gần đây, các công ty địa phương phá sản. Trong trường hợp này, thông tin việc làm từ UBND xã trở nên khan hiếm và hạn chế cơ hội việc của người dân. Dự án đề nghị rằng BQL khu DTSQ Lang Biang có thể thực hiện các hoạt động sau đây để giảm áp lực lên rừng: thúc đẩy việc làm cho thanh niên thiểu số tại địa phương, mở rộng hơn nữa Mô hình QLHT đã nâng cấp trong khu DTSQ TG Lang Biang để tăng cường bảo vệ rừng / cải tạo kế hoạch và khuyến khích các hộ dân tham gia vào mô hình sản xuất nấm hương shiitake không phụ thuộc vào đất đai.

### **Hoạt động 3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả thử nghiệm**

Thông qua giám sát thường xuyên tại hiện trường đã khẳng định rằng đã củng cố bảo tồn rừng thông các hoạt động QLHT / Chia sẻ lợi ích được nâng cấp, cải thiện tuân tra PFES, khi xét đến (1) không có lấn chiếm / vi phạm tại các vùng QLHT / Chia sẻ lợi ích và (2) xử lý nhanh chóng các vấn đề xảy ra trong khu vực QLHT / Chia sẻ lợi ích để các rừng chủ giải quyết.

Trong giai đoạn thứ hai, như đã trình bày trong 3-2-6-1, những hoạt động đó được đánh giá là hiệu quả cho rừng bảo tồn bao gồm tổ chức lại nhóm PFES và giám sát bằng flycam được tiến hành ở quy mô nhỏ tại các vùng rừng có tồn tại vấn đề để cải thiện các hoạt động tại đây và để chỉnh sửa / hoàn chỉnh hướng dẫn thực hiện hoạt động. Các hoạt động này được theo dõi liên tục và báo cáo kết quả tại các cuộc họp PPMU thường kỳ. Trong các buổi họp đã thảo luận và nhanh chóng thực hiện các giải pháp để xử lý vấn đề, nếu có. Kết quả giám sát Các thử nghiệm QLHT / Chia sẻ lợi ích (EFLO) được đánh giá và tóm tắt thành báo cáo đánh giá hoạt động QLHT / Chia sẻ lợi ích, báo cáo đánh giá EFLO và báo cáo đánh giá Diễn đàn QLHT.

### **Hoạt động 3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về Thỏa thuận QLHT, Chia sẻ lợi ích, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.**

Vui lòng xem kết quả của Chương II-1 Thực hiện dự án, Bảng 6: Tập huấn Trong nước ở Việt Nam (hợp phần Đa dạng sinh học) để xem các khóa tập huấn đã thực hiện.

### **Hoạt động 3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.**

Các hướng dẫn được xây dựng trong mục 3-2-8 về hoạt động QLHT / Chia sẻ lợi ích được nâng cấp, Diễn đàn QLHT và EFLO đã được sửa đổi / hoàn thiện thông qua quá trình thử nghiệm các hoạt động kể trên. Dự thảo hướng dẫn này dự kiến sẽ được đề xuất lên BQL khu DTSQ TG Lang Biang và thông qua trong cuộc họp lần thứ 9. Đây là tài liệu đính kèm với các văn bản chính sách như mô tả trong mục 3-2-14 dưới đây.



**Hoạt động 3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến Thỏa thuận QLHT có các Chia sẻ lợi ích tại vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ TG Lang Biang và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.**

Để bảo tồn bền vững rừng và đa dạng sinh học trong khu DTSQ TG Lang Biang, việc áp dụng rộng rãi hơn mô hình QLHT / Chia sẻ lợi ích nâng cấp trong khu DTSQ TG Lang Biang có ý nghĩa rất quan trọng, xét đến kết quả các thử nghiệm QLHT / Chia sẻ lợi ích. Do đó, dự thảo các văn bản chính sách đã được xây dựng với các nội dung cần thiết để nhân rộng mô hình QLHT / Chia sẻ lợi ích bao gồm (1) Giới thiệu mô hình QLHT / Chia sẻ lợi ích ban đầu ở quy mô nhỏ và sau đó mở rộng dần vào năm 2025 (2) Áp dụng mô hình tại hai huyện, bao gồm huyện Lạc Dương với 8 xã nơi mà một số tổ chức / người dân địa phương đã có năng lực và kinh nghiệm ở mức độ nhất định thông qua tham gia các mô hình hoạt động và (3) Vai trò và trách nhiệm của các tổ chức liên quan về giới thiệu / mở rộng mô hình. Với sự đồng ý của BQL dự án, dự thảo văn bản chính sách dự kiến sẽ được BQL khu DTSQ TG Lang Biang thảo luận và thông qua tại hội nghị lần thứ 9. Các hướng dẫn nêu trong 3-2-13 sẽ được đính kèm với các tài liệu chính sách cho mô hình ứng dụng một cách dễ hiểu, bao gồm Diễn đàn QLHT và EFLO trong khu DTSQ TG Lang Biang sau khi dự án kết thúc.

**Hoạt động 3-3: Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Lang Biang.**

Chỉ số Kiểm chứng Khách quan	Thành quả
3-3-1 Bộ dữ liệu đa dạng sinh học của VQG Bidoup Núi Bà được chia sẻ với bộ NN&PTNT/FORMIS và lưu trữ vào kho dữ liệu NBDS của động thực vật trên cạn của NBDS.	1. Các dữ liệu liên quan đến đa dạng sinh học hiện có ở VQG Bidoup Núi Bà và tất cả các dữ liệu thu thập được qua các hoạt động của dự án được lưu trữ vào NBDS và chia sẻ với bộ TNMT qua Hợp phần 1. Dữ liệu do dự án thu thập cũng được lưu vào phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khác (BRAHMS) và được VQG Bidoup - Núi Bà quản lý.
3-3-2 Hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được giám sát hàng năm.	2. Đối với việc theo dõi diễn biến rừng, hệ thống theo dõi diễn biến rừng được giới thiệu hướng đến kiểm lâm của VQG Bidoup - Núi Bà và BQL rừng phòng hộ Đa Nhim. Hệ thống theo dõi bằng flycam và các hoạt động tuần tra rừng đã cải thiện được thực hiện để thực hiện theo dõi rừng và các hoạt động theo dõi tiếp theo đã được thực hiện. Đối với giám sát đa dạng sinh học, đã xây dựng hệ thống triển khai hoạt động trong quá trình thực hiện điều tra đa dạng sinh học và qua nhiều khóa tập huấn thực hiện theo Hệ thống Giám sát Đa dạng Sinh học (Hệ thống giám sát ĐDSH). Việc thực hiện Hệ thống giám sát ĐDSH bắt đầu từ việc dùng máy bay ảnh giám sát các loài chim và thú và liên tục thu thập dữ liệu theo quý (xấp xỉ).

**Hoạt động 3-3-1 Rà soát hệ thống giám sát đa dạng sinh học và theo dõi diễn biến rừng hiện tại.**

Thông tin do VQG Bidoup - Núi Bà, sở NNPTNT thu thập được về giám sát đa dạng sinh học và theo dõi diễn biến rừng ở VQG Bidoup - Núi Bà được thu thập và xác nhận tình hình thực hiện như sau.

Hình thức giám sát	Hệ thống	Phòng ban chịu trách nhiệm ở VQG Bidoup - Núi Bà
Theo dõi diễn biến rừng	◆ Kế hoạch tuần tra hàng tháng được các trạm kiểm lâm xây dựng. Sau khi kế hoạch được thông qua tại cuộc họp định kỳ theo tháng của VQG Bidoup - Núi Bà, các hoạt động tuần tra rừng được kiểm lâm thực hiện. Dữ liệu được các trạm gửi về cho hạt kiểm lâm theo tuần. Hạt kiểm lâm tổng hợp báo cáo tháng và gửi về văn phòng chính theo tháng.	Quản lý dữ liệu: Hạt kiểm lâm Thu thập dữ liệu: Trạm kiểm lâm

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trong khuôn khổ chương trình PFES, VQG Bidoup - Núi Bà và các nhóm cộng đồng (10-15 người/nhóm) kí hợp đồng PFES và theo hợp đồng này, các nhóm PFES đi tuần tra rừng 2 - 3 lần mỗi tháng trong khu vực rừng như hợp đồng quy định. Mỗi quý, VQG Bidoup - Núi Bà báo cáo cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng là đơn vị quản lý thực hiện PFES. Trong số 59.810 ha diện tích rừng thực hiện PFES của VQG Bidoup - Núi Bà (2016), 48.300 ha hay 80,7% thực hiện theo hợp đồng PFES và có 1.482 hộ dân được nhận tiền từ PFES.</li> <li>Với sự hỗ trợ của sở KHCN tỉnh Lâm Đồng, các hoạt động thử nghiệm sử dụng ảnh vệ tinh Landsat 8 (miễn phí/cập nhật mỗi 16 ngày) để tự động trích xuất các thay đổi diện tích rừng đã được thực hiện (cho đến tháng Sáu, 2018).</li> </ul>	Quản lý dữ liệu: văn phòng chính chính (phòng kỹ thuật) Thu thập dữ liệu: cộng đồng/kiểm lâm thực hiện hợp đồng PFES.
		Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế Rừng nhiệt đới (ICHTER)
Giám sát đa dạng sinh học	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện giám sát đa dạng học không phải là nhiệm vụ thường xuyên, và các hoạt động điều tra đa dạng sinh học chỉ được thực hiện khi ngân sách được đảm bảo với sự hợp tác từ các đơn vị nghiên cứu bên ngoài.</li> </ul>	Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế Rừng nhiệt đới (ICHTER)

### Hoạt động 3-3-2 Rà soát dữ liệu điều tra rừng hiện có trong vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Lang Biang.

Theo như kết quả điều tra dữ liệu rừng và đa dạng sinh học ở VQG Bidoup - Núi Bà được thực hiện trước đây bởi các nhà tài trợ/đơn vị nghiên cứu đã xác nhận và tổng hợp dữ liệu của hơn 2.000 loài. Một số dữ liệu về đa dạng sinh học được tổng hợp được lưu vào hệ thống NBDS thông qua các hoạt động có liên quan đến NBDS của Hợp phần 1 thực hiện.

### Hoạt động 3-3-3 Phân tích dữ liệu đường cơ bản của thảm thực vật trong vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Lang Biang và xây dựng bản đồ thảm thực vật.

Đã thu thập ảnh vệ tinh (SPOT 1-5 / Landsat 5-8) lấy từ năm 1990 đến 2014 và dữ liệu NFIS có sẵn trong giai đoạn này và dựa theo Hệ thống Phân Loại của Đất của (LCCS) của FAO, bản đồ thảm thực vật (1: 250.000) của vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Lang Biang được thực hiện trong các giai đoạn năm 1990, 2000, 2010, và 2014. Dựa trên dữ liệu theo khoảng thời gian từ năm 1990 để phân tích thay đổi của thảm thực vật. Ngoài ra đã mua hình ảnh vệ tinh độ nét cao (Pleades, 201(4) để xác định vùng khảo sát khi thực hiện điều tra đa dạng sinh học cơ bản. Đã xây dựng bản đồ thảm thực vật chi tiết (tỷ lệ 1/10.000) ở rừng lá rộng thường xanh / rừng hỗn giao lá rộng và lá kim / rừng thông phân bố trong vùng lõi của khu DTSQ Lang Biang. Trong quá trình hoàn thiện đã chia sẻ các bản đồ thảm thực vật với các chủ rừng, đã thu thập và phản ánh các ý kiến đóng góp.

### Hoạt động 3-3-4 Thực hiện điều tra đa dạng sinh học cơ bản và thu thập dữ liệu về động vật và thực vật, đặc biệt là các loài đặc hữu và các loài nguy cấp trong vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Lang Biang.

Thực hiện điều tra đa dạng sinh học có bao gồm điều tra thảm thực vật rừng ở VQG Bidoup - Núi Bà, vùng lõi của khu DTSQ Lang Biang, tổng cộng ba lần trong mùa mưa, mùa khô và giai đoạn chuyển tiếp, cụ thể trong tháng Bảy - tháng Tám, 2016, tháng Mười Hai, 2016 - tháng Một, 2017 và tháng Năm - tháng Sáu, 2017. Theo kết quả điều tra đã ghi nhận 1.019 loài, bao gồm các loài đặc hữu và loài nguy cấp (thực vật: 745 loài động vật có vú: 38 loài, chim: 127 loài, lưỡng cư: 25, bò sát: 21 loài, côn trùng: 53 loài, cá: 10 loài). Đồng thời, dữ liệu thu thập được được lưu vào phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu BRAHMS theo tiêu chuẩn quốc tế nên VQG Bidoup - Núi Bà có thể quản lý và sử dụng dữ liệu thu thập được trong các đợt điều tra cũng như cả những dữ liệu có sẵn. Một loài rắn mới (tên khoa học: *Oligodon rostralis*) được phát hiện qua dữ liệu thu thập được trong cuộc điều tra cơ bản. Kết quả này được tạp chí quốc tế công nhận (PeerJ - Journal of Life and Environmental Sciences / Tạp chí Đời sống và Khoa học Môi trường). Ngoài ra cũng đã xác nhận có nhiều loài thực vật có khả năng là loài mới. Dữ liệu thu thập được lưu trữ vào hệ thống CSDL ĐDSH quốc gia (NBDS) cũng như được dùng để xác định các loài chỉ thị cần thiết cho hệ thống giám sát ĐDSH.



### Hoạt động 3-3-5 Phân tích dữ liệu thu thập qua các đợt điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và môi trường sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học trong vùng lõi và vùng đệm của khu

### DTSQ Lang Biang.

Trong quá trình phân tích dữ liệu các loài động thực vật thu thập qua điều tra đa dạng sinh học như đề cập trong hoạt động 3-3-4 đã xây dựng dự thảo khung giám sát đa dạng sinh học, phân loại các loài tiềm năng có thể phù hợp là loài chỉ thị, ví dụ như các loài hiếm, các loài nhạy cảm với thay đổi của hệ sinh thái. Sau đó đã tổ chức hội thảo với sự tham gia của các chuyên gia / các nhà nghiên cứu về đa dạng sinh học, bộ TNMT, bộ NNPTNT, các chủ rừng. Các bên đã xem xét và thảo luận để thu hẹp lựa chọn các loài chỉ thị tiềm năng và hoàn thiện dự thảo khung giám sát đa dạng sinh học. Hội nghị BQL khu DTSQ lần thứ 4 đã thông qua khung giám sát đa dạng sinh học đã hoàn chỉnh.

Theo kế hoạch đã được thông qua và tham vấn ý kiến với BQL VQG Bidoup - Núi Bà là đơn vị chủ chốt thực hiện giám sát đã dự thảo Hệ thống Giám sát Đa dạng Sinh học (Hệ thống giám sát ĐDSH - BMS) và kế hoạch triển khai cho giai đoạn 2018-2019. Hệ thống giám sát ĐDSH đã chọn ra các loài chỉ thị



Rừng lá rộng thường xanh

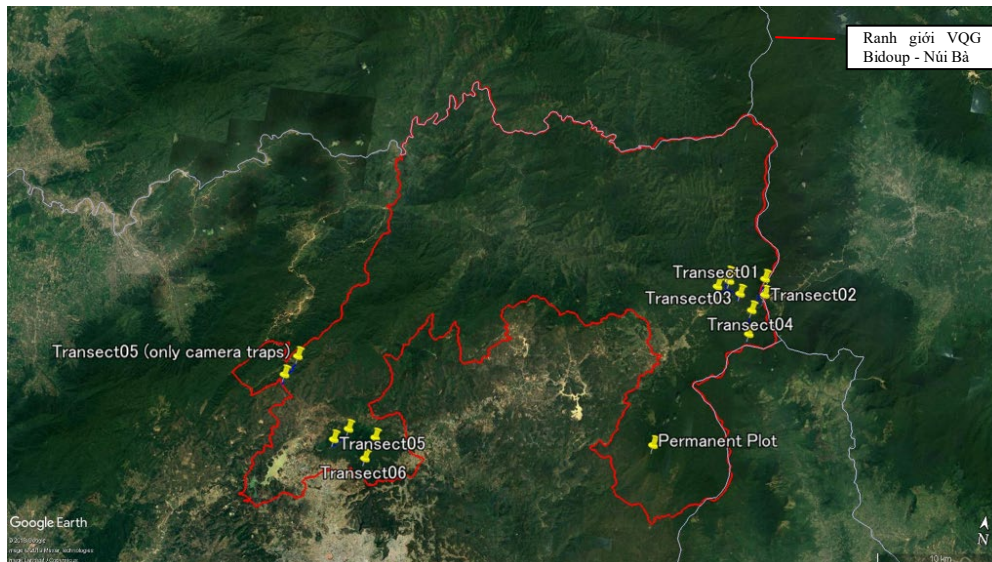


Rừng hỗn giao lá rộng và lá kim



Rừng lá kim (rừng thông)

có thể được kiểm lâm nhận diện dễ dàng và đề xuất các phương pháp và vị trí giám sát không tạo áp lực tài chính cho BQL VQG Bidoup - Núi Bà. Cụ thể, xét đến lộ trình tuần tra rừng của kiểm lâm VQG, phân loại thảm thực vật và các loài chỉ thị được chọn đã chọn ra 6 tuyến giám sát đa dạng sinh học (200m x 5m, có hai tuyến trong mỗi vùng rừng là rừng lá rộng thường xanh / rừng hỗn giao lá rộng và lá kim / rừng thông). Điều này cho phép kiểm lâm có thể giám sát đa dạng sinh học trong quá trình đi tuần tra. Ngoài ra đã xác định một ô định vị (1ha) trong rừng lá rộng thường xanh để theo dõi thay đổi của hệ sinh thái trong thời gian dài.



Vị trí thực hiện Khảo sát Điều tra Đa dạng Sinh học (các tuyến và ô định vị)

### Hoạt động 3-3-6 Xây dựng cẩm nang hướng dẫn thu thập/phương pháp khảo sát để thu thập dữ liệu đa dạng sinh học (các chỉ báo) của các hệ sinh thái trên cạn để theo dõi có liên hệ với MINH/FORMIS và các cẩm nang do dự án JICA/NBDS phát triển.

Đối với các cẩm nang do dự án JICA/NBDS xây dựng, và theo thảo luận với BQL VQG Bidoup - Núi Bà và kiểm lâm đã xây dựng dự thảo cẩm nang hướng dẫn cho BQL VQG Bidoup - Núi Bà để thực hiện giám sát. Và đã dự thảo sổ tay thu thập dữ liệu đa dạng sinh học dành cho kiểm lâm. Dự thảo cẩm nang hướng dẫn và sổ tay thực hiện được hoàn thiện trong quá trình triển khai Hệ thống giám sát ĐDSH (xem chi tiết tại mục 3-3-1(1))

**Hoạt động 3-3-7 Thực hiện điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập dữ liệu đa dạng sinh học bằng các phương pháp đã được phát triển cùng bộ TNMT và các bên liên quan khác.**

Dựa trên dự thảo cẩm nang hướng dẫn giám sát đa dạng sinh học ở mục 3-3-6, dự án hỗ trợ VQG Bidoup - Núi Bà thực hiện Hệ thống giám sát ĐDSH. Trong tháng Năm đến tháng Sáu, 2018, đã tiến hành xây dựng ô định vị và sáu tuyến giám sát đa dạng sinh học. Đã thực hiện điều tra động thực vật thông qua các đợt tập huấn lý thuyết/ tập huấn trên hiện trường cho các đơn vị liên quan, bao gồm VQG Bidoup - Núi Bà và đã xây dựng dữ liệu cơ bản (xem chi tiết tại mục 3-3-10). Dựa theo kết quả điều tra đã tổ chức tập huấn tăng cường năng lực các hoạt động giám sát đa dạng sinh học trên hiện trường trong 7 ngày của tháng Chín 2018, chủ yếu tập trung cho kiểm lâm. Để đảm bảo tính bền vững sau tập huấn, trong quá trình xây dựng chương trình tập huấn đã cân nhắc kỹ lưỡng mỗi quan tâm, khả năng, địa bàn làm việc (các trạm mà kiểm lâm phụ trách) và sau đó chia vào các nhóm giám sát thực vật/ chim/ thú/ lưỡng cư/ côn trùng. Trong cùng thời gian tập huấn đã lắp đặt 35 máy bẫy ảnh tại các điểm giám sát để có thể thu thập dữ liệu về các loài chim, thú. Hệ thống cũng nhằm đến theo dõi rừng và thảm thực vật như đã mô tả trong mục 3-3-9 và sau này. Các phương pháp thực hiện, mức độ thường xuyên và tình trạng thực hiện từng hoạt động giám sát theo Chia sẻ lợi ích được tóm tắt dưới đây.



Điều tra tại tuyến giám sát đa dạng sinh học

**Kế hoạch hoạt động (2018/ 2019) và Hiện trạng triển khai**

Hoạt động		Phương pháp	Tần suất	Hiện trạng triển khai
1. Giám sát rừng và che phủ thực vật		Tuần tra/ giám sát rừng bao gồm dữ liệu từ flycam	Thường xuyên	Thực hiện thường xuyên bởi BQL VQG Bidoup Núi Bà
2. Thiết lập ô giám sát lâu dài/ 6 tuyến		Thực hiện thông qua tập huấn Cẩm tay chỉ việc	N/A	Hoàn thành
3. Điều tra cơ bản tuyến/ ô vĩnh viễn		Thực hiện thông qua tập huấn Cẩm tay chỉ việc	N/A	Hoàn thành
4. Tập huấn Cẩm tay chỉ việc về hệ thống quản lý Đa dạng sinh học bao gồm quản lý cơ sở dữ liệu		Tập huấn Cẩm tay chỉ việc	N/A	Hoàn thành
<b>5. Giám sát định kì các loài chỉ thị chủ chốt trên tuyến</b>				
5.1	Thực vật	Quan sát khi đi trên tuyến	3 tháng 1 lần	Chưa triển khai
5.2	Chim	Line census (visual encounter/ playback)/ máy bẫy ảnh	3 tháng 1 lần	Được thực hiện 1 phần (chỉ sử dụng máy bẫy ảnh)
5.3	Thú	Visual encounter Máy bẫy ảnh	3 tháng 1 lần	Được thực hiện 1 phần (chỉ sử dụng máy bẫy ảnh)
5.4	Lưỡng cư	Visual encounter	3 tháng 1 lần	Chưa triển khai
5.5	Côn trùng	Bẫy đèn	3 tháng 1 lần	Chưa triển khai
6. Lưu trữ, quản lý dữ liệu và báo cáo		Lưu trữ: sử dụng định dạng trong hệ thống Quản lý Đa dạng sinh học Cơ sở dữ liệu: BRAHMS	Khi cần thiết	Đã thực hiện theo yêu cầu của hệ thống giám sát đa dạng sinh học

Do ngân sách các tổ chức có liên quan (VQG Bidoup - Núi Bà/ sở TNMT/ sở NNPTNT, v.v...) có hạn, không phải tất cả các hoạt động mô tả trong Hệ thống giám sát ĐDSH và kế hoạch thực hiện đều được triển khai để thực hiện giám sát thường xuyên các loài chỉ thị trên tuyến giám sát đa dạng sinh học và ô định vị. Ngoài ra đã thu thập dữ liệu từ máy bẫy ảnh tổng cộng bốn lần để lấy dữ liệu các loài thú và chim. Kết quả thể hiện bên dưới.

Mục	Giai đoạn thực hiện	Kết quả phân tích dữ liệu
Thu thập dữ liệu lần 1	Tháng Tư 2019	Xác định tổng cộng 33 loài (thú: 13 loài, chim: 20 loài),
Thu thập dữ liệu lần 2	Tháng Bảy - tháng Tám, 2019	Xác định tổng cộng 25 loài (thú: 12 loài, chim: 13 loài)
Thu thập dữ liệu lần 3	Tháng Mười Hai 2019	Xác định tổng cộng 25 loài (thú: 12 loài, chim: 13 loài)
Thu thập dữ liệu lần 4	Tháng Ba - tháng Tư 2020	Xác định tổng cộng 24 loài (thú: 17 loài, chim: 7 loài)

Từ dữ liệu thu thập được đã xác nhận có nhiều loài có trong Danh lục Đỏ IUCN và Sách Đỏ Việt Nam. Trong đó, việc phát hiện một loài cực kỳ nguy cấp trong Danh lục đỏ IUCN từ chuyên thu thập dữ liệu lần đầu tiên là một trong những thành quả nổi bật. Nối tiếp kết quả này, Viện nghiên cứu động vật hoang dã Leibniz, Đức đã thực hiện khảo sát thú ở VQG Bidoup - Núi Bà. Kết quả của những đợt khảo sát cũng

được báo cáo tại hội nghị lần 8 của BQL khu DTSQ tổ chức vào ngày 7 tháng Mười Một, 2019 và đóng góp đề tăng cường hiểu biết của các cơ quan, ban ngành có liên quan về sự phong phú và dồi dào đa dạng sinh học ở khu DTSQ Lang Biang / VQG Bidoup - Núi Bà. Kết quả của việc thu thập thông tin kể trên để giám sát ĐDSH được ban thư ký trình cho BQL khu DTSQ TG Lang Biang để quản lý khu DTSQ.

Dưới đây là một số loài quý hiếm được phát hiện bằng máy bẫy ảnh (tất cả đều có trong Danh lục Đỏ IUCN).



Mang lớn  
(*Muntiacus vuquangensis*)



Khỉ mặt đỏ  
(*Macaca arctoides*)



Mèo báo (*Prionailurus bengalensis*)



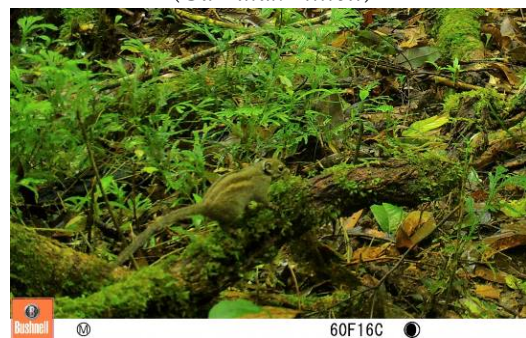
Cầy vòi mốc (*Paguma larvata*)



Gà lôi trắng (*Lophura nycthemera*)



Khướu đầu đen  
(*Garrulax milleti*)



Sóc lớn đen (*Ratufa bicolor*)

Sóc chuột lửa  
(*Tamiops rodolphii*)

**Hoạt động 3-3-8 Gửi dữ liệu đa dạng sinh học của VQG Bidoup - Núi Bà cho VNFORREST và phối hợp với sở TNMT lưu dữ liệu vào NBDS của bộ TNMT.**

Thông qua các hoạt động liên quan đến NBDS của Hợp phần 1, các bộ dữ liệu dưới đây đã được lưu vào NBDS.

- Dữ liệu thu thập từ đợt điều tra đa dạng sinh học cơ bản
- Dữ liệu thu thập được từ những lần điều tra trên tuyến giám sát đa dạng sinh học / ô định vị
- Dữ liệu thu thập được từ máy bẫy ảnh (tổng cộng 4 lần)

**Hoạt động 3-3-9 Xét hiện phương pháp hiện có để giám sát tình trạng/ hiện trạng rừng theo hợp đồng PFES. Điều chỉnh hợp đồng/ hoạt động để VQG Bidoup - Núi Bà / BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim có thể kiểm chứng kết quả thực hiện giao nhận khoán với cộng đồng dân cư trong các thông mục tiêu.**

Qua phỏng vấn với VQG Bidoup - Núi Bà / BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim đã phát hiện nhiều vấn đề với hoạt động tuần tra / theo dõi diễn biến rừng hiện tại của hợp đồng PFES. Ví dụ là khó khăn trong việc thu thập dữ liệu khách quan để đánh giá việc thực hiện hợp đồng, khó khăn để phát hiện sớm thay đổi mục đích sử dụng đất, v.v... Do đó, với các hoạt động thử nghiệm của Thỏa thuận QLHT đã được cải thiện (xem mục (1) (3) (4) (5) (6) tại 3-2-10) đã nỗ lực cải thiện hiệu quả và hiệu suất tuần tra PFES với cộng đồng các thông mục tiêu. Từ đó chủ rừng có thể kiểm chứng kết quả thực hiện hợp đồng PFES. (Xem mục 3-3-12 và 3-3-1(3)).

**Hoạt động 3-3-10 Tổ chức tập huấn lý thuyết và trên hiện trường về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học, quản lý cơ sở dữ liệu cho cán bộ của các tổ chức thành viên có liên quan.**

Các khóa tập huấn lý thuyết và trên hiện trường về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học, quản lý cơ sở dữ liệu như sau đã được tổ chức. Qua những đợt tập huấn kể trên, cán bộ của khu DTSQ Cát Bà và VQG Phong Nha Kẻ Bàng cũng tham gia tập huấn giám sát đa dạng sinh học và chia sẻ thông tin / tham quan hiện trường giám sát rừng bằng máy flycam. (Chi tiết tại hoạt động 3-3-1(1))

Mục	Mục tiêu	Ngày thực hiện	Số người tham gia
Tập huấn theo dõi diễn biến rừng	(PFMS) Cán bộ và kiểm lâm của VQG Bidoup - Núi Bà / BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim	Tập huấn lần 1: 19-21 tháng Chín 2016 Tập huấn lần 2: 26-28 tháng Mười 2016 Tập huấn lần 3: 20-22 tháng Ba 2017	Tập huấn lần 1: 26 Tập huấn lần 2: 26 Tập huấn lần 3: 25
	(Data logger / Quản lý cơ sở dữ liệu) Cán bộ và kiểm lâm của VQG Bidoup - Núi Bà / BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim	Tập huấn lần 1: 11-12 tháng Tư 2019 Tập huấn lần 2: 9-10 tháng Mười 2019 *đã bao gồm quản lý cơ sở dữ liệu qua Google Drive	Tập huấn lần 1: 25 Tập huấn lần 2: 34
Tập huấn sử dụng flycam để theo dõi rừng	Cán bộ văn phòng VQG Bidoup - Núi Bà / BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim	Tập huấn lần 1: 6,7,11,12,15 tháng Mười Hai, 2017 Tập huấn lần 2: 16-18 tháng Ba 2018 Tập huấn lần 3: 11-13 tháng Tư 2018 Tập huấn lần 4: 24-29,30 tháng Năm 2018 Kiểm tra đánh giá năng lực: 29 tháng Năm 2019 *Bên cạnh những khóa tập huấn kể trên vẫn tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật trên hiện trường sau khi bàn giao thiết bị.	Tập huấn lần 1: 7 Tập huấn lần 2: 7 Tập huấn lần 3: 12 Tập huấn lần 4: 6 Kiểm tra: 10
	Kiểm lâm của VQG Bidoup - Núi Bà / BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim	Tập huấn lần 1: 31 tháng Một - 2 tháng Hai 2018 Tập huấn lần 2: 20, 23, 24 tháng Tư 2018 Tập huấn lần 3: 8,9 tháng Mười Một 2018	Tập huấn lần 1: 38 Tập huấn lần 2: 17 Tập huấn lần 3: 19
Chia sẻ thông tin / thăm hiện trường các hoạt động giám sát	Cán bộ của sở NNPTNT tỉnh Lâm Đồng, quỹ PFES tỉnh Lâm Đồng	Chia sẻ thông tin: 30 tháng Ba 2018	8
	Cán bộ từ hai cơ quan kể trên, vườn quốc gia khác, và bộ TNMT (BCA)	Dự khán tập huấn: 11 tháng Tư 2018	45
	Cán bộ của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	Thăm thực tế và chia sẻ thông tin: 6-7 tháng Năm 2019	1

Mục	Mục tiêu	Ngày thực hiện	Số người tham gia
bằng flycam			
Tập huấn giám sát đa dạng sinh học	Kiểm lâm của VQG Bidoup - Núi Bà	Điều tra cơ bản: 19 tháng Bảy 2016 (Tập huấn lý thuyết) Điều tra cơ bản: tháng Bảy- tháng Tam 2016, tháng Mười Hai 2016 - tháng Một 2017, tháng Năm-tháng Sáu 2017 (Tập huấn trên hiện trường) Xây dựng ô định vị: tháng Năm 2018 (Tập huấn trên hiện trường) Xây dựng tuyến giám sát đa dạng sinh học: 7-13 tháng Sáu 2018 (Tập huấn trên hiện trường)	23
	Cán bộ văn phòng và kiểm lâm VQG Bidoup - Núi Bà / BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim, khu DTSQ Vịnh Hạ Long / Cát Bà/ công ty lâm nghiệp Đơn Dương, v.v...	Tập huấn trên hiện trường triển khai hệ thống giám sát đa dạng sinh học 24-30 tháng Chín 2018	29
Tập huấn cơ sở dữ liệu giám sát đa dạng sinh học	Cán bộ VQG Bidoup - Núi Bà, BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim, BQL Rừng Lâm Viên, v.v...	Tập huấn lần 1: 4 - 5 tháng Mười 2018 Tập huấn lần 2: 22-24 tháng Một 2019	Tập huấn lần 1: 11 Tập huấn lần 2: 4
Tập huấn nhập liệu lên NBDS	Cán bộ sở TNMT tỉnh Lâm Đồng, cán bộ VQG Bidoup - Núi Bà, BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim, các VQG khác, v.v....	10 tháng Tư 2018	40

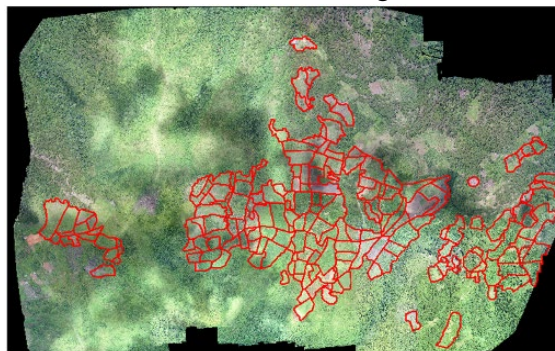
### **Hoạt động 3-3-11 Điều chỉnh cẩm nang hướng dẫn/ sổ tay thực hiện hiện có hoặc phát triển tài liệu mới cho những chủ đề mô tả tại mục 3-3-10.**

Đối với hoạt động giám sát đa dạng sinh học, đã hoàn thiện các bản thảo cẩm nang hướng dẫn cho cấp quản lý của VQG Bidoup - Núi Bà và sổ tay thực hiện cho kiểm lâm thu thập dữ liệu đa dạng sinh học trên thực địa, như xây dựng ở mục 3-3-6. Quá trình hoàn thiện được thực hiện qua thảo luận và phản hồi của BQL VQG Bidoup - Núi Bà thông qua các thành viên tham gia tập huấn như mục 3-3-10. Cẩm nang hướng dẫn thực hiện được xây dựng có nhiều nội dung như tổng quan về Hệ thống giám sát ĐDSH, phương pháp xây dựng tuyến và ô định vị, các loài chỉ báo theo thực vật / động vật / chim / lưỡng cư / côn trùng, phương pháp theo dõi và ghi âm trên hiện trường, phương pháp phân tích dữ liệu, quản lý / báo cáo dữ liệu, v.v... Mặt khác, sổ tay giám sát đa dạng sinh học dành cho kiểm lâm đem theo khi họ là người chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát sẽ tập trung vào phương pháp thu thập dữ liệu, xác định các loài chỉ thị, phương pháp lưu trữ dữ liệu, v.v... với đầy đủ hình ảnh và minh họa để hiểu nhất có thể.

Đối với theo dõi diễn biến rừng, cẩm nang hướng dẫn sử dụng flycam (Phantom 4 Pro) để theo dõi rừng (sau đây gọi là hệ thống theo dõi rừng bằng flycam) được dự thảo và hoàn thiện dựa theo phản hồi của các thành viên tham gia tập huấn như mục 3-3-10. Do đây là trường hợp đầu tiên ở Việt Nam sử dụng drone để theo dõi rừng, hoạt động này nhận được sự quan tâm lớn, không chỉ từ cơ quan đối ứng mà còn có các cơ quan ban ngành của chính phủ Việt Nam như sở NNPTNT / Quỹ PFES, VQG Phong Nha Kẻ Bàng là khu Di Sản Văn Hóa Thiên Nhiên Thế Giới, v.v... và từ yêu cầu của các đơn vị này, dự án đã chia sẻ những thông tin liên quan. Quỹ PFES tỉnh Lâm Đồng thông báo đã mua hai máy flycam bằng nguồn vốn tự có và VQG Phong Nha Kẻ Bàng cũng đã nộp đề xuất mua thiết bị bằng ngân sách của vườn. Cẩm nang hướng dẫn này sẽ rất hữu ích cho các đơn vị có liên quan nói trên. Ngoài ra, để đảm bảo cho một đơn vị cam kết triển khai hệ thống giám sát bằng flycam, dự án hỗ trợ xây dựng quy chế quản lý và vận hành, và quyết định ban hành quy chế được VQG Bidoup - Núi Bà, BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim ban hành.

### **Hoạt động 3-3-12 Thực hiện theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia với phương pháp đã điều chỉnh trong mục 3-3-9.**

Phương thức đã điều chỉnh đã nêu trong mục 3-3-9 đầu tiên được thực hiện khi thử nghiệm Thỏa thuận QLHT đã cải tiến, kết quả là đã xác nhận diện tích rừng đã được bảo tồn tốt trong hai vùng rừng PFES (tổng cộng 1.047 ha) trong vùng mục tiêu thử nghiệm. Ngoài ra, dự án thực hiện đánh giá có sự tham gia từng hình thức đã được triển khai trong người dân cộng đồng, UBND xã, kiểm lâm và những tổ chức liên quan khác đã tham gia trong các hoạt động thử nghiệm và rút ra các biện pháp được áp dụng rộng rãi và quan trọng để bảo tồn rừng. Dựa trên những kết quả trên, để phát triển / mở rộng các hoạt động, VQG Bidoup - Núi Bà thu thêm các hình ảnh từ flycam và xử lý dữ liệu tự thu thập được vượt ngoài 3.1000 ha diện tích rừng và chọn ba vùng rừng PFES (tổng cộng 1.377 ha) để triển khai tái tổ chức lại thành viên nhóm PFES, thực hiện các hình thức tuần tra rừng đã được cải thiện dựa trên tình hình sử dụng đất hiện tại, phòng kỹ thuật cập nhật dữ liệu bản đồ.



*Xác định hiện trạng đất nông nghiệp (người dân canh tác, diện tích, v.v...) trong VQG dựa trên hình ảnh chụp từ flycam và điều tra hiện trường.*

### **3-3-13 Sử dụng kết quả của rừng có sự tham gia giám sát để đánh giá và kiểm tra việc thực hiện hợp đồng PFES (hợp đồng PFES).**

Các dữ liệu thu được từ các hoạt động 3-3-12 được phòng kỹ thuật của VQG Bidoup - Núi Bà quản lý và sử dụng để đánh giá và xác minh khi chi trả hợp đồng PFES hàng quý. Đặc biệt, trước khi có sự hỗ trợ của dự án, mỗi trạm kiểm lâm chỉ nộp báo cáo và kiểm tra thực địa trong khu vực hạn chế dựa theo khoản chi trả. Nhưng hiện nay, kiểm lâm có thể sử dụng dữ liệu từ flycam, biểu mẫu báo cáo đã cải tiến khu tuần tra, v.v... để hỗ trợ hoạt động.

#### **Vấn đề và Thách thức**

- Ban thư ký khu DTSQ TG Lang Biang đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo tồn/phát triển bền vững khu DTSQ TG Lang Biang. Cán bộ của ban thư ký hiện nay đang kiêm nhiệm nhiệm vụ của ban và là cán bộ của VQG Bidoup – Núi Bà. Ban thư ký có nhiệm vụ thực hiện các công việc quan trọng, liên quan đến khu DTSQ, ví dụ tổ chức các phiên họp của BQL, phát triển/ thực hiện/giám sát KHHĐ hàng năm của KHQL, phát triển/ thực hiện Thỏa thuận QLHT/cơ chế chia sẻ lợi ích và chuẩn bị/tổ chức diễn đàn QLHT. Đây là những việc không thể chỉ do một cán bộ thực hiện. Và việc phát triển cơ chế chia sẻ lợi ích/diễn đàn QLHT đòi hỏi kiến thức nông nghiệp và kinh nghiệm cải thiện sinh kế. Do đó, với vai trò của ban thư ký không thể do cán bộ có chuyên môn về lâm nghiệp/quản lý vườn quốc gia, không có kiến thức, kinh nghiệm về cải thiện sinh kế/nông nghiệp thực hiện. Do vậy, một cán bộ cố định (bổ sung) với kiến thức về phát triển nông nghiệp và sinh kế cần được bố trí cho ban thư ký.
- Tầm quan trọng và hiệu quả của các hoạt động hợp tác dựa trên Thỏa thuận QLHT và Diễn đàn QLHT đã được hiểu và công nhận ở mức độ nhất định giữa các cơ quan ban ngành cấp tỉnh có liên quan, tuy nhiên, xét đến việc quản lý phân chia theo chiều dọc, UBND tỉnh / UBND tỉnh nên khuyến khích sự hợp tác giữa các tổ chức cấp tỉnh về các vấn đề địa phương
- Việc áp dụng rộng rãi thỏa thuận QLHT đã nâng cấp trong khu DTSQ TG Lang Biang đòi hỏi phải mang đến các lợi ích hiệu quả cho người dân tham gia Thỏa thuận QLHT. Việc tăng cường năng lực liên kết của BQL khu DTSQ và mở rộng năng lực kỹ thuật của các tổ chức có liên quan là rất quan trọng để tiến hành bền vững các hoạt động, như phát triển các mô hình sản xuất cây trồng có lợi và xúc tiến bán hàng thông qua thiết lập chuỗi cung ứng sản phẩm.
- Giám sát rừng và đa dạng sinh học bền vững và hiệu quả đòi hỏi nâng cao nhận thức, phát triển năng lực cho những người thực hiện (chủ rừng và cán bộ, bao gồm cả kiểm lâm) cũng như những hỗ trợ khác, bao gồm cả việc phân bổ ngân sách liên quan của chính phủ / chính quyền cấp tỉnh.



**(4) Hợp phần 4**

Mục tiêu hợp phần	Kiến thức và bài học kinh nghiệm của Hợp phần 1 đến 3 được tổng hợp, chia sẻ với các bên liên quan cấp quốc gia và quốc tế.
Đầu ra	4-1 Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS). 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế. 4-3 Các kết quả của Dự án được chia sẻ rộng rãi.
Chỉ số xác minh khách quan	1. Dữ liệu/thông tin về tài nguyên rừng được thu thập bằng hệ thống TDDBR của dự án được sử dụng trong theo dõi diễn biến rừng chính thức. 2. Phương pháp và cách tiếp cận của Dự án được sử dụng trong các dự án/sáng kiến khác. 3. Các hoạt động của dự án được chia sẻ trên các phương tiện truyền thông.
Phương tiện xác minh	1. Quyết định của Bộ NN&PTNT về công bố hiện trạng rừng 2. Báo cáo của các dự án/sáng kiến khác 3. Báo cáo của dự án
Tóm tắt kết quả	Tất cả các hoạt động lập kế hoạch đã được hoàn thành.

**Hoạt động 4-1 Tham mưu liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng từ Dự án vào Hệ thống FORMIS.**

Chỉ số	Thành quả
1. Số liệu/thông tin về tài nguyên rừng được thu thập và báo cáo bởi Hệ thống TDDBR cấp tỉnh được sử dụng trong thống kê độ che phủ rừng chính thức.	- Ứng dụng máy tính bảng vào TDDBR đã được nêu rõ trong Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT  - Dữ liệu diễn biến rừng được thu thập và báo cáo bằng Ứng dụng di động được tích hợp vào Hệ thống FORMIS.

**Hoạt động 4-1-1 Tham mưu xác định các dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng của Dự án để liên kết và/hoặc tích hợp vào Hệ thống FORMIS.**

Dự án FORMIS II và Dự án SNRM đã đạt được thỏa thuận rằng các dữ liệu thu thập được từ Hệ thống TDDBR cấp tỉnh là phù hợp để tích hợp vào Hệ thống FORMIS.

**Hoạt động 4-1-2 Tham mưu liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Hoạt động 4-1-1 vào Hệ thống FORMIS.**

Dữ liệu theo dõi diễn biến rừng được thu thập bằng Ứng dụng di động trên máy tính bảng đã được tích hợp thành công vào Hệ thống FORMIS. Các tham số, chỉ số theo dõi diễn biến rừng đã được thống nhất giữa CSDL Hệ thống TDDBR (FRMS Database), Phần mềm cập nhật diễn biến rừng (FRMS Desktop) và Ứng dụng di động (FRMS Mobile). Dữ liệu thực địa được thu thập và báo cáo bằng Ứng dụng di động được sử dụng làm đầu vào để cập nhật vào CSDL, được lưu trữ trên máy chủ Hệ thống và được sử dụng làm báo cáo diễn biến rừng hàng năm.

**Hoạt động 4-2: Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.**

Chỉ số	Kết quả đạt được
2. Phương pháp và cách tiếp cận của Dự án được sử dụng trong các dự án/sáng kiến khác	- Phương pháp, kết quả thực hiện phát triển sinh kế và quản lý rừng của Hợp phần 2 và 3 được các nhà

	tài trợ khác như KfW và SNV áp dụng.  - Hệ thống TDDBR được các nhà tài trợ/dự án khác như FCPF, UN-REDD và VFD ứng dụng.
--	---

**Hoạt động 4-2-1: Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.**

**Hoạt động 4-2-2: Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.**

**Hoạt động 4-2-3: Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.**

Kết quả và bài học kinh nghiệm của SNRM được chia sẻ với các bên liên quan thông qua hội thảo và các cuộc họp. Ngoài ra, SNRM đã sử dụng website của JICA và Ban quản lý các dự án lâm nghiệp cũng như các kênh truyền thông, báo đài, truyền hình để chia sẻ rộng rãi thông tin về dự án.

SNRM cũng đã xây dựng tài liệu giới thiệu thành quả của Dự án và chia sẻ với các bên liên quan cấp trung ương, địa phương và các nhà tài trợ khác.

Ngoài ra, các hoạt động của SNRM cũng được chia sẻ ở phạm vi quốc tế thông qua các sự kiện bên lề tại các Hội nghị các bên của UNFCCC và UNCBD.

**Hoạt động 4-3: Các kết quả của Dự án được chia sẻ rộng rãi.**

Chỉ số	Kết quả đạt được
3. Các hoạt động của dự án được chia sẻ trên các phương tiện truyền thông.	Các hoạt động và thành quả của SNRM được chia sẻ rộng rãi thông qua các kênh truyền hình, báo đài, v.v.

**Hoạt động 4-3-1: Tổng hợp các kết quả của Dự án.**

**Hoạt động 4-3-2: Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.**

**Hoạt động 4-3-3: Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.**

SNRM chủ động áp dụng nhiều hình thức truyền thông khác nhau, bao gồm:

- Xây dựng tờ rơi, ấn phẩm giới thiệu dự án
- Xuất bản cuốn sách ảnh giới thiệu văn hóa và tính đa dạng sinh học tại khu DTSQ Lang-Biang
- Xây dựng phóng sự về SNRM để phát trên các kênh truyền hình của Nhật Bản và Việt Nam.
- Chia sẻ thông tin về dự án thông qua website của JICA, Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, v.v.

## Các tồn tại và thách thức

### Tích hợp dữ liệu diễn biến rừng vào Hệ thống FORMIS

Như đã đề cập trong phần thách thức của hợp phần 1, các hoạt động của Hệ thống TDDBR phụ thuộc vào nền Hệ thống Thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp (FORMIS) do Chính phủ Phần lan tài trợ và đang được quản lý, vận hành bởi TCLN. Để hệ thống vận hành tốt thì phần máy chủ vật lý phải được bảo trì tốt. Rất khó để có thể nêu rõ rằng hệ thống máy chủ hoàn toàn được bảo mật và vận hành ổn định, do máy chủ vật lý và các phần cứng liên quan được quản trị bởi các cán bộ của TCLN, mặc dù việc bảo trì nên được thực hiện bởi chuyên gia về CNTT thuê ngoài. Cần tiếp tục xem xét đến khả năng về việc đảm bảo một nguồn tài chính cần thiết để thuê khoán từ bên ngoài các hạng mục về quản trị và bảo trì phần cứng máy chủ.

## 2-2 Mục đích và Chỉ số Dự án (Giá trị mục tiêu và giá trị thực tế đạt được khi hoàn thành)

Việc đạt được các chỉ số của Mục đích Dự án trong Dự án được tóm tắt dưới đây dựa trên báo cáo đánh giá cuối cùng.

### Mục đích dự án: Năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được nâng cao.

Dự án đã rất thành công trong việc nâng cao năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và đã đáp ứng hầu hết các chỉ số của mục đích Dự án. Một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý tài nguyên thiên nhiên được xây dựng, góp phần tăng cường khung pháp lý trong lĩnh vực lâm nghiệp. Những thành tựu đáng chú ý của Dự án bao gồm việc thể chế hóa Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh với việc sử dụng máy tính bảng, các biện pháp hiệu quả được thực hiện ở cấp hiện trường và nhân rộng biện pháp này trong các lĩnh vực khác. Hơn nữa, Dự án đã nâng cao năng lực quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững của cấp tỉnh, đặc biệt ở các tỉnh mục tiêu là Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình và Lâm Đồng. Tại các tỉnh này, Dự án đã tiếp thu và nâng cấp các kết quả đạt được thông qua các dự án hợp tác kỹ thuật của JICA trước đây. Sau đó, nó đã nỗ lực đáng kể để thể chế hóa các khuôn khổ theo đuổi quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên, cân bằng giữa bảo tồn rừng và đa dạng sinh học với việc khuyến khích cộng đồng/người dân bản tham gia vào các hoạt động bảo vệ.

Các chỉ số xác minh khách quan	Mức độ đạt được
<p>1. Khung chính sách và pháp luật do Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững xây dựng/cập nhật đã được Chính phủ phê duyệt chính thức.</p>	<p>Các chính sách và luật pháp sau đây về quản lý tài nguyên thiên nhiên mà Dự án hỗ trợ điều chỉnh, đã được chính thức phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2017.</li> <li>• Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</li> <li>• Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định về điều tra, kiểm kê rừng và theo dõi chuyển đổi rừng.</li> <li>• Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về danh mục loài cây lâm nghiệp chính, công nhận giống, nguồn gốc giống và quản lý vật tư giống cây lâm nghiệp chính.</li> </ul>
<p>2. Dự án đã đạt được mục tiêu mà Chương trình Hành động REDD+ quốc gia đề ra.</p>	<p>Chương trình hành động REDD+ quốc gia và nhiều sáng kiến quản lý rừng khác nhau đã được thực hiện trên toàn quốc để đạt được các mục tiêu. Mặt khác, do những nỗ lực của Dự án còn hạn chế và Bộ NN&amp;PTNT hiện đang rà soát việc hoàn thành các mục tiêu giai đoạn 2017-2020, nên việc xem xét đóng góp và thành tích của Dự án trong chỉ số 2 là không phù hợp, nhưng các kết quả đạt được của mỗi chương trình mục tiêu quốc gia được mô tả dưới đây.</p> <p><b>a) Góp phần giảm phát thải khí nhà kính thông qua các hoạt động REDD+; nâng độ che phủ của rừng lên 42% và đạt 14,4 triệu ha rừng vào năm 2020</b></p> <p><b>Góp phần giảm phát thải khí nhà kính thông qua các hoạt động REDD+</b>  “Báo cáo tính toán mức độ quốc gia về giảm thiểu và tăng cường khả năng xóa bỏ phát thải từ các hoạt động REDD+ trong giai đoạn 2014-2018 (lưu ý: vẫn đang được sửa đổi)” do Bộ NN &amp; PTNT chuẩn bị giải thích rằng lượng phát thải hàng năm trong giai đoạn 2010-2018 là 38,301 triệu tấn CO<sub>2</sub>, trong khi lượng phát thải hàng năm trong giai đoạn tham chiếu là 59,961 triệu tấn CO<sub>2</sub>. Như vậy, mức giảm phát thải hàng năm trong giai đoạn 2010-2018 là 21,660 triệu tấn CO<sub>2</sub>. Cần lưu ý rằng đây là những con số tạm tính và có thể sẽ thay đổi trong tương lai.</p> <p><b>Nâng độ che phủ rừng lên 42% và đạt 14,4 triệu ha rừng vào năm 2020</b></p>

Theo số liệu thống kê về độ che phủ rừng của Bộ NN & PTNT, diện tích rừng và độ che phủ rừng của Việt Nam tăng dần qua từng năm và đạt mục tiêu 14,4 triệu ha rừng vào năm 2018.

***b) Đáp ứng yêu cầu sẵn sàng thực hiện REDD+, đảm bảo có khả năng tiếp cận các nguồn tài chính để chi trả dựa trên kết quả theo yêu cầu quốc tế.***

***- Như đã trình bày trước đó, phối hợp với các nhà tài trợ khác nhau, một dự thảo lộ trình quốc gia để Việt Nam áp dụng Chương trình thí điểm chi trả dựa trên kết quả REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh (GCF) đã được xây dựng (kể từ tháng 6 năm 2020, Phiên bản 9 đã được chuẩn bị) tháng 6 năm 2020, báo cáo MRV đã được chuẩn bị và đã được xây dựng để đệ trình lên UNFCCC. Một ghi chú về khái niệm chi trả dựa trên kết quả cho GCF cũng đã được xây dựng và sẽ được đệ trình lên UNFCCC thông qua JICA với tư cách là Đơn vị đồng soạn thảo, dự thảo đề xuất về chương trình thí điểm chi trả dựa trên kết quả thực hiện REDD+ đang được xây dựng.***

***- Về khía cạnh này, Việt Nam đã hoàn thành giai đoạn sẵn sàng thực hiện REDD+ và đang chuyển sang giai đoạn tiếp theo, “Giai đoạn 3 - Chi trả dựa trên kết quả”. Đến nay, Việt Nam đã hoàn thành yêu cầu sẵn sàng thực hiện REDD+, bao gồm việc xây dựng chiến lược quốc gia REDD+, FREL/FRL, hệ thống giám sát rừng/NRV, và hệ thống thông tin bảo vệ.***

***c) Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng để tăng trữ lượng các-bon và dịch vụ môi trường rừng; nhân rộng các mô hình trồng rừng hiệu quả; và quản lý, bảo vệ và bảo tồn rừng tự nhiên bền vững.***

- Như đã giải thích trước đó, rất khó để đánh giá mức độ mà SNRM đã đóng góp để đạt được chỉ số này. Về mặt này, phần này chỉ đề cập đến dữ liệu hoạt động cho giai đoạn 2010-2018 ở khu vực Tây Bắc Việt Nam (lưu ý: vì không có cùng loại dữ liệu cho các xã mục tiêu hoặc thậm chí cho bốn tỉnh mục tiêu, nên tham khảo là được thực hiện ở đây để dữ liệu cho khu vực phía tây bắc) và xem xét những thay đổi của rừng trong các khu rừng thường xanh để đơn giản hóa việc kiểm tra. Diện tích rừng được cải thiện là 10.532 ha, diện tích rừng bị suy giảm chất lượng là 30.293 ha. Như vậy, giữa các loại rừng, nhiều khả năng chất lượng rừng dựa trên các loại rừng đã bị suy giảm ở vùng Tây Bắc. Tuy nhiên, cần tham khảo đánh giá chính thức của Bộ NN & PTNT, đánh giá sẽ được ban hành.

- Thông qua việc thực hiện Dự án, các mô hình hoạt động hiệu quả liên quan đến REDD+ đã được nhân rộng như mô tả trong Hợp phần 2 và BQLDA cấp tỉnh cho thấy ý định nhân rộng các mô hình này ở các xã và huyện khác.

- Văn phòng Ban Chỉ đạo Nhà nước về Chương trình mục tiêu Phát triển rừng bền vững giai đoạn 2016-2020 và Thực hiện REDD+ (SSCO)/Tổng cục Lâm nghiệp đề cập rằng công tác quản lý, bảo vệ và bảo tồn rừng ở Việt Nam đã được cải thiện; mặt khác, những điều này không bền vững vì chi trả dựa trên kết quả REDD+ chỉ được thí điểm ở quy mô nhỏ trong thời gian ngắn.

***d) Góp phần cải thiện quản trị rừng, tạo việc làm, cải thiện đời sống của người dân gắn với Chương trình nông thôn mới và đảm bảo an ninh quốc phòng.***

- SSCO/Tổng cục Lâm nghiệp mô tả rằng chương trình REDD+ được thực hiện tại Việt Nam đã cải thiện quản trị rừng bằng cách chuyển trọng tâm từ tăng độ che phủ rừng sang cải thiện chất lượng rừng, tìm kiếm cơ hội cho một cơ chế tài chính mới bao gồm chi trả dựa trên kết quả để lưu trữ CO2 và giảm phá rừng và suy thoái rừng. Hơn nữa, phối hợp với nhiều nhà tài

	<p>trợ khác nhau, Việt Nam đã nỗ lực cải thiện quản trị rừng, bao gồm cả việc tăng cường khung chính sách/thể chế pháp lý và quy định, thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan và tính minh bạch của việc ra quyết định.</p> <p>- Các vấn đề nâng cao đời sống của người dân gắn với Chương trình Nông thôn mới và đảm bảo an ninh quốc phòng nằm ngoài phạm vi của Dự án QLTNTNBV. Do đó, rất khó để xem xét mối liên hệ với các tác động của Dự án QLTNTNBV và chương trình của nó. BQL các dự án lâm nghiệp đã ghi nhận sự đóng góp từ QLTNTNBV, vì dự án đã giúp tạo ra nhiều việc làm hơn. Thu nhập của khoảng 9.000 hộ gia đình đã được cải thiện thông qua 32 hoạt động phát triển sinh kế, và chất lượng cuộc sống của họ được cải thiện thông qua việc tăng thu nhập.</p>
<p>3. Một bản đồ lộ trình để quản lý bền vững rừng và đa dạng sinh học của Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang được đề xuất được đưa ra để mở rộng hơn nữa cùng với thỏa thuận quản lý hợp tác được cập nhật với Cơ chế Chia sẻ Lợi ích.</p>	<p>Dự thảo văn bản chính sách chuẩn bị cho việc thực hiện bền vững các hoạt động thỏa thuận quản lý hợp tác/BSM cải tiến trong LB-BR, bao gồm các hướng dẫn liên quan, dự kiến sẽ được đề xuất cho cuộc họp BQL Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang lần thứ 9 để thông qua khi kết thúc giai đoạn Dự án.</p>
<p>4. Kết quả tạo ra và dữ liệu do Dự án thu thập được chia sẻ và sử dụng bởi Bộ NN &amp; PTNT và các cơ quan liên quan khác bao gồm Bộ TNMT để tăng cường quản lý bền vững rừng và đa dạng sinh học.</p>	<p>- Hàng năm, Bộ NN&amp;PTNT ban hành Thống kê độ che phủ rừng quốc gia sử dụng dữ liệu giám sát rừng được thu thập thông qua Hệ thống giám sát tài nguyên rừng cấp tỉnh sử dụng máy tính bảng.</p> <p>- Cục Bảo tồn Đa dạng Sinh học, Bộ TN&amp;MT đã sử dụng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia để lập “Báo cáo quốc gia lần thứ sáu (2014-2018) cho Công ước của Liên hợp quốc về Đa dạng sinh học,” và đệ trình lên Ban Thư ký Công ước Đa dạng sinh học quốc tế 5 năm một lần. Do đó, cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia sẽ liên tục được sử dụng để lập báo cáo. Ngoài ra, Cục Bảo tồn Đa dạng Sinh học đã sử dụng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia để lập báo cáo về lộ trình tham gia Quỹ Thông tin Đa dạng Sinh học Toàn cầu.</p>

### 3. Những lần điều chỉnh Ma trận thiết kế dự án

Phiên bản 5 hiện tại của Ma trận thiết kế dự án đã đạt được thông qua các bản sửa đổi được thực hiện năm lần kể từ phiên bản 0, được đính kèm với nội dung rà soát và phát triển. Những thay đổi được thực hiện trong mỗi bản sửa đổi được hiển thị bên dưới.

#### Điều chỉnh Ma trận thiết kế dự án lần 1 (ngày 19 tháng 2 năm 2016)

Sau sáu tháng trôi qua kể từ khi Dự án được bắt đầu và chuẩn bị cho hoạt động toàn diện, Ma trận thiết kế dự án đã được rà soát lại cẩn thận dựa trên tình hình hiện tại. Những thay đổi chính như sau.

Phiên bản 0	Phiên bản 1	Lý do điều chỉnh
<b>Hợp phần 1</b>		
	<p>1-1-5 Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho việc xây dựng Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm thuộc FCPF dưới sự phối hợp với FCPF.</p> <p>1-1-5-1 Hỗ trợ xây dựng KHHĐ REDD+ của tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm trong khuôn khổ FCPF.</p>	[Bổ sung] Các hoạt động mới đã được thêm vào mà không được lên kế hoạch tại thời điểm R/D đã được thống nhất.
1-2-1 Hỗ trợ Bộ TNMT trong việc vận hành Hệ thống Đa dạng Sinh học Quốc gia	<p>1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị các ấn phẩm và sách hướng dẫn liên quan đến Hệ thống Đa dạng Sinh học Quốc gia.</p> <p>1-2-1-2 Hỗ trợ liên kết Hệ thống Đa dạng Sinh học Quốc gia với Quỹ Thông tin Đa dạng Sinh học Toàn cầu</p>	[Sàng lọc và bổ sung] Nội dung hỗ trợ cho Hệ thống Đa dạng Sinh học Quốc gia đã được tinh chỉnh và hỗ trợ liên quan đến Quỹ Thông tin Đa dạng Sinh học Toàn cầu đã được thêm vào là những hoạt động mới.
1-2-2 Hỗ trợ các tỉnh có liên quan trong việc tích lũy dữ liệu về đa dạng sinh học	1-2-2-1 Hỗ trợ tổ chức các hội thảo đào tạo để thúc đẩy tích lũy dữ liệu trong Hệ thống Đa dạng Sinh học Quốc gia.	[Sàng lọc và bổ sung] Nội dung hỗ trợ cho Hệ thống Đa dạng Sinh học Quốc gia đã được tinh chỉnh.
<b>Hợp phần 2</b>		
Các chỉ số xác minh khách quan (Đầu ra 2-2)  3. Đến tháng thứ 24 của Dự án, KHHĐ REDD+ ở ba (3) tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được UBND tỉnh hoàn thiện và phê duyệt.	Các chỉ số xác minh khách quan (Đầu ra 2-2)  3. Đến tháng thứ 30 của Dự án, KHHĐ REDD+ ở ba (3) tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được UBND tỉnh hoàn thiện và phê duyệt.	[Bản sửa đổi một phần] Một bản sửa đổi đã được thực hiện đối với số tháng cần thiết cho nhiệm vụ này phù hợp với ngày bắt đầu thực tế của Dự án.

Phiên bản 0	Phiên bản 1	Lý do điều chỉnh
-	<p>2-1-5 Kế hoạch hành động REDD + cấp tỉnh</p> <p>2-1-5-1 Hoạt động 2-1-2-1 Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác bao gồm phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi, và kết quả tham vấn với các bên tham gia.</p> <p>2-1-5-2 Trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p>	<p>[Sàng lọc và bổ sung] Do cần sửa đổi KHHĐ REDD+ tỉnh Điện Biên, các hoạt động liên quan đến sửa đổi PRAP đã được mô tả chi tiết.</p>
<b>Hợp phần 3</b>		
<p>Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần)</p> <p>1. Hơn (ít nhất) xx người dân sống trong vùng lõi và vùng đệm của Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang đề xuất có thể quản lý các hệ sinh thái rừng theo Thỏa thuận Quản lý Hợp tác được trao đổi giữa các cộng đồng, UBND xã liên quan, Ban Quản lý vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà và Ban Quản lý Rừng Phòng hộ Đầu nguồn Đa Nhim (trong vùng đệm)</p>	<p>Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần)</p> <p>1. Việc tích hợp Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh, do Dự án phát triển, vào FORMIS đã chính thức được phê duyệt.</p>	<p>[Sàng lọc một phần] Để xác định việc sử dụng DVMTR.</p>
-	<p>3-0-4 Chuẩn bị điều khoản tham chiếu của các công việc được giao cho tư vấn trong nước.</p>	<p>[Bổ sung] Hoạt động mới đã được thêm vào dựa trên kế hoạch làm việc.</p>
-	<p>3-2-2 Tiến hành một cuộc khảo sát hồ sơ thôn ở các bản mục tiêu bao gồm cả nghiên cứu về điều kiện tài chính.</p>	<p>[Bổ sung] Hoạt động mới đã được thêm vào dựa trên kế hoạch làm việc.</p>
-	<p>3-2-6-2 Xem xét và đề xuất một dịch vụ tài chính liên quan đến chi trả DVMTR.</p>	<p>[Bổ sung] Hoạt động mới đã được thêm vào dựa trên kế hoạch làm việc.</p>

Phiên bản 0	Phiên bản 1	Lý do điều chỉnh
-	3-2-7 Xây dựng kế hoạch thực hiện về phương án PTSK bền vững thân thiện với môi trường, Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng và Quản lý hợp tác.	[Bổ sung] Hoạt động mới đã được thêm vào dựa trên kế hoạch làm việc.

### Điều chỉnh Ma trận thiết kế dự án lần 2 (ngày 1 tháng 1 năm 2017)

Đã một năm rưỡi trôi qua kể từ khi bắt đầu Dự án, các nội dung đã được kiểm tra kỹ lưỡng và sửa đổi dựa trên tình hình hiện tại. Những thay đổi chính như sau. Phiên bản này đã được thông qua tại cuộc họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Dự án.

Phiên bản 1	Phiên bản 2	Lý do sửa đổi
Hợp phần 1		
Đầu ra 1-2  Việc sử dụng (các) hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến đa dạng sinh học, chẳng hạn như Hệ thống thông tin quản lý rừng (FORMIS) và Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia được tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan.	Đầu ra 1-2  Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia được tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan.	[Đã xóa] Vì nhận thấy rằng FORMIS không bao gồm dữ liệu đa dạng sinh học, một phần của nhiệm vụ này đã bị xóa.
Các chỉ số xác minh khách quan  2. Các hướng dẫn về sản xuất và cung ứng giống/cây giống chất lượng và sản xuất gỗ chất lượng cao được xây dựng.	Các chỉ số xác minh khách quan  2. Các hướng dẫn/văn bản pháp lý về sản xuất và cung ứng giống/cây giống chất lượng và sản xuất gỗ chất lượng cao được xây dựng.	[Bản sửa đổi] Đổi với các sản phẩm làm chỉ số, không chỉ các hướng dẫn mà còn bao gồm các văn bản pháp lý.
Các chỉ số xác minh khách quan  -	Các chỉ số xác minh khách quan  3. Đã ban hành văn bản pháp lý tiêu chuẩn hóa Hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh ở cấp quốc gia.	[Bổ sung] Một chỉ số về tiêu chuẩn hóa PFMS ở cấp quốc gia đã được thêm vào.
Phương tiện xác minh  -	Phương tiện xác minh  3. Một chỉ số về tiêu chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh ở cấp quốc gia đã được thêm vào.	Giống như trên



<b>Phiên bản 1</b>	<b>Phiên bản 2</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
-	1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm dưới sự phối hợp với các nhà tài trợ khác.	[Bổ sung] Liên quan đến việc nhân rộng Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh đến các tỉnh khác, các hoạt động đã được bổ sung nhằm mục đích nhân rộng không nằm trong Kế hoạch BVPTR.
1-2-2 Hỗ trợ các tỉnh có liên quan trong việc tích lũy dữ liệu về đa dạng sinh học	1-2-2 Hỗ trợ các tỉnh có liên quan trong việc tích lũy dữ liệu về đa dạng sinh học	[Bản sửa đổi] Việc sửa đổi này được thực hiện vì không chỉ Bộ (Sở TNMT) mà các ban quản lý khu bảo tồn (ví dụ như vườn quốc gia) và các viện nghiên cứu đều đóng vai trò quan trọng trong việc thu thập dữ liệu đa dạng sinh học.
<b>Hợp phần 2</b>		
Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần) -	Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần)  1. Tại các xã thí điểm ở bốn (4) tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), thay đổi rừng thuần trong giai đoạn 2015-2020 tăng lên so với thay đổi rừng thuần bình quân trong giai đoạn 2010-2015. .  2. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được quy hoạch khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.	[Bản sửa đổi] Chỉ số 1 được thay đổi từ "khu vực thí điểm" thành "xã thí điểm" để chuẩn hóa ký hiệu. Chỉ số 2, có thể được đo lường đơn giản hơn Chỉ số 1, đã được thêm vào.
Phương tiện xác minh (Mục tiêu của hợp phần) -	Phương tiện xác minh (Mục tiêu của hợp phần)  Báo cáo giám sát Dự án	[Bổ sung] Phương tiện xác minh đã được xác định.
Phương tiện xác minh (Kết quả 2-1 và 2-2)  2. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh được phổ biến đến khu vực không phải là khu vực thí điểm của Dự án.	Phương tiện xác minh (Kết quả 2-1 và 2-2)  4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh được nhân rộng ở tất cả các xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này được sử dụng tại 50% các xã có	[Sàng lọc] Được sửa đổi và bổ sung như một chỉ số để làm rõ thành tích hỗ trợ của PFMS cho bốn tỉnh Tây Bắc.

Phiên bản 1	Phiên bản 2	Lý do sửa đổi
	rừng mục tiêu thuộc phạm vi của KHHĐ REDD+.	
<p>Phương tiện xác minh (Kết quả 2-1 và 2-2)</p> <p>3. Đến tháng thứ 30 của Dự án, KHHĐ REDD+ ở ba (3) tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được UBND tỉnh hoàn thiện và phê duyệt.</p>	<p>Phương tiện xác minh (Kết quả 2-1 và 2-2)</p> <p>1. Đến tháng thứ 24 của Dự án, KHHĐ REDD+ ở ba (3) tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được UBND tỉnh hoàn thiện và phê duyệt.</p>	<p>[Đã sửa lại]</p> <p>Kết quả của các cuộc thảo luận với BQL các dự án lâm nghiệp và các chuyên gia dài hạn, một đề xuất đã được đưa ra là tiến hành một giai đoạn ngắn hơn để phát triển PRAP và chỉ số này đã được sửa đổi để phù hợp với giai đoạn sửa đổi.</p>
<p>Phương tiện xác minh (Kết quả 2-1 và 2-2)</p> <p>-</p>	<p>Phương tiện xác minh (Kết quả 2-1 và 2-2)</p> <p>2. Đến cuối năm 2016, kế hoạch hoạt động thí điểm của các xã thí điểm được lựa chọn của bốn (4) tỉnh được UBND xã phê duyệt.</p> <p>3. Khi kết thúc Dự án, hơn 90% các hoạt động thí điểm đã được triển khai nằm trong kế hoạch đã được UBND xã phê duyệt tiếp tục được thực hiện tại các xã thí điểm.</p>	<p>[Sàng lọc và bổ sung]</p> <p>Các chỉ số cho các hoạt động thí điểm REDD+ đã được làm rõ chi tiết.</p>
<p>2-1-2-12; 2-2-3-12</p> <p>Giám sát các hoạt động quản lý rừng và cải thiện sinh kế thôn bản của cán bộ kiểm lâm/cán bộ ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông.</p>	<p>2-1-3-12</p> <p>Hoạt động 2-2-4-12 Thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản</p>	<p>[Bản sửa đổi một phần]</p> <p>Mô tả của người thực hiện giám sát đã được thay đổi để ngắn gọn hơn.</p>
<p>2-1-2-13; 2-2-3-13</p> <p>Hỗ trợ dân làng cải thiện khả năng tiếp cận tài chính.</p>	<p>-</p>	<p>[Đã xóa]</p> <p>Dự án phải tập trung vào việc hỗ trợ thực hiện các hoạt động quản lý rừng và các hoạt động cải thiện sinh kế trong thời gian hạn chế của dự án.</p>

<b>Phiên bản 1</b>	<b>Phiên bản 2</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
2-2-5-14 Trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	2-2-3-14 Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.	[Sàng lọc] Để làm rõ việc hỗ trợ phê duyệt KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.
<b>Hợp phần 3</b>		
Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần)  1. Việc tích hợp Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh, do Dự án phát triển, vào FORMIS đã chính thức được phê duyệt. 2. Dữ liệu giám sát đa dạng sinh học cho thấy tình trạng sinh thái của Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang là ổn định	Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần)  1. Dữ liệu thu được thông qua Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh liên tục được sử dụng để quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang. 2. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển liên tục được sử dụng để giám sát tình trạng sinh thái của Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang.	[Bản sửa đổi] 1. Tích hợp Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh vào FORMIS không phải là nhiệm vụ của Hợp phần 3. 2. Rất khó để khẳng định hệ sinh thái của Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang có ổn định hay không với các dữ liệu đa dạng sinh học thu được trong thời gian hạn chế của Dự án và cần có các hoạt động giám sát liên tục trong tương lai.
3-2-5 Xây dựng chiến lược tiếp thị (bao gồm cả nhãn của MAB) cho các sản phẩm địa phương ở Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang.	3-2-5 Phát triển và thực hiện thử nghiệm chiến lược tiếp thị (bao gồm nhãn hiệu của MAB) cho các sản phẩm địa phương ở Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang	[Bổ sung] Quyết định được thực hiện để thêm các hoạt động liên quan đến chiến lược tiếp thị.
3-2-9 Nhận được sự chấp thuận của UBND tỉnh về hướng dẫn thí điểm Thỏa thuận Hợp tác/Cơ chế chia sẻ lợi ích.	3-2-9 Nhận được sự chấp thuận của BQL Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang đối với các hướng dẫn về thí điểm Thỏa thuận Hợp tác/Cơ chế chia sẻ lợi ích.	[Bản sửa đổi một phần] Một bản sửa đổi đã được thực hiện để quá trình phê duyệt của chính phủ là phù hợp.

<b>Phiên bản 1</b>	<b>Phiên bản 2</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
<p>3-3-4 Điều tra cơ bản đa dạng sinh học và thu thập số liệu về động, thực vật, đặc biệt là các loài đặc hữu và bị đe dọa trong vùng lõi.</p> <p>3-3-5 Phân tích dữ liệu thu thập được từ các cuộc điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và môi trường sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học trong vùng lõi.</p>	<p>3-3-4 Điều tra cơ bản đa dạng sinh học và thu thập số liệu về động, thực vật, đặc biệt là các loài đặc hữu và bị đe dọa trong vùng lõi Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang.</p> <p>3-3-5 Phân tích dữ liệu thu thập được từ các cuộc điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và môi trường sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học trong vùng lõi Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang.</p>	<p>[Bản sửa đổi một phần] Vùng đệm của Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang chứa một phần của Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà, nơi tồn tại các loài động vật và thực vật có giá trị, vì vậy chúng tôi đã đưa ra quyết định đưa nó vào khảo sát.</p>
<b>Hợp phần 4</b>		
<p>Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần)</p> <p>1. Việc tích hợp Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh, do Dự án phát triển, vào FORMIS đã chính thức được phê duyệt.</p>	<p>Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần)</p> <p>1. Dữ liệu/thông tin tài nguyên rừng do Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh thu thập được sử dụng để thông kê độ che phủ rừng chính thức.</p>	<p>[Sàng lọc] Để làm rõ thành tích của các hoạt động một cách cụ thể và chính xác hơn.</p>
<p>Phương tiện xác minh (Đầu ra 4-1)</p> <p>Báo cáo FORMIS</p>	<p>Phương tiện xác minh (Đầu ra 4-1)</p> <p>Quyết định của Bộ NN&amp;PTNT về thông kê độ che phủ rừng</p>	<p>[Sàng lọc] Phương tiện xác minh đã được xác định.</p>

#### **Điều chỉnh Ma trận thiết kế dự án lần 3 (ngày 1 tháng 4 năm 2018)**

Trong nửa sau của Dự án, Ma trận thiết kế dự án đã được kiểm tra và xem xét cẩn thận dựa trên tình hình hiện tại. Những thay đổi chính như sau. Phiên bản này đã được thông qua tại cuộc họp đầu tiên của Ban Chỉ đạo Dự án.

<b>Phiên bản 2</b>	<b>Phiên bản 3</b>	<b>Lý do sửa đổi</b>
Hợp phần 1		

Phiên bản 2	Phiên bản 3	Lý do sửa đổi
-	1-1-4-4 Hỗ trợ áp dụng thí điểm chi trả dựa trên kết quả thực hiện REDD+ của Quỹ Khí hậu Xanh	[Bổ sung] Trong nửa sau của Dự án (Giai đoạn 2), các bên liên quan, bao gồm cả phía Việt Nam, đã đồng ý hỗ trợ đăng ký chi trả dựa trên kết quả của Quỹ Khí hậu Xanh và đã được thêm vào như một hoạt động mới.
Hợp phần 2		
-	2-1-2-12; 2-2-3-12 Hoạt động 2-1-2-3 Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh	[Bổ sung] Các bên liên quan nhất trí tiến hành giám sát KHHĐ REDD+ cấp tỉnh trong giai đoạn hai của Dự án này.
Hợp phần 3		
Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần)  3. Các văn bản quy phạm pháp luật về kết quả thử nghiệm Thỏa thuận Quản lý Hợp tác tại các thôn mục tiêu đã được UBND tỉnh phê duyệt và ban hành với cam kết nhân rộng.	Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần)  3. Các văn bản quy phạm pháp luật về kết quả thử nghiệm Thỏa thuận Quản lý Hợp tác tại các thôn mục tiêu đã được UBND tỉnh phê duyệt và ban hành với cam kết nhân rộng.	[Bản sửa đổi một phần] Một bản sửa đổi đã được thực hiện để quá trình phê duyệt của chính phủ là phù hợp. Ngoài ra, thuật ngữ "tài liệu" đã được thay đổi thành một cách diễn đạt thích hợp, vì tài liệu chỉ trở nên hợp pháp khi chúng được phê duyệt.
Phương tiện xác minh (Mục tiêu của hợp phần)  Văn bản pháp lý	Phương tiện xác minh (Mục tiêu thành phần, Kết quả 3-2)  Gửi thư cho BQL Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang kèm theo các tài liệu chính sách	[Sàng lọc] Phương tiện xác minh đã được xác định.
Các chỉ số xác minh khách quan (Đầu ra 3-1)  3-1-3 Các cuộc họp thường kỳ của hội đồng quản trị BR được triệu tập theo định kỳ với hơn xx2% tỷ lệ thành viên tham dự.	Các chỉ số xác minh khách quan (Đầu ra 3-1)  3-1-3 Ít nhất 80% các tổ chức cấp tỉnh có liên quan được liệt kê trong kế hoạch quản lý thực hiện và giám sát các hoạt động theo kế hoạch đã được phê duyệt.	[Sàng lọc] Để làm rõ thành tích của các hoạt động một cách cụ thể và chính xác hơn.

**Điều chỉnh Ma trận thiết kế dự án lần 4 (ngày 17 tháng 12 năm 2019)**

Ma trận thiết kế dự án đã được xem xét cẩn thận và sửa đổi phù hợp với tình hình hiện tại tại cuộc họp thường niên. Những thay đổi chính như sau. Phiên bản này đã được thông qua tại cuộc họp hàng năm 2019.

Phiên bản 3	Phiên bản 4	Lý do sửa đổi
Hợp phần 2		
Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần) Tại các xã thí điểm ở bốn (4) tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), thay đổi rừng thuần trong giai đoạn 2015-2020 tăng lên so với thay đổi rừng thuần bình quân trong giai đoạn 2010-2015. .	-	[Đã xóa] Chỉ số này tương tự như Chỉ số 2 của mục tiêu thành phần và Mức độ đạt được của mục tiêu có thể được đo lường bằng cách đo lường chỉ số 2. Ngoài ra, thiếu hình ảnh vệ tinh cho các phép đo dựa trên chỉ số này và cần phải có thêm đầu vào.
Hợp phần 3		
Các chỉ số xác minh khách quan (Mục tiêu của hợp phần)  5. Bản đồ mở rộng khu dự trữ sinh quyển đã được Ban quản lý BR-VT phê duyệt đề UBND tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận phê duyệt.	-	[Đã xóa] Một số tỉnh lân cận không đồng tình với việc mở rộng Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang.
3-1-11 Xây dựng bản đồ lộ trình (bao gồm kế hoạch quản lý 5 năm được đề xuất) để mở rộng Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang nhằm bao phủ các khu bảo tồn lân cận của các tỉnh lân cận.	-	[Đã xóa] Một số tỉnh lân cận không đồng tình với việc mở rộng BQL Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang.

**Điều chỉnh Ma trận thiết kế dự án lần 5 (ngày 29 tháng 7 năm 2020)**

Thời hạn Dự án đã được sửa đổi do thời gian Dự án kéo dài.

Phiên bản 4	Phiên bản 5	Lý do sửa đổi
Thời gian dự án: 2015-2020 (5 năm)	Thời gian dự án: 17/8/2015 - 31/1/2021	[Bản sửa đổi] Thời hạn Dự án đã được sửa đổi do thời gian Dự án kéo dài.

## **4. Hoạt động khác**

### **4-1 Kết quả về môi trường và xã hội (nếu có)**

Trong hoạt động thí điểm REDD + tại tỉnh Sơn La, một cuộc tham vấn cộng đồng đã được tổ chức tại bản Tông Bua (một bản trong khu tái định cư của đập), nơi chăn thả gia súc bị ảnh hưởng bởi các hoạt động trồng rừng của các bản lân cận. Bản này đồng ý với các hoạt động trồng rừng và Dự án hỗ trợ trồng cây ăn quả, cỏ thức ăn gia súc và ủ phân hữu cơ.

### **4-2 Kết quả về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói-giảm nghèo (nếu có)**

Tại các xã thí điểm ở bốn tỉnh Tây Bắc, khi các ủy ban quản lý rừng/phát triển sinh kế thôn bản được thành lập ở mỗi thôn, Dự án đã khuyến khích họ bao gồm các thành viên nữ vì tầm quan trọng của sự tham gia của phụ nữ trong việc ra quyết định và quản lý dự án. Kết quả là, phụ nữ chiếm khoảng 30% số thành viên ở tỉnh Hòa Bình và tỉnh Sơn La và khoảng 20% ở tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu, và ý kiến của phụ nữ được phản ánh trong quá trình ra quyết định.